Nguyên tác: **LA VIE DES MAITRES**
của **BAIRD T. SPALDING**
NGUYỄN HỮU KIỆT *Biên dịch*



Á CHÂU
HUYỀN BÍ

ẤN BẢN MỚI NHẤT


NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Mục lục

Á CHÂU HUYỀN BÍ

Baird T. Spalding
www.dtv-ebook.com

Chương 1

Cuộc gặp gỡ đầu tiên với vị Chân Sư- Ý nghĩa ngày lễ Giáng Sinh- Người có quyền năng xuất quỷ nhập thần- Thuật phân thân- Ngôi đền Im Lặng.

*

Trên thế giới ngày nay, những sách vở nói về các vấn đề huyền linh có rất nhiều, và việc sưu tầm thật sự về những bậc làm cho tôi cảm thấy khích lệ tinh thần để trình bày kinh nghiệm riêng của tôi về những đấng Chân Sư của phương Đông. Trong những chương sách này, tôi không có ý định diễn tả một tín ngưỡng hay một tôn giáo nào. Tôi chỉ đưa ra một tóm lược những kinh nghiệm cá nhân của mình về các đấng Chân Sư, để trình bày những chân lý căn bản trọng đại trong giáo lý của Ngài.

Để kiểm điểm lại tập du ký này, tôi đã dùng mất nhiều thời giờ cũng dài bằng cái thời gian dành cho cuộc hành trình khảo cứu. Thật vậy, các Chân Sư ở rải rác trên một vùng lục địa rộng lớn, và những cuộc sưu tầm về đạo lý của chúng tôi diễn ra trên một phần lớn các xứ Ấn Độ, Tây Tạng, Trung Hoa và Ba Tư.

Phái bộ sưu tầm của chúng tôi gồm có mười một nhà khoa học lỗi lạc, đã từng dành một phần lớn cuộc đời mình cho những công trình sưu khảo. Chúng tôi đã tập lấy thói quen không chấp nhận bất cứ việc gì mà không có sự phối kiểm lại chặt chẽ trước khi nhìn nhận việc ấy là đúng với sự thật. Khi đến tận nơi, chúng tôi hoàn toàn là những kẻ hoài nghi. Nhưng bận về, chúng tôi hoàn toàn bị thuyết phục và tin tưởng đến nỗi ba người trong nhóm chúng tôi đã trở lại chỗ cũ, quyết định ở lại cho đến khi họ có thể sống cuộc đời của các Chân Sư và thực hiện những công trình giống như của các Ngài.

Những vị Cao Cả đã đem đến một sự giúp đỡ lớn lao cho công việc sưu tầm của chúng tôi, luôn luôn yêu cầu chúng tôi chỉ nhắc đến các Ngài bằng những tên giả tạm, trong trường hợp chúng tôi viết hồi ký. Tôi sẵn

lòng tuân theo ý muốn của các Ngài. Tôi chỉ tường thuật lại những việc đã phối kiểm, và dùng những danh từ hay những thành ngữ của chính những nhân vật mà chúng tôi đã gặp gỡ và sống chung hằng ngày trong cuộc hành trình này.

Trong số những điều kiện tiên quyết được đặt ra cho sự hợp tác giữa chúng tôi với các Ngài, có điều này bắt buộc chúng tôi phải tuân theo: Chúng tôi phải chấp nhận như một sự thật mọi việc gì xảy ra mà chúng tôi đã chứng kiến tận mắt. Chúng tôi không được đòi hỏi một sự giải thích nào trước khi đã đi sâu vào bên trong của một vấn đề, đã nhận được những lời chỉ giáo của các Ngài, đã sống quan sát cuộc đời hằng ngày của các Ngài. Chúng tôi phải đi theo các Chân Sư, sống với các Ngài, và tự mình quan sát mọi sự. Chúng tôi có quyền ở lại với các Ngài bao lâu tùy ý, hỏi bất cứ điều gì, và đi sâu vào mọi vấn đề tùy ý muốn, rồi tự mình rút lấy những kết quả đã thu lượm được. Sau đó, chúng tôi được tự do quyết định rằng những điều mà chúng tôi đã nhìn thấy là sự thật hay ảo ảnh.

Các Ngài không bao giờ tìm cách ảnh hưởng đến sự

xét đoán của chúng tôi bất cứ về vấn đề gì. Các Ngài luôn luôn nghĩ rằng nếu chúng tôi quan sát chưa đúng mức để có được sự tin tưởng hoàn toàn, thì các Ngài không mong ước chúng tôi phải tin. Tôi cũng hành động y như vậy đối với quý vị độc giả, và để cho độc giả có quyền tự do tin hay không tin những chuyện kể lại sau đây, tùy sở thích của mỗi người.

Chúng tôi đã sang Ấn Độ được chừng hai năm, và hằng ngày theo dõi những công việc sưu tầm, thì một ngày nọ tôi gặp vị Chân Sư mà tôi xin mệnh danh là "Tuệ Minh". Ngày ấy tôi đang đi dạo chơi qua các đường trong thành phố, thì thấy có một đám đông làm cho tôi chú ý. Một đám quần chúng đang vây chung quanh một người thuật sĩ, thuộc loại các nhà đạo sĩ đi ta bà trò ảo thuật mà bên xứ này có rất nhiều. Tôi bước đến gần và ngay lúc đó tôi nhận thấy ở bên tôi một người đã trọng tuổi, với một phong độ khác thường, hẳn là không giống như những người khác trong đám đông.

Người ấy nhìn tôi và hỏi tôi sang Ấn Độ đã được bao lâu. Tôi đáp:

-Độ chừng hai năm.

Người ấy hỏi tiếp:

-Ông là người Anh?

Tôi đáp:

-Không, tôi là người Mỹ.

Ngạc nhiên và thích thú mà gặp một người nói được tiếng mẹ đẻ của mình, tôi mới hỏi Người nghĩ sao về cuộc biểu diễn của người thuật sĩ. Người ấy đáp:

-À! Ở xứ này thường vẫn có những cuộc biểu diễn như thế. Người ta gọi họ là thuật sĩ, đạo sĩ hay pháp sư, cái đó tùy. Nhưng ở đằng sau những trò ảo thuật đó, có ẩn dấu một thiểu số người biết được mà thôi. Có ngày người ta sẽ nhận thấy cái hay của các trò ảo thuật đó. Nhưng điều mà ông nhìn thấy chỉ là cái ảo ảnh của sự thật nguyên thủy. Việc đó đã từng gây nên nhiều tranh luận, nhưng các nhà tranh luận dường như chưa bao giờ nắm vững sự thật. Tuy nhiên, hẳn là phải có một sự thật ở đằng sau những cuộc biểu diễn đó.

Đến đây, chúng tôi chia tay từ biệt nhau và chỉ thỉnh thoảng mới gặp nhau trở lại trong bốn tháng sau đó. Kế đó, nhóm khoa học gia chúng tôi gặp phải một vấn đề khó khăn nó gây cho chúng tôi nhiều nỗi lo âu quan trọng. Vài ngày sau đó, tôi gặp lại Tuệ Minh.Người hỏi lý do những sự lo âu của tôi và nói với tôi về cái vấn đề khó khăn mà chúng tôi đang gặp phải. Tôi lấy làm ngạc nhiên, vì tôi chắc rằng không ai có thể biết gì về vấn đề này ngoài ra nhóm thiểu số chúng tôi. Người có vẻ thông thạo về tình hình của chúng tôi đến nỗi tôi có cảm rằng Người biết rõ tất cả vấn đề. Vì lẽ vấn đề ấy đã không còn là một điều bí mật nữa, nên tôi thấy không có hại gì mà nói ra một cách tự nhiên, và đó là điều mà tôi đã làm. Khi đó, Tuệ Minh mới nói với tôi rằng Người cũng biết ít nhiều về việc ấy và sẽ cố gắng giúp đỡ chúng tôi.

Một hai ngày sau đó, mọi việc đều được giải quyết thỏa đáng, và mọi sự lo âu cũng tiêu tan. Chúng tôi lấy làm ngạc nhiên, nhưng không bao lâu việc ấy đã lui dần vào trong quên lãng và chúng tôi không còn nghĩ đến nữa. Những vấn đề khó khăn khác lại xuất hiện, và tôi

thường có thói quen đem ra bàn luận một cách thân mật với Tuệ Minh. Dường như mọi nỗi khó khăn của chúng tôi liền biến mất khi tôi vừa đem ra giải quyết với người khách lạ.

Tôi bèn giới thiệu các bạn tôi cho Tuệ Minh, nhưng tôi không hề nói gì với họ về nhân vật lạ lùng này. Vào thời kỳ đó, tôi đã đọc nhiều sách do Ngài chọn lựa, nói về những truyền thống của nền văn minh Ấn Độ, và tôi đã hoàn toàn tin tưởng rằng là một vị Chân Sư. Sự tò mò của tôi đã bị kích thích, và sự thích thú của tôi càng ngày càng tăng thêm.

Một buổi trưa Chúa Nhật, tôi cùng đi dạo với đức Tuệ Minh trên một cánh đồng, thình lình Ngài chỉ cho thấy một con bồ câu đang bay lượn trên đầu chúng tôi. Tuệ Minh nói rằng con bồ câu đang tìm kiếm Ngài. Ngài bèn đứng yên một chỗ không cử động, và con bồ câu liền đáp xuống đậu trên một cánh tay của Ngài đưa ra. Đức Tuệ Minh nói rằng con chim này đem đến cho Ngài một thông điệp của người em trai hiện đang sống ở miền Bắc Ấn. Người này cũng là một vị cao sĩ cùng phái, nhưng chưa đạt tới trình độ tâm thức siêu đẳng để có

thể tiếp xúc với Ngài bằng thần giao cách cảm. Bởi vậy, Người mới phải dùng đến phương tiện giao thông này. Về sau, chúng tôi mới biết rằng các đấng Chân Sư có quyền năng giao cảm trực tiếp với nhau cấp thời bằng phương pháp di chuyển di tư tưởng; các Ngài còn cho biết rằng phương pháp này sử dụng một năng lực còn tế nhị tinh anh hơn là điện khí hay vô tuyến điện.

Tôi bắt đầu đưa ra những câu hỏi. Đức Tuệ Minh chứng minh cho tôi thấy rằng Ngài có thể kêu gọi loài chim đến với Ngài và điều khiển hướng bay của chúng, rằng các loài bông hoa, thảo mộc nghiêng về phía Ngài khi Ngài đi qua, và các loài thú dữ đến gần Ngài mà không sợ sệt. Có lần Ngài phân rẽ hai con sơn cẩu đang tranh mồi và cấu xé lẫn nhau. Khi Ngài bước đến gần, chúng nó bèn thôi không cắn nhau nữa, nằm đặt xuống cái đầu chúng một cách đầy tin tưởng trên hai bàn tay Ngài đưa ra, rồi mỗi con lại tiếp tục ăn phần thịt của mình một cách ôn hòa. Ngài lại còn bắt lấy một con đưa cho tôi cầm trên hai tay.

Sau đó Ngài nói:

-Cái Phàm Ngã hữu hình hữu hoại không thể làm được những việc này, mà đó là cái Chân Ngã thâm diệu hơn, cái mà anh gọi là Thượng Đế. Đó chính là Thượng Đế toàn năng ngự trong tôi, và trong tất cả muôn loài, chính Ngài biểu hiện xuyên qua tôi để làm những việc ấy. Do tôi, do cái Phàm Ngã hữu hoại của tôi, tôi không thể làm gì được. Tôi phải hoàn toàn gạt bỏ cái Phàm Ngã bên ngoài, để cho cái Chân Ngã bên trong tự biểu lộ và hành động. Bằng cách phát biểu toàn vẹn tình Bác Ái của Thượng Đế, tôi có thể làm những điều mà anh đã thấy. Bằng cách để cho tình Bác Ái biểu lộ xuyên qua mình và ban rải cho tất cả chúng sinh muôn loài, ta sẽ cảm hóa được thú dữ và không một tai họa nào có thể đến với ta nữa.

Vào thời kỳ đó, tôi thụ huấn hằng ngày về đạo lý với đức Tuệ Minh, có khi Ngài thình lình xuất hiện trong phòng tôi, dẫu rằng tôi đã khóa cửa lại cẩn thận. Lúc đầu, việc này làm cho tôi hoang mang bỡ ngỡ, nhưng không bao lâu tôi thấy rằng Ngài coi sự thông cảm của tôi về đó như là một chuyện đương nhiên. Tôi đã quen với những cách xử sự của Ngài và tôi mở cửa để cho

Ngài ra vào tự do. Sự tin cậy của tôi có vẻ làm cho Ngài hài lòng. Tôi không thể hiểu tất cả những lời dạy của Ngài và cũng không thể hoàn toàn chấp nhận những lời dạy đó, dẫu rằng tôi đã chứng kiến nhiều sự việc lạ lùng ở phương Đông, tôi cũng không bao giờ có thể chấp nhận mọi việc ngay lập tức. Tôi phải trải qua nhiều năm suy tư thiền định để nhận thức được ý nghĩa tâm linh sâu xa về cuộc đời của các đấng Chân Sư.

Các Chân Sư thực hiện những kỳ công của các Ngài mà không chút tự hào, với một thái độ giản dị hồn nhiên hoàn toàn như trẻ con. Các Ngài biết rằng năng lực của tình thương che chở các Ngài. Các Ngài nuôi dưỡng tình Bác Ái đến mức độ làm cho muôn loài trong cõi thiên nhiên đều cảm mến và trở nên thân thiện với các Ngài. Loài rắn và thú dữ giết chết hằng ngàn người mỗi năm ở Ấn Độ. Nhưng các Chân Sư biểu lộ tình Bác Ái bao la từ trong nội tâm các Ngài đến mức làm cho loài rắn và thú dữ đều trở nên vô hại.

Đôi khi các Ngài sống trong những vùng rừng thiêng nước độc, hoang vu hẻo lánh nhất. Đôi khi các Ngài cũng nằm phơi mình trước cổng một làng để che chở

làng ấy khỏi những tàn phá của làng ấy khỏi những tàn phá của thú dữ. Sau đó các Ngài đứng dậy đi an toàn và làng ấy được bình yên vô sự. Trong trường hợp cần thiết, các Ngài đi trên mặt nước, đi trên lửa đỏ, đi ngao du trên cõi vô hình, và làm nhiều việc lạ lùng khác mà chúng ta cho là nhiệm mầu, và chỉ có những người có quyền phép thần thông mới có thể làm được.

Có một sự giống nhau lạ lùng giữa cuộc đời và giáo lý của Đức Jesus với cuộc đời và giáo lý mà đấng Chân Sư từng nêu gương cho chúng ta hằng ngày. Người ta cho là con người không thể nào lấy bánh mì trực tiếp từ kho Tiên Thiên Khí tự nhiên của Trời Đất, thắng đoạt Tử Thần, và làm những phép lạ như Đức Jesus đã làm trong kiếp hóa thân của Ngài. Các đấng Chân Sư vẫn thường làm những việc ấy. Tất cả các Ngài cần dùng hằng ngày,như đồ thực vật, áo quần và tiền bạc, các Ngài đều rút lấy từ trong kho Tiên Thiên Khí tự nhiên. Các Ngài đã thắng đoạt sự chết và có nhiều vị trong các Ngài sống đã trên năm trăm năm. Chúng tôi có đủ bằng chứng quyết định do những tài liệu riêng của các Ngài cung cấp. Vài môn phái ở Ấn Độ dường như xuất xứ

giáo lý Huyền Môn của các Ngài. Các Chân Sư chỉ gồm có một thiểu số rất ít ở Ấn Độ. Bởi đó, số đệ tử của các Ngài lẽ tất nhiên là rất có giới hạn. Nhưng các Ngài có thể tiếp xúc với một số rất nhiều đệ tử trong cõi vô hình. Dường như phần lớn công việc của các Ngài là hoạt động trong cõi vô hình để giúp đỡ tất cả các linh hồn thụ cảm đối với giáo lý Huyền Môn.

Giáo lý của Chân Sư Tuệ Minh là nền tảng của công việc mà chúng tôi sẽ thực hiện nhiều năm về sau, trong cuộc hành trình lần thứ ba của chúng tôi sang các xứ ấy. Cuộc hành trình này kéo dài đến ba năm rưỡi, trong thời gian đó chúng tôi luôn luôn sống chung với các đấng Chân Sư, cùng di chuyển khắp nơi với các Ngài, cùng quan sát cuộc đời và công việc hằng ngày của các Ngài ở Ấn Độ, Tây Tạng, Trung Hoa và Ba Tư.

*

Cuộc hành trình lần thứ ba của chúng tôi có mục đích sưu tầm về đạo lý. Trước ngày lên đường, các đoàn viên chúng tôi họp tại Potal, một làng nhỏ Ấn Độ ở một nơi hẻo lánh. Tôi đã viết thư báo tin trước cho đức Tuệ

Minh rằng chúng tôi sắp đến, nhưng không nói gì về mục đích cuộc hành trình có bao nhiêu người đi. Khi đến nơi, chúng tôi vô cùng ngạc nhiên mà thấy đức Tuệ Minh và các cộng sự viên đã chuẩn bị sẵn chỗ ăn ở cho toàn thể phái đoàn và biết rõ các kế hoạch của chúng tôi từng chi tiết. Đức Tuệ Minh đã từng giúp đỡ chúng tôi rất nhiều ở miền Nam Ấn, nhưng từ giờ phút này trở đi thì sự trợ giúp của Ngài không sao kể hết. Tất cả sự thành công của cuộc hành trình đều do nơi Ngài mà có, và cũng nhờ các linh hồn cao quý mà chúng tôi gặp gỡ dọc đường.

Chúng tôi đến Potal, khởi điểm của cuộc hành trình, chiều ngày 22 tháng 12 năm 1894. Ngày lên đường, cũng là ngày đáng ghi nhớ nhất trong đời chúng tôi, là sáng ngày lễ Giáng Sinh. Tôi không bao giờ quên những lời mà đức Tuệ Minh nói với chúng tôi sáng ngày hôm ấy. Tuy rằng Ngài không tự hào có một nền học vấn của người Anh và không hề rời khỏi phương Đông, Ngài vẫn nói trôi chảy tiếng Anh. Ngài nói:

-Hôm nay là ngày lễ Giáng Sinh. Ngày này nhắc nhở với các bạn sự Giáng Sinh của Đức Jesus ở Nazareth,

tức đấng Christ. Chắc hẳn các bạn nghĩ rằng Ngài giáng thế để chuộc tội cho nhân loại và Ngài là vị Trung Gian cao cả giữa các bạn và Chúa Trời. Các bạn cầu nguyện Đức Jesus như một vị cứu rỗi để xin tội giùm với một đấng Chúa Trời nghiêm khắc, đôi khi thịnh nộ, ngồi chễm chệ ở một nơi nào đó trên cõi Trời. Tôi không biết cõi Trời đó ở nơi nào, nếu không phải là ở trong lương tri của các bạn. Dường như các bạn chỉ có thể đạt tới Chúa Trời do sự trung gian của đức Con Ngài, một vị ít nghiêm khắc và dễ cảm mến hơn, đấng Cao Cả mà tất cả chúng ta gọi là đấng Trọn Lành, mà ngày hôm nay là ngày kỷ niệm sự Giáng Sinh của Ngài xuống thế gian.

Đối với chúng ta, ngày nay còn có ý nghĩa sâu xa hơn nhiều. Nó không những chỉ nhắc nhở ngày giáng trần của Đức Jesus, mà còn tượng trưng sự xuất hiện của Đấng Christ trong lương tri của mỗi người. Ngày lễ Giáng Sinh có nghĩa là ngày nhập thế của đức Chưởng Giáo đã giải thoát nhân loại khỏi mọi sự hệ lụy và giới hạn của vật chất. Đấng Cao Cả ấy giáng trần để chỉ cho chúng ta con đường đưa đến Thượng Đế toàn năng, toàn thông và toàn trí... Khi một người đã tiếp xúc được với

nguồn cảm hứng thiêng liêng và đã phổ biến những ý nghĩ thiêng liêng ấy bằng lời nói, phải chăng những người khác cũng có thể tiếp xúc với cái nguồn cảm hứng đó, nó vẫn hằng có trong Vũ Trụ càn khôn? Khi một người đã nhận được sự cảm hứng thiêng liêng, nó không phải là vật sở hữu riêng của y. Nếu y bắt được cái nguồn ân huệ đó rồi giữ lấy cho riêng mình, y đâu còn chỗ trống để tiếp nhận thêm những ân huệ trước nữa? Muốn thọ lãnh thêm nhiều hơn nữa, ta phải cho đi những gì mình đã nhận được. Nếu ta giữ lấy để làm của riêng, thì sẽ có sự bế tắc, ứ đọng ngay. Điều này giống như cái bánh xe vận chuyển bằng sức nước trong một nhà máy thủy điện. Nếu thình lình cái bánh xe giữ lại cái giòng nước đã làm cho nó vận chuyển và xoay vòng, thì nó sẽ bị ngưng trệ ngay lập tức. Nó phải để cho nước chảy lưu thông tự do thì nó mới trở nên hữu dụng và tạo nên điện lực. Con người cũng vậy. Khi y tiếp nhận được nguồn cảm hứng thiêng liêng của Thượng Đế ban cho, y phải phổ biến những tư tưởng tốt lành ấy mới có thể hưởng thụ được điều lợi ích của nó. Y phải để cho mỗi người có dịp hưởng thụ và phổ biến những tư tưởng thiêng liêng để tiến triển tâm linh cũng y như vậy.

Theo ý tôi, tất cả những gì đến với Đức Jesus đều là một sự ban ân trực tiếp của Thượng Đế, cũng như đó là trường hợp của tất cả các bậc đại giáo chủ. Thật ra, phải chăng tất cả đại sự đều xuất xứ từ Thượng Đế, và điều gì mà một người đã làm thì những người khác cũng có thể làm được? Các bạn hãy tin rằng Thượng Đế luôn luôn muốn tự biểu lộ và sẵn sàng làm như vậy, như Ngài đã làm đối với Đức Jesus và những vị khác. Chúng ta chỉ cần có sự mong muốn để cho Ngài hành động. Thật ra, chúng ta tin rằng tất cả đều bình đẳng. Tất cả mọi người đều là một. Mỗi người đều có thể thực hiện những công trình giống như của Đức Jesus và sẽ thực hiện những công trình ấy khi thời giờ đã điểm. Không có gì là bí mật hay huyền diệu trong những công trình đó. Sự bí mật chỉ có trong cái ý niệm vật chất mà loài người đã gán cho các sự việc ấy.

Các bạn đến với chúng tôi với ít nhiều sự hoài nghi. Chúng tôi tin rằng các bạn sẽ ở lại đây để nhìn xem tận mắt chúng tôi là như thế nào. Còn những công việc làm của chúng tôi và kết quả của những việc ấy ra sao, thì các bạn có trọn quyền tự do chấp nhận hay bác bỏ tùy

ý...

*

Chúng tôi từ giã Potal đi Asmah, một làng nhỏ hơn ở cách đó độ 150 cây số. Đức Tuệ Minh chỉ định hai người thanh niên để dẫn đường cho chúng tôi. Cả hai người này đều là người Ấn Độ tốt tướng và khỏe mạnh. Họ đảm trách việc hướng dẫn cuộc hành trình một cách thông thạo và hoàn toàn chu đáo mà chúng tôi chưa từng thấy bao giờ. Để tiện việc, tôi xin gọi họ bằng những tên tạm là Dật Sĩ và Nê Bưu. Chân Sư Tuệ Minh cao tuổi hơn họ rất nhiều. Dật Sĩ là người đứng ra chỉ huy cuộc hành trình, còn Nê Bưu, phụ tá của y, coi sóc việc thừa hành mọi mệnh lệnh. Đức Tuệ Minh kiếu từ chúng tôi và nói:

-Các bạn hãy đi trước, đã có Dật Sĩ và Nê Bưu dẫn đường. Tôi sẽ ở lại đây thêm vài ngày, vì với phương tiện di chuyển hiện tại, các bạn phải mất ít nhất là năm ngày mới đến trạm sắp tới ở cách đây 150 cây số. Tôi không cần mất nhiều thời giờ như vậy để vượt qua chặn đường ấy, nhưng tôi sẽ có mặt tại đó để đón các bạn. Các bạn

hãy để lại đây một người đoàn viên để quan sát và kiểm điểm mọi việc có thể xảy ra. Các bạn sẽ có rộng thời giờ, và người đoàn viên ở lại sẽ theo kịp các bạn trong mười ngày là cùng. Chúng tôi chỉ yêu cầu y quan sát mà thôi, và tường thuật lại cho các bạn những gì y đã thấy.

Chúng tôi bèn lên đường. Dật Sĩ và Nê Bưu lãnh trách nhiệm điều khiển mọi việc một cách hoàn toàn chu đáo. Mọi việc đều được giải quyết êm đẹp vào đúng lúc với một tiết điệu và một sự đúng đắn toàn hảo. Tình trạng đó vẫn tiếp tục trong ba năm rưỡi suốt thời gian của cuộc hành trình.

Dật Sĩ có một bản tính thanh cao thiên phú, dễ thương, làm việc hữu hiệu, không khoe khoang, khoác lác. Y ra tất cả mọi chỉ thị với một giọng hòa nhã, và được tuân theo một cách đúng đắn và kịp thời nó làm cho chúng tôi ngạc nhiên. Từ lúc đầu, chúng tôi đã nhận thấy tính hạnh tốt đẹp của y và chúng tôi vẫn thường khen ngợi.

Nê Bưu cũng có một đức hạnh tốt đẹp không kém, và dường như còn có khả năng hiện diện ở khắp nơi.

Luôn luôn bình tĩnh, y có một năng xuất lạ lùng, với một khả năng suy gẫm và hành động rất vững vàng, chắc chắn. Mỗi người đều đã nhận thấy khả năng đó của y, và chúng tôi vẫn luôn luôn nhắc nhở đến.

Qua ngày thứ năm của chuyến đi này, vào độ bốn giờ chiều, chúng tôi đến làng Asmah. Như đã hẹn trước, đức Tuệ Minh đã có mặt tại đó để đón chúng tôi. Quý vị độc giả có thể tưởng tượng sự ngạc nhiên của chúng tôi như thế nào. Chúng tôi đến đây do một con đường duy nhất có thể đi được và bằng những phương tiện di chuyển mau chóng nhất. Chỉ có những bưu tín viên thiện nghệ người bổn xứ, đi luân phiên nhau từng chặng đường và đi suốt ngày đêm mới có thể đi mau hơn. Còn đây là một người mà chúng tôi cho là đã có tuổi và tuyệt đối không thể nào đi mau hơn chúng tôi trên một quãng đường dài một trăm năm chục cây số, nhưng lạ thay, người ấy lại đến trước chúng tôi và có mặt ở tại chỗ. Trong cơn thắc mắc, lẽ tự nhiên chúng tôi hỏi đức Tuệ Minh rất nhiều điều, và Ngài trả lời như sau:

-Khi các bạn sắp sửa lên đường, tôi có nói rằng tôi sẽ có mặt tại đây để đón các bạn, và tôi đã đến đây. Tôi xin

đặc biệt lưu ý các bạn về điểm này là con người vốn toàn năng khi y tiến hóa trong cái chân lãnh vực của mình. Y không còn bị giới hạn trong thời gian và không gian. Khi y tự biết mình, không cần phải lê gót chân chậm chạp dọc đường trong năm ngày để vượt qua một trăm năm chục cây số. Trong cái địa hạt chân thật của y, trong khoảng khắc con người có thể vượt qua mọi quãng đường dầu xa bao nhiêu. Chỉ mới lúc nãy đây, tôi còn ở tại làng Potal mà các bạn đã từ giã ra đi cách đây năm ngày. Thể xác tôi hãy còn nằm yên tại đó. Người đoàn viên mà các bạn đã để lại Potal sẽ nói cho các bạn biết rằng tôi đã nói chuyện với y cho đến gần bốn giờ chiều, khi ấy tôi nói rằng tôi đi đón các bạn, vì chắc các bạn đã gần đến nơi. Người đoàn viên ấy hãy còn nhìn thấy thể xác bất động của tôi tại đó. Tôi chỉ làm như vậy để cho các bạn thấy rằng chúng tôi có thể rời khỏi Thể Xác để gặp lại các bạn bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào. Dật Sĩ và Nê Bưu cũng có thể di chuyển bằng cách đó như tôi. Nhưng nhờ vậy các bạn sẽ hiểu rõ hơn rằng chúng tôi cũng vẫn là những người thường, cũng xuất xứ từ một nguồn gốc như các bạn. Không có gì bí mật cả. Chúng tôi chỉ có phát triển những năng lực mà

Thượng Đế toàn năng đã ban cho tất cả chúng ta. Thể xác tôi sẽ nằm tại chỗ cũ cho đến chiều tối. Kế đó, tôi sẽ đem nó về đây, và người đoàn viên nọ cũng sẽ ra đi cùng một con đường của các bạn. Y sẽ đến đây vào đúng lúc. Chúng ta sẽ nghỉ một ngày, rồi đi đến một làng nhỏ cách đây chừng một ngày đường. Chúng ta sẽ trở lại đây để đón người đoàn viên nọ và để nghe y tường thuật lại mọi việc. Chúng ta sẽ tụ họp lúc chiều nay tại nhà trọ và tạm thời chúng ta hãy chia tay.

Chiều đến, chúng tôi tề tựu đông đủ tại nhà trọ. Vì thời tiết lạnh trên miền núi nên chúng tôi để cửa phòng khép kín. Thình lình đức Tuệ Minh xuất hiện trong phòng họp mà không cần mở cửa, và nói:

-Các bạn vừa thấy tôi xuất hiện trong gian phòng này bằng một cách mà người ta gọi là nhiệm mầu. Nhưng sự thật, không có gì là mầu nhiệm cả. Để tôi làm một cuộc thí nghiệm nhỏ mà các bạn sẽ tin bởi vì các bạn có thể nhìn thấy tận mắt. Mời các bạn hãy bước lại gần. Đây là một cái ly nhỏ đựng nước mà các bạn vừa múc ở dưới suối lên. Một cục nước đá nhỏ li ti đang tượng hình ở giữa ly nước. Các bạn hãy nhìn xem nó càng lớn dần do

sự kết nạp thêm nhiều cục nước đá khác. Và bây giờ thì tất cả ly nước đều đông đặc. Tại sao vậy? Đó là vì tôi duy trì trong chất Tiên Thiên Khí những phân tử trung ương của chất nước cho đến khi chúng đông đặc lại. Nói một cách khác, tôi đã hạ thấp những rung động của chúng đến mức làm cho chúng trở thành nước đá, và những phân tử chung quanh cũng đều đông đặc lại cho đến khi tất cả đều trở thành một khối nước đá. Nguyên tắc ấy cũng áp dụng cho một ly nước uống, một bồn nước tắm, một cái ao, hồ, biển, và toàn thể các đại dương trên quả địa cầu. Nhưng việc gì sẽ xẩy ra? Phải chăng tất cả sẽ đông đặc lại, nhưng vì mục đích gì? Không vì mục đích gì cả. Bởi nguyên động lực nào? Đó là sự vận chuyển một định luật thiên nhiên, nhưng nhằm sự ích lợi gì? không có lợi ích gì cả.

Nếu tôi vẫn cứ tiếp tục cho đến cùng, việc gì sẽ xẩy đến? Sự phản ứng. Phản ứng vào ai? Vào tôi. Tôi biết rõ luật Trời. Điều mà tôi gây ra sẽ dội ngược trở lại vào tôi cũng chắc chắn như là khi tôi gây nó ra vậy. Bởi đó, tôi chỉ gây những điều lành, và điều lành sẽ trở lại với tôi. Các bạn thấy rằng nếu tôi cứ tiếp tục gây sự giá lạnh

chung quanh tôi, sự đông giá sẽ phản ứng vào mình tôi trước khi tôi kết thúc, và tôi sẽ bị chết cóng, đó là cái kết quả mà tôi gặt hái được do việc làm của mình. Trái lại nếu tôi chỉ làm việc lành, tôi sẽ gặt hái kết quả của việc lành ấy một cách trường cửu.

Sự xuất hiện của tôi chiều nay trong gian phòng này có thể giải thích một cách tương tự. Trong gian phòng nhỏ của tôi ở, tôi đã nâng cao những rung động của thể xác tôi cho đến khi nó trở về chất Tiên Thiên Khí và tôi giữ nó ở đó. Đó tức là tôi trả cái Thể Xác tôi lại cho thiên nhiên, là cái kho chứa đựng mọi tinh lực vật chất. Kế đó, do bởi ý chí thiêng liêng (Atma) tôi giữ cái Thể Xác tôi trong tư tưởng cho đến khi tôi hạ thấp những rung động của nó và để cho nó tượng hình trở lại ngay trong gian phòng này mà bây giờ các bạn có thể nhìn thấy. Có gì là bí mật đâu? Phải chăng tôi đã xử dụng cái quyền năng, hay cái định luật mà Thượng Đế đã ban cho tôi xuyên qua cái Chân Ngã linh diệu? Cái Chân Ngã đó phải chăng là anh, là tôi, là tất cả nhân loại? Có sự mầu nhiệm nào đâu? Quả thật là không có.

Các bạn vừa thấy những gì đã được thực hiện ở đây,

và các bạn còn đang ngờ vực chính đôi mắt của mình, tôi không trách các bạn điều đó. Tôi nhìn thấy trong tư tưởng các bạn có vài người đang nghĩ rằng đây chắc là một cuộc thôi miên. Như vậy là trong số các bạn có người không tin rằng họ có thể sử dụng tất cả những khả năng thiên phú của Thượng Đế ban cho mà họ vừa thấy biểu lộ lúc chiều nay. Phải chăng họ tin rằng tôi đã chế ngự tư tưởng hay thị giác của họ? Phải chăng các bạn tin rằng tôi đã làm một cuộc thôi miên tập thể vì tất cả các bạn đều thấy những gì xảy ra? Các bạn có nhớ chăng trong Thánh Kinh có thuật lại rằng Đức Jesus đã từng xuất hiện trong một gian phòng mà các cửa đều đóng kín? Tôi đã làm y như Ngài. Các bạn có thể nghĩ rằng Đức Jesus, bậc đại giáo chủ, lại cần phải dùng đến phép thôi miên hay sao? Ngài đã dùng các quyền năng mà Thượng Đế ban cho Ngài, như tôi đã làm chiều nay. Tôi không có làm gì mà mỗi người trong các bạn đều không thể làm được. Và không phải chỉ có các bạn mà thôi đâu. Mỗi người sinh ra trên thế gian này đều có những quyền năng tương tự. Tôi ước mong sao tất cả đều rõ ràng minh bạch trong tư tưởng của các bạn. Các bạn là những nhân vật có cá tính, chứ không phải là

những người thụ động, vô tri giác. Các bạn có quyền tự do ý chí của mình. Đức Jesus không cần phải thôi miên ai cả và chúng tôi cũng thế. Các bạn hãy cứ nghi ngờ chúng tôi bao nhiêu tùy ý, cho đến khi nào các bạn đã dứt khoát tư tưởng. Nhưng bây giờ, thì các bạn hãy gạt bỏ ý nghĩ về sự thôi miên, hoặc ít nhất hãy để yên nó một chỗ cho đến khi các bạn đã đi sâu vào vấn đề. Chúng tôi chỉ yêu cầu các bạn hãy giữ một tinh thần cởi mở...

*

Cuộc di chuyển sắp tới của chúng tôi là một chuyến khứ hồi theo chiều ngang (chúng tôi còn trở về chỗ cũ trước khi tiến xa hơn nữa). Bởi đó chúng tôi để lại tại chỗ các đồ hành lý và sáng ngày hôm sau chúng tôi lên đường đi đến một làng nhỏ ở cách đó chừng ba mươi lăm cây số. Chỉ có Dật Sĩ đi theo chúng tôi. Con đường mòn rất quanh co, khúc khuỷu, và đôi khi rất khó theo dõi xuyên qua rừng rậm. Vùng này là một vùng núi non cheo leo hiểm trở, và con đường mòn này dường như không có người đi.

Đôi khi chúng tôi phải mở đường đi xuyên qua những đám nho rừng. Mỗi lần chậm trễ, Dật Sĩ tỏ vẻ bực bội. Chúng tôi lấy làm ngạc nhiên về điều đó vì y thường là người rất bình tĩnh trong mọi việc. Đó là lần đầu tiên và cũng là lần chót trong khoảng thời gian ba năm rưỡi sống chung giữa chúng tôi, mà y đã mất sự bình tĩnh. Về sau chúng tôi mới hiểu lý do.

Chúng tôi đi đến mục tiêu ngay chiều hôm ấy, vừa mệt vừa đói, vì chúng tôi đã đi suốt ngày, chỉ nghỉ có một lúc ngắn để ăn buổi trưa.

Nửa giờ trước khi mặt trời lặn, chúng tôi bước vào làng nhỏ, làng này có độ hai trăm dân cư. Khi họ nghe nói có Dật Sĩ đi theo trong đoàn du khách, tất cả dân làng già trẻ bé lớn, đem theo cả thú vật nhà, đều ra tiếp đón chúng tôi.

Tuy rằng chúng tôi là mục tiêu sự tò mò của dân làng, nhưng sau đó chúng tôi nhận thấy rằng sự chú ý của họ tập trung vào Dật Sĩ. Mỗi dân làng đều chào Dật Sĩ một cách tôn kính. Sau khi y đã nói vài lời, phần nhiều dân làng đều trở về với công việc hằng ngày của

họ. Dật Sĩ hỏi xem chúng tôi có muốn đi theo y chăng, trong khi người ta dựng lều cắm trại để nghỉ ban đêm. Năm người trong chúng tôi trả lời rằng họ muốn ở lại để nghỉ ngơi sau một ngày mệt nhọc. Những người khác và vài dân làng đi theo Dật Sĩ đến tận ven rừng ở chung quanh làng.

Chúng tôi đi sâu vào rừng, và không bao lâu, chúng tôi thấy có một người nằm sóng sượt dưới đất. Thoạt tiên chúng tôi tưởng rằng đó là một xác chết, nhưng nhìn kỹ chúng tôi nhận thấy đó là tư thế nằm của một người đang ngủ chứ không phải là một tử thi. Gương mặt người ấy lại là Dật Sĩ, điều này làm cho chúng tôi lặng người vì kinh hoàng! Thình lình, trong khi Dật Sĩ bước đến gần, thì Thể Xác ấy cử động và đứng dậy. Thể Xác ấy và Dật Sĩ đứng đối diện với nhau trong một lúc. Không thể nào có sự lầm lẫn được nữa: cả hai người đều là Dật Sĩ! Rồi bỗng nhiên, chàng Dật Sĩ đi theo chúng tôi biến mất, và chỉ còn có một người đứng trước mặt chúng tôi. Sự việc ấy diễn ra rất mau chóng, và điều lạ lùng là không ai hỏi điều gì cả.

Lúc ấy, năm người còn ở lại sau cũng vừa chạy đến

nơi, mà không ai kêu họ đến. Về sau, chúng tôi hỏi tại sao họ đến nơi, thì họ trả lời:

-Chúng tôi không biết. Chúng tôi chỉ nhớ lại rằng chúng tôi đang chạy đến đây với các anh. Chúng tôi không nhớ rằng có ai kêu gọi chúng tôi đến. Chúng tôi chỉ thấy rằng mình đang chạy, và chúng tôi chỉ thấy rằng mình đang chạy, và chúng tôi đã chạy xa trước khi biết rằng mình đang làm gì.

Một người trong chúng tôi kêu lên:

-Đôi mắt tôi mở lớn đến nỗi tôi nhìn thấy cõi giới bên kia cửa Tử. Biết bao nhiêu điều mầu nhiệm lạ lùng được tiết lộ cho tôi, làm cho tôi không kịp suy nghĩ gì cả.

Một người khác nói:

-Tôi thấy toàn thể thế giới đã thắng đoạt được Tử Thần. Khi đó một câu trong sách hiện ra trong trí tôi một cách rõ ràng và sáng chói: "Kẻ thù cuối cùng của loài người, Sự Chết, sẽ bị loại trừ". Phải chăng những lời này đã được thực hiện? Chúng ta có một trí khôn rất

tầm thường nhỏ nhen so với cái quan niệm lớn lao vĩ đại đó, tuy vậy nó thật là giản dị biết bao. Và chúng ta đã dám tự cho mình là những khối óc thông minh tuyệt vời. Chúng ta chỉ là những phường trẻ con. Tôi bắt đầu hiểu những lời này: "Các ngươi phải tái sinh trở lại". Những lời này thiệt là chí lý biết bao!

Độc giả có thể tưởng tượng sự ngạc nhiên và ngơ ngác của chúng tôi. Đây là một người đã đi cùng với chúng tôi và giúp đỡ chúng tôi hằng ngày, người ấy lại có thể nằm phơi mình trên mặt đất để bảo vệ cho một thôn ấp và đồng thời tiếp tục công việc phụng sự một cách chu đáo và toàn hảo ở một nơi khác. Chúng tôi bị bắt buộc phải nhớ lại câu nói trong Thánh Kinh: "Người cao cả nhất trong các ngươi, là người nào dốc lòng phụng sự kẻ khác". Kể từ khi đó, tất cả chúng tôi không ai còn sợ chết nữa.

Dân bổn xứ có thói quen đặt một xác người nằm trong rừng rậm trước một thôn ấp, khi mà trong vùng có nạn xâm lăng quấy nhiễu bởi những phần tử bất hảo đi hai chân hoặc bốn chân. Nhờ đó, làng mạc khỏi bị trộm cướp hay thú dữ khuấy phá, và được an toàn như ở

giữa nơi đô thị. Thể Xác của Dật Sĩ hiển nhiên là đã nằm tại đó trong một trong một thời gian rất lâu. Đầu tóc của y đã mọc loạn xạ và có chứa những ổ chim, đó là một loại chim nhỏ đặc biệt của vùng này. Giống chim này đã làm tổ trên đầu y, nuôi những chim non cho đến khi chúng lớn lên và bay đi mất; đó là cái bằng chứng tuyệt đối về thời gian mà xác thân của Dật Sĩ đã nằm yên bất động tại đó. Giống chim này rất nhát gan, mỗi cử động nhẹ cũng làm cho chúng sợ sệt và dọn ổ đi nơi khác. Điều này chứng tỏ rằng chúng đã đặt sự mến yêu và tin cậy vào nơi chúng đã làm ổ.

Giống cọp núi ăn thịt người gieo tai họa khủng khiếp trong đám dân làng đến nỗi đôi khi họ bỏ hết mọi sự chống cự và tin rằng định mệnh của họ là bị cọp ăn. Giống cọp này đột nhập vào làng xóm và chọn mồi để ăn thịt. Chính ở trước một thôn ấp này, ở giữa chốn rừng sâu hoang vắng, mà chúng tôi nhìn thấy Thể Xác của một người khác cũng nằm dưới đất vì mục đích bảo vệ xóm làng. Dân làng này đã bị cọp ăn thịt mất gần hai trăm người. Chúng tôi thấy một trong những con cọp này bước đi một cách vô cùng thận trọng ngang qua

chân của Thể Xác nằm dưới đất. Hai người trong chúng tôi quan sát cái Thể Xác này trong gần ba tháng. Khi họ rời khỏi làng, Thể Xác ấy vẫn còn nằm yên tại chỗ và không có một tai nạn gì xảy đến cho dân làng. Chính người này về sau đã tháp tùng với phái đoàn chúng tôi trong chuyến hành trình sang Tây Tạng.

Đêm đó, trong trại chúng tôi có một sự xúc động mãnh liệt đến nỗi không ai nhắm mắt ngủ được, trừ ra Dật Sĩ. Y ngủ thẳng giấc như một đứa trẻ nhỏ. Thỉnh thoảng, một người trong chúng tôi ngồi dậy nhìn xem y ngủ, rồi lại nằm xuống và nói với người nằm bên cạnh.

-Anh hãy véo tôi một cái để xem có phải thật là tôi đang tỉnh giấc hay không!

*

Vì chúng tôi có rất nhiều công việc phải hoàn thành trước khi vượt qua dãy Tuyết Sơn, nên làng Asmah là nơi căn cứ tốt nhất của chúng tôi. Người bạn mà chúng tôi đã để lại ở Potal để quan sát đức Tuệ Minh cũng đã về đến nơi. Y thuật lại rằng y đã nói chuyện với đức Tuệ

Minh cho đến gần bốn giờ chiều ngày mà Ngài hẹn có mặt tại chỗ đến tiếp đón chúng tôi ở Asmah. Vào lúc đó đức Tuệ Minh nói rằng Ngài phải đi ngay đến chỗ hẹn. Thể Xác Ngài bèn trở nên cứng đơ, nằm yên như người ngủ trên nệm. Ngài nằm trên tư thế đó độ chừng ba tiếng đồng hồ, cái Thể Xác trở nên lu mờ dần và biến mất. Đó là giờ phút mà đức Tuệ Minh tiếp đón chúng tôi vào buổi chiều tại quán trọ làng Asmah.

Mùa này chưa thuận tiện để cho chúng tôi vượt qua các truông núi. Ba người bạn cao cả của chúng tôi có thể vượt qua các đoạn đường núi một cách dễ dàng và mau chóng hơn chúng tôi nhiều, nhưng không có vị nào phàn nàn về sự chậm trễ này. Tôi gọi các vị ấy là cao cả, bởi vì họ thật sự xứng đáng với danh từ ấy do đức hạnh của họ.

Tại Asmah, chúng tôi đã xuất hành nhiều lần đi ra các vùng chung quanh, có khi thì đi với Dật Sĩ, có khi đi với Nê Bưu. Mỗi lần như vậy, họ đều chứng tỏ những đức tính quý báu. Một trong những chuyến ngao du này nhằm mục đích viếng thăm một làng trong đó có một ngôi đền gọi là Đền Im Lặng. Làng này gồm có ngôi đền

và nhà cửa của những người giúp việc công quả trong đền. Trước kia, vùng này là nơi tọa lạc của một làng khác đã hầu như hoàn toàn bị tàn phá bởi các bịnh truyền nhiễm và loài thú dữ. Đức Tuệ Minh, dật Sĩ, Nê Bưu cùng đi với chúng tôi và nói cho chúng tôi biết rằng thuở xưa kia khi các Chân Sư đến viếng nơi này, các Ngài chỉ thấy có một thiểu số lưa thưa những người còn sống sót trong số ba ngàn dân cư trong làng. Các Ngài săn sóc họ, và sau đó những thú dữ và bịnh tật đều biến mất. Những kẻ sống sót mới cầu nguyện rằng trong trường hợp họ được bình yên, họ sẽ xin lập công quả suốt đời và phụng sự trong bất cứ công việc nào do Thượng Đế sắp đặt. Các Chân Sư bèn ra đi, và về sau khi các Ngài trở lại, các Ngài thấy ngôi đền này được dựng lên và những dân làng sống sót trước kia chăm lo việc công quả thờ phượng trong đền.

Đó là một ngôi đền rất đẹp, xây trên một ngọn đồi cao, ngự trị khắp vùng chung quanh. Đền xây bằng đá trắng và đã có từ sáu ngàn năm nay. Nó không bao giờ cần có một sự tu bổ nào.

Đức Tuệ Minh nói:

-Đây là ngôi Đền Im Lặng, tức là nơi chỗ của Quyền Năng, khi chúng ta đạt tới chỗ im lặng trong tư tưởng, chúng ta đến tại chỗ của quyền năng, nơi đó tất cả đều là sự hợp nhất, một quyền năng duy nhất, tức là Thượng Đế vậy. Quyền năng hao tán là động, quyền năng tập trung là tĩnh. Khi ta tập trung mọi sức mạnh vào một trung tâm tinh lực duy nhất, chúng ta tiếp xúc với Thượng Đế trong im lặng. Chúng ta hợp nhất với Ngài và do đó hợp nhất với mọi quyền năng. Đó là cái gia tài thừa kế của con người: "Thượng Đế và tôi chỉ là một".

Phương pháp duy nhất để hợp nhất với quyền năng của Thượng Đế là tiếp xúc một cách ý thức với Thượng Đế.

Điều này không thể thực hiện được từ bên ngoài, vì Thượng Đế xuất phát từ bên trong nội tâm.

Chúng ta hãy từ bỏ ngoại cảnh để quay về sự yên tĩnh của nội tâm. Nếu không như vậy, chúng ta không thể hy vọng hợp nhất một cách ý thức với Thượng Đế. Chúng ta sẽ hiểu rằng quyền năng của Ngài cũng ở trong tầm tay chúng ta, và chúng ta sẽ luôn luôn sử dụng

quyền năng ấy. Chừng đó, chúng ta sẽ biết rằng chúng ta hợp nhất với quyền năng của Ngài và chúng ta sẽ cảm thông với nhân loại. Con người sẽ từ bỏ những ảo giác của lòng tự ái, sẽ nhận thức được sự vô minh và hèn kém của mình, và sau cùng sẽ sẵn sàng chịu học hỏi. Y sẽ thấy rằng người ta không thể truyền dạy điều gì cho những kẻ kiêu căng tự phụ, và chỉ có những người có lòng khiêm tốn nhỏ nhoi mới có thể hiểu được Chân Lý. Hai chân y sẽ đứng vững trên một nền tảng cứng rắn, y sẽ không còn hoang mang bấp bênh nữa, y sẽ có ý thức về sự quân bình và lòng cương nghị...

Thượng Đế không nghe những lời cầu xin tuôn tràn như suối của chúng ta, cũng không nghe những lời kêu gọi thiết tha ầm ĩ lập đi lập lại nhiều lần một cách vô ích. Chúng ta phải tìm kiếm Ngài bằng cái Chân Ngã trong nội tâm, đó là sự liên lạc vô hình giữa ta với Ngài mà ta vốn có sẵn ở tự nơi mình. Ngài nghe lời kêu gọi của linh hồn chân thành cởi mở để tiếp đón Ngài, nếu người cầu xin biết sùng kính Ngài bằng tâm hồn và trong im lặng. Người nào tiếp xúc với Thượng Đế trong âm thầm sẽ nhận biết được quyền năng của Ngài do sự thực hiện

được tất cả những điều mong ước của họ. Vì Thượng Đế công khai ban thưởng cho kẻ nào tìm kiếm Ngài trong chỗ thâm sâu kín đáo của tâm hồn.

Trong một cơn linh ảnh hiện ra trước mắt Đức Jesus trong bãi sa mạc, Ngài thấy "các cõi Trời rộng mở" và thấu hiểu cái định luật "biểu lộ", theo đó những ý niệm có sẵn trong Tư Tưởng Thiêng Liêng sẽ xuất hiện ra để biểu lộ trong những hình thể sắc tướng. Luật này được tiết lộ cho Ngài một cách hoàn toàn, đến nỗi Ngài thấy rằng Ngài có thể biến đổi tất cả mọi hình thể bằng cách điều chỉnh những trạng thái tâm thức của mình đối với chúng.

Trước hết Ngài có ý muốn biến đổi những hòn đá tảng thành bánh mì để ăn cho dịu bớt cơn đói lòng. Nhưng trong khi đó, Ngài cũng tiếp nhận được sự diễn đạt đúng đắn về "luật biểu lộ". Các viên đá tảng, cũng như tất cả mọi vật hữu hình, đều xuất xứ từ cái Chất Liệu của Tư Tưởng Thiêng Liêng, tức là Thượng Đế. Chúng nó là những biểu lộ thật sự của Tư Tưởng của Ngài. Mọi vật mà ta mong muốn, nhưng chưa hình thành, vẫn có sẵn trong chất Tiên Thiên Khí, nó sẵn

sàng cung cấp vật liệu cho cơ Sáng Tạo, sẵn sàng tự biểu hiện ra ngoài để thỏa mãn mọi điều ước vọng của con người. Sự cần dùng bánh mì để chứng minh rằng cái chất liệu để làm bánh mì dùng để chứng minh rằng cái chất liệu để làm bánh mì vốn ở trong tầm tay của ta và có sẵn với những số lượng vô biên bất tận. Cái chất liệu đó, nó vốn là tinh hoa của mọi vật, có thể tự biến đổi thành đá tảng hay thành bánh mì.

Khi con người mong ước điều lành, sự mong ước của y cùng là một với sự mong ước của Thượng Đế. Kho Chất Liệu Thiên Nhiên, hay Tiên Thiên Khí bao bọc chung quanh chúng ta, có chứa đựng một nguồn tài nguyên vô tận để làm thỏa mãn tất cả mọi sự mong ước tốt lành. Chúng ta chỉ cần tập sử dụng lấy những gì mà Thượng Đế sáng tạo ra trước cho chúng ta. Ngài muốn rằng chúng ta hãy sử dụng cái kho thiên nhiên đó để vượt qua mọi giới hạn vật chất của mình và trở nên "tự do trong sự sung mãn..."

Chương 2

Quyền năng Sáng Tạo và tâm thức Bồ Đề- Thuật đi trên mặt nước- Ngôi Đền Chữa Bịnh- Phép chuyển di tư tưởng- Những sơn nhân "Người Tuyết"

I

Bận về, chúng tôi thấy có một số đông những người lạ tề tựu tại làng Asmah. Họ đến từ những vùng chung quanh. Một số các vị Chân Sư đã tựu họp lại để sắp sửa đi hành hương đến một làng hẻo lánh cách đó gần 400 cây số. Điều này làm chúng tôi ngạc nhiên, vì chúng tôi đã đi xuất hành một chuyến về hướng ấy và nhận thấy rằng cách đấy 120 cây số, con đường mòn đi ngay vào một bãi sa mạc hoang vu. Bãi sa mạc này thật ra là một vùng cao nguyên bao phủ bởi những cồn cát di động luôn luôn dưới những cơn gió lớn, và ở đó cỏ cây rất thưa thớt. Bên kia đồng cát, con đường mòn vượt lên

một dãy núi nhỏ trong dãy Tuyết Sơn. Chiều hôm đó, chúng tôi được mời cùng đi trong chuyến hành hương, và sẽ lên đường vào ngày thứ hai kế đó. Chúng tôi được cho hay trước rằng không cần đem theo những đồ hành lý nặng vì chúng tôi sẽ còn trở về Asmah trước khi vượt qua dãy Tuyết Sơn.

Dật Sĩ và Nê Bưu dĩ nhiên là đã chuẩn bị tất cả mọi việc, và ngày thứ hai lúc trời còn chưa sáng, chúng tôi đã nhập bọn với ba trăm đoàn viên của nhóm người hành hương. Phần nhiều những người này bị đau vì những bịnh tật mà họ hy vọng sẽ được chữa khỏi trong chuyến đi này. Mọi việc đều trôi chảy êm đẹp cho đến ngày thứ bảy, trời thình lình nổi lên một cơn giông bão dữ dội nhất mà chúng tôi chưa từng thấy bao giờ. Trong ba ngày và ba đêm, những cơn mưa lũ rơi xuống không dứt, báo hiệu sắp đến mùa hè. Chúng tôi cắm trại ở một nơi cao ráo sạch sẽ, và cơn giông không gây cho chúng tôi một sự trở ngại nào. Chúng tôi lo ngại nhất là vấn đề tiếp liệu, vì chúng tôi biết rằng một sự trì hoãn kéo dài sẽ rất bất tiện cho tất cả mọi người.

Thật vậy, những người này chỉ đem theo một số

lương thực tối thiểu, vừa đủ dùng cho chuyến hành hương, và không có phòng bị những trường hợp trì hoãn có thể xảy đến. Sự trì hoãn này lại càng nghiêm trọng gấp đôi, vì chúng tôi không thấy có giải pháp nào khác hơn là quay trở về Asmah để tiếp tế lương thực. Trong trường hợp này, chúng tôi phải vượt qua hai trăm cây số đường trường, mà phần lớn đi xuyên qua bãi sa mạc như đã nói ở trên.

Sáng ngày thứ năm, mặt trời chói rạng trên một bầu trời quang đãng, và chúng tôi quyết định lên đường. Nhưng người ta cho hay là tốt hơn chúng tôi nên đợi cho đường khô ráo và mực nước sông giựt xuống thấp, để chuyến đi được dễ dàng hơn. Một người trong chúng tôi bày tỏ nỗi lo ngại chung của tất cả mọi người là lương thực sẽ cạn. Đức Tuệ Minh là vị đảm trách việc tiếp liệu, bèn nói với chúng tôi:

-Không cần phải lo ngại chi cả. Thượng Đế há chẳng săn sóc tất cả chúng sinh, lớn cũng như bé, và chúng ta há chẳng phải là chúng sinh của Ngài hay sao? Các bạn hãy nhìn xem những hột giống lúa mì này. Tôi trồng nó xuống đất. Cử chỉ đó xác nhận rằng tôi cần dùng lúa mì,

tôi đã tạo lúa mì trong trí tôi. Tôi đã làm đúng theo định luật tự nhiên và lúa mì sẽ mọc đúng vào thời kỳ của nó. Phương pháp trồng lúa mì theo luật tự nhiên rất lâu dài và khó nhọc. Chúng ta cần phải chịu khó chờ đợi lâu lắc như vậy chăng?

Tại sao không kêu gọi đến một định luật cao siêu và toàn vẹn hơn để làm cho lúa mì mọc lên mau lẹ? Người ta chỉ cần định thần một lát trong sự yên tĩnh, quan niệm rõ lúa mì trong tư tưởng, và đây là những hột lúa mì sẵn sàng để đem xay giã. Nếu các bạn nghi ngờ, các bạn hãy lượm lấy nó, xay nó ra thành bột, và nướng lên thành bánh. Thật vậy, trước mặt chúng ta có lúa mì đã đập xong, chúng ta chỉ cần đem xay ra bột và làm bánh mì.

Đức Tuệ Minh nói tiếp:

-Các bạn đã thấy và đã tin. Nhưng tại sao chúng ta không kêu gọi đến một định luật còn toàn vẹn hơn nữa và sản xuất một vật còn toàn vẹn hơn, nghĩa là đúng cái món ăn mà ta cần dùng, tức là bánh mì! Các bạn sẽ thấy rằng cái định luật toàn vẹn hơn, tế nhị hơn ấy, sẽ giúp cho tôi làm ra đúng cái món ăn mà tôi cần: đó là bánh

mì.

Trong khi chúng tôi ngồi nghe một cách thích thú, thì một ổ bánh mì lớn xuất hiện trên tay đức Tuệ Minh, rồi nhiều ổ nữa mà Ngài đặt lên bàn cho đến khi chúng tôi đếm tất cả bốn chục ổ. Đức Tuệ Minh nói:

-Các bạn thấy rằng có đủ bánh mì cho tất cả mọi người. Nếu ăn không đủ, thì sẽ có những ổ khác nữa cho đến khi chúng ta ăn còn dư thừa.

Tất cả chúng tôi đều ăn bánh mì đó và thấy nó rất ngon. Đức Tuệ Minh lại nói tiếp:

-Khi Đức Jesus hỏi Thánh Philips ở thành Galilée: "Chúng ta sẽ mua bánh mì ở đâu?" Thì đó là để thử thách vị môn đồ. Đức Jesus biết rõ rằng bánh mì mà đám quần chúng đang cần dùng không cần phải mua ở ngoài chợ hay ở các thị trường thương mãi. Ngài mượn dịp đó để chỉ các môn đồ thấy rằng người ta có thể tạo ra bánh mì bằng sức mạnh của Tinh Thần. Người đời thường có cái quan niệm vật chất như Philips! Vị môn đồ này cũng tính như mọi người: "Ta có bấy nhiêu bánh

mì, bấy nhiêu lương thực, hay bấy nhiêu tiền bạc..."

Đức Jesus biết rằng khi người ta sống với tâm thức Bồ Đề hay sống với tâm thức của Chân Ngã, thì người ta không còn bị thiếu thốn hay gò bó trong một sự giới hạn nào cả. Ngài nhìn về Thượng Đế là Nguồn Gốc và đấng Sáng Tạo ra muôn loài và tạ ơn Ngài đã luôn luôn đặt trong tầm tay của loài người cái quyền năng và chất liệu cần thiết để thỏa mãn tất cả những nhu cầu của họ. Ngài bèn bẻ bánh mì và bảo các môn đồ hãy phân phát cho tất cả mọi người. Khi tất cả mọi người đều đã ăn no, thì hãy còn thừa tới mười hai rổ bánh. Đức Jesus dạy rằng trong Tiên Thiên Khí có chứa đựng chất liệu để làm đủ mọi vật, và người ta có thể tìm ra lương thực của mình từ trong đó. Chúng ta chỉ cần rút cái chất liệu ấy ra để tạo nên mọi thứ cần dùng.

Cũng bằng cách đó mà Elisée làm cho người quả phụ thành Jérusalem có dầu để ăn thừa thãi không bao giờ hết. Ngài không hỏi đến kẻ có thừa dầu ăn trong nhà, vì như thế số dầu chỉ có giới hạn. Ngài tiếp xúc với cõi Thiên Nhiên, và số dầu tạo ra không có giới hạn nào khác hơn là dung lượng của những bình chứa. Nếu

người ta có đủ số lu, bình, vại để chứa, thì có lẽ đến bây giờ, dầu ấy vẫn còn chảy chưa hết!

Đức Tuệ Minh nói tiếp:

-Đây không phải là một cuộc thôi miên. Không có người nào trong các bạn đã có cảm giác rằng mình bị thôi miên. Nhưng các bạn đã tự thôi miên lấy mình từ lúc đầu bằng cách tin tưởng rằng người ta không thể nào thực hiện công việc toàn vẹn của Thượng Đế, hay tạo nên những đồ vật mà mình mong ước. Sự nhu cầu phải chăng cũng là ý muốn sáng tạo? Thay vì vươn mình lên để sáng tạo theo như ý muốn của Thượng Đế, người ta tự thu mình trong một cái vòng chật hẹp và nói: "Tôi không thể". Do sự tự kỷ ám thị đó, rốt cuộc người ta tin rằng mình là một thực thể cách biệt với Thượng Đế. Họ đã đi lệch ra ngoài con đường toàn vẹn, họ đã bỏ lỡ mất cái mục đích sáng tạo. Họ không để cho Thượng Đế để tự biểu lộ xuyên qua họ như Ngài muốn.

Đức Jesus, bậc đại giáo chủ, há chẳng nói rằng:

"Những việc gì mà ta đã làm, các ngươi cũng sẽ làm

được, và các ngươi còn sẽ làm được những việc lớn lao hơn nữa".

Con người trong cương vị chân thật của họ, là con của Thượng Đế, sứ mạng của Đức Jesus trên thế gian phải chăng là để chứng tỏ rằng trong cương vị đó, con người cũng có thể sáng tạo một cách toàn hảo và tốt đẹp như Thượng Đế? Khi Đức Jesus ra lịnh cho người mù hãy đứng dậy rửa mắt y trong nước ao Siloé, phải chăng là để cho đám quần chúng thấy rằng Ngài được Chúa Trời gửi xuống thế gian để sáng tạo cũng y như Chúa Trời vậy? Đức Jesus muốn rằng mỗi người trong chúng ta cũng làm y như vậy bằng cách thực hiện Chân Ngã nơi mình và nơi kẻ khác.

Tôi có thể tiến thêm một bước xa hơn nữa. Cái ổ bánh mà tôi nhận được và cầm trên tay đã tiêu hủy dường như bị lửa đốt cháy. Tại sao? Tôi đã lạm dụng cái định luật huyền bí nó đã giúp tôi thể hiện ý muốn. Tôi đã đốt cháy món đồ vật mà tôi vừa sáng tạo nên. Làm như vậy, tôi đã lạm dụng cái định luật toàn vẹn đó, định luật này cũng đúng đắn như những luật của âm nhạc chẳng hạn. Nếu tôi cứ tiếp tục lạm dụng hoài, thì không những

luật ấy sẽ đốt cháy những vật tôi đã tạo nên, mà còn đốt cháy thiêu luôn cả người sáng tạo, là chính tôi nữa.

Mới đây, các bạn đã thấy một cục nước đá tượng hình trong ly nước mà không có nguyên nhân rõ rệt. Tuy vậy, vẫn có một nguyên nhân đã tạo nên ổ bánh mì. Tôi có thể sử dụng cái định luật huyền bí đó khi mà tôi dùng ổ bánh mì hay khối nước đá để làm việc lợi ích cho nhân loại, hay là khi mà tôi hành động với tình thương,phù hợp với luật ấy, hoặc là khi mà tôi biểu lộ sự hành động của tôi theo ý muốn của Thượng Đế. Làm ra bánh mì, nước đá hay một vật mà mình mong ước, là điều tốt. Mỗi người nên đi mau đến nơi chỗ mà người ta có thể làm những vật ấy. Các bạn có thấy là các bạn nên sử dụng cái định luật cao cả nhất, tức là luật tuyệt đối của Thượng Đế chăng? Các bạn sẽ tạo nên những gì mà các bạn cần dùng và thực hiện được những gì mà các bạn đã quan niệm sẵn trong trí như là cái lý tưởng cao đẹp nhất của mình. Các bạn sẽ được đẹp lòng Thượng Đế hơn bằng cách tự biểu lộ toàn vẹn hơn với điều kiện là phải biết, cũng như Đức Jesus, rằng mình là những người con toàn hảo của Thượng Đế.

II

Sau tám ngày dừng chân một chỗ, một buổi sáng chúng tôi dỡ trại và tiếp tục lộ trình. Vào lúc xế trưa ngày thứ ba, chúng tôi đến bờ một con sông lớn chừng sáu hay bảy trăm thước bề rộng, nước chảy tràn bờ với một tốc lực rất mau chóng. Chúng tôi được cho biết rằng là lúc bình thường, vì lòng sông cạn đáy nên người ta có thể đi bộ qua sông dễ dàng. Chúng tôi bèn quyết định cắm trại cho đến sáng ngày hôm sau để chờ xem nước sẽ còn dâng lên hay giựt xuống.

Chúng tôi được biết rằng người ta có thể đi qua một chiếc cầu ở phía thượng lưu giòng nước để vượt qua sông, nhưng phải đi vòng quanh mất bốn ngày trên những con đường mòn rất cheo leo hiểm trở. Chúng tôi nghĩ rằng nếu phải chờ nước giựt xuống, thì tốt hơn nên đợi vài ngày ở tại chỗ. Như đã được đức Tuệ Minh chứng tỏ cho thấy, chúng tôi không cần phải lo ngại về vấn đề tiếp tế. Thật vậy, từ ngày chúng tôi bị cạn lương thực cho đến ngày trở về căn cứ điểm ở Asmah, tức là trong sáu mươi bốn ngày, tất cả đoàn gồm trên ba trăm người hành hương đều được tiếp tế đầy đủ với những đồ

vật thực sự xuất xứ từ "cõi vô hình".

Cho đến khi đó, không một ai trong nhóm chúng tôi đã hiểu ý nghĩa thật sự của những sự việc đã xảy ra. Chúng tôi không thể hiểu rằng tất cả đã được thực hiện do bởi một định luật huyền bí mà mỗi người đều có thể sử dụng.

Sáng ngày hôm sau, lúc ăn điểm tâm, có năm người lạ ở trong trại chúng tôi như là thuộc về một nhóm người cắm trại ở bờ bên kia sông và vừa về đến nơi từ một làng mà chúng tôi định sẽ đến viếng. Chúng tôi không để ý gì đến chi tiết này, vì lẽ tự nhiên chúng tôi nghĩ rằng chắc là họ đã tìm thấy một chiếc đò để vượt qua sông. Khi đó một người trong bọn chúng tôi mới nói:

-Nếu những người này có đò qua sông, thì tại sao chúng ta không mượn dùng để tạm qua sông như họ vậy?

Chúng tôi tưởng là đã thấy có lối thoát cho vấn đề khó khăn này, nhưng người ta nói cho chúng tôi biết rằng không có đò vì chỗ này ít có hành khách qua sông

nên không ai nghĩ đến việc đưa đò.

Sau bữa ăn điểm tâm, tất cả chúng tôi đều tựu họp trên bờ sông. Chúng tôi nhận thấy rằng đức Tuệ Minh, Dật Sĩ, Nê Bưu và bốn người trong nhóm chúng tôi đang nói chuyện với năm người khách lạ. Dật Sĩ bước đến gần chúng tôi và nói rằng tất cả bọn họ đều muốn qua sông cùng với năm người khách lạ để ở lại chơi giây lát trong trại ở bên kia sông. Họ còn nhiều thời giờ vì họ đã quyết định ở lại đến ngày hôm sau để đợi cho mực nước sông hạ xuống thấp. Lẽ tự nhiên, sự tò mò của chúng tôi bị kích thích. Chúng tôi cho rằng thật là một việc táo bạo mà muốn lội qua sông giữa giòng nước cuốn mau như vậy, chỉ vì mục đích thăm viếng xã giao một trại láng giềng! Chúng tôi không nghĩ rằng chuyến đi qua sông lại có thể thực hiện bằng một cách khác hẳn.

Khi Dật Sĩ đã trở lại nhóm bạn của y, mười hai người trong nhóm có mặc áo quần đầy đủ, liền đi ngay xuống sông, và bước chân lên trên mặt nước (tôi không nói xuống nước). Tôi không bao giờ quên những cảm giác của tôi khi tôi thấy mười hai người ấy nối tiếp nhau đi hàng một từ đất liền xuống sông và đi trên mặt nước

một cách tự nhiên! Tôi nín hơi thở, vì tôi lo ngại rằng họ sẽ chìm đắm và bị giòng nước cuốn trôi đi mất. Về sau tôi được biết rằng tất cả các bạn tôi cũng đều cảm nghĩ giống như tôi lúc ấy. Nhưng khi đó, mỗi người trong nhóm chúng tôi đều lặng người nín thở cho đến khi tất cả mười hai người kia đã đi qua khỏi giữa sông, vì chúng tôi ngạc nhiên xiết bao mà thấy họ đi bình yên trên mặt nước, không hề sợ sệt, và nước không ngập quá gót giầy của họ. Khi họ đã qua sông và lên đến bờ bên kia, tôi có cảm giác như trút được một gánh nặng ngàn cân. Tôi tin rằng các bạn tôi cũng có cảm giác như vậy, cứ xét về nụ cười thoải mái của họ khi tất cả mười hai người kia đều đã qua sông. Đó hẳn là một kinh nghiệm chưa từng có đối với chúng tôi.

Bảy người trong nhóm của chúng tôi đã vượt qua sông trở lại để dùng bữa ăn trưa. Tuy rằng bận về của họ không gây nên một sự xúc động mãnh liệt như khi họ ra đi lần đầu tiên, mỗi người chúng tôi đều thở dài nhẹ nhõm khi tất cả đều đã bước chân lên bờ. Không có người nào trong nhóm chúng tôi đã rời khỏi bờ sông sang ngày hôm đó. Chúng tôi không bình phẩm gì nhiều

về sự việc nói trên vì chúng tôi đã quá đắm chìm trong những cơn suy tư trầm lặng.

Đến xế trưa, vì thấy mực nước sông không giựt xuống nên chúng tôi đành phải đi theo đường rừng, đánh một vòng lớn trước khi qua cầu để sang sông. Chúng tôi thức dậy sớm vào sáng ngày hôm sau và chuẩn bị lên đường. Trước khi chúng tôi ra đi, năm mươi hai người trong trại chúng tôi lẳng lặng tiến về phía bờ sông và đi trên mặt nước để vượt qua sông và đi trên mặt nước để vượt qua sông như mười hai người ngày hôm trước. Người ta nói cho chúng tôi biết rằng chúng tôi có thể cùng đi qua sông với họ, nhưng không một người nào trong nhóm chúng tôi có đủ đức tin để làm thử. Dật Sĩ và Nê Bưu đòi đi vòng lớn theo đường rừng cùng với chúng tôi. Chúng tôi cố gắng thuyết phục họ đừng làm vậy, viện lẽ rằng chúng tôi có thể tìm đường đi, để tránh cho hai vị khỏi phải tốn công nhọc sức. Hai vị không nghe, nhất định đòi đi cùng với chúng tôi, và nói rằng điều ấy không có gì là khó nhọc đối với họ cả.

Trong bốn ngày đi bộ vòng quanh đường núi cheo leo để theo kịp những người đã qua sông bằng cách đi trên

mặt nước, chúng tôi không có đề tài nói chuyện hay suy gẫm nào khác hơn là những diễn biến ly kỳ mà chúng tôi đã chứng kiến trong khoảng thời gian ngắn ngủi mà chúng tôi đã trải qua cùng với những nhân vật lạ lùng này. Qua ngày thứ nhì, chúng tôi đang vất vả khó nhọc để trèo lên một con đường dốc đứng, dưới ánh mặt trời nóng gắt, thì vị trưởng nhóm của chúng tôi, vẫn im lặng từ suốt hai ngày qua không nói một câu nào, thình lình nói lớn:

-Này các bạn, tại sao con người lại bị bắt buộc phải bò lết trên mặt đất?

Chúng tôi đồng thanh đáp lại rằng ông ta đã nói lên đúng cái ý nghĩ của chúng tôi lúc ấy. Vị trưởng nhóm nói tiếp:

-Nếu có những người có thể làm được những gì mà chúng ta vừa thấy, thì tại sao tất cả lại không thể làm được như vậy? Tại sao con người lại bằng lòng chịu bò lết trên đất, và không những bằng lòng thôi, mà bị bắt buộc phải bò và lết? Nếu con người có cái quyền năng chế ngự mọi loài, thì chắc hẳn là y phải có thể bay cao

hơn loài chim. Nếu như vậy, tại sao y không chứng tỏ quyền năng của mình từ lâu? Đó chắc hẳn là do tư tưởng của con người. Tất cả đều do cái quan niệm duy vật của con người về bản chất của mình. Trong tư tưởng của y, con người chỉ có nghĩ rằng y đang bò và lết trên mặt đất thôi. Bởi đó nên y chỉ có thể bò và lết!

Dật Sĩ liền chụp ngay lấy cơ hội và nói:

-Ông bạn hoàn toàn có lý, tất cả đều do tâm trạng của con người. Tùy theo sự cảm nghĩ của con người, mà y bị giới hạn hay toàn năng, tự do hay nô lệ. Các bạn tưởng rằng những người mà ngày hôm qua các bạn đã thấy đi trên mặt nước để vượt qua sông và để tránh khỏi con đường đi vòng quanh vất vả này, là những người đặc biệt và có được ân huệ thiêng liêng chăng? Không? họ không khác gì các bạn cả. Họ không có được một mảy may quyền năng nào hơn các bạn cả. Họ không có được một mảy may quyền năng nào hơn các bạn. Họ chỉ có phát triển quyền năng thiêng liêng của họ bằng cách sử dụng đúng đắn cái sức mạnh của tư tưởng. Những gì các bạn đã thấy chúng tôi làm, các bạn cũng có thể làm được một cách tự do và hoàn hảo như vậy, bởi vì tất cả

những hành động của chúng tôi đều hòa hợp với một định luật thiên nhiên mà mỗi người đều có thể sử dụng tùy theo ý muốn.

Tới đây câu chuyện chấm dứt. Chúng tôi gặp lại năm mươi hai người đã vượt qua sông, và cùng nhau đi đến nơi thôn ấp, mục tiêu của chuyến hành hương.

III

Ngôi Đền Chữa Bịnh nằm ở trong thôn ấp nói trên. Tục truyền rằng từ ngày dựng lên ngôi đền này, tại đó người ta chỉ có thốt ra những lời nói biểu lộ lòng hiếu sinh, tình bác ái, và sự bằng an. Những làn âm ba rung động tại đây có một mãnh lực phi thường làm cho phần nhiều khách hành hương được khỏi bịnh ngay trong khoảnh khắc. Người ta cũng đồn rằng những lời nói biểu lộ đức hiếu sinh, bác ái và bằng an tại đây được lập đi lập lại nhiều lần và toát ra từ ngôi đền này từ lâu đến nỗi những âm ba rung động có đủ mãnh lực để phá tan ảnh hưởng của mọi lời nói xung khắc và bất hảo mà người ta thốt ra tại đây. Điều này cũng tiêu biểu cho sự tác động trong con người. Nếu người ta lập được thói quen chỉ

thốt ra những lời nói có tính cách hiếu sinh, bác ái, điều hòa và chí thiện, thì không bao lâu người ta sẽ không còn có thể thốt ra một lời nói chướng tai nghịch nhĩ nào nữa. Chúng tôi đã thử dùng những danh từ xấu xa và mỗi lần như vậy đều nhận thấy rằng chúng tôi không thể nào thốt ra nên lời.

Ngôi đền này là mục tiêu hành hương của những người muốn được chữa khỏi các chứng bịnh tật. Các vị Chân Sư ở vùng kế cận thường có những cuộc tựu họp định kỳ tại làng này để tiếp xúc với họ và với những người muốn thừa cơ hội đó để học Đạo. Ngôi đền được hoàn toàn cống hiến cho việc chữa bịnh và luôn luôn mở cửa cho công chúng. Vì công chúng không phải lúc nào cũng được gặp các Chân Sư nên các Ngài khuyên họ hãy lại ngôi đền này mỗi khi có dịp thuận tiện vì mục đích chữa bịnh. Bởi đó, các Chân Sư không có chữa bịnh cho những người hành hương này từ lúc đầu. Các Ngài đã cùng đi một lượt với họ để chỉ cho họ thấy rằng các Ngài không khác biệt chi với họ cả, và mỗi người đều có tự nơi mình những quyền năng thiên phú mà Thượng Đế đã ban cho. Khi các Ngài nêu gương vượt

qua sông bằng cách đi trên mặt nước, tôi nghĩ rằng các Ngài muốn chứng minh cho những người hành hương và chúng tôi thấy khả năng thắng đoạt mọi chướng ngại khó khăn của các Ngài và khuyến khích chúng tôi hãy bắt chước làm theo các Ngài.

Ở những nơi cheo leo cách trở mà từ đó người ta không thể nào đi tới ngôi đền này, người nào đến cầu xin sự cứu giúp của các Chân Sư đều được những kết quả tốt lành. Luôn luôn cũng có những kẻ tò mò và những kẻ vô tín ngưỡng, nhưng dường như họ không nhận được một sự giúp đỡ nào rõ rệt. Chúng tôi tham dự nhiều cuộc hội họp từ hai trăm đến hai nghìn người, trong đó tất cả những người có bịnh tất nan y đều được khỏi bịnh chỉ bằng cách âm thầm bày tỏ ý muốn được chữa khỏi. Chúng tôi có dịp quan sát một số rất lớn những người được chữa khỏi bịnh như vậy trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Trong chín mươi phần trăm các trường hợp, sự khỏi bịnh được lâu bền, và đối với những người được chữa khỏi bịnh trong ngôi đền thì tỷ lệ đó lên đến một trăm phần trăm. Ngôi đền này luôn luôn mở rộng cửa cho những ai muốn tìm đến. Người ta có thể

đến đó bao nhiêu lần và ở lại đó bao lâu tùy ý. Một lý tưởng được hình thành bằng cách đó trong tư tưởng của những khách đến viếng và in sâu trong trí họ.

Đức Tuệ Minh nói:

-Chính ở đây là nơi xuất phát cái mầm móng tư tưởng đưa đến việc tôn sùng thần tượng của thời quá khứ. Con người tìm cách tạc trong gỗ, đá, vàng, bạc hay đồng, hình ảnh cái lý tưởng của họ. Khi cái hình tượng vừa thành hình xong, thì cái lý tưởng đã vượt lên cao hơn cái hình tượng ấy rồi. Bởi vậy, người ta phải nhìn thấy cái diệu ảnh, yêu và lý tưởng hóa những gì đến với ta từ chỗ kín đáo trong linh hồn chứ không phải đưa ra một vật thể làm thần tượng để tiêu biểu cho cái lý tưởng mà chúng ta muốn nêu cao. Một trạng thái gần đây hơn của sự mê tín là suy tôn như một thần tượng người nào phát biểu cái lý tưởng của mình. Trái lại, người ta chỉ nên sùng kính cái lý tưởng được nêu lên, chứ không phải cái cá nhân đã biểu lộ cái lý tưởng đó. Đức Jesus quyết định bỏ ra đi bởi vì Ngài thấy rằng dân chúng bắt đầu suy tôn cá nhân Ngài, thay vì yêu cái lý tưởng mà Ngài là tiêu biểu. Người ta muốn tôn Ngài lên

làm vua. Dân chúng chỉ nhìn thấy có một điều, họ chỉ thấy Đức Jesus là người cung cấp đầy đủ mọi thứ để thỏa mãn những nhu cầu vật chất của họ.

Không ai là người nhìn nhận rằng họ vốn có tự nơi mình cái khả năng thỏa mãn lấy mọi thứ nhu cầu của chính mình. Không ai nhận thấy rằng họ phải sử dụng cái quyền năng đó như Đức Jesus vậy. Vì lẽ đó, Ngài nói:

-Tốt hơn là ta phải ra đi, vì nếu ta không bỏ đi, thì Đấng hằng An Ủi sẽ không bao giờ đến với các ngươi.

Nói cách khác, khi mà người ta ỷ lại vào cá nhân Đức Jesus, người ta sẽ không nhận thức được cái quyền năng mà họ vốn có tự nơi mình. Người ta phải tuyệt đối tự tin ở nơi mình. Nếu người ta trông cậy nơi kẻ khác, họ suy tôn kẻ khác ấy làm thần tượng thay vì tự mình biểu lộ cái lý tưởng của mình.

Chúng tôi đã chứng kiến tận mắt những trường hợp khỏi bịnh thật lạ lùng. Vài người bịnh chỉ cần đi ngang qua đền cũng được chữa khỏi. Những người khác phải ở

lại đó trong một thời gian rất lâu. Không bao giờ có ai đứng ra làm bất cứ một cuộc hành lễ nào. Dường như không cần phải hành lễ bởi vì những âm ba rung động toát ra từ trong đền có hiệu lực đến nỗi bất cứ người nào bước vào trong vòng ảnh hưởng của nó cũng đều cảm nhận được những ảnh hưởng tốt lành. Chúng tôi thấy người ta chở đến một người bị bịnh cứng khớp xương. Những khớp xương đã cứng đơ của y được hoàn toàn chữa khỏi trong vòng một tiếng đồng hồ và y đã có thể đi đứng lại được. Sau đó y đã làm công tác trong bốn tháng để giúp đỡ trong cuộc hành trình của chúng tôi. Một người khác bị cụt mất hết năm ngón tay và được thấy cả năm ngón đều mọc lại. Một đứa trẻ nhỏ bị tàn phế và tứ chi liệt bại được chữa khỏi ngay tức khắc và chạy ra khỏi đền. Những người bị các chứng phong cùi, đui mù, câm điếc, và nhiều chứng bịnh nan y khác cũng được chữa khỏi ngay lập tức. Sự thật, tất cả những người đến hành hương tại đây đều được chữa khỏi bịnh. Chúng tôi có dịp quan sát một số lớn những người được khỏi bịnh hai hay ba năm về sau bịnh tật đã khỏi hẳn không còn tái phát. Người ta nói rằng những trường hợp bịnh tái phát trở lại là bởi vì người bịnh thiếu đức tin và

không có một nhãn quang tâm linh thật sự.

IV

Khi chúng tôi về tới căn cứ điểm ở làng Asmah, thì mọi việc đã chuẩn bị sẵn sàng để vượt qua truông núi. Sau một ngày nghỉ ngơi, chúng tôi thay đổi toán phu khuân vác và lừa ngựa, và khởi đầu giai đoạn thứ nhì của cuộc hành trình, tức là vượt qua dãy núi Tuyết Sơn.

Trong hai mươi ngày kế đó, sự việc diễn biến một cách bình thường, không có gì đáng kể. Đức Tuệ Minh nói với chúng tôi về tâm thức Bồ Đề. Ngài nói:

-Chính do bởi sự tác động quyền năng của tư tưởng mà chúng ta có thể biểu lộ tâm thức Bồ Đề hay tâm thức của Đấng Christ. Bằng quyền năng của tư tưởng, chúng ta có thể phát triển thể xác của chúng ta đến mức độ làm cho nó trở thành bất tử, ở mức độ mà chúng ta không còn chịu sự biến đổi gọi là sự chết. Do sự tác động của tư tưởng, do sự tác động của tâm thức Bồ Đề, chúng ta có thể hoán cải những người chung quanh và thay đổi hoàn cảnh sinh hoạt của mình. Tất cả những

điều đó đều do cái quyền năng mà Thượng Đế ban cho con người để quan niệm một lý tưởng và thực hiện mục đích. Trước hết, phải biết cảm nhận và tin tưởng bằng đức tin rằng Đấng Christ, tức Bồ Đề tâm, vốn ngự trị bên trong chúng ta. Kế đó, phải hiểu ý nghĩa thật sự của giáo lý Jesus, hợp nhất cái linh thể của mình với Thượng Đế, cái linh thể đó vốn được tạo nên theo hình ảnh của Ngài và giống như Ngài. Phải chan hòa, hỗn hợp nó với cái linh thể toàn vẹn của Thượng Đế, vì chính trong trạng thái chan hòa, hỗn hợp đó mà Thượng Đế nhìn thấy chúng ta...

Nói đến đây, đức Tuệ Minh ngừng lại và cho biết rằng ngài sẽ từ giã chúng tôi trong vài ngày để đến gặp vài người bạn đang hội họp trong một làng cách đó độ bốn trăm cây số. Ngài hứa sẽ gặp lại chúng tôi ở cách đây độ một trăm cây số, trong một làng nhỏ ở biên giới mà chúng tôi sẽ đi đến trong bốn ngày. Kế đó ngài biến mất và vài ngày sau ngài đã đến chỗ hẹn vào đúng lúc, cùng với bốn người bạn.

*

Khi chúng tôi đến làng biên giới nói trên, trời mưa tầm tã không ngớt và tất cả chúng tôi đều bị ướt loi ngoi. Người ta dành cho chúng tôi một quán trọ đầy đủ tiện nghi, gồm có một gian phòng lớn có đủ bàn ghế, có sưởi ấm và trang hoàng lịch sự, dùng làm phòng khách và phòng ăn. Một người trong chúng tôi hỏi nhiệt lực làm sưởi ấm gian phòng này do đâu mà có? Quan sát kỹ, chúng tôi không thấy có lò sưởi hay củi lửa gì cả. Chúng tôi hơi ngạc nhiên, nhưng không bình phẩm gì vì chúng tôi đã bắt đầu quen với những sự việc lạ lùng và chúng tôi chắc rằng sau này mọi sự sẽ được giải thích rõ.

Chúng tôi vừa ngồi vào bàn ăn để dùng cơm tối thì đức Tuệ Minh và bốn người bạn của ngài bước vào phòng mà chúng tôi không biết các ngài vào bằng cách nào. Tất cả năm vị đều xuất hiện ở một góc phòng, mà gần đó không có cửa nẻo chi cả. Việc ấy xảy ra một cách giản dị, âm thầm và không có một tiếng động. Đức Tuệ Minh giới thiệu với chúng tôi bốn người khách lạ, và các Ngài ngồi vào bàn ăn với chúng tôi một cách tự nhiên như ở nhà. Chúng tôi chưa kịp để ý nhìn thấy gì, thì bàn ăn đã có đầy những thức ăn ngon lành, nhưng

không có thịt, vì các vị toàn dùng chay.

Sau bữa ăn, một người trong chúng tôi hỏi gian phòng được sưởi ấm bằng cách nào. Đức Tuệ Minh nói:

-Hơi ấm mà các bạn cảm thấy trong gian phòng này là do một sức mạnh cụ thể mà mỗi người đều có thể sử dụng. Người ta có thể tiếp xúc với mãnh lực ấy, và sử dụng nó dưới hình thức ánh sáng, nhiệt điện, hay tinh lực để vận chuyển máy móc, cơ khí. Đó là điều mà chúng ta gọi là vũ trụ lực, một mãnh lực thiên nhiên mà Thượng Đế ban cho loài người. Sức mạnh ấy có thể vận chuyển mọi loại cơ khí, thực hiện những cuộc chuyên chở mà không tốn nhiên liệu, và cung cấp ánh sáng và nhiệt lực. Mãnh lực ấy có ở khắp nơi để cho con người sử dụng, không bao giờ cạn và không cần phải mua.

Một người trong chúng tôi hỏi phải chăng các món ăn vừa rồi là xuất xứ từ chất Tiên Thiên Khí trong vũ trụ và đến một cách trực tiếp dưới hình thức các món vật thực mà chúng tôi đã ăn, cũng như bánh mì và các món phẩm vật khác vẫn được cung cấp cho chúng tôi từ trước.

Đức Tuệ Minh mời chúng tôi đi theo ngài đến nhà của một trong bốn người bạn, ở cách đó độ ba trăm năm chục cây số. Chúng tôi cũng gặp thân mẫu ngài tại đó. Ngài nói:

-Thân mẫu tôi là một trong những người đã tinh luyện thể xác đến mức có thể phân thân đi khắp mọi nơi và để học Đạo trên những cõi cao. Bởi đó, bà sống thường xuyên trong cõi vô hình. Điều này là một việc tình nguyện, vì nhờ học Đạo thượng đẳng, bà có thể giúp đỡ chúng tôi rất nhiều. Nói rõ hơn cho các bạn dễ hiểu, bà đã tiến hóa đến mức đạt tới cõi Trời là nơi hiện diện của Đức Jesus, tức là nơi mà đôi khi người ta gọi là cảnh giới thứ bảy của cõi Thiên Đường. Đối với các bạn, cảnh giới đó có lẽ là điều bí mật lớn nhất trong mọi điều bí mật, nhưng thật ra không có gì bí mật cả. Đó là một trạng thái tâm thức mà tất cả mọi điều huyền bí đều được tiết lộ. Người hành giả đạt tới đó rồi, thì sẽ trở nên vô hình vô ảnh đối với kẻ phế nhân phàm tục, nhưng họ có thể trở lại thế gian để dạy Đạo cho những người thụ cảm và có căn duyên. Họ trở lại trong thể xác của họ, vì thể xác ấy đã được tinh luyện đến mức toàn hảo để có

thể được di chuyển khắp nơi tùy ý. Những vị đạo đồ ở cấp đẳng có thể trở lại thế gian mà không cần phải đầu thai chuyển kiếp. Những người nào đã bước qua cửa Tử bị bắt buộc phải đầu thai trở lại để khoác lấy một thể xác mới. Còn thể xác của chúng tôi là những thể xác tâm linh toàn hảo và có thể được gìn giữ rất lâu. Người nào đã từ bỏ thể xác để thăng lên các cõi giới tinh thần sẽ nhận thấy rằng họ phải tái sinh trong một thể xác mới để tiếp tục tiến hóa nữa...

Tối hôm đó, trước khi rời khỏi bàn ăn, chúng tôi quyết định chia cuộc hành trình ra làm năm toán, mỗi toán đặt dưới sự trông nom của một trong những người khách lạ đã thình lình xuất hiện trong phòng để dùng bữa với chúng tôi. Cách sắp đặt này sẽ giúp cho chúng tôi có thể thám hiểm nhiều vùng rộng lớn. Nó sẽ làm cho công việc của chúng tôi được dễ dàng và giúp chúng tôi có thể kiểm chứng những hiện tượng huyền linh như là đi ngao du trong cõi vô hình và giao thông với nhau bằng phép chuyển di, tư tưởng. Mỗi toán sẽ gồm ít nhất hai đoàn viên và do một trong năm vị Chân Sư lãnh đạo. Mỗi toán sẽ ở cách biệt rất xa với những toán khác,

nhưng sự liên lạc sẽ được thực hiện bởi các vị Chân Sư, các ngài đã tỏ ra rất nhiều cảm tình ưu ái đối với chúng tôi và không bỏ qua một dịp nào để cho chúng tôi kiểm chứng lại công việc của các ngài.

V

Qua ngày hôm sau, tất cả mọi việc đều được chuẩn bị sẵn sàng từng chi tiết. Toán của tôi gồm có tôi và hai đoàn viên, có đức Tuệ Minh và Dật Sĩ đi dẫn đường. Sáng ngày kế đó, mỗi toán đều sẵn sàng ra đi theo những chiều hướng khác nhau. Chúng tôi đồng ý rằng mỗi toán sẽ quan sát cẩn thận những gì xảy đến và ghi chép làm tài liệu. Chúng tôi hẹn sẽ gặp nhau trở lại trong hai tháng ở quê hương của đức Tuệ Minh, một làng nhỏ cách đó ba trăm năm chục cây số. Sự liên lạc giữa các toán khác nhau sẽ do các vị Chân Sư đảm nhiệm. Thật vậy, các ngài đảm nhiệm việc đó mỗi buổi chiều, nói chuyện với nhau bằng tư tưởng và di chuyển từ toán nọ đến toán kia.

Khi chúng tôi muốn tiếp xúc với vị trưởng toán hay với một đoàn viên, chúng tôi chỉ cần giao bức thông điệp

của mình cho các Chân Sư. Sự trả lời đến với chúng tôi trong một thời hạn rất ngắn không thể tưởng tượng. Khi chúng tôi đưa ra những bản thông điệp như thế, chúng tôi viết tay và có ghi ngày giờ cẩn thận. Chúng tôi cũng ghi chép trong bức thơ trả lời ngày giờ mà chúng tôi nhận được. Khi chúng tôi tựu họp với nhau trở lại, chúng tôi đem đối chiếu những tài liệu đã ghi chép và nhận thấy mọi việc đều ăn khớp với nhau một cách hoàn toàn. Ngoài ra, các Chân Sư di chuyển từ trại này sang trại khác và nói chuyện với các đoàn viên của mỗi toán khác nhau. Chúng tôi ghi chép cẩn thận những địa điểm và ngày giờ khi các ngài xuất hiện và biến mất, cùng những đề tài đã đề cập tới. Về sau, khi chúng tôi đem đối chiếu những tài liệu ghi nhận, thì mọi sự cũng đều hoàn toàn ăn khớp với nhau.

Những toán của chúng tôi ở cách nhau rất xa, một toán ở Ba Tư, một toán ở Trung Hoa lục địa, toán thứ ba ở Tây Tạng, toán thứ tư ở Mông Cổ và toán thứ năm ở Ấn Độ. Các Chân Sư đã vượt qua những đoạn đường dài đến hai nghìn cây số trong cõi vô hình để thông tin tức cho chúng tôi biết những gì xảy ra ở mỗi trại.

Mục tiêu di chuyển của toán chúng tôi là một làng nhỏ ở trên một vùng cao nguyên trong dãy Tuyết Sơn, cách chỗ khởi điểm của chúng tôi một trăm năm chục cây số. Chúng tôi không có đem theo lương thực cho cuộc hành trình. Tuy nhiên chúng tôi không bao giờ thiếu thốn điều gì, và chúng tôi luôn luôn có thể tìm nơi cư trú có đủ tiện nghi để ngủ đêm. Chúng tôi đến mục tiêu vào lúc xế trưa ngày thứ năm.

Một nhóm dân làng đến chào đón và đưa chúng tôi đến một nhà trọ sạch sẽ tươm tất. Chúng tôi nhận thấy rằng dân làng tỏ ra rất kính trọng đức Tuệ Minh và Dật Sĩ. Đức Tuệ Minh chưa bao giờ đến làng này, còn Dật Sĩ chỉ đến có một lần sau khi có lời kêu gọi cứu giúp trong một trường hợp khẩn cấp. Đó là trong dịp cứu cấp ba người dân làng bị bắt cóc đem đi bởi những "Người Tuyết", một loại sơn nhân rất hung dữ cư ngụ ở vài vùng hoang vu hẻo lánh nhất trên dãy Tuyết Sơn.

Cuộc thăm viếng hiện thời cũng để đáp ứng một lời kêu gọi tương tự và cũng nhằm mục đích cứu giúp những người bịnh không thể di tản ra khỏi làng. Dường như những "Người Tuyết" này là những kẻ ngoài vòng

luật pháp đã từng ở những vùng sơn cước đầy tuyết lạnh trong nhiều thế hệ, và sau cùng đã thành lập nên những bộ lạc du mục có thể sống tự túc trong những vùng núi non hoang vắng, hoàn toàn khác biệt với thế giới văn minh của loài người. Tuy dân số của chúng không bao nhiêu, chúng rất hung dữ và hiếu chiến. Đôi khi chúng bắt cóc những người nào không may lọt vào tay chúng và hành hạ những người ấy. Vì có bốn người dân làng đã bị bắt đi trong những hoàn cảnh đó, những người khác không biết phải làm sao, mới gửi một người đi cầu cứu với Dật Sĩ. Dật Sĩ bèn ra đi với đức Tuệ Minh và đem cả chúng tôi theo.

Lẽ tự nhiên là chúng tôi rất mong mỏi được thấy những người sơn nhân đó, mà chúng tôi có nghe nói đến nhưng vẫn chưa tin. Lúc đầu, chúng tôi nghĩ rằng người ta nên thành lập một đoàn nghĩa binh cấp cứu mà chúng tôi có thể gia nhập. Nhưng hy vọng đó đã tiêu tan khi đức Tuệ Minh và Dật Sĩ cho chúng tôi biết rằng hai vị sẽ đi một mình và cùng đi ngay tức khắc. Trong chốc lát, hai vị đã biến mất dạng và chỉ trở về vào lúc chiều ngày hôm sau, cùng với bốn người dân làng vừa được giải

thoát. Những người này thuật lại nhiều câu chuyện quái đản về cuộc phiêu lưu của mình và về những người sơn nhân đã bắt cóc họ. Dường như những "Người Tuyết" lạ lùng này sống hoàn toàn khỏa thân. Chúng mọc lông khắp mình như những loài thú và chịu đựng nổi thời tiết lạnh kinh khủng trên miền sơn cước. Chúng di chuyển rất mau lẹ. Người ta còn nói rằng chúng có thể rượt bắt những loại thú rừng ở vùng của chúng ở. Chúng gọi các Chân Sư là những "Người của Mặt Trời", và khi các Ngài đến giải thoát cho những kẻ bị bắt, thì chúng không chống cự.

Chúng tôi được biết rằng các Chân Sư đã nhiều lần thử mở một cuộc tiếp xúc với những "Người Tuyết", nhưng vô hiệu, vì chúng rất sợ sệt các Ngài. Khi các Chân Sư đến gần những "Người Tuyết", thì chúng bỏ ăn, bỏ ngủ, và chạy trốn trong những chỗ núi rừng hoang vu vì quá sợ sệt. Chúng đã mất mọi sự liên lạc với đời sống văn minh và thậm chí cũng quên rằng trước kia chúng đã có những mối tương quan với những chủng tộc loài người và tổ tiên của chúng đã xuất xứ từ đó mà ra. Quả thật là chúng đã hoàn toàn biệt lập với xã hội loài

người.

Đức Tuệ Minh và Dật Sĩ không muốn nói nhiều với chúng tôi về những "Người Tuyết". Chúng tôi cũng không thể xin hai vị cho chúng tôi đi theo tận nơi để nhìn xem chúng. Đáp lại những câu hỏi của chúng tôi, hai vị chỉ nói như sau:

-Chúng cũng là con của Thượng Đế như chúng ta, nhưng từ lâu chúng đã nuôi lòng sợ hãi và thù ghét kẻ đồng loại, và những tật đố này càng ngày càng tăng trưởng. Như vậy, chúng đã tự ly khai với xã hội loài người đến mức quên mất đi sự liên hệ của mình trong đại gia đình nhân loại và tưởng rằng chúng là những loại thú rừng. Đi lần đến chỗ cực đoan, thậm chí chúng cũng mất cả bản năng của loại thú rừng, vì loại thú rừng do bản năng dìu dắt còn nhận biết được những người thương yêu chúng và đáp lại cái tình thương đó. Khi con người tự ly khai với Thượng Đế và với nhân loại đến mức đó, y có thể rớt xuống thấp hơn loài vật. Không có ích gì mà đưa các bạn đến gặp những "Người Tuyết", vả lại điều ấy còn làm hại cho chúng. Chúng tôi hy vọng rằng một đứa trong chúng nó có ngày sẽ trở nên thụ

cảm đối với sự dạy dỗ của chúng tôi, và do người tuyết ấy làm trung gian, chúng tôi sẽ độ cho tất cả chúng nó...

Chúng tôi được cho biết rằng chúng tôi được tự do tìm cách nào tùy sáng kiến riêng của mình để nhìn thấy những "Người Tuyết" lạ lùng đó; các Chân Sư chắc chắn sẽ che chở chúng tôi khỏi mọi tai nạn và có thể ra tay giải cứu nếu chúng tôi bị bắt. Theo chương trình được thiết lập cho ngày hôm sau, chúng tôi phải đi viếng một ngôi đền rất cổ xưa, ở cách làng này độ sáu chục cây số. Hai người đoàn viên trong toán của tôi quyết định không tham dự cuộc viếng thăm này để đi thu thập tài liệu về những "Người Tuyết". Họ khẩn khoản yêu cầu hai người dân làng cùng đi theo họ, nhưng hai người này quyết liệt từ chối. Không một người nào chịu rời khỏi làng, khi mà có nguy cơ gặp phải "Người Tuyết" ở vùng chung quanh. Hai đoàn viên này bèn ra đi một mình. Họ được đức Tuệ Minh và Dật Sĩ cho chỉ thị về lộ trình và những gì phải làm. Họ giất súng ngắn vào lưng và chuẩn bị lên đường. Đức Tuệ Minh và Dật Sĩ đã bắt họ phải hứa rằng chỉ bắn chết người trong trường hợp chẳng đặng đừng. Họ có thể bắn súng trơn, không lắp đạn, hay

bắn chỉ thiên tùy ý muốn để thị oai với bọn sơn nhân, nhưng họ phải hứa trên danh dự rằng họ chỉ bắn chết trong trường hợp không thể nào làm khác hơn.

Tôi ngạc nhiên mà thấy có một khẩu súng ngắn trong hành lý của chúng tôi, vì chúng tôi không bao giờ cần phải sử dụng khí giới. Tôi đã bỏ những khẩu súng của tôi từ lâu, thậm chí cũng không nhớ rõ là bỏ ở đâu. Nhưng sau mới biết là một trong những người lao công giúp chúng tôi sửa soạn hành lý, đã xếp vào đó hai khẩu súng ngắn mà không ai hay biết.

Chương 3

Một ngôi đền cổ một trăm hai mươi thế kỷ _ Vượt qua khu rừng cháy _ Những di tích của Thánh Jean Baptiste _ Những cuộc chữa bịnh nhiệm mầu _ Tuổi tác và hình dáng của các Chân Sư _ Ngôi đền trên chóp núi.

I

Trưa hôm đó, đức Tuệ Minh, Dật Sĩ và tôi cùng đi đến ngôi đền, và đến nơi vào lúc năm giờ chiều ngày hôm sau. Tại đây, chúng tôi được hai người coi đền tiếp rước và dọn chỗ cho chúng tôi nghỉ lại ban đêm. Đền này được xây cất bằng đá trên một ngọn núi cao, tục truyền rằng đã có từ mười hai ngàn năm. Đền vẫn còn trong trạng thái nguyên vẹn, toàn hảo. Có lẽ đó là một trong những ngôi đền đầu tiên được dựng lên bởi các vị Đại Sư của môn phái tu luyện trường sinh hồi thời cổ. Các vị xây đền này với mục đích tạo dựng nên một nơi

tu tịnh hoàn toàn yên tĩnh, và có lẽ không có một cuộc đất nào khéo chọn hơn là chỗ này. Đó là một đỉnh núi cao nhất trong vùng, chiều cao ba ngàn năm trăm thước. Con đường núi đưa lên tới đây hầu như dốc đứng trong đoạn cuối cùng dài mười hai cây số. Có chỗ nó vượt qua những chiếc cầu treo bằng dây thừng. Một đầu những dây thừng này buộc chặt với những tảng đá lớn ở tận trên cao, và đầu kia buông thòng xuống trong khoảng không, cột những thân cây ghép lại làm cầu treo lủng lẳng ở một chiều cao hai trăm thước. Ở những chỗ khác, chúng tôi bắt buộc phải trèo lên những nấc thang buộc vào những sợi dây thừng từ trên cao thòng xuống. Đoạn đường dài một trăm thước cuối cùng là một đường hoàn toàn dốc đứng. Chúng tôi trèo lên con đường này toàn là bằng những cái thang dây thuộc loại kể trên. Khi đến nơi, tôi có cảm giác như ở trên tột đỉnh của thế giới.

Ngày hôm sau, chúng tôi thức dậy vào lúc mặt trời mọc. Sau một đêm ngủ ngon giấc, tôi hoàn toàn quên mất sự leo núi vất vả nhọc mệt của ngày hôm trước. Từ trên đỉnh núi nhìn xuống dưới, người ta không nhìn thấy gì trong khoảng một ngàn thước, thành thử nơi này có

vẻ như treo lủng lẳng trên không trung. Thật là khó mà xóa bỏ cái cảm giác đó. Ba ngọn núi khác nhô lên ở tận đằng xa. Người ta nói rằng trên đỉnh mỗi ngọn núi ấy đều có một ngôi đền giống như ngôi đền này, nhưng các ngọn núi ấy ở cách xa đến nỗi tôi nhìn qua ống dòm cũng không trông thấy gì.

Đức Tuệ Minh cho tôi biết rằng nhóm đoàn viên của Tô Mặc, vị trưởng nhóm của chúng tôi, có lẽ đã đến ngôi đền ở trên đỉnh ngọn núi xa nhất cùng một lượt với chúng tôi tại đây. Ngài nói rằng nếu tôi muốn tiếp xúc với Tô Mặc, tôi có thể nói chuyện được, vì y cùng với các đoàn viên cũng đang đứng trên nóc đền như chúng tôi vậy. Tôi lấy bút ra viết một bức thông điệp gởi cho Tô Mặc:

"Tôi đang đứng ở trên nóc đền, ba ngàn năm trăm thước cao hơn mặt biển. Đền cho tôi cái cảm giác bị treo lủng lẳng trên không gian. Đồng hồ tôi chỉ đúng 4:55 sáng ngày thứ bảy 2 tháng 8".

Đức Tuệ Minh đọc bức thông điệp và đắm chìm một lúc trong im lặng. Kế đó, tôi được sự trả lời của Tô Mặc:

“Đồng hồ tôi chỉ 5:01 sáng ngày thứ bảy 2 tháng 8. Chỗ này hai ngàn tám trăm thước cao hơn mặt biển. Cảnh rất đẹp, vị trí này thật là độc đáo”.

Đức Tuệ Minh nói:

-Nếu các bạn muốn nói gì thêm, tôi sẽ đem đi bức thông điệp và đem về câu trả lời. Nếu các bạn không thấy gì trở ngại, tôi sẽ đi nói chuyện với những người đang ở ngôi đền đằng ấy.

Tôi bèn đưa thông điệp cho Ngài và Ngài liền biến mất. Một giờ ba khắc sau đó, Ngài trở về với một thông điệp của Tô Mặc nói rằng đức Tuệ Minh đã đến 5:16 giờ và nhóm của y đang sung sướng nghĩ đến những gì sắp thực hiện trong cuộc hành trình của chúng tôi. Sự sai biệt về giờ khắc trên đồng hồ của chúng tôi là do sự khác biệt của đường kinh tuyến trên Trái Đất.

Chúng tôi ở lại đền này trong ba ngày, trong khi đó đức Tuệ Minh đi viếng thăm tất cả những toán đoàn viên trong cuộc hành trình, có đem đi những thông điệp của tôi và đem về những thông điệp của tất cả những toán

khác. Sáng ngày thứ tư, chúng tôi sửa soạn trở về làng, nơi mà chúng tôi đã để lại những người bạn đi tìm những "Người Tuyết".Đức Tuệ Minh và Dật Sĩ còn muốn đến một làng nhỏ ở trong thung lũng, cách chỗ lộ tẻ trên con đường mòn của chúng tôi độ năm chục cây số. Tôi tán đồng việc đó và đề nghị để cho tôi đi theo hai vị. Đêm đó chúng tôi nghỉ trong một túp lều tranh của bọn mục đồng, và ra đi từ lúc sáng sớm để kịp đến nơi vào sáng ngày hôm sau, vì chúng tôi đi bộ. Vì không thể đến ngôi đền bằng ngựa, nên chúng tôi đã để ngựa ở lại với các bạn tôi trong làng nhỏ nói trên.

Sáng ngày hôm đó, khoảng mười giờ, đột nhiên có một cơn giông bão dữ dội sấm chớp không ngừng, hăm dọa sẽ có cơn mưa lũ tầm tã đêm ngày. Nhưng trời vẫn tạnh ráo không rơi một giọt mưa. Chúng tôi đi qua một khu rừng cây rất rậm rạp. Mặt đất bao phủ bằng một loại cỏ rất khô và cứng. Trọn vùng chung quanh dường như khí hậu khô ráo một cách đặc biệt khác thường. Sét đánh làm cho cỏ khô bắt lửa cháy lan tràn ở nhiều nơi, và trước khi chúng tôi nhận biết được việc gì xảy ra, chúng tôi đã bị vây phủ chung quanh bởi một đám cháy

rừng. Không bao lâu, cơn hỏa hoạn đã bộc phát dữ dội và đồng loạt tiến đến gần chúng tôi từ ba phía với một tốc lực nhanh chóng kinh khủng. Khói bốc lên từng đám dày đặc làm cho tôi hoang mang kinh sợ. Đức Tuệ Minh và Dật Sĩ có vẻ bình tĩnh ung dung, điều này cũng làm cho tôi trấn tĩnh được ít nhiều. Hai vị nói:

-Có hai cách đi thoát khỏi nơi đây. Cách thứ nhất là đi đến một giòng suối chảy dưới đáy một vực sâu ở gần đây. Muốn vậy, chúng ta phải vượt qua tám cây số đường rừng. Đến đó chúng ta có thể trú ẩn an toàn cho đến khi đám cháy tự nó tàn lụi dần vì không có chỗ bắt cháy thêm được nữa. Cách thứ nhì là vượt qua đám cháy, nhưng bạn phải tin tưởng nơi khả năng của chúng tôi là có thể độ cho bạn đi an toàn qua vùng khói lửa.

Tôi nhận thấy rằng các vị luôn luôn tỏ ra có đủ bản lĩnh tháo vát trong tất cả mọi trường hợp, và tôi liền hết sợ ngay lập tức. Tôi bèn đặt cả thể xác lẫn linh hồn tôi dưới sự che chở của hai vị, tôi đi giữa, hai vị quàng vai tôi đi kèm hai bên. Chúng tôi thẳng tiến về hướng mà đám cháy đang hoành hành với một cường độ mãnh liệt nhất. Ngay lúc đó dường như có một cái vòm mở rộng

trước mặt chúng tôi. Chúng tôi đi xuyên qua đám cháy mà không một mảy may bị khó chịu vì khói, hơi nóng hay những đống lửa cháy đỏ rực trên đường đi của chúng tôi. Chúng tôi đi như vậy trên mười cây số một cách yên ổn và an toàn dường như không có hỏa hoạn ở chung quanh. Sau cùng chúng tôi vượt qua một con rạch nhỏ, và sau đó chúng tôi đã ra khỏi vùng hỏa hoạn. Bận về, tôi đã có nhiều thời giờ để quan sát con đường mà chúng tôi đi qua trong lúc đó. Trong khi chúng tôi vượt qua khỏi đám cháy, đức Tuệ Minh nói với tôi:

-Bạn có thấy chăng, trong trường hợp tuyệt đối khẩn cấp, thật rất dễ mà kêu gọi đến những định luật thượng đẳng huyền bí của Trời để thay thế vào những định luật hạ đẳng của trần gian? Vừa rồi, chúng tôi đã nâng những rung động của thể xác chúng tôi lên một nhịp độ cao hơn nhịp độ của lửa, và bởi đó, lửa không còn làm hại chúng tôi được nữa. Nếu một người thường có thể nhìn thấy chúng tôi lúc đó, họ sẽ tưởng rằng chúng tôi biến mất, nhưng sự thật chúng tôi vẫn có mặt tại chỗ. Thật ra chúng tôi không thấy có sự khác biệt. Trong trạng thái đó, chúng tôi không còn ý thức về những giác quan của

thể xác. Một người thường có lẽ cho rằng chúng tôi đã dùng thuật thăng thiên, và điều đó có lẽ cũng đúng như vậy. Chúng tôi đã vượt lên một trình độ tâm thức siêu đẳng mà người thường không với lên tới được. Mỗi người có thể bắt chước chúng tôi. Chúng tôi đã sử dụng một định luật mà Thượng Đế ban cho để cho chúng ta sử dụng. Chúng tôi có thể sử dụng định luật ấy để di chuyển thể xác của mình đến tận bất cứ nơi nào dù xa đến đâu trong không gian. Chính đó là cái định luật mà chúng tôi đã sử dụng để xuất hiện và biến mất trước mắt người đời, để thắng đoạt không gian, như người ta thường nói. Chúng tôi chỉ thắng đoạt mọi khó khăn chướng ngại bằng cách nâng cao tâm thức của mình cho nó vượt lên trên những khó khăn đó. Điều đó giúp chúng tôi thắng đoạt tất cả những giới hạn mà con người thường tự đặt ra cho mình trong cái tâm thức phàm trần của họ…

Tôi có cảm giác dường như chúng tôi chỉ đi lướt trên mặt đất. Khi chúng tôi ra khỏi vùng hỏa hoạn và được an toàn ở bên kia bờ rạch, trước hết tôi có cảm giác như vừa thức dậy sau một cơn ngủ mê và đó chỉ là một giấc

mộng. Nhưng sự hiểu biết những gì đã xảy ra lần lần tăng trưởng ở nơi tôi, và ý nghĩa thật sự của những diễn biến đó bắt đầu hiện rõ từ từ và soi sáng tâm hồn tôi. Chúng tôi tìm một nơi có bóng mát trên bờ rạch, và ăn một bữa lót dạ, kế đó chúng tôi nghỉ ngơi trong một vài giờ và trở về làng.

II

Làng này tỏ ra là một nơi đầy thú vị, vì ở tại đây có những tài liệu lịch sử được giữ gìn rất kỹ lưỡng. Những tài liệu này khi được phiên dịch ra, đã đem đến một bằng chứng không thể chối cãi rằng Thánh Jean Baptiste đã từng sống ở tại đây năm năm. Sau đó, chúng tôi đã có dịp xem và dịch những tài liệu khác nữa chứng tỏ rằng Ngài đã ở lại trong vùng này độ mười hai năm. Mãi về sau, người ta đã đưa cho chúng tôi xem những tài liệu dường như chứng tỏ rằng Ngài đã cùng với người địa phương đi du lịch trong hai mươi năm xuyên qua các xứ Tây Tạng, Trung Hoa, Ba Tư và Ấn Độ. Chúng tôi có cảm tưởng rằng có thể theo dõi bước chân của Ngài trên lộ trình mà các tài liệu đã ghi rõ. Những văn kiện này làm chúng tôi thích thú đến nỗi chúng tôi đã trở lại một

vài làng để sưu tầm sâu rộng thêm. Bằng cách soạn lại những dữ kiện thâu thập được, chúng tôi có thể vẽ ra một bản đồ ghi rõ lộ trình và những sự di chuyển của Thánh Jean Baptiste. Vài sự việc được diễn tả cho chúng tôi trong những câu chuyện tường thuật hấp dẫn và linh động đến nỗi chúng tôi tưởng tượng rằng mình đang đi cùng một con đường với Thánh Jean Baptiste và theo những đường mòn mà Ngài đã đi qua trong quá khứ xa xăm đó.

Chúng tôi ở lại làng này trong ba ngày, sau đó chúng tôi sẵn sàng trở về làng mà nơi đó chúng tôi đã bỏ lại vài người bạn. Sứ mạng của đức Tuệ Minh và Dật Sĩ ở làng này chỉ là để chữa bịnh cho những người đau yếu. Hai vị có thể trở về làng trong một thời gian ngắn hơn tôi rất nhiều, nhưng vì tôi không thể đi mau như hai vị, nên hai vị đã dùng cách di chuyển của tôi.

Các bạn tôi đợi chúng tôi tại làng. Họ đã hoàn toàn thất bại trong việc đi tìm những “Người Tuyết”. Sau năm ngày đi tìm, họ đã mệt mỏi và bỏ cuộc. trên đường về, họ chú ý đến cái bóng đen của một người in rõ trên nền trời xanh trên một đỉnh núi cách đó chừng hai ngàn

thước. Trước khi họ có thể sử dụng ống dòm, thì người ấy đã biến mất. Họ chỉ nhìn thấy cái bóng ấy trong một thời gian rất ngắn, và chỉ có ấn tượng rằng người ấy có hình thù giống như khỉ có lông dài. Họ hối hả đi đến nơi mà cái bóng đen đã xuất hiện, nhưng không thấy dấu vết gì cả. Họ dùng thì giờ còn lại trong ngày để thám hiểm vùng chung quanh nhưng không kết quả, và sau cùng đành phải bỏ qua việc ấy.

Sau khi nghe lời tường thuật của tôi, các bạn tôi muốn trở lại viếng ngôi đền, nhưng đức Tuệ Minh cho họ biết rằng chúng tôi sắp đến viếng một ngôi đền tương tự nên họ bèn bỏ qua ý định trên. Một số lớn dân các vùng lân cận đã tụ họp tại làng này để xin chữa bịnh, vì những người biết chuyện đã đồn đãi tin tức khắp nơi, và thuật chuyện bốn dân làng bị bọn “Người Tuyết” bắt đi đã được cứu thoát. Ngày hôm sau, chúng tôi tham dự các cuộc hội họp và đã chứng kiến vài trường hợp chữa bịnh thật lạ kỳ. Một thiếu phụ độ chừng hai mươi tuổi bị cóng lạnh và tê liệt hai bàn chân trong mùa đông năm trước, nay đã bình phục. Chúng tôi được nhìn thấy chỗ thịt bị hư nát đã liền lại trước mắt chúng tôi cho đến khi

hai bàn chân trở lại bình thường và cô ấy có thể đi đứng một cách hoàn toàn tự nhiên. Hai người mù đã thấy lại được ánh sáng trong số đó hình như có một người bị mù từ thuở mới sinh ra. Nhiều chứng bịnh khác cũng được chữa khỏi. Tất cả những người bịnh đều có vẻ rất xúc động bởi những lời nói của các Chân Sư.

Sau buổi hội họp, chúng tôi hỏi đức Tuệ Minh rằng việc chữa khỏi bịnh này có lôi cuốn được nhiều người hay chăng? Ngài đáp:

-Nhiều người thật sự đã được giúp đỡ nên điều ấy đã khêu gợi sự chú ý của họ. Vài người bắt đầu làm việc công quả trong một thời gian. Nhưng phần nhiều thì không bao lâu sẽ quay về đường cũ với những thói quen cố hữu của họ. Họ đo lường sự cố gắng mà họ phải làm và thấy nó quá lớn. Hầu hết đều sống một cuộc đời dễ dãi và không lo lắng. Trong số những người tự cho mình là có đức tin, chỉ có độ một phần trăm là bắt tay vào việc một cách nghiêm chỉnh. Kỳ dư đều hoàn toàn sở cậy nơi kẻ khác để được giúp đỡ khi họ gặp khó khăn. Đó là cái nguyên nhân chính của những phiền lụy của họ. Họ cả quyết có thể giúp đỡ bất cứ ai muốn họ giúp

đỡ nhưng tỏ ra bất lực không giúp đỡ được ai. Họ có thể nói về cái kho ân huệ thiêng liêng mà họ sử dụng để giúp đỡ những người bịnh của họ. Nhưng muốn thật sự tắm gội trong cái kho ân huệ đó, người ta phải chấp nhận nó và chứng minh sự hiện hữu của nó bằng cách thật sự lập công bồi đức và làm những công quả của một đời sống thánh thiện.

III

Sáng ngày hôm sau, chúng tôi rời khỏi làng cùng với hai người dân làng dường như đã có làm việc công quả tâm linh. Chiều ngày thứ ba, chúng tôi đến một làng ở cách làng của Thánh Jean Baptiste hai mươi cây số. Tôi rất mong ước các bạn tôi có thể được xem những tài liệu mà tôi đã thấy. Chúng tôi bèn quyết định ở lại làng thứ hai này và Dật Sĩ cùng đi với chúng tôi. Những bản văn kiện làm cho các bạn tôi vô cùng thích thú và giúp chúng tôi vẽ một bản đồ với những lộ trình di chuyển của Thánh Jean Baptiste.

Chiều hôm đó, vị Chân Sư đi cùng với toán thứ tư đến và nghỉ lại đêm với chúng tôi. Ngài đem đến cho

chúng tôi những thông điệp của toán thứ nhất và toán thứ ba. Ngài sinh ra ở làng này và đã sống ở đó từ nhỏ đến lớn. Chính những vị tổ tiên của ngài đã soạn thảo những văn kiện này và những tài liệu đã được gia tộc luôn luôn giữ gìn cẩn thận. Ngài thuộc giòng dõi nhiều đời của vị tác giả các văn kiện trên, và không có người nào trong gia tộc đã từng kinh nghiệm về sự chết. Các vị nhân viên trong gia tộc đã từng kinh nghiệm về sự chết. Các vị nhân viên trong gia tộc đều có khả năng di chuyển thể xác đi ngao du trong cõi vô hình và trở về tùy ý muốn. Chúng tôi hỏi rằng có điều chi trở ngại chăng, nếu chúng tôi mời vị tác giả các văn kiện vui lòng đến nói chuyện với chúng tôi. Vị Chân Sư đáp rằng không có gì trở ngại và định rằng cuộc gặp gỡ sẽ diễn ra vào ngay tối hôm đó.

Chúng tôi đang ngồi đợi trong ít lâu, thì một người trạc độ ba mươi lăm tuổi thình lình xuất hiện trong gian phòng. Người ấy được giới thiệu cho chúng tôi, và chúng tôi bắt tay nhau. Diện mạo người ấy làm cho chúng tôi ngạc nhiên đến mức câm lặng, vì chúng tôi tưởng rằng sẽ gặp một người rất cao tuổi. Người ấy có

vóc dạc trung bình với những nét vạm vỡ, nhưng gương mặt người đượm một vẻ hiền lành nhân hậu rõ rệt mà tôi chưa từng thấy bao giờ. Mỗi cử chỉ của người biểu lộ một tâm hồn cương nghị và dũng mãnh. Một vầng hào quang lạ lùng toát ra từ toàn thân người.

Trước khi an tọa, đức Tuệ Minh, Dật Sĩ, vị Chân Sư, và người khách lạ cùng nắm tay nhau một lúc trong một cơn im lặng hoàn toàn. Kế đó, tất cả chúng tôi đều ngồi xuống, và người lạ mặt vừa xuất hiện trong gian phòng bèn cất tiếng nói:

-Các bạn yêu cầu sự gặp gỡ tối nay để hiểu rõ hơn những bản văn kiện đã được đọc và diễn đạt cho các bạn. Chính tôi là người đã soạn thảo và giữ gìn những văn kiện đó. Những tài liệu nói về Thánh Jean Baptiste và đã làm cho các bạn ngạc nhiên, tường thuật lại những sự việc có thật về thời gian lưu trú của ngài ở tại đây với chúng tôi. Như người ta được biết, ngài là một người có kiến thức sâu rộng, và một trí óc tuyệt vời. Ngài nhận thức cái chân lý của giáo phái chúng tôi, nhưng dường như ngài không bao giờ có thể đồng hóa nó một cách trọn vẹn, vì nếu như vậy, thì ngài đã không bao giờ chết.

Tôi vẫn thường hay ngồi trong gian phòng này, và nghe Thánh Jean cùng cha tôi đàm luận. Chính tại đây mà Thánh Jean đã được thụ huấn một phần lớn giáo lý của cha tôi truyền lại. Chính là tại đây mà cha tôi qua đời và đem cả thể xác của người đi luôn, điều này Thánh Jean đã chứng kiến tận mắt. Tất cả những người trong gia đình bên nội cũng như bên ngoại tôi đều đã đem thể xác đi luôn khi họ qua đời. Sự qua đời đó, tức là một giai đoạn chuyển tiếp, có nghĩa là thể xác của họ là một vật toàn hảo về mặt tâm linh. Người ta trở nên ý thức được cái ý nghĩa tâm linh của cuộc đời, ý nghĩa của Thượng Đế, đến mức độ nhìn cuộc đời bằng cái tầm nhãn quang của Thượng Đế. Khi đó, người ta thụ hưởng cái đặc ân tiếp nhận được những giáo lý cao siêu nhất và người ta có thể giúp đỡ tất cả mọi người.

Chúng tôi không bao giờ đi xuống từ cái trạng thái tâm thức đó, vì những người nào đã đạt tới đó không có ý muốn rớt xuống thấp hơn. Họ biết rằng đời người là một sự tiến hóa không ngừng. Không có thoái bộ hay thoái hóa, và không ai muốn đi thụt lùi trở lại. Tất cả đều đưa tay ra để giúp đỡ những người đi tìm ánh sáng. Họ

gửi thường xuyên những thông điệp trong vũ trụ càn khôn. Trong tất cả các vùng trên thế giới ngày nay đều có những người thụ cảm đã diễn đạt những thông điệp đó. Chính là để làm cái việc phụng sự đó mà chúng tôi muốn đạt tới cái cõi giới, hay cái trạng thái tâm thức kể trên. Tất cả chúng ta đều có thể và đều muốn giúp đỡ, phụng sự, bằng cách này hay cách khác. Chúng tôi có thể nói chuyện với những tâm hồn thụ cảm, giáo dục họ, và nâng cao tâm thức họ hoặc trực tiếp, hoặc do một người trung gian. Chúng tôi làm tất cả những việc đó. Nhưng một người trung gian không thể làm công việc giùm cho kẻ khác hoặc huấn luyện họ mãi mãi. Người ta phải quyết định tự mình làm công việc đó và bắt tay vào việc. Chừng đó người ta được tự do và chỉ trông cậy vào sức mình.

Đức Jesus ý thức được rằng thể xác là một vật tâm linh và bất diệt. Khi tất cả mọi người đều đạt tới trạng thái tâm thức đó, chúng ta có thể cảm thông với tất cả và phổ biến trong quần chúng cái giáo lý mà chúng ta đã nhận được. Chúng tôi hưởng thụ cái đặc ân được biết rằng mỗi người đều có thể thực hiện những công trình

giống như của chúng tôi và giải quyết tất cả mọi vấn đề khó khăn của cuộc đời. Tất cả những khó khăn và phiền toái sẽ trở nên giản dị. Dung mạo bề ngoài của tôi không khác gì các bạn hay những người mà các bạn vẫn gặp thường ngày. Và tôi không thấy một sự khác biệt nào giữa các bạn với tôi.

Chúng tôi nói rằng chúng tôi nhận thấy nơi người một cái gì tốt đẹp hơn chúng tôi vô cùng. Người đáp:

-Đó chỉ là sự so sánh giữa cái hữu diệt và cái bất tử. Các bạn hãy nhìn thấy tính chất thiêng liêng của mỗi người mà không cần so sánh người ấy với những người khác, rồi các bạn sẽ thấy họ cũng giống như tôi. Các bạn hãy tìm kiếm Phật tánh trên gương mặt của mỗi người rồi các bạn sẽ thấy ngay Phật tánh hiện trên mặt họ. Chúng tôi tránh mọi sự so sánh. Chúng tôi chỉ nhìn thấy Phật tánh ở tất cả mọi người và bất cứ lúc nào. Làm như thế, chúng tôi trở nên vô hình vô ảnh đối với các bạn. Nhờ có tầm nhãn quang toàn vẹn, bao quát nên chúng tôi nhìn thấy sự toàn thiện toàn mỹ, trái lại, với một nhãn quang thiếu sót, các bạn chỉ nhìn thấy có sự bất toàn. Các bạn có thể cho rằng giáo lý của chúng tôi

xuất xứ từ nguồn cảm hứng thiêng liêng cho đến khi mà các bạn được thụ huấn với một vị Chân Sư và có thể nâng cao tâm thức của mình đến mức nhìn thấy và nói chuyện với chúng tôi như bây giờ. Không có sự cảm hứng nào trong việc nói chuyện hay thử nói chuyện với một người. Giáo lý của chúng tôi đưa người hành giả đến mức độ mà họ có thể nhận được nguồn cảm hứng thiêng liêng thật sự. Nhưng nguồn cảm hứng đó chỉ có thể đến trực tiếp từ Thượng Đế mà thôi. Bằng cách để cho Thượng Đế tự biểu lộ xuyên qua các bạn, các bạn sẽ sống với chúng tôi…

IV

Sáng ngày hôm sau, chúng tôi thức dậy sớm và sẵn sàng dùng điểm tâm vào lúc sáu giờ rưỡi. Khi chúng tôi đi từ quán trọ ngang qua đường lộ để đến tiệm ăn, chúng tôi gặp các Chân Sư cùng đi một đường. Các Ngài vừa đi vừa nói chuyện với nhau như mọi người thường. Các Ngài lên tiếng chào chúng tôi và chúng tôi bày tỏ sự ngạc nhiên mà thấy các Ngài sống bình dị như vậy. Các Ngài đáp:

-Chúng tôi cũng chỉ là người như các bạn vậy. tại sao các bạn lại cứ một mực coi chúng tôi là khác thường? Chúng tôi không khác các bạn ở một điểm nào cả. Chúng tôi chỉ có phát triển nhiều hơn những quyền năng mà Thượng Đế ban cho tất cả chúng ta.

Chúng tôi bèn hỏi:

-Vậy tại sao chúng tôi không thể thực hiện những công trình giống như của các Ngài?

-Tất cả những người mà chúng tôi tiếp xúc, tại sao họ không theo chúng tôi và không bắt tay vào việc làm của chúng tôi? Chúng tôi không thể và cũng không muốn bắt buộc ai theo chúng tôi. Mỗi người có quyền tự do sinh hoạt và đi theo con đường mà họ chọn lựa tùy sở thích. Chúng tôi chỉ muốn vạch cho họ thấy con đường dễ dàng và giản dị mà chúng tôi đã đi thử và nhận thấy là rất mỹ mãn.

Chúng tôi ngồi vào bàn ăn và câu chuyện xoay về những diễn biến của đời sống hằng ngày. Tôi lấy làm say mê thích thú và vô cùng thán phục. Bốn vị siêu nhân

ngồi trước mặt chúng tôi. Một vị đã hoàn thành từ hai nghìn năm nay phép tinh luyện xác thân đến mức có thể di chuyển thể xác đi bất cứ nơi nào tùy ý muốn. Ngài đã sống một nghìn năm trên địa cầu và vẫn duy trì sự hoạt động trẻ trung của một người ba mươi lăm tuổi.

Ngồi kế bên Ngài là một người trong thân quyến, nhưng trẻ hơn đến năm thế hệ. Vị này tuy đã sống trên bảy trăm năm trên Trái Đất, nhưng bề ngoài xem có vẻ chưa đến bốn mươi tuổi. Ngài và vị tổ tiên năm đời của Ngài có thể nói chuyện với nhau một cách rất tự nhiên như hai người thường.

Kế đó là đức Tuệ Minh, ngài đã sống trên năm trăm năm và bề ngoài xem như một người sáu mươi tuổi. Sau cùng là Dật Sĩ, bốn mươi tuổi và có cái dung mạo tương đương với người ở tuổi ấy. Bốn vị nói chuyện với nhau như anh em, không một mảy may lộ vẻ tự tôn. Tuy câu chuyện thật giản dị khả ái, mỗi lời nói của các Ngài đều biểu lộ một sự hợp lý hoàn toàn và chỉ rằng các Ngài biết rõ tận tường đề tài thảo luận. Các Ngài không có lộ vẻ gì là huyền thoại hay bí mật. Các Ngài xử sự như những người thường trong công việc hằng ngày. Tuy

vậy, đôi khi tôi cũng cảm thấy khó tin rằng đó không phải là chuyện xảy ra trong giấc mơ.

Sau bữa ăn sáng, một trong những người bạn tôi đứng dậy để trả tiền. Đức Tuệ Minh nói:

-Ở đây các bạn là khách của tôi.

Nói xong, Ngài đưa tay về phía bà chủ quán, mà chúng tôi còn tưởng rằng đó là một bàn tay không. Chừng xem lại, chúng tôi thấy bàn tay Ngài cầm đúng số tiền ghi trên tờ hóa đơn tính tiền bữa ăn. Các vị Chân Sư không đem tiền bạc theo trong mình và không cần ai cung cấp tiền bạc. Khi cần dùng, tiền bạc luôn luôn có sẵn trong tầm tay, mà các Ngài lấy trực tiếp từ chất Tiên Thiên Khí trong vũ trụ.

Khi bước chân ra khỏi quán, vị Chân Sư đi cùng với toán thứ tư bắt tay chúng tôi và nói rằng người phải trở về toán của Ngài, rồi biến mất dạng. Chúng tôi ghi nhận giờ phút mà Ngài biến mất và về sau chúng tôi có kiểm điểm lại thì thấy Ngài đã trở về toán của Ngài không đầy mười phút sau khi từ giã chúng tôi.

Suốt ngày hôm đó, chúng tôi cùng đức Tuệ Minh, Dật Sĩ và vị Sư Tổ, tác giả các văn kiện, đi dạo chơi trong làng và các vùng phụ cận. Vị Sư Tổ thuật lại cho chúng tôi nghe với rất nhiều chi tiết, vài sự việc xảy ra trong khoảng mười hai năm mà Thánh Jean Baptiste đã lưu trú trong làng này. Những chuyện đó được kể lại một thời dĩ vãng xa xăm bên cạnh Thánh Jean. Từ trước đến giờ, chúng tôi vẫn coi Ngài như một nhân vật huyền thoại do thiên hạ bày đặt ra để lòe đời. Kể từ ngày đó, đối với tôi Ngài đã trở nên một nhân vật lịch sử và có thật. Tôi tưởng tượng lúc đương thời Ngài cũng đã từng đi dạo như chúng tôi trong làng này và ở các vùng chung quanh, và được các Chân Sư cao cả truyền dạy những pháp môn mà Ngài không hoàn toàn hấp thụ được những chân lý căn bản.

Trong ngày hôm đó, chúng tôi đi đó đi đây, vừa nghe kể lại những câu chuyện lịch sử thú vị, vừa nghe giảng dạy và phiên dịch những văn kiện lịch sử ở ngay tại chỗ mà những câu chuyện tường thuật ấy đã xảy ra hằng bao nhiêu ngàn năm trở về trước. Kế đó, chúng tôi trở về làng trước khi trời tối, ai nấy đều mệt mỏi.

Ba vị siêu nhân cũng đi bộ như chúng tôi, nhưng không lộ vẻ mệt mỏi chút nào. Trong khi chúng tôi mình mẩy lấm bùn lầy, cát bụi và mồ hôi, thì các Ngài đều có vẻ tươi tỉnh, thư thái, và y phục của các Ngài mặc đều trắng tinh như lúc mới bắt đầu ra đi. Chúng tôi đã nhận thấy, trong những chuyến xuất hành đã qua, rằng y phục của các Chân Sư không hề bị hoen ố, và chúng ta vẫn thường nói lên sự nhận xét đó, nhưng không được trả lời.

Chiều hôm đó, chúng tôi lại nêu câu hỏi về vấn đề ấy thì vị Sư Tổ đáp:

-Điều ấy làm các bạn ngạc nhiên, nhưng chúng tôi còn ngạc nhiên hơn nhiều mà thấy rằng một mảy may bụi bậm vật chất của Thượng Đế tạo ra lại có thể dính vào một nhân vật cũng do Thượng Đế sáng tạo mà nó không tùy thuộc quyền sở hữu, ở một nơi mà người ta không muốn cho nó dính vào. Với một quan niệm đúng đắn, điều ấy sẽ không thể xảy ra, vì không một mảy may bụi bặm vật chất nào của Thượng Đế có thể được đặt vào một chỗ mà người ta không muốn.

Một lát sau đó, chúng tôi nhận thấy rằng y phục và thân thể của chúng tôi cũng sạch sẽ trơn tru như các Chân Sư, sự biến đổi này diễn ra trong nháy mắt trên thân mình tôi và các bạn của tôi. Mọi dấu vết của sự mệt nhọc đều đã biến mất và chúng tôi cảm thấy khỏe khoắn nhẹ nhàng cũng như mình vừa mới ngủ thức dậy và đã tắm rửa xong. Đó là cách trả lời cho những sự thắc mắc của chúng tôi. Đêm ấy, chúng tôi đi ngủ với một niềm yên tĩnh thâm trầm sâu xa nhất trong tâm hồn mà chúng tôi chưa hề cảm thấy bao giờ kể từ khi chúng tôi bắt đầu sống chung với các vị Chân Sư. Sự kính sợ của chúng tôi đã biến đổi nhanh chóng thành một tình thương sâu xa đối với những tấm lòng cao quý hồn nhiên của các Ngài, là những đấng Cao Cả đã làm biết bao nhiêu việc tốt lành cho nhân loại. Các Ngài gọi tất cả mọi người là bằng hữu, anh em, và chúng tôi cũng bắt đầu coi các Ngài như những bậc Anh Cả. Các Ngài không tự gán cho mình một giá trị nào cả, và luôn luôn nói rằng chính Thượng Đế đã biểu lộ xuyên qua các Ngài. Các Ngài nói:

-Riêng tôi, tôi không thể làm gì được. Chính Thượng

Đế ngự nơi tôi, Ngài đã làm tất cả mọi việc.

Sáng ngày hôm sau, lúc ăn điểm tâm, có người báo tin cho biết rằng ngày ấy chúng tôi sẽ đi đến một làng ở tận trên cao trong vùng núi. Từ đó chúng tôi sẽ đi đến ngôi đền trên đỉnh của một ngọn núi mà tôi đã nhìn thấy ở đằng xa từ trên một đỉnh núi cao hơn mà tôi đã diễn tả trước đây. Vì đường núi cheo leo, chúng tôi không thể đi ngựa trên một quãng đường dài hơn hai mươi lăm cây số. Chúng tôi đem hai người dân làng đi theo trên quãng đường này, rồi giao ngựa cho họ dắt đi đến một thôn ấp nhỏ ở gần bên và giữ ngựa tại đó để chờ chúng tôi đi bận về. Mọi việc xảy ra như đã dự định. Chúng tôi giao ngựa cho hai người dân làng và bắt đầu đi theo con đường núi nhỏ hẹp đưa đến làng trên núi. Vài đoạn đường núi này là những nấc thang tam cấp đục trong vách đá.

Chúng tôi đến nơi vào lúc bốn giờ chiều. Ngôi đền dựng trên một đỉnh núi nhìn thẳng xuống xóm làng. Vách núi dốc đứng cheo leo đến nỗi muốn lên tới đỉnh, người ta phải thòng xuống một cái thúng đương bằng mây để du khách ngồi vào đó và dùng dây kéo lên. Cái thúng dùng để đưa khách lên tới đỉnh núi và cũng dùng

để đưa khách từ trên đỉnh đi xuống phía dưới.

Khi chúng tôi đã sẵn sàng, người ta thòng cái thúng xuống và chúng tôi được kéo lên từng người một cho đến nơi có một mõm đá nhô ra ngoài, chỗ này bề cao đến một trăm ba chục thước khỏi mặt đất. Đến đây, chúng tôi bước ra khỏi thúng và theo đường nhỏ lên tận ngôi đền ở trên đỉnh núi cách đó độ một trăm bảy mươi lăm thước bề cao, vách của ngôi đền liền với vách của núi đá. Chúng tôi được cho biết rằng còn phải lên một chuyến thứ nhì cũng giống y như chuyến thứ nhất. Thật vậy, chúng tôi thấy từ ngôi đền nhô ra một cây đà bằng gỗ rất lớn giống như cây đà gie ra từ mõm đá lúc nãy. Từ cái trục ở phía trên người ta thòng xuống một sợi dây cói để cột vào cái thúng bằng mây lúc nãy, và chúng tôi lại được kéo lên từng người một đến tận nóc bằng của ngôi đền.

Lại một lần nữa, tôi có cảm tưởng như đang ở trên nóc tột đỉnh của thế giới. Đỉnh núi này nhô lên ba trăm thước cao hơn các ngọn núi ở vùng chung quanh. Làng mà từ đó chúng tôi bắt đầu ra đi, còn ở trên cao hơn nữa, trên đỉnh một truông núi mà người ta dùng để vượt

qua dãy Hy Mã Lạp Sơn. Đền này còn ở ba trăm năm chục thước thấp hơn ngôi đền mà trước đây chúng tôi đã cùng viếng chung với đức Tuệ Minh và Dật Sĩ, nhưng ở đây tầm nhãn quang có thể nhìn bao quát hơn nhiều. Dường như chúng tôi có thể nhìn vào chỗ không gian vô tận.

Người ta dọn cho chúng tôi một chỗ nghỉ đêm thật thoải mái tiện nghi. Ba vị siêu nhân cho chúng tôi biết rằng các vị sắp đi viếng vài nhóm đoàn viên ở rải rác khắp nơi và các vị sẵn lòng chuyển thông điệp của chúng tôi cho họ. Chúng tôi bèn viết thơ cho các bạn hữu và có ghi cẩn thận ngày giờ và địa điểm. Chúng tôi giữ lại một bổn sao của những thông điệp, về sau chúng tôi kiểm điểm lại thì được biết rằng tất cả các thông điệp đều được giao tận nơi không đầy hai mươi phút sau khi gởi đi. Khi chúng tôi đưa những thông điệp cho các vị siêu nhân, các vị bắt tay từ giã chúng tôi và hẹn gặp nhau lại vào sáng ngày hôm sau, rồi các vị biến mất.

Sau bữa ăn chiều ngon lành do những người coi đền dọn ra, chúng tôi lui về phòng yên nghỉ nhưng không ngủ được, vì những kinh nghiệm vừa qua bắt đầu gây

cho chúng tôi những ấn tượng sâu xa. Chúng tôi đang ở trên một chiều cao ba ngàn thước khỏi mặt đất, không một người nào ở kế cận trừ ra những người coi đền, và không một tiếng động nào khác hơn là giọng nói của chúng tôi. Bầu không khí chung quanh thật hoàn toàn yên lặng.

Chúng tôi có dặn một người coi đền hãy đánh thức chúng tôi dậy khi trời vừa rạng sáng. Y gõ cửa trong khi tôi vừa chợp mắt ngủ chưa được bao lâu. Chúng tôi sửa soạn mặc quần áo xong, hối hả chạy mau ra sân thượng để ngắm nhìn mặt trời mọc ở vùng núi. Trong cơn vội vàng chúng tôi gây nhiều tiếng động ầm ĩ đến nỗi những người gác đền hoảng kinh chạy ra xem có phải là chúng tôi đã loạn trí chăng! Tôi nghĩ rằng chắc là không bao giờ ngôi đền này đã trải qua một cơn náo động như thế từ ngày nó được dựng lên, nghĩa là từ trên mười nghìn năm nay. Thật vậy, ngôi đền này cổ xưa đến nỗi nó đồng hóa làm một với cái đỉnh núi.

Khi ra đến sân thượng, không ai cần bảo ai nên giữ im lặng nữa, vì mọi sự dặn dò đều là thừa. Vừa nhìn ra ngoài, hai bạn tôi đã đứng lặng người, miệng há hốc, hai

mắt dương lên thật lớn. Tôi tưởng chứng chắc là tôi cũng đã làm như vậy. Tôi còn đợi xem họ nói gì, thì họ đã đồng thanh la lớn:

-Chúng ta hẳn là bị treo lơ lửng trên không gian!

Sự xúc động và ngạc nhiên của họ thật giống y như của tôi khi tôi vừa lên tới nóc đền ở đỉnh núi bên kia trước đây không lâu. Họ đã quên trong một lúc rằng hai chân họ vẫn chấm đất và họ có cảm giác như đứng phất phơ trong không gian. Một bạn tôi nói:

-Tôi không ngạc nhiên nếu các vị Chân Sư có thể bay nhẹ trên không gian sau khi đã có cái cảm giác như chúng ta vừa rồi.

Một chuỗi cười ngắn kéo chúng tôi trở về thực tế. Chúng tôi quay lại nhìn thì thấy ngay sau lưng chúng tôi có đức Tuệ Minh, Dật Sĩ và vị Sư Tổ, tác giả các văn kiện. Một bạn tôi cao hứng muốn chạy lại bắt tay hết thảy các vị cùng một lúc, và nói:

-Thật là kỳ diệu. Không ai lấy làm ngạc nhiên nếu các

vị có thể bay bổng lên trên không, sau khi đã lưu trú tại đây.

Các vị mỉm cười, và một vị nói:

Các bạn cũng có thể bay bổng như chúng tôi. Các bạn chỉ cần biết từ trong nội tâm rằng các bạn có cái quyền năng đó rồi các bạn hãy sử dụng nó.

Chúng tôi ngắm nhìn phong cảnh. Sương mù đã hạ thấp xuống và bay từng đợt phất phơ theo chiều gió, nhưng cũng hãy còn khá cao nên người ta không thể nhìn thấy dưới đất. Những đợt sương mù di chuyển làm cho chúng tôi có cái cảm giác như được chở đi trên đôi cánh im lặng của một con chim khổng lồ. Nhìn về phía xa, người ta mất cả ý thức về trọng lượng của mình, và thật là khó mà tưởng tượng rằng mình đang bay lướt trong không gian. Riêng phần tôi, tôi đã mất ý thức về trọng lượng của mình đến nỗi tôi đã nhẹ mình bay lơ lửng trên nóc đền. Thình lình một tiếng động làm cho tôi té nặng đến nỗi tôi cảm thấy một sự xúc động mà hậu quả hãy còn tồn tại nhiều ngày mới hết.

Sáng hôm ấy, chúng tôi quyết định ở lại ngôi đền này trong ba ngày, vì chỉ còn một nơi thú vị để đi thăm viếng trước khi gặp lại những toán khác. Đức Tuệ Minh đã đem tới những thông điệp. Một thông điệp cho biết rằng toán của vị trưởng nhóm chúng tôi đã đến viếng ngôi đền này chỉ mới cách đây ba ngày. Sau bữa ăn điểm tâm, chúng tôi bước ra ngoài để nhìn xem sa mù tan dần. Chúng tôi ngắm nhìn cho đến khi sa mù biến tan đi mất và mặt trời ló dạng. Người ta nhìn thấy thôn ấp nhỏ ẩn dưới triền núi và thung lũng diễn ra tận đằng xa. Vì các vị siêu nhân đã quyết định đến viếng thôn ấp này, nên chúng tôi xin phép đi theo các vị. Các vị vừa nhận lời vừa cười, và khuyên chúng tôi nên sử dụng cái thúng bằng mây để thòng xuống đất. Các vị nói rằng đi bằng cách đó thì khi đến nơi, chúng tôi sẽ có cái hình dáng bề ngoài dễ coi hơn là nếu chúng tôi sử dụng phương pháp di chuyển của các vị. Người ta bèn dùng cái thúng thòng chúng tôi từng người một xuống tận chỗ mõm đá nhô ra ở giữa chừng, và từ đó, xuống vùng cao nguyên nhìn xuống dưới làng, và ở lại đây suốt ngày hôm đó.

Đó là một làng cổ có những nét dị kỳ, đặc biệt của

vùng sơn cước này. Nó gồm có độ hai mươi nhà đục trong triền núi, và cửa nẻo đều đóng kín bằng những phiến đá lớn. Người ta xây cất nhà kiểu này để tránh cho nhà khỏi bị đè bẹp dưới trọng lượng của tuyết mùa đông. Chúng tôi được cho biết rằng Thánh Jean Baptiste và được thụ huấn về Đạo Lý trong đền. Đền này vẫn còn nguyên vẹn như hồi xưa. Làng này và ngôi đền đã được lập nên ít nhất sáu nghìn năm trước khi Thánh Jean đến viếng nơi này. Vào lúc năm giờ chiều, vị Sư Tổ, tác giả các văn kiện bắt tay từ giã chúng tôi và nói Ngài phải vắng mặt nhưng sẽ trở lại trong giây lát. Kế đó Ngài biến mất dạng.

Chiều hôm đó, từ trên nóc đền chúng tôi ngắm nhìn cảnh mặt trời lặn lạ lùng nhất chưa từng thấy, tuy rằng tôi đã có dịp may nhìn thấy cảnh trời chiều ở hầu hết khắp nơi trên thế giới.

Chúng tôi ngồi trên sân thượng đến nửa đêm, vừa nói chuyện vừa hỏi đức Tuệ Minh và Dật Sĩ về nhiều vấn đề, nhất là về địa hình, địa vật và lịch sử của vùng này. Đức Tuệ Minh đưa ra nhiều chú thích trong các văn kiện mà các Chân Sư từng biết rõ. Những văn kiện ấy chứng tỏ

rằng xứ này đã từng có người ở từ nhiều ngàn năm trước thời kỳ có lịch sử của thế giới.

Chúng tôi đang ngắm vầng trăng rằm trong sáng xuất hiện trên dãy núi đằng xa ở tận chân trời. Thình lình, chúng tôi nghe có tiếng động ở phía sau lưng. Chúng tôi quay lại nhìn thì thấy một bà mệnh phụ trạc độ ngũ tuần đang đứng đó và vừa mỉm cười vừa hỏi rằng sự xuất hiện thình lình của bà có làm cho chúng tôi sợ hãi không? Trước hết chúng tôi có cảm tưởng rằng bà ấy đã nhảy từ trên bờ tường xuống sân thượng, nhưng sự thật thì bà ấy chỉ có dậm chân để làm cho chúng tôi chú ý, và sự im lặng thâm trầm của miền núi lúc ban đêm đã làm vang dội âm thanh ấy lên gấp bội phần. Đức Tuệ Minh mau bước tới chào mệnh phụ và giới thiệu chị ngài với chúng tôi. Bà mỉm cười và hỏi bà có làm rộn chúng tôi không?

Chúng tôi an tọa, và câu chuyện xoay chung quanh những kỷ niệm cùng những kinh nghiệm về công việc phụng sự trong cuộc đời tu hành của bà. Bà có ba người con trai và một người con gái, tất cả đều được giáo dục trong cùng một tinh thần như của bà. Chúng tôi hỏi có

các con bà cùng đi không? Bà đáp rằng hai người con nhỏ nhất không bao giờ rời bà. Chúng tôi yêu cầu được gặp các con bà. Bà đáp rằng họ cũng đang rảnh việc, và ngay lúc đó xuất hiện hai người, một người nam và một người nữ. Hai người này chào cậu và mẹ, rồi tiến tới để được giới thiệu với tôi và hai bạn tôi. Người con trai cao lớn vạm vỡ, có dáng hào hùng, đầy nam tính, trạc độ chừng ba mươi tuổi. Người con gái vóc dạc hơi nhỏ, dáng điệu thanh tân, với những nét diễm kiều. Đó là một thiếu nữ đẹp và trạc độ hai mươi tuổi. Về sau chúng tôi được biết rằng người nam có đến một trăm mười lăm tuổi và người nữ đã một trăm hai mươi tám tuổi. Chúng tôi còn ngồi đàm đạo đến quá nửa đêm mới chia tay nhau.

Qua ngày hôm sau, các vị siêu nhân tỏ ý muốn từ giã chúng tôi để ra đi. Chỉ còn có Dật Sĩ ở lại với chúng tôi, và ngày kế đó đến lượt chúng tôi cũng sửa soạn lên đường. Mặc dầu trời hãy còn chưa sáng, hầu hết tất cả dân làng đều thức dậy rất sớm để tiễn đưa chúng tôi.

Chương 4

Vị mẫu thân của Chân Sư Tuệ Minh – Một buổi dạ tiệc với các Chân Sư – Người thiếu phụ đẹp tuyệt trần – Tình Bác Ái thiêng liêng.

I

Trong năm ngày kế đó, con đường của chúng tôi đi xuyên qua vùng mà ngày xưa Thánh Jean đã từng đi qua. Qua ngày thứ năm, chúng tôi đến nơi thôn ấp mà những người giữ ngựa đã ở lại để chờ đợi chúng tôi. Đức Tuệ Minh đã có mặt tại đây và kể từ lúc đó, cuộc hành trình được tương đối dễ dàng cho đến khi chúng tôi đến nơi làng của ngài sinh trưởng. Khi gần đến làng, chúng tôi nhận thấy vùng này có khá đông dân cư, những đường lộ và đường mòn đều tốt hơn những đường mà chúng tôi đã đi qua từ trước đến giờ. Nhưng trong những giờ kế đó, chúng tôi đi qua một vùng cao nguyên

lồi lõm với một địa thế vô cùng cheo leo hiểm trở. Làng có tường đá bọc chung quanh như thành quách để làm hệ thống phòng thủ.

Người ta nói rằng vùng này trước kia là nơi cư trú của một bộ lạc thổ dân sống biệt lập với thế giới bên ngoài; về sau họ đã lần lần biệt tích và không còn để lại dấu vết. Một thiểu số còn lại đã xáp nhập với những bộ lạc khác ở quanh vùng. Đó là nơi quê hương của đức Tuệ Minh và là nơi mà các đoàn viên của phái bộ chúng tôi hẹn gặp nhau trở lại. Những đoàn viên này đã chia ra từng toán nhỏ để thi hành công tác trên một vùng lãnh thổ rộng lớn.

Khi hỏi lại thì được biết rằng chúng tôi là toán đến đây trước tiên, và những toán khác cũng sẽ đến nơi nội trong ngày hôm sau. Chúng tôi được chỉ định nơi trú ngụ trong một ngôi nhà ba tầng lầu dựa vách tường làng. Người ta dọn cho chúng tôi một nơi tạm nghỉ khá tiện nghi và cho biết rằng bữa cơm chiều sẽ được dọn ra ở từng dưới. Khi chúng tôi bước xuống từng dưới thì thấy ngồi quanh bàn ăn có bà chị của đức Tuệ Minh, chồng bà, và hai người con mà chúng tôi đã gặp gỡ tại ngôi

đền, cùng với đức Tuệ Minh cũng hiện diện tại đó.

Chúng tôi vừa dùng cơm chiều xong, thì nghe có tiếng động trước sân nhà. Một dân làng đến cho hay rằng một trong các toán đoàn viên vừa mới đến. Đó là toán của vị trưởng nhóm Tô Mặc. Người ta dọn bữa ăn chiều cho họ và xếp đặt cho họ nghỉ lại ban đêm cùng với chúng tôi, kế đó tất cả chúng tôi đều bước lên trên nóc bằng của ngôi nhà. Tuy mặt trời đã lặn, nhưng bóng hoàng hôn hãy còn phảng phất, và trời chưa tối hẳn.

Trong khi chúng tôi đang bình luận về giá trị phòng thủ của bức tường rào chung quanh làng, thì bà chị và cô cháu gái của đức Tuệ Minh đến với chúng tôi. Một lát sau đó, người anh rể và người cháu trai của ngài cũng đến. Chúng tôi nhận thấy các vị tỏ dấu băn khoăn mong đợi một sự gì, và bà chị của đức Tuệ Minh bèn nói cho chúng tôi biết rằng chiều nay bà trông đợi một cuộc viếng thăm của thân mẫu bà. Bà nói:

-Chúng tôi sung sướng đến nỗi cầm lòng không đậu, vì lòng yêu mến của chúng tôi đối với mẫu thân thật đậm đà dường nào. Chúng tôi yêu mến tất cả những người

sống đời sống tâm linh cao cả, vì tất cả các vị ấy đều có tâm hồn cao quý và thiêng liêng. Nhưng thân mẫu chúng tôi còn có lòng từ bi, nhân hậu, vị tha, cứu đời đến nỗi chúng tôi không thể nào yêu mến bà gấp ngàn lần. Vả lại, chúng tôi đối với bà còn có tình mẫu tử, cốt nhục. Chúng tôi biết rằng các ông cũng sẽ yêu mến bà như vậy.

Chúng tôi hỏi đức bà có thường đến đây không, thì được đáp:

-Có chứ! Mẫu thân thường đến luôn luôn khi nào chúng tôi cần đến bà. Nhưng bà mắc bận rộn công việc trong lãnh vực hoạt động của bà nên bà chỉ đến đây một năm có hai lần, và ngày hôm nay chính là ngày thăm viếng định kỳ của bà. Lần này bà sẽ ở lại với chúng tôi một tuần. Chúng tôi sung sướng đến nỗi không còn biết làm gì trong khi chờ đợi.

Câu chuyện xoay qua những kinh nghiệm của chúng tôi kể từ khi chúng tôi chia nhau đi riêng từng toán, và cuộc thảo luận đang đến hồi sôi nổi thì thình lình một cơn im lặng xâm chiếm lấy chúng tôi. Trước khi nhận

biết điều đó, tất cả chúng tôi đều ngồi im không ai nói gì và cũng không ai nghĩ ngợi điều gì. Bóng tối của ban đêm đã bao trùm khắp nơi, và dãy núi tuyết ở xa xa coi giống như một con quái vật khổng lồ. Kế đó chúng tôi nghe một tiếng động nhẹ, giống như tiếng con chim sẻ đậu dưới đất. Một đám sương mù dường như đông đặc lại từ từ ở hướng đông của vách tường rào, rồi thình lình tượng hình một cách rõ rệt. Trước mặt chúng tôi lúc đó là một người đàn bà nhan sắc diễm kiều bao phủ bởi một vòng hào quang sáng chói đến nỗi chúng tôi không thể nhìn thấy rõ tận mắt.

Cả gia quyến đều đổ xô về phía người đàn bà ấy, hai tay đưa thẳng ra phía trước và đồng thanh kêu to:

-Mẫu thân!

Bà Mã Ly nhẹ nhàng từ bờ tường bước xuống sân thượng và ôm hôn mỗi người trong thân quyến như mọi người hiền mẫu trong dịp tái ngộ với con cái. Kế đó, chúng tôi được giới thiệu với bà. Bà nói:

-À! Các ông là những huynh đệ từ Mỹ quốc xa xôi

đến đây để thăm viếng chúng tôi? Tôi rất sung sướng chúc mừng các ông. Chúng tôi ban rải tình thương cho tất cả, và nếu những người đàn ông sẵn lòng để cho chúng tôi tự nhiên, thì chắc hẳn là chúng tôi cũng ôm lấy họ trong vòng tay như tôi vừa đón mừng những người mà tôi gọi là thân bằng quyến thuộc của tôi. Vì thật ra chúng ta chỉ là thành phần của một đại gia đình, tức là gia đình những người con của Thượng Đế. Vậy tại sao chúng ta không thể sum họp tất cả với nhau như anh em một nhà?

Chúng tôi vừa nhận thấy rằng thời tiết miền núi về đêm cũng khá lạnh. Nhưng khi đức bà Mã Ly xuất hiện, thì sự hiện diện của bà tỏa ra một mãnh lực nó biến đổi bầu không khí nơi đây trở thành bầu không khí của một đêm mùa hè. Khí trời dường như đượm mùi hương của bông hoa. Một ánh sáng dịu giống như ánh trăng rằm thấm nhuần mọi vật, và làm cho cảnh vật chung quanh được bao phủ trong một sự ấm cúng lạ lùng khó tả. Tuy nhiên, các Chân Sư không biểu lộ một cử chỉ nào gọi là kiểu cách. Các Ngài có một lối xử sự thật khả ái hồn nhiên và vô cùng giản dị.

Có người đề nghị đi xuống nhà dưới. Đức bà Mã Ly và các bà phu nhân dẫn đường đi trước. Chúng tôi nối gót đi theo sau, và những người gia nhân đi sau cùng. Trong khi chúng tôi đi xuống cầu thang như thường lệ, chúng tôi nhận thấy rằng bước chân chúng tôi không gây nên một tiếng động nào. Tuy nhiên, chúng tôi không hề cố gắng giữ im lặng. Một người trong chúng tôi còn thú thật là y đã thử đi nặng bước nhưng cũng không gây tiếng vang. Dường như bàn chân chúng tôi đi không chấm đất trên sân thượng hay trên những nấc cầu thang.

Trên tầng lầu các buồng ngủ, chúng tôi bước vào một gian phòng trang hoàng rất đẹp và ngồi an tọa. Chúng tôi liền nhận thấy một sự ấm áp dễ chịu, và một ánh sáng dịu tỏa khắp phòng, mà chúng tôi không hiểu từ đâu đến. Gian phòng đắm chìm một lúc trong một cơn im lặng thâm trầm, kế đó đức bà hỏi thăm chúng tôi có chỗ nghỉ đàng hoàng tươm tất không, có được săn sóc tử tế không, và cuộc hành trình có làm chúng tôi được thỏa mãn không?

Chúng tôi nói chuyện thường về cuộc đời hằng ngày, mà bà có vẻ rất thành thạo. Kế đó câu chuyện xoay về

vấn đề đời sống của chúng tôi trong gia đình. Đức bà kể tên họ của cha mẹ, và anh chị em trong gia đình chúng tôi, và làm chúng tôi ngạc nhiên bằng cách diễn tả cuộc đời chúng tôi từng chi tiết mà không hỏi chúng tôi một câu nào. Đức bà kể những xứ mà chúng tôi đã viếng thăm, những công trình mà chúng tôi đã thực hiện, và những lỗi lầm mà chúng tôi đã mắc phải. Đức bà không nói một cách mơ hồ nó bắt buộc chúng tôi phải ráng nhớ lại những kỷ niệm cũ, mà trái lại mỗi chi tiết đều rõ ràng dường như chúng tôi sống lại những giai đoạn đã qua.

Khi các vị quý khách kiếu từ để lui về phòng riêng, chúng tôi đều bày tỏ sự ngạc nhiên mà nghĩ rằng không có ai trong các vị đã sống ít hơn một trăm tuổi, và đức bà đã có bảy trăm tuổi, trong số đó bà đã trải qua sáu trăm năm trên địa cầu và sống trong thể xác vật chất. Tuy vậy, tất cả các vị đều đầy nhiệt tính và vui tươi như ở tuổi hai mươi, điều đó thật là tự nhiên và không kiểu cách hay gượng ép chút nào. Mọi việc đã xảy ra dường như chúng tôi sống chung với những giới người trẻ.

Trước khi lui gót để về phòng riêng, các vị đã cho chúng tôi biết trước rằng sẽ có đông quan khách đến dự

bữa ăn tại quán trọ chiều ngày hôm sau, và chúng tôi cũng được mời tham dự.

II

Trưa hôm sau, tất cà các toán trong cuộc hành trình của chúng tôi đều về đến nơi. Chúng tôi trải qua suốt buổi chiều hôm đó để đối chiếu những bản ghi nhận của chúng tôi và thấy mọi sự đều ăn khớp nhau một cách đúng đắn. Khi mọi việc đã xong xuôi, chúng tôi được mời đi thẳng đến quán trọ để dùng cơm chiều. Khi đến quán trọ, chúng tôi thấy có độ ba trăm người ngồi chung quanh những bàn tiệc dài. Người ta dành cho chúng tôi những chỗ ngồi ở một đầu của gian phòng. Tất cả những bàn ăn đều có trải khăn bàn bằng vải trắng mịn rất đẹp, trên có bày chén đĩa bằng bạc và bằng sứ như một bữa dạ tiệc long trọng, tuy nhiên chỉ có một cái đèn nhỏ duy nhất để thắp sáng khắp phòng.

Sau khi chúng tôi đã ngồi an tọa được chừng hai mươi phút và tất cả các chỗ ngồi đều đầy đủ những quan khách trừ ra một vài chỗ còn trống ở rải rác đó đây, một cơn im lặng thâm trầm ngự trị khắp phòng và

trong khoảnh khắc một ánh sáng nhạt mờ đã tỏa ra khắp chốn. Ánh sáng ấy mỗi lúc càng tỏ rạng thêm dường như hằng nghìn bóng đèn điện ẩn dấu một cách khéo léo ở đâu đây đã từ từ được thắp lên. Gian phòng trong giây lát đã trở nên sáng rực, và tất cả các đồ vật đều chiếu rạng ngời. Về sau chúng tôi được biết rằng làng này không hề có hệ thống cung cấp điện lực.

Sau đó, cơn im lặng kéo dài độ một khắc đồng hồ; hình như có một đám sương mù từ từ đông đặc lại, chúng tôi nghe một tiếng động nhẹ giống như ngày hôm trước, rồi thình lình xuất hiện bà Mã Ly, thân mẫu của đức Tuệ Minh. Đám sương mù tan dần, và chúng tôi thấy cùng đứng rải rác trong gian phòng, bà Mã Ly và mười một người khác, gồm có chín người nam và hai người nữ. Tôi không biết dùng danh từ nào để diễn tả cái đẹp của cảnh tượng ấy. Thật không phải là quá đáng nếu tôi nói rằng những nhân vật ấy đã xuất hiện như một đoàn thiên thần, nhưng không có cánh. Các vị đứng yên trong một lúc, đầu hơi nghiêng về phía trước, trong một cử chỉ chờ đợi. Kế đó, vang lên những âm thanh của một ban hợp ca vô hình kèm theo một điệu nhạc thanh

tao huyền diệu nhất mà người ta có thể tưởng tượng. Tôi đã từng nghe nói về nhạc điệu thần tiên, nhưng chưa hề được nghe bao giờ; cho đến ngày hôm ấy, tôi mới biết thế nào là những âm thanh của cõi Trời. Có thể nói rằng chúng tôi nghe nhạc điệu ấy mà có cảm giác như cất nhẹ mình lên khỏi mặt ghế.

Sau bản hợp ca, mười hai vị đều bước đến chỗ ngồi của mình. Chúng tôi lại có dịp nhận thấy rằng các vị bước đi êm ru như không gây tiếng động, tuy rằng các vị không có làm một cố gắng đặc biệt nào để giữ im lặng. Khi các vị đã an tọa, một đám sương mù giống như lúc nãy lại xuất hiện, và lại tan dần, rồi mười hai vị khác nữa xuất hiện, gồm có một người nữ và mười một người nam, trong số đó có vị sư tổ, tác giả các văn kiện. Các vị đứng yên một lúc, và giọng hợp ca vô hình lại trổi lên một lần thứ nhì. Sau bài hát, mười hai vị bước đến chỗ ngồi và cũng không gây một tiếng động. Khi các vị vừa an tọa, đám sương mù lại xuất hiện một lần thứ ba, và khi nó vừa tan thì mười ba vị khác đứng xếp thành hàng, sáu người nam và bảy người nữ, xuất hiện ở đầu kia của gian phòng.

Ở chính giữa là một thiếu phụ trẻ dưới hai mươi tuổi, với ba người nam và ba người nữ đứng ở hai bên. Tất cả những người nữ đã xuất hiện cho đến khi đó đều rất đẹp, những người thiếu phụ này lại còn đẹp hơn tất cả các vị khác. Mười ba vị đến sau cũng đứng yên một lúc, đầu hơi nghiêng và nhạc điệu lại trổi lên lần nữa. Sau vài điệp khúc, tiếng hợp ca lại hòa điệu với âm nhạc. Chúng tôi đứng dậy, và trong khi nhạc khúc vẫn tiếp diễn, dường như chúng tôi thấy hàng ngàn hình bóng thần tiên vừa múa lượn chung quanh vừa hát theo một lượt. Không có giọng hát nào buồn, cũng không có một âm điệu bi thương. Nhạc điệu trổi lên với những âm thanh vui tươi nhẹ nhàng, xuất phát tự tâm hồn và truyền cảm đến người nghe, làm cho tâm hồn chúng tôi được nâng cao lần lần cho đến khi chúng tôi có cảm giác như lâng lâng thoát tục.

Sau điệu hợp ca, mười ba vị mới đến sau bước tới chỗ ngồi và an tọa, nhưng nhãn quang chúng tôi không thể tách rời khỏi nhân vật ở chính giữa, người thiếu phụ đẹp tuyệt trần này tiến đến bàn của chúng tôi cùng với hai người nữ khác đi kèm ở hai bên. Thiếu phụ ngồi an

tọa cùng với hai vị đi kèm ở đầu bàn của chúng tôi. Người ta mau đặt một chồng dĩa ở bên tay trái của thiếu phụ. Ánh sáng trong phòng lu mờ trong một lúc, và chúng tôi nhận thấy chung quanh mỗi người trong ba mươi sáu vị đã xuất hiện, đều có một vầng ánh sáng nó làm cho chúng tôi ngạc nhiên, và một vầng hào quang đẹp lộng lẫy chói sáng trên đầu của vị nữ quý khách danh dự. Trong cử tọa, chúng tôi là những người duy nhất bị xúc động sâu xa bởi cảnh tượng này, còn những vị khác thì không thấy gì là khác thường.

Khi tất cả mọi người đều an tọa, cơn im lặng kéo dài một lúc trong gian phòng, kế đó phần đông những người có mặt đều cất tiếng hợp ca một nhạc khúc vui tươi dưới sự điều khiển của ba mươi sáu vị đã xuất hiện. Khi bài hợp ca chấm dứt, vị nữ quý khách danh dự đứng dậy đưa hai bàn tay ra, thì thấy xuất hiện trên tay bà một ổ bánh mì nhỏ dài độ ba tấc rưỡi, đường kính độ năm phân tây. Mỗi người trong 36 vị đều đứng dậy, bước đến gần bà, và nhận được một ổ bánh mì tương tự. Kế đó, các vị đi vòng quanh tất cả các bàn để phân phát cho mỗi người một mẩu bánh mì. Người thiếu phụ cũng làm

y như vậy ở tại bàn chúng tôi.

Vừa phân phát bánh mì cho chúng tôi, bà nói:

-Các bạn có biết chăng Đấng Christ ngự trong các bạn cũng như trong mỗi người? Các bạn có biết chăng thân thể các bạn vốn trong sạch, hoàn hảo, trẻ trung, luôn luôn tốt đẹp và thiêng liêng? Các bạn biết chăng Chúa Trời đã tạo ra các bạn đúng theo hình ảnh của Ngài và giống y như Ngài, và đã ban cho các bạn quyền năng đối với mọi vật? Trong bản chất, các bạn luôn luôn là một Đấng Christ, Con của Chúa Trời. Các bạn vốn tinh khiết, toàn hảo, thánh thiện, thiêng liêng, hợp nhất với Chúa Trời là Đấng Trọn Lành. Và mỗi người Con của Ngài đều có quyền tuyên bố sự hợp nhất và sự thiêng liêng đó.

Sau khi đã ban cho chúng tôi mỗi người một mẩu bánh mì, thiếu phụ bèn an tọa. Ổ bánh mì nhỏ của bà vẫn còn nguyên vẹn như trước khi chia cho chúng tôi. Khi cuộc lễ khai mạc chấm dứt, thì thức ăn bắt đầu được đem tới. Thức ăn đến với mọi người trong những cái tộ lớn có đậy nắp, những tộ này xuất hiện trước mặt

các vị nữ khách dường như được đặt bởi những bàn tay vô hình. Người thiếu phụ mở các nắp tộ để qua một bên, và bắt đầu múc thức ăn ra dĩa. Mỗi khi múc đầy một dĩa, bà đưa luân phiên qua hai vị nữ khách ngồi hai bên, hai vị này chuyền dĩa khắp các bàn, và tất cả các quan khách đều được cung cấp thức ăn đầy đủ. Khi đó các quan khách bắt đầu ăn và nhận thấy thức ăn rất ngon.

Khi bữa ăn vừa bắt đầu, Tô Mặc hỏi thiếu phụ rằng theo bà thì đức tính nào của Thượng Đế là cao quý nhất. Không chút do dự, bà đáp:

-Tình Thương.- Kế đó bà nói tiếp- Cái “Cây Sinh Hoạt” vốn ở giữa cõi Thiên Đàng của Chúa Trời, ở tận nơi thâm sâu nhất trong tâm hồn con người. Trái cây phong phú tốt lành nó mọc và trở nên chín mùi một cách toàn vẹn nhất, trái cây ngon lành và bổ dưỡng nhất, chính là Tình Thương. Những người nhận thức được chân tính của nó, đã định nghĩa nó như là vật cao cả nhất trên thế gian. Tôi xin nói thêm rằng đó là cái mãnh lực hàn gắn cứu chữa lớn nhất trên đời. Tình thương không bao giờ làm ngơ trước sự đòi hỏi của lòng người. Người ta có thể sử dụng nguyên tắc thiêng liêng của

Tình Thương để đáp ứng tất cả những nhu cầu của nhân loại và loại trừ mọi sự buồn thảm, tật ách, và những sự lầm than thống khổ của người đời.

Nhờ hiểu biết và sử dụng Tình Thương đúng chỗ, nhờ ảnh hưởng tế nhị và vô biên của Tình Thương, tất cả những vết thương của thế gian có thể được chữa khỏi. Tình bác ái thiêng liêng có thể sửa chữa, hàn gắn tất cả mọi sự bất hòa, vô minh và tội lỗi của nhân loại. Khi Tình Thương chan hòa khắp chốn, nó thức động đến những nơi khô khan tẻ lạnh của lòng người và những nơi khốn khổ của cuộc đời. Tình Thương có thể cứu chuộc được nhân loại và biến cải thế gian như một phép mầu. Tình Thương là Thượng Đế, nó vốn trường cửu, vô biên, bất biến, rộng rãi và bao la ngoài mọi sự tưởng tượng.

Bạn bị đè bẹp dưới áp lực nặng nề của cuộc đời hằng ngày chăng? Bạn cần có lòng can đảm và sức mạnh tinh thần để đối phó với những nỗi khó khăn trắc trở của mình chăng? Bạn bị đau ốm, sợ hãi chăng? Nếu vậy, bạn hãy nâng cao tâm hồn và cầu nguyện Đấng Tối Cao chỉ đường cho bạn. Tình Thương bất diệt của Thượng Đế

che chở cho bạn, bạn không cần phải sợ sệt gì cả. Đức Chưởng Giáo há chẳng nói rằng: “Trước khi ngươi khấn nguyện, Ta đã đáp ứng, trước khi ngươi nói dứt lời, Ta đã nghe”.

Bạn hãy can đảm tiến đến gần Ngài, bạn hãy từ bỏ thái độ cầu khẩn van xin của mình, hãy cầu nguyện với một đức tin minh mẫn, và biết rằng sự giúp đỡ mà bạn cần, đã được ban bố cho bạn. Bạn đừng bao giờ nghi nan. Bạn hãy có làm hơn thế nữa, hãy đòi hỏi. Bạn hãy tuyên bố như Đức Jesus cái quyền được sinh trưởng làm con của Chúa Trời. Hãy biết rằng có một khí Hạo Nhiên vô hình bao trùm khắp vũ trụ, trong đó chúng ta đang sống và tiến hóa. Trong chất Tiên Thiên Khí đó, có tất cả những vật tốt lành và toàn hảo mà con người có thể mong muốn. Những vật tốt lành đó chỉ đợi đến khi nào con người biểu lộ đức tin của y, để xuất hiện dưới hình thức rõ ràng và cụ thể.

Bạn hãy nhớ chuyện vua Salomon trong đêm kinh nghiệm huyền linh của ngài, khi ngài nâng cao tâm hồn lên tận cõi tâm thức vũ trụ, khi đó ngài cầu xin cho cuộc đời ngài tránh khỏi thói ích kỷ và dành cho công việc

phụng sự nhân loại. Việc ấy đã đem đến cho ngài những kho tàng của cải vô tận, không kể những danh vọng mà ngài không bao giờ dám nghĩ tới. Ngài đã nhìn nhận sự minh triết của Tình Thương, và Tình Thương đã ban rải cho ngài những của cải kho tàng phong phú vô tận. “Tiền bạc không có giá trị gì dưới thời đại của vua Salomon”. Thậm chí, đồ chén dĩa của vị vua đầy lòng bác ái đó cũng được đúc bằng vàng khối. bạn rải Tình Thương, tức là mở rộng cửa kho vô tận chứa đầy những kho tàng vàng bạc của Thượng Đế. Người nào đã biết thương yêu đồng loại, không thể không cho ra. Nhưng cho, tức là được. Đó là cái tác động của luật Bác Ái. Khi ta đem cho, chúng ta vận chuyển cái định luật bất di dịch này là “Cho bao nhiêu, được bấy nhiêu”. Khi người ta cho ra mà không có hậu ý muốn thu nhận, người ta không khỏi được nhận lãnh, vì những gì ta đem cho sẽ được hoàn trả lại cho ta một cách dồi dào do sự tác động của luật Nhân Quả. “Bạn hãy cho, rồi bạn sẽ nhận được với một dung lượng đầy tràn, dồi dào, phong phú gấp bội…”

Nếu chúng ta hành động với tinh thần Bác Ái, ta phải

làm sao cho Thượng Đế hiện diện trong lương tri của chúng ta. Đồng hóa với Sự Sống, Tình Thương và Minh Triết, tức là tiếp xúc một cách có ý thức với Thượng Đế, tức là nhận được một cách sung mãn, dồi dào giống như những thức ăn dồi dào mà chúng ta đã thọ lãnh hồi chiều nay. Các bạn thấy rằng sự sung túc được dành cho tất cả mọi người và không ai là người bị thiếu thốn.

Luật Trời luôn luôn tác động một cách trường cửu, nó luôn luôn vẫn y như thế, bây giờ cũng như bao giờ. Luôn luôn bất biến không hề dời đổi, Luật Trời bao giờ cũng vẫn tốt lành. Nếu chúng ta sống thuận theo Thiên Ý, thì Luật Trời sẽ trở nên những nền tảng vững chắc để cho chúng ta xây dựng sức khỏe, hạnh phúc, sự bằng an, sự quân bình và sự thành công. Nếu chúng ta hoàn toàn sống thuận theo Luật Trời thì không một tai họa đau khổ nào có thể xảy đến trong đời chúng ta. Chúng ta không cần được cứu chữa khỏi bệnh tật nào cả, vì chúng ta vốn lành mạnh từ sợi tóc chí đến đầu móng chân.

Chúng ta hiểu rõ niềm khát vọng sâu xa, nó ray rứt trong tâm hồn của nhân loại! Không gì có thể chữa khỏi

sự nhớ nhung ray rứt đó, trừ ra một sự thông hiểu rõ ràng, một ý thức rõ rệt về đấng Cha Lành của chúng ta, là Chúa Trời vậy. Không có một sự mong mỏi khát khao nào sống động trong linh hồn con người cho bằng sự khát khao mong mỏi được biết Thượng Đế. “Và được biết Thượng Đế, tức là đạt tới sự sống trường cửu”.

Chúng ta thấy những người luôn luôn lao chao, bôn tẩu, để hy vọng tìm thấy sự yên tĩnh trong tâm hồn bằng cách thực hiện một vài công trình nào đó, hay tìm sự yên vui trong việc chiếm hữu một tài sản vật chất nào đó, mà tài sản ấy hiển nhiên là một vật hữu hình hữu hoại. Chúng ta thấy họ theo đuổi và cũng đạt được những mục đích đó, nhưng rốt cuộc họ vẫn không được thỏa mãn. Có người tưởng tượng rằng họ cần có nhà cửa, đất ruộng; có người nghĩ rằng họ cần có một gia tài to lớn; những người khác cho rằng họ cần có sự hiểu biết và kiến thức dồi dào. Chúng ta có cái vinh dự được biết rằng con người vốn sở hữu tất cả những thứ ấy ở tự nơi mình…

Thiếu phụ im lặng trong một lúc, kế đó một người trong chúng tôi đứng dậy đưa câu hỏi về luật tương đối

và được thiếu phụ giải đáp thỏa đáng.

Câu chuyện chấm dứt tại đó. Bữa ăn chiều đã xong, người ta dọn bàn ghế ra khỏi phòng. Khi đó bắt đầu một giai đoạn giải trí, có vũ và nhạc. Âm nhạc do khúc hợp ca vô hình trổi lên, và tất cả chúng tôi đều cùng nhau trải qua một giờ vui vẻ trước khi chia tay.

Chúng tôi ở lại làng này hết ba ngày, trong khi đó chúng tôi đã thấy lại một số lớn những vị quý khách đã xuất hiện đến với chúng tôi trong đêm trước. Chiều ngày thứ ba, các vị xin cáo biệt và hứa sẽ gặp lại nhau tại căn cứ điểm mùa đông của chúng tôi, kế đó các vị biến mất dạng.

III

Sáng ngày hôm sau, chúng tôi rời khỏi làng và đi trong ba ngày trên một đường mòn xuyên qua một vùng núi non gồ ghề hiểm trở, dân cư thưa thớt đến nỗi chúng tôi phải cắm lều để ngủ lại ban đêm. Chúng tôi không có đem theo lương thực, nhưng mỗi khi cần ăn uống, thì luôn luôn có sẵn đồ vật thực trong tầm tay. Khi chúng

tôi vừa sửa soạn ngồi ăn, thì những thức ăn liền xuất hiện một cách đầy đủ. Không bao giờ chúng tôi thiếu ăn, và luôn luôn ăn uống thừa thãi.

Chiều ngày thứ ba, chúng tôi đến một vùng cao nguyên rộng lớn mà chúng tôi phải đi xuống lần lần để đến nơi thôn ấp mà chúng tôi muốn đến viếng. Kể từ khi đó, con đường của chúng tôi vượt qua một vùng phì nhiêu và đông dân cư. Chúng tôi chọn thôn ấp này làm căn cứ mùa đông vì nó ở ngay trung tâm của vùng mà chúng tôi đến viếng. Chúng tôi hy vọng rằng điều ấy sẽ đem cho chúng tôi cái cơ hội hằng mong ước là có dịp kéo dài hơn sự tiếp xúc hằng ngày với các vị Chân Sư. Một số lớn những vị siêu nhân mà chúng tôi đã gặp ở rải rác nhiều nơi, hiện đang sống tại làng này và tất cả các vị đều khẩn khoản mời chúng tôi đến viếng các ngài. Chúng tôi có cảm giác rằng trong khi lưu trú tại làng này vào mùa đông, chúng tôi sẽ có nhiều cơ hội tốt để quan sát cuộc đời hằng ngày của các ngài một cách gần gũi hơn.

Chúng tôi đến làng này ngày 20 tháng 11, và từ căn cứ đó chúng tôi mở một loạt những cuộc xuất hành

quanh vùng cho đến khi tuyết rơi làm cho mọi sự di chuyển trở nên khó khăn. Chúng tôi được dọn chỗ ở tiện nghi, dân làng niềm nở tiếp đón, và chúng tôi chuẩn bị hòa mình với cuộc sống của dân làng. Tất cả các nhà đều mở rộng cửa đón chúng tôi, chúng tôi được cho biết rằng ở đây nhà nhà đều không đóng cửa, vì dân làng coi tất cả mọi người như anh em.

Kế đó chúng tôi được mời đến ở tại nhà của một bà thiếu phụ có tiếng tăm trong làng này, mà chúng tôi đã gặp ở vùng biên giới. Vì chúng tôi đã yên nơi yên chỗ, chúng tôi không thấy cần thiết phải làm quấy rầy bà, nhưng bà khẩn khoản mời mọc và nói rằng chúng tôi không có quấy rầy gì bà hết cả. Bởi đó chúng tôi dọn đồ hành lý sang ở nhà bà và ở luôn tại đó cho đến mãn cuộc hành trình.

Tôi không hề quên cuộc gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi với bà trong một tỉnh thành nhỏ ở vùng biên giới.Khi bà được giới thiệu với chúng tôi, chúng tôi nghĩ rằng bà trạc độ mười tám tuổi, và nhận thấy bà rất đẹp. Độc giả sẽ tưởng tượng sự ngạc nhiên của chúng tôi như thế nào khi chúng tôi được biết rằng thiếu phụ đã có trên bốn

trăm tuổi và là một trong những nhà giáo mô phạm được mến chuộng nhất vùng ấy. Bà đã dành trọn cuộc đời vào việc phụng sự kẻ khác. Khi chúng tôi ở nhà bà và sống cạnh bà hằng ngày, chúng tôi đã hiểu tại sao bà được mến chuộng dường ấy. Trong lần gặp gỡ đầu tiên, chúng tôi thấy bà trong hai tuần liên tiếp nhưng cá tính của bà chỉ biểu lộ thật sự khi chúng tôi sống tại nhà bà. Người ta không thể nào làm khác hơn là yêu mến và kính trọng bà. Vả lại, chúng tôi càng biết rõ các vị Chân Sư, thì chúng tôi lại càng yêu mến và kính trọng các ngài.

Chúng tôi đã có dịp đối chiếu những lời xác định về tuổi tác của các ngài với những tài liệu xác thật cũng như tập du ký này. Chúng tôi ở tại nhà thiếu phụ và dùng cơm chung một bàn với bà hằng ngày kể từ đầu tháng 12 năm 1895 đến tháng tư năm 1896. Chúng tôi đã có dịp quan sát tỉ mỉ đời sống của bà và cuộc đời của nhiều vị Chân Sư khác cư ngụ tại làng này. Chúng tôi nhận thấy tất cả đều là những cuộc đời lý tưởng.

IV

Thời gian trôi qua mau cho đến cuối tháng chạp.

Năm đã hầu tàn. Chúng tôi nhận thấy một số đông người kéo đến làng này vì một cuộc lễ mà trên thực tế chỉ có các Chân Sư mới tham dự.

Ngày nào người ta cũng giới thiệu với chúng tôi những người lạ mặt. Tất cả đều nói tiếng Anh, và chúng tôi có cảm giác như mình đã đồng hóa với sự sinh hoạt của làng.

Một ngày nọ, chúng tôi được cho hay rằng cuộc lễ sẽ diễn ra trong đêm Giáng Sinh và chúng tôi được mời đến dự. Người ta nói thêm rằng cuộc lễ không dành cho người ngoại quốc. Tuy nhiên, cuộc hội họp không phải là riêng tư. Vả lại, không có một cuộc họp nào của các Chân Sư là riêng tư. Cuộc họp nhằm mục đích quy tựu những người đã bắt tay vào công việc tâm linh, những người đã đặt cho công việc ấy một tầm quan trọng, nghiêm chỉnh, và đã tiến bộ khả quan để xác nhận sự mong ước của họ là sống cuộc đời thánh thiện. Họ đến một nơi mà họ đã chấp nhận một tâm thức cao cả hơn, và hiểu rõ cái vị trí mà nó phải có trong cuộc đời của họ. Một cuộc hội họp quần chúng như thế thường diễn ra vào mùa này trong năm ở một nơi đã định sẵn từ

trước, để cho họ tham dự cuộc lễ. Năm ấy, địa điểm hành lễ được chọn lựa lại là nơi thôn ấp mà chúng tôi đang trú ngụ.

Sáng ngày được ấn định cho cuộc hội họp, ánh bình minh thật là trong sáng, và hàn thử biểu chỉ trên 20 độ dưới số không. Tất cả chúng tôi đều bồn chồn, với cảm giác rằng đêm ấy sẽ đem lại một kinh nghiệm mới nữa thêm vào những sự việc lý thú đã xảy ra trong chuyến du hành của chúng tôi. Chúng tôi đến nơi hội họp vào lúc tám giờ tối và thấy có độ hai trăm người tề tựu tại đó. Gian phòng được trang trí tốt đẹp và được thắp sáng bằng phương pháp huyền diệu như đã diễn tả trước đây.

Chúng tôi được biết rằng bà chủ nhà của chúng tôi sẽ chủ tọa cuộc hội họp. Bà đến sau chúng tôi ít lâu, và khi bà bước vào gian phòng, tất cả chúng tôi đều khen thầm sự trẻ trung và kiều diễm của bà. Bà mặc một áo dài trắng rất đẹp, nhưng không chút nào se sua để làm cho người khác chú ý đến mình. Bà lẳng lặng bước lên một cái sàn gỗ và bắt đầu thuyết pháp. Bà nói:

-Chúng ta hội họp chiều nay với sự mong ước được

hiểu rõ ý nghĩa của sự chuyển tiếp từ một trạng thái tâm thức thấp kém lên một trạng thái siêu việt hơn. Chúng tôi xin chúc mừng những người nào trong quý vị đã được chuẩn bị cho sự chuyển tiếp đó. Trước tiên, quý vị đã theo chúng tôi do bởi sự ưa thích công việc mà chúng tôi làm. Trước hết quý vị đã theo dõi những công việc đó một cách ngạc nhiên và sợ hãi vì quý vị cho rằng đó là những việc nhiệm mầu. Bây giờ quý vị coi đó như là những điều tự nhiên của một cuộc đời gương mẫu, như Thượng Đế vẫn mong ước chúng ta phải sống.

Vào giờ phút này, quý vị đã biết chắc rằng chúng tôi không có thực hiện một phép lạ nào cả. Quý vị đã hiểu cái ý nghĩa tâm linh thật sự của những gì mà quý vị đang làm.

Chuyển tiếp từ trạng thái tâm thức thấp kém lên một trạng thái cao hơn có nghĩa là gạt bỏ cái thế giới vật chất dẫy đầy những xung đột và va chạm để chấp nhận cái Tâm Thức Bồ Đề hay tâm thức của Đấng Christ. Khi đó, thì tất cả đều là mỹ lệ, điều hòa, và toàn thiện. Đó tức là phép sinh hoạt tự nhiên, đó là phép sống mà Thượng Đế đã chọn lựa cho chúng ta, và Đức Jesus đã

nêu một gương sáng huyền diệu thay trên thế gian. Cách sống ích kỷ là phản tự nhiên. Đó là con đường chông gai, trắc trở. Con đường của Đấng Christ thật là dễ dàng và tự nhiên nếu chúng ta hiểu rõ được nó! Người nào theo con đường đó tức là sống trong Tâm Thức của Đấng Christ hay Tâm Thức Bồ Đề.

Chúng ta đang ngồi chung quanh những bàn đã bày sẵn thức ăn. Đây là cơ hội duy nhất mà chúng ta tựu họp trong một bữa tiệc. Đây không phải là một bữa tiệc như những kẻ thế nhân phàm tục vẫn thường quan niệm. Nó là một bữa tiệc thông đạt và thực hiện, biểu tượng cuộc Lễ Chuyển Tiếp như hồi thời đại của Đức Jesus, cuộc Lễ Phục Sinh (Pâque), tức sự chuyển tiếp (thường không được hiểu rõ vào thời đại này) của tâm thức phàm tục lên tâm thức Bồ Đề. Chúng tôi tin rằng một ngày kia tất cả những người con của Thượng Đế sẽ hội họp quanh một bữa tiệc tương tự và hiểu rõ cái ý nghĩa thật sự của nó.

Chiều hôm nay, trong số những vị thực khách ngồi quây quần nơi đây, có vài vị đã hoàn toàn tinh luyện xác thân đến mức có thể di chuyển bằng thể xác lên tận

những cảnh giới cao siêu nhất của cõi Thượng Thiên để học Đạo thượng đẳng. Tất cả các vị ấy đã từng sống một thời gian trong thể xác hữu hình trên địa cầu, và khi viên tịch, các Ngài đã đem thể xác theo đến một nơi địa hạt tâm thức làm cho các Ngài trở nên vô hình đối với người trần gian. Chúng ta phải nâng cao tâm thức lên đến mức độ Tâm Thức Bồ Đề để có thể tiếp xúc với các vị ấy. Nhưng các Ngài có thể trở lại với chúng ta và ra đi tùy ý muốn. Các Ngài có thể trở lại thế gian để dạy Đạo cho những người nào thụ cảm đối với giáo lý của Ngài, và xuất hiện hay biến mất tùy ý muốn. Chính các Ngài đến dạy Đạo cho chúng ta khi chúng ta sẵn sàng thụ huấn các Ngài, hoặc bằng trực giác, hoặc bằng cách tiếp xúc tự bản thân. Năm vị trong các Ngài sẽ đến dùng bữa chung với chúng ta chiều nay. Trong số đó có một vị nữ thánh mà chúng tôi đặc biệt yêu mến, vì bà là mẹ của một vị trong chúng tôi. (Đó là thân mẫu của đức Tuệ Minh) Bây giờ chúng ta hãy ngồi vào bàn ăn…

Ánh sáng trong gian phòng hạ thấp xuống trong một lúc, và tất cả các quan khách đều ngồi trong cơn im lặng hoàn toàn, đầu hơi nghiêng về phía trước. Kế đó, ánh

sáng lại tỏ rạng. Năm vị Chân Sư đã xuất hiện trong gian phòng, ba vị nam và hai vị nữ, tất cả đều mặc y phục trắng tinh, tất cả đều có một vẻ đẹp lộng lẫy và bao phủ bởi một vầng hào quang sáng dịu. Các Ngài âm thầm tiến bước, và mỗi vị đều an tọa nơi chỗ ngồi còn để trống của mình ở đầu một bàn trong năm bàn dài. Đức bà Mã Ly, thân mẫu đức Tuệ Minh, ngồi nơi chỗ danh dự ở tại bàn của chúng tôi cùng với vị Trưởng nhóm chúng tôi ngồi bên tay mặt và đức Tuệ Minh ngồi bên tay trái bà. Khi các Ngài đã an tọa, thì những thức ăn bắt đầu xuất hiện. Bữa ăn rất giản dị, nhưng rất ngon lành, gồm có bánh mì, rau đậu và trái cây.

Những câu chuyện kế tiếp là những huấn thị dành cho những người tới dự cuộc lễ. Đó là những huấn thị bằng tiếng bổn xứ, và Dật Sĩ dịch lại cho chúng tôi nghe. Đức bà Mã Ly nói sau cùng. Bà nói tiếng Anh toàn hảo, bằng một giọng trong suốt và rõ ràng. Dưới đây là những lời của bà:

-Hằng ngày chúng tôi thường sử dụng những mãnh lực mà người đời chế diễu và nhạo báng. Có đặc ân được tiếp nhận và sử dụng những mãnh lực ấy, chúng

tôi cố gắng tận tình để chỉ dẫn cho người đời được biết. Bằng những tư tưởng của họ, người thế gian gạt bỏ ra ngoài cuộc đời những sự việc toàn hảo vốn nằm trong tầm tay họ và chỉ đợi họ đưa tay ra để nắm lấy. Khi nào người ta thu đạt được những mãnh lực ấy, thì chúng nó sẽ trở nên vô cùng chân xác và sống động hơn là những của cải vật chất mà họ bám víu lấy một cách tuyệt vọng thay, bởi vì họ có thể nhìn thấy, và cảm xúc được những thứ này bằng những giác quan vật chất hữu hạn của họ.

Các bạn sẽ nhận thấy rằng tất cả những tiện nghi trong gian phòng này và những phòng của các bạn cư ngụ, như ánh sáng, nhiệt lực, và thậm chí những thức ăn mà các bạn dùng, đều do sự tác động của mãnh lực ấy mà có. Các bạn gọi nó là tia ánh sáng hay là gì, tùy ý. Chúng tôi tiếp nhận nó như một quyền năng lớn của vũ trụ. Khi người ta tiếp xúc với mãnh lực ấy, thì nó tác động một cách vô cùng hữu hiệu cho họ hơn là nhiệt lực, điện khí, dầu hỏa hay than đá. Tuy nhiên, chúng tôi coi nó như một trong những nguồn lực thấp kém nhất trong số những nguồn tinh lực thiên nhiên.

Mãnh lực ấy không những chỉ cung cấp tất cả mọi

vận động hữu ích cho con người. Nó còn cung cấp nhiệt lực cần thiết cho mọi nhu cầu của họ, bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, mà không tiêu thụ một mảy may nhiên liệu. Nó vốn hoàn toàn im lặng, và khi người ta sử dụng nó, nó loại trừ một phần lớn những tiếng ồn ào và sự loạn động mà hiện nay dường như không thể tránh khỏi. Nó ở trong tầm tay bạn, ở chung quanh bạn; và chỉ đợi chờ bạn sử dụng. Khi bạn dùng nó, bạn sẽ thấy nó vô cùng giản dị hơn hơi nước hay điện lực rất nhiều.

Khi người đời đạt tới mức đó, họ sẽ thấy rằng tất cả những máy móc và phương thức vận chuyển mà họ đã phát minh chỉ là những sản phẩm của những quan niệm vật chất của họ. Họ tưởng rằng chính họ đã sản xuất ra những máy móc ấy và bởi vậy họ chỉ có thể tạo nên những đồ vật hữu hình hữu hoại và bất toàn.Nếu họ hiểu rằng tất cả đều phát xuất từ Thượng Đế, và ngài tự biểu lộ qua con người, thì họ chỉ có sản xuất nên những đồ vật toàn hảo. Tuy nhiên trong viêc sử dụng tự do ý chí, họ đã chọn lựa con đường chông gai trắc trở thay vì hiểu rõ sự liên hệ của mình với Thượng Đế và sử dụng tất cả những khả năng thiên phú của Ngài ban cho. Họ

sẽ tiếp tục con đường ấy cho đến khi họ nhận thức rằng phải có một con đường khác tốt đẹp hơn, và con đường này quả thật là có. Sau cùng, họ sẽ biết rằng con đường của Thượng Đế là con đường tốt lành duy nhất. Chừng đó con người sẽ biểu lộ đức toàn mỹ toàn thiện mà Thượng Đế muốn thấy y biểu lộ ngay từ bây giờ.

"Các bạn có thấy chăng là các bạn phải tập trung vào đấng Thượng Đế vốn có ở tự nơi mình, thu thập từ nơi Ngài những gì là tốt lành, và do Chân Ngã thiêng liêng, vận chuyển tất cả những mãnh lực tự nhiên của mình."

Đến đây, một người trong chúng tôi hỏi rằng những tư tưởng và lời nói có ảnh hưởng như thế nào đến cuộc đời của chúng ta. Đức bà Mã Ly đưa tay ra, và một lúc sau đó một vật nhỏ xuất hiện trong tay bà. Bà nói:

-Tôi bỏ một viên đá sỏi trong cái chén nước lạnh này. Viên sỏi rơi xuống nước tạo thành một trung điểm từ đó phát ra những làn sóng gợn đồng tâm. Những sóng gợn này càng lớn dần cho đến khi chúng đụng vào vành chén là cái giới hạn bên ngoài của chén nước. Theo con mắt phàm nhìn thấy, thì những gợn sóng này dường như mất

trốn và ngừng lại. Thật ra, khi các gợn sóng đụng vào vành chén thì nó dội ngược lại trở về điểm mà viên sỏi nhỏ rơi xuống nước ở giữa chén và chúng không hề ngừng nghỉ trước khi đạt tới điểm đó. Đó là cái hình ảnh đúng đắn của tất cả những tư tưởng và lời nói mà chúng ta thốt ra. Tư tưởng và lời nói làm vận chuyên vài loại âm ba phóng ra xa theo từng vòng tròn mỗi lúc càng lớn dần cho đến khi chúng bao trùm khắp vũ trụ. Kế đó chúng dội ngược trở lại những người nào đã phát ra chúng. Tất cả những tư tưởng và lời nói của chúng ta, dù tốt hay xấu, sẽ dội ngược trở lại chúng ta một cách chắc chắn cũng như khi chúng ta đã phát ra những tư tưởng hay lời nói ấy…

Chúng tôi là những người đã tinh luyện thể xác đến mức có thể di chuyển đến nơi nào tùy ý, có cái đặc ân nhìn thấy cõi Thiên Giới và ở lại đó. Nhiều người được biết cõi ấy dưới danh từ "Cõi Trời thứ bảy," và coi nó như điều bí mật nhất trong các điều bí mật. Ở đây cũng vậy, người đời đã lầm. Không có điều gì là bí mật cả. Chúng tôi chỉ có đạt tới một cõi giới tâm thức nhờ đó chúng tôi trở nên thụ cảm đối với những giáo lý cao siêu

nhất. Chính tại đó mà ngày nay Đức Jesus đang ở.

"Đó là một cõi tâm thức tại đó chúng tôi biết rằng khi ta gạt bỏ sự chết, chúng ta có thể trở nên bất tử. Tại cõi ấy, con người vốn bất tử, trong sạch không tội lỗi, trường cửu, bất biến, giống như Thượng Đế. Đó là một nơi mà chúng ta biết ý nghĩa thật sự của Biến Hình (Transfiguration), mà chúng ta có thể cảm thông với Thượng Đế và nhìn thấy Thượng Đế diện đối diện. Mỗi người có thể đến đó và trở nên giống như chúng tôi. Không bao lâu, trạng thái tâm thức cộng đồng sẽ vượt lên tới một cõi giới tại đó chúng tôi có thể nói chuyện một cách bình đẳng với nhân loại và nhìn họ ngay vào tận mắt. Sự vô hình của chúng tôi chỉ là sự nâng cao tâm thức chúng tôi vượt lên trên bình diện của thế tục. Chúng tôi chỉ vô hình vô ảnh đối với những người trần gian mà thôi…"

Đức bà Mã Ly vừa nói dứt lời, thì khúc hợp ca vô hình lại bắt đầu trổi lên. Lúc ấy là đúng nửa đêm cuối tháng mười hai và một năm mới đã bắt đầu. Như thế chấm dứt năm đầu tiên trong thời gian mà chúng tôi có hân hạnh được tiếp xúc với các bậc Chân Sư huyền

diệu.

Chương 5

CHƯƠNG NĂM

Một ngôi đền đục trong hang núi – Những tài liệu cổ xưa đến bốn trăm năm mươi thế kỷ - Đức Jesus xuất hiện – Tài liệu khắc trên những bia đá cổ - Bí quyết của sự cầu nguyện linh ứng –Sự chết và phục sinh của Chander Sen – Đức Jesus nói chuyện về địa ngục, ác quỷ và Chúa Trời.

I

Sáng ngày đầu năm dương lịch, chúng tôi thức dậy sớm, tinh thần khoan khoái, dễ chịu. Mỗi người trong chúng tôi đều có cảm giác một sự gì sẽ đến, làm cho chúng tôi nghĩ rằng những kinh nghiệm đã qua của mình chỉ là những bước đầu trên con đường mình sẽ đi qua.

Trong khi chúng tôi ngồi tựu họp chung quanh bàn ăn điểm tâm, chúng tôi thấy xuất hiện một người lạ mặt mà chúng tôi đã gặp một lần trong một làng nhỏ trên đường đi đến đây. Sau khi chào hỏi xã giao thường lệ, người ấy nói:

-Các bạn đã đến với chúng tôi trên một năm nay. Các bạn đã cùng đi ngao du và sống chung với chúng tôi. Vì các bạn sẽ ở lại với chúng tôi đến tháng tư hay tháng năm, tôi đến để mời các bạn đi viếng một ngôi đền đục trong núi đá ở phía ngoài làng này.

Chúng tôi được cho biết rằng người ta đã phải dùng lối kiến trúc đặc biệt đó để bảo vệ cho ngôi đền khỏi bị quấy nhiễu bởi những toán cường đạo thường hay cướp phá vùng này. Những bọn cướp này đôi khi xuống tận làng mạc, thôn ấp để " ăn hàng". Làng này cũng đã bị hủy diệt nhiều lần, nhưng dân làng đã tránh khỏi tai họa nhờ họ có thể trú ẩn trong ngôi đền.

Các vị Chân Sư đã sở hữu ngôi đền này do dân làng chuyển nhượng lại để gìn giữ nhiều tài liệu văn kiện mà các ngài coi như quý vô giá. Từ khi có sự chuyển

nhượng này, những vụ cướp bóc đã chấm dứt, dân làng không còn bị tấn công bất ngờ, và mọi người đều sống bình yên. Người ta nói rằng vài pho tài liệu kể trên đã có từ khi giống người văn minh đầu tiên xuất hiện trên quả địa cầu. Đó có lẽ là những tài liệu cổ của giống người Naacals,cũng gọi là các "Huynh đệ Thánh Thiện",đã xuất hiện ở Miến Điện để dạy dỗ dìu dắt những bộ lạc thổ dân Nagas ở đó. Những tài liệu đó dường như chứng minh rằng tổ tiên của giống người này là tác giả của bộ sách Surya Siddhanta và các Thánh Kinh Phệ Đà thời thái cổ. Sách Surya Siddhanta là tác phẩm cổ xưa nhất mà người ta được biết về khoa thiên văn. Những văn kiện cổ xưa cho rằng sách ấy đã có từ ba mươi lăm ngàn năm về trước. Những Thánh Kinh Phệ Đà thời thái cổ đã có từ 45.000 năm. Không phải tất cả những tài liệu văn kiện của ngôi đền này đều là những bổn chánh, vì nhiều tài liệu đã được chép lại do cùng một nguyên bản với những tài liệu cổ của xứ Babylone và được di chuyển đến đây để được gìn giữ an toàn. Còn những bản chính từ cổ xưa là những nguyên bản đã có từ hồi thời đại của Osiris và của châu Atlantide. Những khách đến thăm ngôi đền này chỉ là một thiểu số rất ít, ngoài ra những vị

chân tu đã có hiểu biết ít nhiều về sự giác ngộ tâm linh thật sự.

Người khách lạ nói tiếp:

-Ngày hôm nay đối với các bạn là ngày bắt đầu một năm mới. Theo quan điểm thông thường, năm cũ vừa qua đã thuộc về dĩ vãng, không còn trở lại cuộc đời chúng ta nữa, trừ phi là ở trong tư tưởng, do những kỷ niệm về mọi sự sung sướng, đau buồn hay những công trình đã thực hiện. Một trang trong quyển lịch đời của chúng ta đã được xé bỏ. Trái lại, quan điểm của chúng tôi khác hẳn. Chúng tôi coi năm vừa qua như một giai đoạn tiến bộ thêm vào những thành quả đã thực hiện được. Nó là cái gạch nối đưa chúng tôi đến những công trình thực hiện và một sự phát triển tốt đẹp hơn, đến một thời kỳ giác ngộ và hứa hẹn lớn lao hơn, một thời kỳ mà mỗi kinh nghiệm kế tiếp làm cho chúng tôi trở nên trẻ trung hơn, khỏe mạnh hơn và bác ái hơn. Các bạn nghĩ rằng: "Làm sao được như vậy?" Chúng tôi đáp: "Các bạn hãy tự tìm ra những kết luận của mình, các bạn hãy chọn lựa cách sống riêng của mình."

Vị trưởng nhóm của chúng tôi nói:

-Chúng tôi ước mong được thấy và biết.

Người lạ mặt nói tiếp:

-Kể từ bây giờ, có những bài học đứng đắn cho những kẻ không nhìn thấy, không biết, không hiểu ý nghĩa về mục đích của một đời sống chân chính. Đó không phải là một cuộc đời khổ hạnh, khắc khổ, cô lập hay buồn thảm, mà là một cuộc đời hoạt động trong sự vui tươi, một cuộc đời mà mọi sự buồn rầu, đau khổ đều bị vĩnh viễn loại trừ.

Kế đó, người lại nói với một giọng ít nghiêm cẩn hơn:

-Các bạn đã bày tỏ ý muốn được nhìn thấy và được biết. Nhìn thấy các bạn tựu họp như vầy, tôi chợt nghĩ đến câu nói trong Kinh Thánh: " Khi nào hai hay ba người trong các ngươi nhân danh Ta mà hội họp, thì Ta luôn luôn có mặt một bên họ".

Cuộc đời tu hành khổ hạnh, xuất gia lánh đời, để ẩn mình trong những tu viện Cơ Đốc hay Phật Giáo, không

phải là một điều cần thiết. Một cuộc đời như thế không giúp cho hành giả đạt tới sự giác ngộ tâm linh thật sự và thực hiện sự minh triết chân chính. Những pháp môn tu luyện đó đã từng có từ bao nhiêu ngàn năm về trước. Tuy nhiên, những giáo lý của Đức Jesus, trong khoảng vài năm mà Ngài xuất hiện ở thế gian, đã đóng góp một phần vô cùng lớn lao hơn nhiều trong việc giáo dục tâm linh cho dân chúng.

Người ta biết rằng Đức Jesus đã từng thấu triệt mọi giáo lý, đã vượt qua nhiều cấp bực Điểm Đạo, nghiên cứu những cấp đẳng Huyền Môn bí truyền, cùng những nghi thức lễ bái, và sau cùng đã đạt tới giáo lý của Osiris. Những giáo lý này được chỉ dẫn cho Ngài bởi một vị tư tế đã thoát ly ra khỏi tất cả mọi nghi thức lễ bái, và quy luật, sắc tướng.

Vị tư tế này là một đệ tử của vị Thánh Vương Thoth, thuộc triều đại thứ nhất của các vì vua Ai Cập. Đế quốc Ai Cập đã từng được nâng lên một trình độ văn minh cao cả hùng cường nhờ ảnh hưởng của Osiris và những vị kế nghiệp của ngài. Vị Thánh Vương Thoth trị nước trong sự minh triết và cố gắng duy trì giáo lý của Osiris.

Tuy vậy những quan niệm vật chất và hắc ám đã xuất hiện khi những bộ lạc miền Nam là những giống người da đen đã đưa Thoth lên cầm quyền, tăng gia ảnh hưởng của họ. Những triều đại sau đó đã đi xa dần những giáo lý của Osiris. Họ lần lần chấp nhận những quan niệm hắc ám của giống người da đen, và sau cùng đã tuyệt đối thực hành khoa bàn môn tả đạo. Đế quốc Ai Cập đã suy vong rất mau chóng, và một đế quốc như thế lẽ tự nhiên phải bị suy vong.

Sau khi Đức Jesus đã chăm chú nghe lời dẫn giải của vị tư tế này, Ngài bèn thấu triệt được ý nghĩa thâm sâu huyền diệu của giáo lý Huyền Môn. Những quan điểm sơ khởi của Đức Jesus về giáo lý nhà Phật mà Ngài đã thụ huấn của những nhà hiền triết phương Đông đã giúp cho Ngài nhận thức được những điểm tương đồng chính yếu của tất cả mọi giáo lý. Khi đó, Ngài bèn quyết định đi sang Ấn Độ, đó là một dự tính hoàn toàn có thể thực hiện được do bởi con đường bộ xuyên Á châu của những đoàn lạc đà thường di chuyển từng kỳ hạn vào thời đó.

Sau khi đã nghiên cứu giáo lý Phật Giáo ở Ấn Độ,

Đức Jesus nhận thấy giữa các tôn giáo có những điểm tương đồng. Ngài hiểu mặc dầu có những sự khác biệt về hình thức lễ bái và giáo điều do người đời đặt ra, nhưng tựu trung các tôn giáo chỉ có một nguồn gốc duy nhất là Thượng Đế…

Cuộc nói chuyện chấm dứt và chúng tôi đi đến ngôi đền. Tại đây, chúng tôi gặp bốn vị trong số các bậc siêu nhân đã đến đây trước chúng tôi. Sau một lúc nói chuyện thông thường, chúng tôi tất cả đều ngồi xuống, và người khách lạ lúc nãy lại nói tiếp:

-Không một nhân vật lịch sử nào có thể bì kịp với Đức Jesus. Phần đông người Âu Mỹ tôn sùng Ngài như một thần tượng, và bởi đó họ đã lầm. Đáng lý ra họ nên coi Ngài như hiện thân của một lý tưởng, thay vì tôn thờ Ngài như thần tượng. Thay vì khắc những hình tượng để thờ Ngài, người ta nên coi Ngài như một nhân vật đang sống, vì hiện nay Ngài thật sự đang sống trong chính cái thể xác đã từng bị đóng đinh trên Thập Tự Giá. Ngài vẫn còn sống và có thể nói chuyện với các bạn như hồi trước khi Ngài bị đóng đinh. Sự lầm lạc to lớn của đa số người, là nghĩ rằng Đức Jesus bị kết liễu cuộc đời trong

tai nạn đau khổ và chết trên cây Thánh Giá. Họ quên rằng phần lớn cuộc đời của Ngài đã diễn ra trong thời gian sau khi Ngài Phục sinh. Ngày nay Đức Jesus vẫn có thể dạy Đạo và chữa bịnh một cách linh nghiệm hơn bao giờ hết. Các bạn có thể đến trước mặt Ngài bất cứ lúc nào, nếu các bạn muốn. Nếu các bạn tìm Ngài, thì các bạn sẽ gặp. Đức Jesus không phải là một vị vua có thể bắt buộc các bạn chấp nhận sự hiện diện của Ngài, mà là một người Anh Cả luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ các bạn và giúp đỡ thế gian. Khi Ngài còn sống trên cõi thế gian phàm tục, Ngài chỉ có thể tiếp xúc với một thiểu số người có hạn định. Còn dưới hình thể mà Ngài khoác lấy hiện nay, Ngài có thể tiếp xúc với tất cả những người nào hướng về Ngài. Phải chăng Ngài đã nói rằng: "Bất cứ nơi nào có Ta, thì các người cũng có thể có mặt ở đó?" Câu này phải chăng có nghĩa là Ngài ở một nơi rất xa, tận trên Trời, và các bạn chỉ lên tới đó sau khi đã chết? Không, Ngài vẫn ở tại cõi này, là nơi các bạn đang ở, Ngài có thể di chuyển đó đây, và nói chuyện với bạn. Ta chỉ cần để cho Ngài tự do hành động. hãy nâng tầm mắt bạn lên cao hơn một chút, hãy bao gồm một chân trời rộng lớn hơn, và bạn sẽ thấy Ngài, miễn là tâm hồn

và trí não bạn hướng đến Ngài một cách chân thành. Các bạn có thể cùng đi và nói chuyện với Ngài. Nếu các bạn quan sát tỉ mỉ thân thể Ngài, các bạn sẽ thấy những vết thẹo đóng đinh trên Thánh Giá, vết đâm của ngọn giáo và của chiếc mão gai, nay đã hoàn toàn lành hẳn. Tình thương và niềm phúc lạc từ toàn thân Ngài toát ra sẽ chứng minh cho bạn thấy rằng Ngài quên tất cả, và tha thứ tất cả…

Tới đây, người khách lạ ngừng nói, tất cả đều đắm chìm một lúc trong một cơn im lặng thâm trầm, kế đó một ánh sáng mà chúng tôi chưa nhìn thấy bao giờ, chiếu khắp gian phòng. Chúng tôi nghe một giọng nói, lúc đầu dường như vọng lại từ đằng xa và không được rõ ràng. Sau khi giọng nói ấy làm cho chúng tôi chú ý và tất cả những tư tưởng của chúng tôi đều hướng về nó, thì giọng nói trở nên hoàn toàn rõ rệt và vang rền những âm thanh sáng sủa như tiếng chuông ngân.

Một người trong chúng tôi hỏi:

-Ai nói đó?

Vị trưởng nhóm của chúng tôi đáp:

-Hãy im, đó là đức Chưởng Giáo của chúng ta, Đức Jesus đó.

Một người trong bọn lại nói:

-Đúng rồi, chính Đức Jesus nói đấy.

Khi đó giọng nói tiếp tục:

-Khi tôi nói "Ta là Con Đường, là Chân Lý, là Sự Sống," tôi không có ý đem đến cho nhân loại cái ý nghĩ rằng chỉ có một mình tôi mới là Ánh Sáng, chân thật và duy nhất. Khi tôi nói: "Ta là người Con hoàn toàn, người Con Duy Nhất do Chúa Trời sinh ra," tôi muốn xác nhận với toàn thể nhân loại rằng một trong những người Con của Chúa Trời đã nhìn thấy, hiểu rõ và tuyên bố tính chất thiêng liêng của mình. Người Con ấy thấy rằng cuộc đời mình và những hành động của mình vốn phát sinh ra tự nơi Chúa Trời, tức là cái nguyên lý Vô Cực của vạn vật. Người tuyên bố mình là Đấng Christ, người Con duy nhất do Chúa Trời sinh ra. Rồi bằng cách sống

cuộc đời thánh thiện của một tâm hồn chân thật và kiên nhẫn, người trở nên nhân vật thiêng liêng mà người đã tuyên bố. Luôn luôn giữ gìn cái lý tưởng đó, người thấm nhuần nó khắp toàn thân của mình, và sau cùng đã đạt được cái mục đích mà người tìm kiếm.

Tại sao có biết bao nhiêu người không hề thấy tôi? Đó là bởi vì họ đặt tôi trên một cái ngai thần tượng và để tôi vào một chỗ cao xa không thể đạt tới. Họ bao trùm tôi với bao nhiêu phép lạ nhiệm mầu và những điều huyền bí, và đặt tôi ở một nơi xa xôi cách biệt với quần chúng mà tôi hằng thương yêu với một tình bác ái vô biên khôn tả. Tôi không rút lui ra khỏi họ, mà chính họ đã rút lui ra khỏi tôi. Họ đã dựng lên những bức màn, những vách tường ngăn cách, đặt ra những người trung gian và khắc nên những hình tượng của tôi cùng những người thân của tôi. Mỗi người trong chúng tôi đều được bao phủ bằng những huyền thoại và những chuyện nhiệm mầu làm cho tôi bị ngăn cách quá xa đến nỗi người đời không còn biết làm thế nào để đạt tới chúng tôi được nữa. Người ta cầu nguyện và khẩn cầu Đức Mẹ mến yêu của tôi và những người thân chung quanh tôi,

và như vậy họ bao phủ chúng tôi với những tư tưởng trần gian phàm tục. Thật ra nếu người đời muốn biết chúng tôi một cách thật sự và mong ước được bắt tay chúng tôi như các bạn đã làm hôm nay đây, thì họ sẽ được như ý nguyện. Nếu người đời muốn từ bỏ mọi sự dị đoan mê tín, họ sẽ nói chuyện với chúng tôi như các bạn đã làm. Các bạn nhìn thấy chúng tôi không hề thay đổi. Chúng tôi muốn cho toàn thể thế gian cũng biết như vậy xiết bao!

Các người đã bao trùm chúng tôi từ bao nhiêu lâu với những điều huyền bí đến nỗi làm cho sự hoài nghi rốt cuộc phải thắng thế. Các người càng làm nhiều hình tượng bao nhiêu, thì các người lại càng làm cho chúng tôi trở nên xa cách bấy nhiêu. Các người càng bao phủ chúng tôi trong sự nghi nan tăm tối sâu đậm bao nhiêu, thì cái vực thẳm mê tín dị đoan càng trở nên rộng lớn và khó vượt qua bấy nhiêu. Nếu các người muốn bạo gan bước lại bắt tay chúng tôi và nói: “Tôi biết ông,” thì chừng đó mỗi người đều có thể nhìn thấy chúng tôi và biết chúng tôi như hiện giờ. Không có sự mầu nhiệm nào chung quanh chúng tôi hay những người thân của chúng

tôi, vì chúng tôi thương yêu tất cả nhân loại.

Phần đông chỉ nhận thấy có một phần cuộc đời của tôi nó kết liễu trên cây Thánh Giá. Họ quên rằng phần lớn cuộc đời tôi đã sống trong hình thức hiện tại. Họ quên rằng con người vẫn tiếp tục sống, dẫu rằng sau một cái chết bất đắc kỳ tử. Người ta không thể hủy diệt sự sống. Sự sống vẫn tiếp diễn luôn luôn, và một đời sống tốt lành không bao giờ mất. Dẫu cho cái xác thể vật chất cũng có thể trở nên bất tử và không còn thay đổi.

Khi người anh em Phi Lát rửa tay và nói: “Các người hãy đem y đi và hãy tự tay các người đóng đinh y trên cây Thánh Giá” tôi không cho rằng Phi Lát đã lầm lỗi. Y không hề biết gì về cái diễn biến lịch sử mà y đang sự phần trong đó, và điều tiên tri mà y đang thực hiện. Y và những người chung quanh y đã đau khổ nhiều hơn tôi. Nhưng tất cả những việc ấy đã qua, đã được quên lãng và được tha thứ, như các người sẽ thấy trong cuộc hội họp hôm nay.

Kế đó, hai nhân vật xuất hiện, và Đức Jesus ôm hôn

cả hai người. Đặt bàn tay Ngài lên vai của một trong hai người, Ngài nói:

-Người anh em này đã cùng tôi đi suốt con đường Đạo. Còn người kia, y đã trải qua nhiều cuộc thử thách đắng cay trước khi y mở mắt tỉnh ngộ, nhưng khi y tỉnh ngộ, y bèn đi theo chúng tôi. Y cũng hoàn toàn chân thật như những người khác, và chúng tôi thương yêu y cũng bằng một tình thương không kém.

Khi đó, nhân vật thứ hai từ từ tiến lên và đứng yên một lúc. Đức Jesus day lại, mở rộng hai tay ôm lấy người ấy và nói: "Hỡi Phi Lát thân mến." Thật là không ai có thể lầm lẫn về những hảo ý của cả hai vị.

Kế đó, Phi Lát cất tiếng nói:

-Tôi đã đau khổ trong nhiều năm sau khi tuyên bố bản án vào cái ngày mà tôi đã nhẹ dạ gạt bỏ cái trách nhiệm nặng nề của tôi. Trong đời sống hằng ngày, rất ít người trong chúng ta nhận thức được những gánh nặng vô ích mà họ chồng chất lên vai kẻ khác chỉ vì họ muốn trốn tránh trách nhiệm của mình. Nhưng khi chúng ta đã

thức tỉnh, chúng ta hiểu rằng khi mình càng cố gắng tránh né bổn phận và tìm cách đặt gánh nặng của mình lên vai kẻ khác, thì cái gánh nặng ấy lại càng đè nặng trên vai mình. Tôi đã phải mất nhiều năm ray rứt đau khổ mới nhìn thấy rõ điều đó, nhưng thật cũng là một niềm vui mừng lớn lao thay từ khi tôi đã tỉnh ngộ!

Khi đó, khúc hợp ca vô hình trổi lên với một âm điệu du dương khôn tả. sau vài điệu nhạc, Đức Jesus tiến lên và nói:

-Các ngươi có lấy làm ngạc nhiên chăng, khi biết rằng tôi đã tha thứ từ lâu cho những kẻ đã đóng đinh tôi trên Thánh Giá? Kể từ lúc đó, tại sao người thế gian không tha thứ lẫn nhau như tôi vậy? Tại sao các người không nhìn thấy tôi trong cái chân tướng bản thể, không phải bị đóng đinh trên Thánh Giá, mà vượt lên cao hơn tất cả những gì là trần gian tục lụy?

Khúc ca vô hình lại tiếp tục với câu hát: “Xin Ngài cứu rỗi và giải thoát cho tất cả, hỡi Ngài là Con của Chúa Trời. Các người hãy nghiêng mình suy tôn Ngài, nước Chúa đã được đặt ra cho nhân loại trường cửu đến

muôn đời. Thật vây, Ngài sẽ ở bên cạnh các người, mãi mãi…"

Đó không phải là một cảnh tượng xa xôi, huyền ảo, hay lu mờ. Chúng tôi thật sự có mặt trong gian phòng lúc ấy và chúng tôi đã nói chuyện với những người đối thoại. Chúng tôi đã bắt tay chào hỏi và đã chụp ảnh tất cả các vị. Các vị đã hiện diện giữa nhóm chúng tôi, và chúng tôi đã vây quanh các vị. Sự khác biệt duy nhất giữa các vị với chúng tôi là các vị được bao phủ quanh mình bằng một thứ hào quang đặc biệt. hào quang đó dường như là cái nguồn xuất phát ra ánh sáng chiếu khắp phòng. Các vị không có tỏa ra một cái bóng nào như chúng tôi. Thể xác các vị dường như trong suốt một cách lạ thường, bàn tay sờ vào thì nó giống như chất bạch ngọc (albâtre). Tuy nhiên, thân thể các vị có những rung động ưu ái tốt lành và tỏa ra chúng quanh sự nhiệt thành và ấm áp của tình thương. Sau khi các vị đã ra đi, gian phòng dường như vẫn còn giữ lại sự ấm áp và ánh sáng của các Ngài. Sau đó, mỗi khi chúng tôi bước vào phòng này, chúng tôi đều cảm thấy như vậy. Một ngày nọ, vài người trong nhóm chúng tôi hội họp tại

đó, trao đổi cảm tưởng lẫn nhau và vị trưởng nhóm chúng tôi nói:

-Gian phòng này thật là kỳ diệu.

Anh ta đã biểu lộ cái cảm tưởng chung của chúng tôi, chúng tôi không ai nói thêm điều gì nữa. Khi chúng tôi trở lại đó vào mùa thu năm sau, gian phòng giống như một nơi linh điện và chúng tôi ngồi tĩnh tâm tại đó trong nhiều giờ.

Sau cuộc gặp gỡ đầu tiên đó, chúng tôi đợi cho các vị siêu nhân bước ra khỏi phòng. Trong khi Phi Lát sắp sửa ra đi, người yêu cầu vị trưởng nhóm chúng tôi cùng đi theo người. Chúng tôi dùng các cầu thang đi xuống phòng dưới, và đi theo con đường hầm để ra ngoài đường. Chúng tôi đi về làng và trở về nhà trọ, tại đây chúng tôi còn ngồi nói chuyện đến nửa đêm.

Sau khi các vị quan khách đã ra về, chúng tôi tựu họp chung quanh bà chủ nhà, và mỗi người đều đến bắt tay bà để cám ơn bà về buổi tối đặc biệt đó. Một người trong chúng tôi nói:

-Tôi chỉ có một cách duy nhất để phát biểu những tư tưởng và cảm nghĩ của tôi, là nói rằng những quan niệm vật chất thiển cận của tôi đã hoàn toàn tan vỡ đến nỗi tôi sẽ không bao giờ còn thấy lại một mảnh vụn nhỏ nhặt nào!

Dường như bạn tôi đã thức động đến những tư tưởng thầm kín của tất cả mỗi người trong nhóm. Về phần tôi, tôi không nói gì về những cảm nghĩ của mình và cũng không hề nghĩ đến việc thuật chuyện lại cho ai nghe. Việc đó tôi để tùy theo sự tưởng tượng của độc giả. Khi chúng tôi chào bà chủ nhà trước khi đi ngủ, không ai thốt ra một lời nào nữa. Mỗi người đều có cảm tưởng rằng một thế giới hoàn toàn mới lạ đã xuất hiện trước mắt chúng tôi. Chúng tôi lui về phòng riêng trong đêm đó với ý nghĩ rằng mình đã trải qua một ngày đầu năm tốt đẹp nhất trong đời.

II

Sáng ngày hôm sau, vào lúc ăn điểm tâm, chúng tôi hỏi bà chủ nhà và được biết rằng không phải là một điều bất thường mà thấy Đức Jesus xuất hiện như Ngài đã

làm đêm trước. Bà nói rằng Ngài vẫn thường tham dự với bà và các bạn hữu trong công việc chữa bịnh.

Ngày đó, bà chủ nhà và hai bà khác quyết định đến ngôi đền với chúng tôi. Khi chúng tôi vừa ra khỏi nhà, hai người đàn ông đi theo chúng tôi. Một người nói với bà chủ nhà rằng có một đứa trẻ trong làng bị đau ốm và nhờ bà đến chữa bịnh. Chúng tôi bỏ dở lộ trình và đi theo hai người lạ mặt đến nhà đứa trẻ, thì thấy em bé ấy thật sự đang đau nặng. Bà chủ nhà chúng tôi liền tiến tới và đưa hai tay ra. Mẹ em bé đặt đứa nhỏ trong vòng tay của bà. Gương mặt đứa bé liền sáng lên, rồi nhăn lại trong một lúc. Sau vài phút, nó ngủ một giấc li bì. Bà chủ nhà mới trả em bé lại cho người mẹ nó và chúng tôi ra đi để đến ngôi đền.

Người ta đưa chúng tôi đi qua nhiều phòng trong ngôi đền. Trong lúc nói chuyện, chúng tôi được biết rằng một trong hai người đã đi theo chúng tôi hồi sớm mai là con cháu của một trong các bậc siêu nhân có gương mặt còn trẻ mà chúng tôi đã gặp tại làng cũ của Thánh Jean Baptiste ở ngày xưa. Chúng tôi đã gọi vị siêu nhân ấy là vị sư tổ, tác giả các văn kiện cổ xưa. Trái lại, người cháu

chất này già như một ông lão, điều này làm chúng tôi ngạc nhiên.

Trong khi chúng tôi trở lại gian phòng thứ nhất, vị trưởng nhóm của chúng tôi hỏi rằng một điều ước nguyện có thể nào thực hiện được chăng? Bà chủ nhà đáp rằng mọi điều mong ước được bày tỏ dưới một hình thức toàn vẹn sẽ được thực hiện. bà nói thêm rằng sự mong ước là một hình thức cầu nguyện, rằng Đức Jesus vẫn dùng một hình thức cầu nguyện toàn vẹn vì lời cầu nguyện của Ngài luôn luôn được đáp ứng. Một lời cầu nguyện luôn luôn được đáp ứng chỉ có thể là toàn vẹn, bởi đó nó rất khoa học, và nếu nó đúng tinh thần khoa học, lẽ tất nhiên nó phải theo một định luật đúng đắn. bà chủ nhà nói tiếp:

-Định luật ấy là như vầy: Lời cầu nguyện được đáp ứng là tùy theo đức tin. Nói một cách khác, bất luận là bạn mong ước điều gì khi bạn cầu nguyện, bạn hãy tin rằng bạn đã nhận được những điều mong ước đó, rồi bạn sẽ có.

Nếu chúng ta biết chắc rằng những gì ta cầu xin đã

được ban cho ta, chúng ta cũng biết rằng chúng ta đã hành động đúng luật. Và nếu điều mong ước được thực hiện, chúng ta biết rằng luật đã ứng nghiệm. Còn nếu điều ta ước mong không được đáp ứng, thì ta biết rằng chúng ta đã cầu nguyện trái phép. Lỗi ấy không phải ở nơi Trời, mà ở nơi chúng ta. Trong trường hợp đó, thì đây là điều răn:

"Các bạn hãy kính yêu Thượng Đế với tất cả tấm lòng thành, với tất cả linh hồn, tất cả sức mạnh, tâm tư và trí não của bạn. Bây giờ, bạn hãy đi sâu vào tâm hồn bạn, không thành kiến, không sợ hãi, và không nghi nan, với một tâm hồn vui vẻ, tự do và biết ơn, và biết rằng những gì bạn cần dùng, những gì bạn cầu mong, bạn đã được rồi đấy."

Cái bí quyết là hãy nâng tâm hồn lên cho hòa nhịp với Thượng Đế. Kế đó, phải giữ nguyên trạng thái đó không cho suy chuyển một li, dầu cho ta có gặp phải sự chống đối của toàn thể thế giới. Đức Jesus nói:

-Riêng ta, ta không thể làm gì được. Đức Chúa Cha ngự nơi ta đã làm tất cả mọi việc.

Các bạn hãy có đức tin nơi Thượng Đế, đừng nghi ngại, đừng sợ sệt. Các bạn hãy nhớ rằng quyền năng của Thượng Đế không giới hạn. Tất cả mọi việc, ta đều có thể làm được.

III

Trong nhiều ngày liên tiếp, suốt hai tháng trường chúng tôi nghiên cứu một loạt những tấm bia đá cổ xưa sắp thành hàng trong một gian phòng kín của ngôi đền. Những bia đá này có khắc những cổ tự và những hình biểu tượng hàm xúc nhiều ý nghĩa thâm sâu. Ông lão đi theo chúng tôi giảng giải cho chúng tôi nghe những ý nghĩa của các bia đá cổ. Một ngày nọ vào đầu tháng ba, như thường lệ chúng tôi đến gian phòng nói trên và thấy ông lão nằm im bất động trên tấm nệm, dường như người ngủ. Một bạn tôi bước đến gần, đặt nhẹ một bàn tay trên mình ông lão để đánh thức ông dậy, nhưng liền thụt lùi lại và hoảng hốt kêu:

-Ông ta không còn thở, hay là ông ấy đã chết rồi!

Chúng tôi tựu lại quanh tấm nệm với ý nghĩ là ông lão

đã chết nên không để ý đến việc gì xảy ra và có ai bước vào phòng. Bỗng một tiếng "Chào các bạn" kéo chúng tôi ra khỏi cơn mơ. Chúng tôi quay lại phía cửa vào và thấy đức Tuệ Minh. Sự xuất hiện của ngài làm chúng tôi ngạc nhiên, ví chúng tôi tưởng là ngài đang ở một nơi cách đây một ngàn năm trăm cây số. Trước khi chúng tôi định tĩnh tinh thần, ngài bước tới gần và bắt tay chúng tôi.

Sau một lúc, hai người trong nhóm chúng tôi lui ra sau và đức Tuệ Minh bước đến gần tấm nệm. Đặt một bàn tay trên trán ông lão, ngài nói:

-Đây là một huynh đệ thân mến của chúng ta vừa mới từ giã cõi đời và bỏ dở công việc của y đang làm. Các bạn nghĩ rằng y đã chết. Ý tưởng đầu tiên của các bạn là tìm một người đào huyệt, mua một cỗ quan tài, và xây cho y một ngôi mộ để cho y yên giấc nghìn thu. Hỡi các bạn, hãy suy nghĩ trong một lúc. Ngày xưa Đức Jesus đã kêu gọi đến ai khi Ngài nói: "Hỡi Chúa Cha, con xin tạ ơn Chúa đã nghe lời cầu nghuyện của con?" Ngài không kêu gọi đến cái phàm ngã, cái lớp vỏ bên ngoài. Ngài nhìn nhận và kêu gọi đến cái Chân Ngã, tức Đại

Ngã vô biên, vốn toàn năng, vốn nghe, biết, và nhìn thấy tất cả, tức là đức Thượng Đế toàn thông và hiện diện ở khắp mọi nơi. Đức Jesus chủ ý đến điều gì khi Ngài đứng bên cạnh nấm mồ của Thánh Lazare? Phải chăng người làm như các bạn là nhìn vào lỗ huyệt đào, và thấy xác thể Thánh Lazare đang chương sình và sắp tan rã? Không. Khi mà các bạn chỉ nghĩ đến người chết, Ngài nghĩ đến người sống, là Con duy nhất của Chúa Trời. Nhãn quang của Ngài trụ vào sự sống trường cửu, bất biến, hiện diện khắp nơi và thấm nhuần tất cả mọi vật. Bây giờ, với tầm nhãn quang của chúng ta cương quyết nhắm vào sự hiện diện hằng có của Thượng Đế, chúng ta có thể nhìn thấy hoàn tất công việc của người huynh đệ thân yêu này, y đã không bao giờ tuyệt đối trông cậy nơi Thượng Đế. Y đã trông cậy một phần vào sức mình và đã đi đến trạng thái hiện tại mà các bạn đã thấy. Y đã bỏ cuộc. Y đã phạm vào điều lầm lạc mà nhiều người trong các bạn đang làm hiện thời, điều lầm lạc mà các bạn gọi là sự chết. Người huynh đệ thân yêu này đã không có khả năng từ bỏ sự nghi ngờ và sợ sệt. Y đã cậy nơi sức mình và không thể hoàn tất công việc mà mỗi người trong chúng ta đều phải làm. Nếu chúng ta cứ

để y nằm yên như thế, thể xác y sẽ tan rã. Y sẽ phải trở lại cõi trần để hoàn thành công viêc thế gian mà y làm chưa xong. Thật ra, công việc ấy đã gần xong đến nỗi chúng ta có thể giúp y hoàn tất chu đáo. Chúng ta cho rằng thật là một vinh dự lớn lao mà có thể giúp đỡ y trong trường hợp này. Các bạn đã tự hỏi rằng y có thể nào thức tỉnh dậy và sống lại như mọi người hay chăng? Có, y có thể, và tất cả những người đã chết như y cũng đều có thể sống lại. Mặc dầu các bạn cho rằng y đã chết, nhưng chúng tôi là những người đã từng chia sẻ ít nhiều cuộc đời của y, chúng tôi có thể giúp đỡ y. Không bao lâu y sẽ hiểu và sẽ có thể đem thể xác đi theo với y. Không cần phải bỏ xác cho cái gọi là "Sự chết" và sự tan rã, dẫu rằng sau khi đã làm cái điều lầm lạc lớn lao nói trên…

Đức Tuệ Minh ngừng nói trong một lúc và có vẻ đắm chìm trong một cơn thiền định thâm sâu. Một lúc ngắn ngủi sau đó, bốn người trong các vị quý khách gặp trong làng đều bước vào gian phòng. Các vị bước đến gần nhau, cũng nhắm mắt định thần và đi vào cơn đại định thâm trầm. Kế đó, hai người trong các vị đưa tay ra

và mời chúng tôi cùng nhập cuộc. Chúng tôi bước đến gần và khoác tay trên vai nhau, làm thành một vòng tròn chung quanh chỗ nằm của xác chết.

Chúng tôi đứng im lặng trong một lúc, kế đó ánh sáng trở nên tỏ rạng hơn trong gian phòng. Chúng tôi quay lại nhìn thì thấy Đức Jesus và Phi Lát đang đứng cách chúng tôi có vài bước. Hai vị tiến tới và nhập đoàn cùng với chúng tôi. Lại một cơn im lặng thâm trầm tiếp theo sau, kế đó Đức Jesus đến gần xác chết, đưa hai tay lên và nói:

-Hỡi các bạn, tôi xin đề nghị với các bạn hãy cùng tôi vượt trong một lúc qua cõi giới bên kia cửa Tử. Cõi ấy không phải là vùng cấm địa như các bạn có thể tưởng. Nếu các bạn cùng tôi vượt qua cửa Tử và quan sát cõi ấy từ phía bên kia, các bạn sẽ thấy rằng nó được thuần túy tạo nên bởi những tư tưởng của con người. Ở cõi giới bên kia cũng có sự sống, giống như bên này vậy.

Đức Jesus đứng yên một lúc, hai tay đưa thẳng về phía trước, và nói:

-Hỡi người anh em và bạn hữu, bạn hiện diện với chúng tôi, chúng tôi cùng hiện diện với bạn, và tất cả chúng ta đều hiện diện chung nhau với Chúa Trời. Sự tinh khiết tuyệt đối, sự bằng an và điều hòa của Chúa Trời bao phủ và thấm nhuần tất cả. Sự thực hiện những điều đó nay đã biểu lộ nơi bạn một cách độc đáo và rõ rệt đến nỗi bạn có thể đứng dậy và được nhận ở một bên đấng Cha Lành. Bạn thân mến, bây giờ bạn đã thấy và biết rằng thể xác của bạn không phải là cát bụi trở về cát bụi, hay nhúm tro tàn hoàn lại đống tro tàn. Sự sống vẫn ở đó, tinh anh và trường cửu.Không cần phải bỏ thể xác cho nó tan rã trong sự chết. Bây giờ bạn đã nhận thức được sự huy hoàng của cõi giới nguyên thủy của mình. Bây giờ bạn có thể đứng dậy và đến với Chúa Trời…

Hỡi quý độc giả, nếu người ta thử diễn tả sự mỹ lệ và tinh anh của ánh sáng tràn ngập gian phòng này bằng ngôn ngữ của trần gian, thì đó chỉ là những danh từ trống rỗng. Khi xác chết bất động ngồi dậy, dường như ánh sáng chiếu xuyên qua mọi vật, thành thử không có vật gì phát ra bóng đen, cả thể xác của người chết cũng như của chúng tôi.

Kế đó, những vách tường dường như nới rộng ra và trở nên trong suốt, và sau cùng dường như tầm nhãn quang của chúng tôi phóng vào khoảng không gian vô tận. Không thể dùng danh từ nào để diễn tả sự huy hoàng của cảnh tượng lúc ấy. Khi đó chúng tôi hiểu rằng Thần Chết đã biến mất và chúng tôi đang hiện diện trước Sự Sống trường cửu, huy hoàng.

Người trần gian như chúng tôi chỉ có thể nhìn với đôi mắt kinh ngạc. Trong những giây phút đó, chúng tôi vượt lên cao hơn nhiều những gì mà một khối óc giàu tưởng tượng có thể nghĩ về sự mỹ lệ huy hoàng của cõi Trời. Đó không phải là một cơn mơ, mà đó là sự thật. Sự thật ấy có thể vượt khỏi rất xa tất cả những giấc mơ. Ngày hôm đó, ảnh hưởng kỳ diệu về sự mỹ lệ và sự bằng an do cảnh tưởng ấy gây ra, cộng thêm với đức tin lớn lao mà các vị Chân Sư đã gây cho chúng tôi, đã hoàn toàn đưa chúng tôi vượt qua bên kia bức rào ngăn cách giữa sự Sinh và sự Tử. Ngày nay, bức rào ngăn cách đó đối với chúng tôi chỉ còn là đồng bằng không chướng ngại. Tuy nhiên, dường như chúng tôi thấy một cách rõ rệt rằng bằng cách này hay cách khác, mỗi

người phải tự mình làm sự cố gắng cần thiết để vượt qua những chướng ngại nếu y muốn nhìn thấy sự huy hoàng lộng lẫy của cõi giới vô hình.

Mọi di tích của sự già nua đã biến mất nơi Chander Sen, mà chúng tôi coi như đã phục sinh từ cõi chết. Y day lại các bạn hữu và liền cất tiếng nói. Giọng nói của y hàm xúc một điểm chân thành và hùng dũng:

-Hỡi các bạn, các bạn không thể biết được nỗi vui mừng,sự bằng an và niềm ân huệ lớn lao mà các bạn đã đem đến cho tôi bằng cách đánh thức tôi dậy như các bạn đã làm. Một lúc trước đây, tất cả đều tăm tối. Tôi đang ở đó, ngại ngùng sợ sệt không dám tiến tới và cũng không thể thụt lùi. Tôi chỉ có một cách để bày tỏ những cảm tưởng của tôi. Tôi đang đắm chìm trong sự tối tăm u ám, thì bỗng nhiên tôi thức tỉnh, và bây giờ tôi lại ở một bên các bạn.

Kế đó, gương mặt y trở nên sáng lạn với một niềm hân hoan vui vẻ đến nỗi người ta không thể nghi ngờ lòng thành thật của y. Y day lại chúng tôi và nói:

Hỡi các bạn, thật là hân hạnh thay khi tôi nghĩ đến sự kết hợp giữa chúng ta. Các bạn không thể biết được niềm vui của tôi khi tôi bắt tay các bạn. Thật là một niềm phúc lạc mà nhìn thấy và cảm xúc được sự chân thành của các bạn khi các bạn chấp nhận dự can thiệp của những vị cứu trợ cao cả thiêng liêng của tôi! Nếu các bạn có thể nhìn thấy bằng đôi mắt của tôi trong lúc này, các bạn sẽ biết được cái ân huệ mà tôi vừa kinh nghiệm. Niềm vui lớn nhất của tôi là biết được một cách chắc chắn rằng mỗi người trong các bạn sẽ có ngày đạt tới một giai đoạn giống như của tôi và chừng đó sẽ biết được một niềm vui tương tự. Tôi có thể nói rằng thật cũng đáng sống trọn một cuộc đời để thụ hưởng được một lúc an lạc như thế…

Một lúc sau, Chander sen đã biến mất. Phải chăng đó chỉ là một ảo ảnh? Các bạn tôi đều đồng thanh cho là không, vì có hai người đã đích thân đến bắt tay đương sự. Tôi để cho quý độc giả quyền tự do phê phán việc ấy.

Khi đó một trong các vị quý khách ở làng ấy day lại chúng tôi và nói:

-Tôi biết các bạn đang có sự nghi nan. Nhưng các bạn nên hiểu rằng tất cả những việc ấy không phải được dàn cảnh để làm vui mắt các bạn. Đó chỉ là một sự việc thông thường và ngẫu nhiên xảy ra để làm vui mắt các bạn. Đó chỉ là một sự việc thông thường và ngẫu nhiên xảy ra trong cuộc đời của chúng tôi. Khi đến một lúc quyết định, chúng tôi có thể thắng đoạt thời cơ và làm chủ tình hình. Nếu để riêng một mình y, người anh em này không đủ sức để tự mình vượt qua bức rào chướng ngại. Quả thật, như các bạn đã thấy, y đã chết và bỏ xác nằm trơ. Nhưng vì y đã đạt tới một trình độ tâm linh khá cao, nên chúng tôi có thể giúp y vào lúc quyết định. Trong trường hợp đó, linh hồn đã trở lại, thể xác hoàn thành sự tinh luyện của nó đến mức toàn hảo, và hành giả có thể đem xác y đi theo bất cứ nơi đâu. Sự bất hạnh của người anh em nay là do bởi y muốn chết quá! Y đã bỏ xác y lại đúng vào lúc mà chỉ thêm vài bước nữa cũng đủ để cho y vượt qua bức rào ngăn cách và hoàn tất công phu tu luyện đến mức toàn hảo. Thật là một hân hạnh rất lớn cho chúng tôi mà có thể giúp y trong dịp đó…

Chúng tôi từ từ rút tay lại và đứng yên một phút trong một cơn im lặng hoàn toàn. Một người trong chúng tôi gián đoạn phút im lặng đó bằng một câu:

-Ôi! Thượng Đế toàn năng!

Riêng phần tôi, dường như không bao giờ tôi còn muốn nói gì nữa. Tôi muốn suy gẫm. Trong một giờ đồng hồ, tôi đã sống trọn một đời người. Chúng tôi tất cả đều ngồi xuống. Vài người trong chúng tôi đã định tĩnh tinh thần trở lại, bèn nói chuyện thì thầm với nhau.

Một khắc đồng hồ sau, trong khi chúng tôi đang ngồi nói chuyện, một bạn tôi bước đến gần cửa sổ nhìn ra ngoài và nói hình như có nhiều người lạ mặt đã vào làng. Ngạc nhiên, chúng tôi đi ra để nhìn xem. Thật vậy, thật là một điều rất hiếm mà có những người khách lạ đi bộ đến làng vào mùa này, vì lúc ấy là giữa mùa đông.

Khi đến làng, chúng tôi thấy một nhóm vài người đến từ một thôn nhỏ cách đó chừng độ năm chục cây số. Họ có đem theo một người, đi lạc trước đó ba người trong một cơn bão tuyết và hầu như đã hoàn toàn bị chết

cóng. Các bạn y chở y nằm trên một chiếc cáng và đã đi bộ vượt qua một quãng đường dài đầy tuyết phủ. Đức Jesus bước đến gần, đặt bàn tay trên đầu người ấy và đứng yên trong một lúc. Thình lình, người ấy bỏ mền ra và liền đứng dậy. Các bạn y trố mắt nhìn một cách vô cùng kinh ngạc và bỏ chạy trong cơn hoảng sợ. Chúng tôi không thể nào thuyết phục họ quay trở lại. Người chết cóng vừa được chữa khỏi có vẻ hoang mang ngơ ngác. Hai bạn trong nhóm chúng tôi mời y về nhà họ để nghỉ ngơi ít lâu. Kỳ dư đều quay trở lại nhà trọ, và chúng tôi thức đến nửa đêm để bình luận về những việc xảy ra trong ngày hôm đó.

IV

Câu chuyện xoay chiều đến một điểm, khi đó một bạn tôi hỏi địa ngục ở tại nơi đâu, và ác quỷ có nghĩa là gì? Đức Jesus phản ứng mau lẹ và đáp:

-Địa ngục và ác quỷ không có nơi chỗ nào nhất định ngoài ra trong tư tưởng phàm tục của người đời. cả hai đều ở đúng vào nơi nào mà con người đặt ra cho chúng. Các bạn là những người có học thức, các bạn có thể nào

tìm thấy chăng một vị trí địa dư nào cho địa ngục và ác quỷ trên quả địa cầu? Nếu cõi Trời là tất cả và bao trùm tất cả, làm sao người ta có thể tìm thấy trong chất dĩ thái bao la một nơi chốn nào nhất định cho địa ngục hay ác quỷ? Nếu Chúa Trời là tất cả mọi nơi và cai quản tất cả mọi sự, thì còn có chỗ nào đâu nữa cho địa ngục hay ác quỷ trong cái thiên cơ toàn diện của Ngài? Bây giờ chúng ta đã lục soát khắp cả vũ trụ và không tìm thấy chỗ nào là nơi trú ẩn của ác quỷ. Như vậy, chúng ta bắt buộc phải nhìn nhận rằng ác quỷ ở chỗ nào có người ta và nó chỉ có những quyền năng mà người đời đã gán cho nó. Các bạn tưởng tượng rằng tôi có thể đuổi tà ra khỏi bất cứ một người nào, rồi sau đó để cho nó nhập vào một bầy heo, rồi bầy heo này sẽ đâm đầu xuống biển? Tôi không hề thấy tà ma quỷ quái nhập vào một người nào, trừ phi người ấy đã tự ý đem nó vào mình. Cái quyền năng duy nhất của tà ma mà tôi nhìn nhận là cái quyền năng mà chính người đời đã gán cho nó.

Một lúc sau, câu chuyện xoay chiều đến vấn đề Thượng Đế, và một bạn tôi hỏi:

-Con muốn biết Chúa Trời là ai và bản chất thật sự

của Ngài là như thế nào?

Đức Jesus đáp:

-Tôi hiểu tầm mức quan trọng của câu hỏi đó. Anh muốn xác định vấn đề ấy cho rõ ràng. Ngày nay, thế giới đang bị xáo trộn bởi nhiều tư tưởng trái ngược. Người ta không tìm đến nguồn gốc của các danh từ. Thượng Đế hay Chúa Trời là cái nguyên lý cai quản mọi vật. Cái Nguyên Lý nó ngự trị trong một sinh vật là Tinh Thần, và Tinh Thần vốn toàn năng, toàn trí và toàn thông. Chúa Trời là tư tưởng duy nhất làm cái nguyên nhân trực tiếp và chỉ đạo của tất cả mọi sự tốt lành ở chung quanh chúng ta. Chúa Trời là nguyên nhân của mọi sự sống mà ta thấy ở chung quanh ta. Chúa Trời là nguồn gốc của tình Bác Ái bao la nó duy trì và hợp nhất tất cả mọi hình thể sinh hoạt. Chúa Trời hay Thượng Đế là một cái Nguyên Lý vi diệu, chớ không phải là một Đấng có cá thể riêng biệt. Chúa Trời không bao giờ là một nhân vật riêng rẽ, trừ phi khi nào Ngài trở nên một đấng Cha Lành, đầy tình thương và có cá tính đối với quan niệm riêng của mỗi người. Thật vậy, đối với mỗi người, Chúa Trời có thể trở nên một bậc Phụ Mẫu, đầy Bác Ái và ban

rải tất cả. Chúa Trời không bao giờ là một đấng Cao Cả ngự trị ở một nơi nào đó trên Trời, ở một cõi giới gọi là Thiên Đàng, nơi đó Ngài ngồi trên một chiếc ngai vàng và xử xét người đời sau khi họ chết. Vì Chúa Trời chính là Sự Sống vậy, và Sự Sống không bao giờ mất. Cái hình ảnh nói trên chỉ là một quan niệm sai lầm nẩy sinh ra trong trí của những kẻ ngu dốt.

Điều ấy cũng áp dụng cho nhiều sự sai lầm khác mà các bạn có thể nhận thấy trên thế gian ở chung quanh ta. Chúa Trời không phải là một vị Quan Tòa, hay một ông vua, có thể áp đặt sự hiện diện của Ngài đối với con người, và đem người đời ra xét xử trước một tòa án công lý.Chúa Trời là một đấng Cha Lành đầy Bác Ái và giàu lòng quảng đại, mở rộng hai tay mừng đón khi các bạn tiến đến gần Ngài. Ngài không cần biết đến bạn là ai trong hiện tại hay trong quá khứ. Bạn luôn luôn là con của Ngài, nếu bạn tìm đến Ngài với tấm lòng thành và với những mục đích chân thật, dẫu rằng bạn đã có lúc bỏ nhà đi hoang và đã mỏi mệt trên con đường lầm lạc sa ngã. Bạn luôn luôn có thể lại quay trở về nhà của đấng Cha Lành với một niềm tin tưởng chắc chắn về một sự

tiếp đón đầy hảo ý. Bữa tiệc liên hoan luôn luôn chờ đón bạn ở đó, bàn tiệc luôn luôn được sắp đặt sẵn sàng. Khi bạn trở về, bạn sẽ không nghe một lời trách móc nào của một huynh đệ đã trở về nhà trước bạn.

Các bạn có thể nhìn thấy Chúa Trời và nói chuyện với Ngài bất cứ lúc nào, cũng y như bạn nói chuyện với cha mẹ, bạn bè hay thân nhân của bạn. Thật vậy, Ngài còn gần gũi bạn hơn bất cứ một người nào trên thế gian, Ngài chăm sóc và ưu ái bạn còn hơn bất cứ một người bằng hữu thân tín nào. Ngài không bao giờ giận dữ hay chán nản. Chúa Trời không hề huỷ diệt, sát phạt, gây thương tổn hay làm buồn lòng một người con nào hay một sinh vật nào của Ngài sáng tạo ra. Nếu Ngài làm như vậy, Ngài đã không phải là Chúa Trời. Một đấng Thượng Đế mà xét xử, sát phạt hay từ chối một sự tốt lành nào đối với những sinh vật hay những đứa con của Ngài, chỉ là do sự tưởng tượng của những triết gia ngu dốt. Các bạn không cần phải sợ sệt một đấng Thượng Đế như thế, trừ phi các bạn cố ý muốn làm như vậy. Vị Chúa Trời chân chính luôn luôn đưa tay ra và nói: “Tất cả những gì Ta sở hữu, cũng là của con.” Một thi nhân

há chẳng có nói rằng Thượng Đế gần với ta còn hơn là hơi thở, hai tay chân của ta. Thi sĩ nói câu ấy hẳn là do một nguồn cảm hứng thiêng liêng khi họ hướng về điều thánh thiện hay công lý. Mỗi người đều có thể được sự cảm hứng thiêng liêng bất cứ lúc nào nếu họ muốn.

Nhiều vị bạn hữu của tôi cùng đoàn kết với nhau để giúp đỡ thế gian. Đó là công việc làm trong đời của chúng tôi. Có những thời kỳ phải cần huy động tất cả nghị lực của chúng tôi lại với nhau để đánh tan những luồng sóng tư tưởng xấu xa hắc ám, những tư tưởng nghi ngờ, dị đoan nó suýt nữa đã nhận chìm toàn thể nhân loại trong vực thẳm. Các bạn có thể gọi đó là những lực lượng tà vay, bất hảo hay gì tùy ý. Theo chúng tôi, những sức mạnh đó chỉ xấu xa hắc ám là trong phạm vi mà người đời đã tạo ra nó.

Nhưng ngày nay, chúng tôi thấy một ánh sáng ngày càng tỏ rạng hơn lên, khi mà người đời từ bỏ những điều mê tín dị đoan trói buộc của họ. Sự giải thoát đó có thể làm cho họ đắm chìm một ít lâu trong chủ nghĩa duy vật. Nhưng điều này giúp cho họ tiến lên gần mục đích, vì chủ nghĩa duy vật không gây chướng ngại cho tinh

thần bằng sự mê tín dị đoan hay những huyền thoại hoang đường. Cái ngày mà tôi đi trên mặt nước, chắc các bạn tưởng rằng tầm nhãn quang của tôi hướng về chỗ nước sâu, vực thẳm chăng? Không. Tôi chỉ nghĩ đến quyền năng của Chúa Trời, nó thắng đoạt tất cả mọi sự hiểm nguy của vực thẳm. Khi tôi làm như vậy, mặt nước trở nên rắn chắc như đá, và tôi có thể đi trên mặt biển một cách tuyệt đối an toàn.

Đức Jesus ngừng một lúc, và một bạn tôi hỏi:

-Thưa Ngài, buổi nói chuyện của Ngài với chúng tôi hôm nay có làm phiền rộn Ngài và làm gián đoạn công việc cao cả của Ngài chăng?

-Các anh không thể làm phiền rộn một vị nào trong các bạn hữu của tôi, dẫu rằng chỉ trong một lúc, và tôi nghĩ rằng tôi cũng là một người trong nhóm đó.

Một bạn khác nói:

-Ngài là vị Anh Cả của chúng tôi.

Đức Jesus nở một nụ cười tươi sáng. Ngài nói:

-Cám ơn bạn, tôi vẫn luôn gọi các bạn là anh em.

Khi đó, một người trong chúng tôi day lại Đức Jesus và hỏi Ngài:

-Thưa Ngài, phải chăng mọi người đều có thể biểu lộ đấng Christ tự trong mình?

Ngài đáp:

-Phải, chỉ có một con đường đưa đến sự Toàn Thiện. Con người sinh ra tự Chúa Trời và phải trở về với Chúa Trời. Những gì xuất xứ tự cõi Trời đều phải quay lại cõi Trời. Lịch sử đấng Christ không phải đã bắt đầu từ lúc tôi giáng sinh, cũng như không phải đã chấm dứt khi tôi bị đóng đinh trên Thập Tự Giá. Đấng Christ vẫn hằng có, khi Chúa Trời sáng tạo nên người đầu tiên theo hình ảnh của Ngài và giống như Ngài. Đấng Christ và người ấy chỉ là một. Tất cả mọi người cùng với người ấy cũng chỉ là một. Cũng như Chúa Trời là Cha của người ấy, thì Ngài là Cha của tất cả mọi người. Trong thời gian trên 50 năm sau ngày tôi bị pháp nạn trên cây Thánh Giá, tôi đã sống với những đệ tử và với nhiều người thân yêu của

tôi. Tôi đã truyền pháp cho họ. Trong thời gian đó, chúng tôi tựu họp nhau trong một vùng hẻo lánh yên tịnh ngoài xứ Judée, ở đó chúng tôi được ẩn trú an toàn khỏi bị quấy rầy bởi những kẻ tò mò mê tín. Chính ở đó có nhiều người đã sở đắc được những quyền năng lớn lao và thực hiện một công trình vĩ đại. Khi đó tôi hiểu rằng bằng cách rút lui một thời gian, tôi sẽ có thể tiếp xúc với toàn thể thế giới để giúp đỡ nhân loại. Bởi đó, tôi bèn rút lui và sống ẩn dật. Vả lại, những đệ tử tôi thường ỷ lại nơi tôi nhiều hơn là tự trông cậy nơi sức mình. Để giải thoát họ khỏi thói ỷ lại đó, tôi phải rút lui ra khỏi tập đoàn của họ. Vì có sự liên hệ chặt chẽ giữa họ với tôi, nên phải chăng là họ có thể tìm lại tôi tùy ý muốn…

Các bạn hãy tự coi mình như một phần tử của sự sống vô biên. Các bạn hãy chấp nhận tự hy sinh vì lợi ích chung của toàn thể. Các bạn hãy tập làm điều lành mà không cần nghĩ đến hậu quả. Các bạn hãy tập từ bỏ mọi đời sống phàm tục và từ bỏ mọi thứ của cải vật chất của trần gian. Hãy làm như vậy một cách thoải mái tự do, đó không phải là một sự quên mình hay cam tâm sống cuộc đời bần cùng khắc khổ. Bạn càng cho ra bao

nhiêu những gì mà Chúa Trời ban cho bạn, thì bạn sẽ nhận thấy rằng bạn lại càng có nhiều hơn để cho ra, dẫu rằng đôi khi dường như bổn phận đòi hỏi bạn phải cho tất cả, thậm chí đến cả sự sống. Khi đó, bạn sẽ thấy rằng người nào muốn duy trì sự sống của mình sẽ mất nó. Bạn sẽ vui mừng mà nhận thấy rằng sự sống mà bạn đem cho kẻ khác, lại chính là sự sống mà bạn đã thu hoạch được. Khi đó bạn sẽ biết rằng nhận lãnh, có nghĩa là cho ra một cách rộng rãi, phóng khoáng. Nếu các bạn hy sinh cái sự sống hữu hình hữu hoại này, một đời sống cao cả hơn sẽ xuất hiện. Tôi bảo đảm với các bạn rằng một đời sống như thế là một sự thực hiện lớn lao không phải cho riêng mình, mà cho tất cả.

Có lúc bạn sẽ có lòng ưu ái để cảm thông với những nhu cầu cấp bách của thế gian. Khi bạn cảm thấy điều đó, bạn sẽ có thể giúp đỡ kẻ đồng loại một cách vô tư mà không hề khoe khoang tự phụ. Bạn có thể ban rải nguồn ân huệ thiêng liêng cho những linh hồn khát khao chân lý mà nguồn ân huệ ấy sẽ không bao giờ cạn. Bạn hãy sử dụng khả năng dùng lời thuyết giảng đạo lý để đem nguồn an ủi cho những kẻ tìm đến bạn, để đem sự

bằng an và nguồn hy vọng cho những kẻ bịnh tật, những kẻ mệt mỏi chán nản cuộc sống, tất cả những người bị sự đau khổ của cuộc đời đè nặng lên vai. Bạn có thể thức tỉnh những kẻ mù quáng vô tình hay cố ý. Dẫu cho một linh hồn bị sa đọa đến mực nào, y cũng sẽ cảm thấy rằng có linh hồn đấng Christ đứng ở bên cạnh y…

Kế đó, Đức Jesus nói rằng Ngài phải đến nhà một huynh đệ khác trong làng ngay chiều hôm đó. Tất cả cử tọa đều đứng dậy. Đức Jesus ban ân huệ cho tất cả chúng tôi, và rời khỏi văn phòng với hai người khác.

Chương 6

Một nền văn minh cổ xưa đến hai trăm ngàn năm năm –Cơn bão tuyết trên vùng Gobi –Những di tích các thành phố cổ -Bọn cướp núi và đoàn kỵ mã cứu trợ vô hình – Một cuộc gặp gỡ huyền diệu.

I

Sáng ngày hôm sau, chúng tôi bắt tay vào công việc phiên dịch chữ cổ tự dùng trong những bản văn kiện và tài liệu cổ. Chúng tôi muốn có sự rõ ràng chân xác tối đa về ý nghĩa của những chữ ấy. Nhờ sự giúp đỡ của bà chủ nhà, chúng tôi học được nhiều về những Thánh Kinh cổ xưa ấy.

Chúng tôi lao mình vào công việc ấy với tất cả tâm hồn. Một buổi sáng, sau độ hai tuần làm việc, chúng tôi đi đến ngôi đền như thường lệ và thấy ông bạn Chander

Sen của chúng tôi, là người dường như đã trải qua sự chết và được phục sinh trước đây. Y vẫn mang thể xác bằng xương thịt như mọi người, nhưng những nét mặt của y tuy rằng vẫn y nguyên như cũ, lại không mang dấu vết nào của sự già nua.Không thể lầm được y với một người nào khác. Khi chúng tôi bước vào phòng, y đang ngồi ghế bèn đứng dậy và đến gần để bắt tay chúng tôi với những lời chào hỏi mừng rỡ.

Người ta không thể tưởng tượng sự ngạc nhiên của chúng tôi khi chúng tôi vây chung quanh y và chất vấn y tới tấp. Chúng tôi giống như một đám học trò vô kỷ luật. Tất cả đều hỏi y cùng một lượt, không ai nghe được ai, và không có trật tự trước sau gì cả! Chắc chắn rằng trong cặp mắt của y, chúng tôi có vẻ như một đám trẻ con vừa chận được một đứa khác mang tin sốt dẻo, và tất cả đều muốn biết xem đó là việc gì! Nhưng sự thật vẫn sờ sờ ra đó. Chander Sen đang đứng trước mặt chúng tôi, với giọng nói và những nét mặt đặc biệt của y, nhưng không già chút nào! Thậm chí giọng nói của y cũng đã có được một âm thanh rắn rỏi của người độ vào trung niên. Y có dáng điệu của một người linh hoạt, và

khỏe mạnh, sáng suốt. Gương mặt và đôi mắt y phản chiếu những nét linh động khôn tả.

Lúc đầu, chúng tôi chỉ có thể so sánh cái thực trạng của y bây giờ với tình trạng cũ của y. Trước kia, khi chúng tôi mới quen biết y, y là một người già nua lọm khọm, lúc đi đứng phải chống một cây gậy lớn. Y có những lọn tóc dài trắng phau, những bước đi chập choạng, và một gương mặt xanh xao hốc hác. Một người trong bọn chúng tôi đã nhận thấy những điểm đó và đã nói:

-Trong số những nhân vật siêu việt kia, đây là một người đã già đến nỗi có lẽ y gần bước qua bên kia cửa Tử.

Lẽ tất nhiên chúng tôi nhớ đến sự biến đổi ly kỳ mà chúng tôi đã chứng kiến cách đây vài ngày. Nhưng sau khi Chander Sen thình lình biến mất, tất cả những điều ấy đã lui dần vào trong quên lãng, vì chúng tôi tưởng rằng sẽ không còn gặp y trở lại. Những diễn biến kế tiếp theo sau đó một cách mau chóng, đã đẩy thụt lùi việc này vào dĩ vãng đến nỗi chúng tôi hầu như đã quên đi

mất. Nhưng nay, nó đã xuất hiện trở lại trong ký ức chúng tôi một cách sống động đến nỗi làm cho chúng tôi ngạc nhiên vô hạn.

Chander Sen đã trẻ hẳn lại một cách không thể tưởng tượng. Nói đúng hơn, y đã trải qua một sự Biến Thể giống như Đấng Christ mà chúng tôi hằng kính yêu rất mực. Xét về sự tương phản rõ rệt giữa hình dáng của y trước kia với tình trạng của y bây giờ, chắc chắn rằng linh hồn y cũng đã tái sinh trở lại. Tuy rằng trước đây chúng tôi không có sống chung với y được bao lâu, nhưng sự tiếp xúc hằng ngày giữa chúng tôi với y đã kéo dài khá lâu để cho chúng tôi được biết y như một người đã già. Kể từ ngày hôm ấy, y đã sống chung với tôi trên hai năm, vừa làm người hướng dẫn vừa làm thông ngôn trong chuyến du hành của chúng tôi vượt qua vùng sa mạc Gobi. Nhiều năm về sau, khi vài người trong phái đoàn chúng tôi gặp lại nhau và hồi tưởng lại việc cũ, thì việc xảy ra sáng ngày hôm ấy là đề tài đầu tiên mà họ nhắc đến trong cuộc nói chuyện.

Khi tôi thuật lại chuyện này, tôi không có ý kể lại tường tận cuộc đàm thoại của chúng tôi đúng từng chi

tiết, vì chúng tôi đã trải qua gần trọn hết hai ngày chỉ để nói chuyện mà thôi. Tường thuật từng chi tiết sẽ làm cho độc giả nhàm chán. Bởi vậy, tôi chỉ kể lại những điểm chính trong câu chuyện này. Khi cơn xúc động đầu tiên đã qua, chúng tôi ngồi xuống và Chander Sen bắt đầu nói:

-Người ta đã chỉ cho tôi thấy rằng trí tuệ của con người có thể được chuyển biến thành trí tuệ thiêng liêng. Tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Trong khi những điều đó được giải thích cho tôi, tôi phát hiện rằng tôi có thể bước vào cõi Trời và cõi ấy vốn ở tại bên trong nội tâm. Bây giờ tôi biết rằng Thượng Đế là sức mạnh duy nhất, vốn toàn năng, toàn trí và toàn thông. Những tội lỗi, bất hòa, bịnh tật, sự già nua, chết chóc, đều thuộc về những kinh nghiệm của quá khứ. Bây giờ tôi đã nhìn thấy chân lý và tôi biết rằng tôi đã đi lạc trong đám mây mù của ảo giác. Thời gian và không gian đã hoàn toàn biến mất. Tôi biết rằng tôi sống trong thế giới chủ quan, còn cái thế giới hiện tại chỉ là thuộc về một thế giới khách quan. Nếu tôi có thể nắm giữ lấy những sự nhắn nhủ thầm kín và những tia sáng mà thỉnh thoảng tôi nhận thức được nhờ

bởi những giác quan tế nhị của tôi, thì tôi đã có thể tránh được bao nhiêu những giờ phút đau khổ, hoang mang và mệt mỏi!

Trong thời niên thiếu của tôi, tôi đã bắt chước phần lớn của nhân loại. Tôi chỉ tin nơi một lối sống, đó là lối sống thụ hưởng khoái lạc trong mọi lãnh vực. Bởi đó, tôi quyết định sống cuộc đời sung mãn, thụ hưởng đến mức tối đa. Tôi lấy sự ích kỷ làm mục đích chính của đời tôi. Tôi sống buông thả theo đủ mọi thứ nhục dục, thú tánh, và hoang phí nguồn sinh lực đến mức làm cho thể xác tôi trở thành cái vỏ khô khan trống rỗng như các bạn đã thấy trước đây. Bây giờ, tôi xin trình bày một hình ảnh xác nhận việc đó.

Chander Sen ngồi im lặng định thần trong một lúc. Không bao lâu, trên một vách tường của gian phòng hiện ra một hình ảnh giống như đã diễn tả trước đây. Đó là hình ảnh cái thể xác của y vào thời kỳ mà chúng tôi mới quen biết y, hình ảnh của một ông già lọm khọm, đi đứng phải chống gậy. Tiếp theo đó là hình ảnh con người của y bây giờ.

Chander Sen nói tiếp:

-Hình ảnh đầu tiên là của một người đã hoang phí sinh lực của thể xác đến mức chỉ còn để lại có cái lớp vỏ khô kiệt. Còn hình ảnh thứ nhì là của một người đã bảo tồn sinh lực còn nguyên vẹn trong thể xác mình. Trong trường hợp của tôi, các bạn nghĩ rằng đó là một sự phản lão hoàn đồng toàn vẹn và hầu như diễn ra trong khoảnh khắc, điều đó thật đúng. Nhưng tôi nhìn vấn đề dưới một khía cạnh khác. Biết bao nhiêu người cũng có thể có cái dịp may như tôi để nhận được sự giúp đỡ, lòng ưu ái và sự cứu trợ của những đấng Cao Cả mà chúng ta được biết?

Nếu người đời có thể hiểu rằng sinh lực của họ có hàm xúc một nguồn sinh khí dồi dào mãnh liệt như thế nào, họ sẽ cố gắng bảo tồn sinh lực thay vì hoang phí nó. Nhưng họ vẫn nhắm mắt làm ngơ đối với việc ấy. Họ tiếp tục sống trong sự mù quáng, hay sự vô minh, cho đến khi Thần Chết đến đem họ đi mất. Các bạn kính trọng tuổi già và coi mái tóc bạc như một cái mão danh dự, điều đó tôi không hề chối cãi. Nhưng các bạn hãy thử đi sâu hơn vào vấn đề, để xem đằng nào là đáng

được đặt trên đài danh dự hơn: một đàng là người có những lọn tóc bạc phơ như tuyết, đã gây nên sự già nua lọm khọm cho chính mình do bởi sự vô minh, nếu không là do bởi sự trác táng trụy lạc của thời niên thiếu; và một đàng là người đã bảo tồn sinh lực, càng ngày càng trở nên mạnh khỏe hơn và dũng mãnh hơn, đủ sức trang bị thể chất để có thể đối phó với tuổi già, và nhờ đó làm tăng trưởng thêm sự hảo tâm và lòng quảng đại của mình? Tôi thú thật là nên có lòng trắc ẩn và tôi nghiệp cho người đã đi đến cõi chết do sự vô minh. Nhưng ta có thể nghĩ gì đối với người cũng đi đến một kết quả tương tự, nhưng có đầy đủ tinh thần sáng suốt minh mẫn để thấu đạt chân lý?

II

Kể từ khi đó, chúng tôi chuyên cần chăm chỉ học chữ cổ tự dưới sự chĩ dẫn của Chander Sen. Ngày tháng trôi qua rất mau như thoi đưa. Đến cuối tháng tư, tức là sắp đến ngày chúng tôi lên đường đi đến đồng sa mạc Gobi, phần lớn các tài liệu cổ vẫn còn chưa dịch xong. Chúng tôi tự an ủi với ý nghĩ rằng chúng tôi sẽ có thể trở lại một ngày nào đó để hoàn tất công việc phiên dịch.

Các vị Chân Sư đã dịch giúp chúng tôi một phần lớn các tài liệu, nhưng các Ngài đòi hỏi chúng tôi phải học các chữ cổ tự để có thể tự mình dịch lấy các tài liệu ấy.

Tháng chín năm trước, chúng tôi có hẹn tái ngộ với những nhân viên khác trong phái đoàn tại vùng sa mạc Gobi. Kế đó, họ sẽ đưa chúng tôi đến địa điểm tọa lạc của ba thành phố cổ xưa nay đã chôn vùi dưới lòng đất. Vị trí đúng đắn của những thành phố này có ghi trong vài tài liệu cổ mà chúng tôi chưa được xem, nhưng đã được nghe nói đến. Chúng tôi chỉ có trong tay những bổn sao chép lại các tài liệu đó, nó càng làm khích động sự tò mò của chúng tôi. Những tài liệu cổ cho biết rằng thời đại phát triển của những thành phố này được truy nguyên từ trên hai trăm ngàn năm trở về trước. Dân cư ở đó đã từng có một nền văn minh rất tiến bộ, đã từng biết các môn nghệ thuật cùng các nghề nghiệp thủ công như rèn đồ sắt và làm đồ vàng bạc. Thời đó, vàng ở xứ này rất thông dụng đến nỗi người ta dùng vàng ròng để làm đồ chén đĩa và móng ngựa. Tục truyền rằng người thời ấy có quyền năng chế ngự các sức mạnh thiên nhiên, biết sử dụng những năng lực thần bí của chính

họ. Thật vậy, những huyền thoại đó thật giống một cách lạ lùng với những chuyện trong Thần Thoại Hy Lạp.

Theo các bản đồ chỉ dẫn thì ngày xưa, đế quốc Uigour gồm một phần lớn Châu Á và Châu Âu đến tận bờ biển Địa Trung Hải của Pháp, với một vùng đồng bằng rộng lớn vô cùng phì nhiêu sung túc và rất đông dân cư. Sự khám phá di tích những thành phố cổ của đế quốc ấy chắc chắn sẽ đóng góp một phần rất lớn cho lịch sử nhân loại. Những tài liệu cổ diễn tả đế quốc Uigour dưới triều đại của bảy vị hoàng đế có những nét huy hoàng lộng lẫy vượt hẳn rất xa xứ Ai Cập thời cổ. Dẫu cho trước thời kỳ bảy vị hoàng đế, các bia đá cổ diễn tả xứ ấy như một nước phồn thịnh hơn Ai Cập rất nhiều. Dân tộc xứ ấy đã sống một thời thái bình thịnh trị, không hề có chiến tranh, không có các nước chư hầu xưng hùng xưng bá, cũng không có chế độ nô lệ.

Thời gian vẫn tiếp tục qua mau và chúng tôi rất bận rộn lo chuẩn bị cuộc hành trình. Chúng tôi phải đến chỗ hẹn vào tháng năm, tại đó chúng tôi sẽ cụ bị đầy đủ lương thực và đồ vật dụng trang bị để hoàn tất chuyến đi cuối cùng.

Tôi không thể nào diễn tả những sự cảm nghĩ của tôi vào lúc gần đến ngày lên đường. Những giờ phút trong thời gian chúng tôi ở lại đây là những giờ phút thần tiên. Tuy rằng chúng tôi đã ở tại đây trên năm tháng và sống gần các Chân Sư trong suốt thời gian đó, thời giờ đã trôi qua rất mau và năm tháng đó đối với chúng tôi dường như chỉ có năm ngày. Một thế giới lạ lùng đang chờ đón chúng tôi, dường như trước mắt chúng tôi là một cánh cửa mở rộng để đưa chúng tôi vào một cõi giới huyền linh với những sự diễn biến không có giới hạn. Mỗi người trong chúng tôi có cảm giác rằng mình chỉ cần vượt qua cái cửa đó, nhưng lại do dự, cũng như chúng tôi cảm thấy phân vân lưỡng lự khi phải từ giã các bậc siêu nhân cao khiết mà chúng tôi tôn kính như những bậc Anh Cả.

Tôi nghĩ rằng trong đời của mỗi người trần gian sẽ có lúc mà y có thể nhìn thấy cái cửa mở rộng cũng như vào cái ngày đẹp trời tháng tư năm ấy chúng tôi đã thấy rõ trước mắt những viễn ảnh vô biên mà người ta có thể đạt tới. Tôi yêu cầu quý độc giả hãy tạm thời bỏ qua tất cả mọi thành kiến của mình, và nếu có thể, quý vị hãy

nhìn xuyên qua cặp mắt của chúng tôi. Tôi không ước mong quý vị tin tưởng điều gì cả. Tôi chỉ yêu cầu quý vị hiểu rõ sự khác biệt giữa việc diễn tả cuộc đời của các Chân Sư với việc ngồi dưới chân các Ngài để nghe các Ngài dạy bảo. Dường như nếu chúng ta dám táo bạo tiến tới để vượt qua cái cửa mở rộng nói trên, chúng ta sẽ có thể thực hiện mọi điều mong ước. Tuy thế, chúng ta lại do dự. Tại sao? Đó là bởi vì chúng ta không có một đức tin tuyệt đối. Chúng ta để cho những ý nghĩ truyền thống thủ cựu kéo ta thụt lùi lại phía sau và đóng sầm cái cửa kia lại. Rồi sau đó chúng ta nói rằng cái cửa kia bị đóng lại là do định mệnh, mặc dầu chúng ta biết quá rõ rằng định mệnh của mỗi người chỉ tùy ở tự nơi mình.

Đây là những người tốt lành, sống giản dị nhưng lại là những người phi thường, trong số đó có nhiều người đã vượt qua cái cửa ngõ đó từ nhiều thế hệ đã qua và có lẽ không biết từ bao giờ. Họ sống cuộc sống tâm linh. Họ không tuân theo truyền thống hay quy luật nhất định nào, mà chỉ sống một cuộc đời lương thiện và trong sạch, một cuộc đời toàn vẹn đáng sống, với hai chân trồng vững trên mặt đất. Tôi để cho quý vị độc giả hãy

tự do so sánh. Chúng tôi do dự không muốn từ giã các vị siêu nhân quý mến mà chúng tôi đã từng sát cánh một cách chặt chẽ trong những tháng vừa qua, tuy vậy chúng tôi lại háo hức nhìn về tương lai, vì biết rằng còn những kinh nghiệm khác đang chờ đợi chúng tôi.

Bởi vậy, chúng tôi từ giã các vị siêu nhân vào một buổi sáng đẹp trời của tháng tư. Các vị thân mật bắt tay chúng tôi và thành thật mời chúng tôi trở lại khi nào có dịp. Chúng tôi vái chào các vị một lần cuối và đi về hướng Bắc để vượt qua sa mạc Gobi. Những câu chuyện phiêu lưu nguy hiểm đáng sợ mà chúng tôi nghe nói đã từng xảy ra ở vùng này luôn luôn ám ảnh chúng tôi như những viễn ảnh đen tối. Tuy nhiên chúng tôi không sợ vì có đức Tuệ Minh và Dật Sĩ đi theo chúng tôi và Chander Sen thì thay chỗ của Nê Bưu.

Đối với chúng tôi là những người đã từng đi du lịch nhiều nơi, viêc tháp tùng theo đoàn người đi trên sa mạc là một việc thông thường hằng ngày. Tôi chắc là tất cả các đoàn viên trong nhóm chúng tôi đều sung sướng ra đi trong cuộc phiêu lưu đầy hứa hẹn này. Tất cả đều biết rằng một thế giới mới đã bắt đầu xuất hiện trước mắt

chúng tôi. Mỗi người đều biết rõ sự xa xôi hẻo lánh và cô lập của vùng sa mạc và biết rõ những nguy cơ có thể xảy đến trong những chuyến du hành thuộc loại này. Tuy nhiên, một mãnh lực huyền bí không cưỡng lại được đã thúc đẩy chúng tôi tiến bước. Đức tin tuyệt đối nơi các vị siêu nhân đã giúp chúng tôi dứt bỏ mọi ý nghĩ sợ sệt hay lo ngại những sự khó khăn xảy đến, và chúng tôi lao mình vào cuộc phiêu lưu với một sự hứng khởi nhiệt thành của tuổi trẻ.

Chúng tôi đã từng quen thuộc với những vùng hẻo lánh nhất thế giới, nhưng chưa bao giờ chúng tôi có kinh nghiệm về một xứ xa xôi và cô lập như vùng này. Tuy nhiên, chúng tôi có thể du lịch nơi đây một cách tự do và dễ dàng khác thường. Quý độc giả sẽ không ngạc nhiên về sự yêu thích của chúng tôi đối với xứ này và đối với các vị ân nhân của chúng tôi. Chúng tôi có cảm giác mình có thể đi lên hướng Bắc đến khi vượt khỏi vùng Bắc Mỹ và chinh phục luôn cả vùng ấy. Chúng tôi chưa đi được bao xa thì một bạn nói:

-Ồ! Nếu chúng ta có thể đi như các vị siêu nhân, thì chuyến đi này sẽ dễ dàng xiết bao! Nhưng chúng ta lại

bắt buộc các vị cũng đi bộ một cách nặng nề chậm chạp như chúng ta chỉ vì chúng ta không thể bắt chước các Ngài!

Mọi sự đều trôi chảy tốt đẹp cho đến cuối ngày thứ bảy của cuộc hành trình. Chiều hôm ấy, vào khoảng năm giờ, chúng tôi vừa ra khỏi một khe núi sâu thẳm thì một đoàn viên báo tin có nhiều người kỵ mã ở đàng xa. Chúng tôi lấy ống dòm ra xem và đếm tất cả hai mươi bảy người kỵ mã dường như có mang đầy đủ khí giới. Chúng tôi liền báo cáo với Dật Sĩ. Anh ta đáp rằng có lẽ đó là những đoàn người du mục thường có ở vùng này. Chúng tôi hỏi y phải chăng đó là một bọn cướp. Y đáp rằng có thể như vậy, vì bọn chúng không có dắt theo một đoàn trừu hay dê nào.

Chúng tôi rời khỏi đường mòn và tiến tới một chòm cây rậm rạp, tại đây chúng tôi cắm trại để nghỉ ban đêm. Trong khi đó, hai người trong nhóm chúng tôi vượt qua một giòng suối gần nơi cắm trại và bước lên một ngọn đồi, từ đó họ có thể nhìn thấy vùng đồng bằng ở chỗ chúng tôi đã khám phá ra đoàn người kỵ mã. Khi lên tới đỉnh đồi, họ ngừng lại và soi ống dòm rồi hối hả trở về

trại. Khi họ về gần tới, họ loan báo rằng đoàn kỵ mã ở cách đây không xa hơn năm cây số và đang tiến về phía chúng tôi.

Ngay khi đó, một người trong nhóm chúng tôi nói rằng một cơn giông bão sắp thổi đến. Chúng tôi nhìn lên trời, thì quả thật thấy hai đám mây u ám nặng nề đang kéo về phía Tây Bắc, đồng thời một đám sương mù từ bốn phía áp lại gần chúng tôi. Chúng tôi cảm thấy rất băn khoăn lo ngại, vì bây giờ chúng tôi có thể nhìn thấy đoàn kỵ mã đang tiến thẳng về phía trại chúng tôi. Tuy nhóm chúng tôi có tất cả ba mươi hai người, chúng tôi không có một khẩu súng nào, và điều này làm chúng tôi rất lo lắng.

Không bao lâu, cơn bão tuyết thổi đến chúng tôi với một tốc độ mãnh liệt kinh khủng. Sự lo ngại của chúng tôi mỗi lúc càng tăng vì chúng tôi đã từng kinh nghiệm sức tàn phá của giông bão trong những vùng sa mạc hẻo lánh như vậy. Trong một lúc, cơn giông với tốc độ 120 cây số giờ, chứa đầy những mảnh tuyết vụn, quất vào chúng tôi và gầm thét ầm ĩ chung quanh tất cả mọi người. Chúng tôi đang e ngại sẽ bị bắt buộc dời trại đi

chỗ khác để tránh những cành cây gẫy đổ rơi lên đầu mình, thì bầu không khí chung quanh trại thình lình lắng dịu và trở nên yên tĩnh. Trong một lúc chúng tôi nghĩ cơn bão tuyết có lẽ chỉ có giới hạn trong một lúc ngắn ngủi, như thường xảy ra trong vùng này.

Vì bầu trời chưa đến nỗi quá u ám, chúng tôi bèn lợi dụng lúc tranh tối tranh sáng để lập lại trật tự trong các lều trại, và mất độ nửa giờ để làm công việc này. Ký ức về cơn bão tuyết và bọn cướp, nó đã làm cho chúng tôi sợ sệt, nay đã hoàn toàn biến mất ra khỏi đầu óc chúng tôi. Chúng tôi ngừng tay trong một lúc, và vị trưởng nhóm bước ra chỗ cửa trại. Sau khi đã nhìn ra ngoài, y day lại và nói:

-Cơn bão tuyết dường như đang hoành hành dữ dội ở gần đây, còn tại chỗ chúng ta đang ở, thì chỉ có một cơn gió thoảng nhẹ. Các bạn hãy nhìn xem; lều vải và cây cối chung quanh đây không bị lay động gì. Khí trời ấm áp và thoang thoảng mùi hương thơm của hoa cỏ.

Nhiều người trong bọn chúng tôi đi theo y ra ngoài và trong một lúc, đứng lặng người vì ngạc nhiên. Trong khi

chúng tôi lo dọn dẹp đồ đạc bên trong trại, chúng tôi không ý thức được cơn giông bão. Chúng tôi nghĩ rằng nó đã qua và thổi về phía khe núi. Thật vậy, vài cơn bão thổi tạt ngang qua vùng này như một cơn gió lốc. Chúng hoành hành dữ dội trên nhiều cây số đường trường trước khi lắng dịu, và tiếp theo đó là một cơn yên tĩnh lạ thường. Nhưng trường hợp này không giống như thế. Cơn bão đang thổi mạnh ở cách chúng tôi độ ba chục thước, nhưng khí trời lại êm ả và ấm áp ở chung quanh chúng tôi. Trái lại, chúng tôi đã từng kinh nghiệm rằng trong những cơn bão tuyết tương tự, người ta thường bị lạnh buốt thấu xương, và có thể bị nghẹt thở vì trong cơn thịnh nộ gầm thét của vũ bão, những mảnh tuyết vụn và bén nhọn bị lôi cuốn theo sức gió và quất mạnh vào mặt mũi người du khách chẳng khác nào như kim đâm.

Thình lình, vùng yên tĩnh chung quanh chúng tôi sáng lên dường như bởi một phép lạ. Trong cơn kinh ngạc, dường như chúng tôi nghe có những tiếng người xen lẫn với tiếng gầm thét của cơn giông. Người ta báo hiệu đến giờ ăn chiều. Chúng tôi bước vào lều và ngồi

xuống. Trong bữa ăn, một bạn tôi băn khoăn về số phận của những người kỵ mã. Một bạn khác nói:

-Chúng tôi nghe dường như có tiếng người kêu gọi khi chúng tôi bước ra ngoài trại. Chúng ta có thể nào cứu giúp những người kỵ mã hay chăng trong trường hợp họ bị đi lạc trong cơn bão tố?

Dật Sĩ bèn lên tiếng và nói rằng những người ấy thuộc về một trong những bọn cướp khét tiếng trong vùng. Họ chuyên môn cướp bóc xóm làng, và chiếm đoạt những đoàn dê trừu của dân chúng.

Sau bữa ăn chiều, trong một lúc gió lặng, chúng tôi nghe có tiếng người kêu ngựa hí, cùng với tiếng vó ngựa đạp lộn xộn dường như những người kỵ mã không còn làm chủ chúng nó được nữa. Những tiếng động ấy có vẻ như rất gần, nhưng chúng tôi không thể nhìn thấy gì cả vì ban đêm tuyết xuống dầy đặc. Chúng tôi không còn nhìn thấy một ánh sáng nào của những đèn đuốc và lửa trại.

Sau đó một lát, đức Tuệ Minh đứng dậy và nói rằng

Ngài phải đi mời những kẻ cướp vào trại, vì trừ những trường hợp phi thường, không một người hay con vật nào có thể sống sót đến sáng ngày hôm sau trong cơn bão tuyết.

Thật vậy, không khí ở bên ngoài đã trở nên lạnh buốt vô cùng. Hai người trong bọn chúng tôi tình nguyện xin đi theo đức Tuệ Minh, điều này có vẻ làm cho Ngài vui lòng. Ngài nhận lời, và cả ba người đều biến mất dạng trong cơn giông bão. Độ hai mươi phút sau, ba người đã trở lại, cùng với hai mươi tên cướp đi bộ, tay cầm cương dắt ngựa đi theo sau. Những tên cướp này cho chúng tôi biết rằng bảy người đồng bọn của họ đã mất liên lạc với cả đoàn và có lẽ đã đi lạc trong cơn bão tuyết.

Những tên cướp gồm một thành phần hỗn tạp với những gương mặt hung dữ của bọn lục lâm cường đạo. Khi họ bước vào trại có đèn lửa ấm áp, họ có vẻ nghi ngờ rằng chúng tôi gài bẫy để bắt họ. Sự lo âu của họ hiện rõ trên nét mặt, nhưng đức Tuệ Minh bảo đảm rằng họ được tự do ra đi bất cứ lúc nào. Ngài chỉ cho họ thấy rằng nếu họ muốn tấn công chúng tôi, chúng tôi không có một khí giới nào để tự vệ. Tên đầu đảng bọn cướp

thú thật rằng đó chính là ý định đầu tiên của họ khi họ vừa nhìn thấy chúng tôi từ trong khe núi đi ra trước cơn giông bão. Sau đó, họ trở nên do dự và đã đi lạc đến nỗi họ mất phương hướng để trở về trại. Khi đức Tuệ Minh và hai người trong bọn chúng tôi tìm thấy họ, thì họ đang trú ẩn một bên vách núi ở cách trại chúng tôi có độ một trăm thước.

Tên đầu đảng bọn cướp nói rằng nếu chúng tôi hất hủi họ, thì chắc chắn là họ sẽ phải chết vì lạnh. Đức Tuệ Minh trấn an họ và nói rằng điều đó sẽ không xảy ra. Bọn cướp bèn cột ngựa vào những gốc cây để nghỉ lại ban đêm, rồi ngồi riêng với nhau ở một góc. Họ bắt đầu ăn thịt dê phơi khô và bơ con yak (một loại bò rừng và có sừng lớn dài ở xứ Tây Tạng) mà họ lấy ra từ những bọc da dấu dưới yên ngựa. Trong khi ăn, họ để khí giới trong tầm tay và thỉnh thoảng ngừng lại để nghe ngóng mỗi khi có một tiếng động nhỏ. Họ nói chuyện và bộ tịch rất tự nhiên. Dật Sĩ nói với chúng tôi rằng họ lấy làm ngạc nhiên về những đồ trang bị của chúng tôi và về ánh lửa trong trại. Họ tự hỏi tại sao ở đây không có gió lớn, tại sao không khí trong trại rất ấm cúng, và tại sao mấy

con ngựa có vẻ ung dung thoải mái như thế?

Một đứa lúc nào cũng nói chuyện huyên thuyên và nói nhiều nhất trong bọn cướp, đã từng nghe nói về các vị chân sư. Y nói với những kẻ đồng bọn rằng các vị siêu nhân cũng như thánh thần và có thể tiêu diệt bọn họ tùy ý muốn và mau lẹ trong khoảnh khắc. Nhiều tên khác tưởng chúng tôi âm mưu để bắt sống họ, bèn tìm cách thuyết phục cả bọn đánh cướp tài sản chúng tôi rồi tẩu thoát. Nhưng tên đầu đảng ra lịnh cho họ không được phá phách chúng tôi, và nói rằng nếu họ làm hại chúng tôi, tất cả bọn sẽ bị tiêu diệt.

Sau một cơn thảo luận giông dài, tám tên cướp bèn đứng dậy, bước đến gần chúng tôi, và nói với Dật Sĩ rằng bọn chúng không muốn ở lại thêm nữa. Họ sợ có xảy ra những việc bất trắc và muốn trở về trại của họ ở cuối giòng sông cách đó vài cây số. Họ đã tìm ra phương hướng nhờ căn cứ vào cái lùm cây to chỗ chúng tôi cắm trại. Họ bèn lên ngựa và bắt đầu đi xuống thung lũng. Sau đó hai mươi phút, tất cả bọn đều quay lại và nói rằng tuyết xuống dầy đặc đến nỗi ngựa của họ không thể tiến tới được nữa. Chính họ cũng không thể đương

đầu với cơn bão tuyết này, là cơn bão mãnh liệt nhất từ nhiều năm nay. Kế đó, họ tìm chỗ ở ngoài trại để nghỉ lại ban đêm.

Một bạn tôi nói:

-Tuy bọn này làm tôi sợ, nhưng tôi cảm thấy an toàn hơn ở trong lều so với ở bên ngoài, giữa cơn gió bão.

Dật Sĩ quay lại chúng tôi và nói:

-Các bạn ở đâu, là nhà của Thượng Đế ở đó. Nếu các bạn ở tại đây, trong trại này, các bạn sống trong niềm vui của Thượng Đế. Sự ấm áp và tiện nghi trong trại có nghĩa gì nếu các bạn không ở tại đây, hoặc nếu các bạn không nhận thấy có sự ấm áp và tiện nghi đó? Các bạn có thể tự do mời những người ngoài vào đây. Tuy nhiên, họ không chịu vào, vì họ không biết tới chỗ ở của các bạn. Mặc dầu họ cảm thấy sự ấm cúng nhưng những người anh em thân mến này không muốn lại gần, bởi vì họ vẫn luôn luôn sống bằng nghề cướp bóc. Họ không thể hiểu rằng chính những người mà họ coi như những miếng mồi đương nhiên của họ, lại có thể dành cho họ

một sự tiếp đón thân hữu mà không có lý do đặc biệt, và nhất là mình không thuộc về giới lục lâm cường đạo. Họ không biết rằng giữa cơn bão tuyết, lạnh lẽo, hay giữa cơn giày vò đau khổ nhất, vẫn luôn luôn có sự hiện diện của Thượng Đế. Không một cơn giông to, gió lớn, hay bão lụt nào có thể làm hại được những người đã đặt sự an toàn của mình trong tay của Thượng Đế. Người ta chỉ bị đắm đuối trong giông gió, bão lụt, khi nào người ta đã mất liên lạc với Thượng Đế. Thượng Đế chỉ có thể thực hiện được những gì các bạn hiện đang nhìn thấy, khi nào người ta hướng tầm nhãn quang của mình đến Ngài một cách vững chắc, không hề lay chuyển, đến mức không còn biết gì và không nhìn thấy gì khác nữa ở bên ngoài…

Người ta có thể tìm thấy yên tĩnh thật sự giữa cơn bão tố, vì sự yên tĩnh chân thật vốn ngự trong tâm hồn của người nào đã tìm thấy Chân Ngã. Trái lại, người ta có thể ngồi ở một nơi vắng vẻ tĩnh mịch, giữa chốn sa mạc hẻo lánh hoang vu, một mình đối diện với bóng hoàng hôn êm ả và giữa cảnh yên lặng của thiên nhiên, nhưng lại bị dầy vò cấu xé bởi cơn bão lòng của những

đắm mê, dục vọng, hoặc bị giao động rung chuyển tâm hồn bởi những sấm sét của sự sợ hãi, kinh hoàng…

Những người này là tàn tích của một dân tộc xưa kia đã từng có một nền văn minh cao cả và thịnh vượng. Tổ tiên của họ cư ngụ nơi xứ này vào thời kỳ mà xứ ấy còn là một đế quốc kỹ nghệ phồn thịnh, hùng cường. Họ đã từng biết thực hành các môn khoa học và mỹ thuật. Họ cũng đã biết rõ nguồn gốc tinh thần và sức mạnh tâm linh của họ và đã biết tôn thờ sùng kính Thiêng Liêng. Về sau đến một thời kỳ họ bắt đầu say mê những khoái lạc vật chất và rơi vào tình trạng trụy lạc, sa đọa tâm linh. Khi đó một tiếng động lớn, một cơn thiên tai địa chấn tàn phá và làm sụp đổ tất cả, chỉ còn để lại có những bộ lạc sơn nhân miền thượng ở rải rác trên những vùng hẻo lánh. Những bộ lạc sống sót này mới quy tựu lại thành những cộng đồng sinh hoạt, từ đó mới xuất phát ra những chủng tộc lớn ở Âu Châu ngày nay.

Vùng này là vùng sa mạc Gobi bị cơn địa chấn tàn phá và đưa lên một chiều cao mà không còn một loài thảo mộc nào có thể sống được. Dân cư vùng ấy đã hầu như bị hoàn toàn tiêu diệt, đến nỗi chỉ còn lại có những

cộng đồng hiếm hoi cô lập, và có nơi chỉ còn lại có một hoặc hai gia đình. Những cộng đồng này mới tổ hợp lại thành từng đoàn. Đó là tổ tiên của những người dân sống tại nơi đây, họ không thể phát triển để tiến bộ hơn nữa, vì họ luôn luôn bị lôi cuốn vào những cuộc chiến tương tàn giữa họ với nhau.

Lịch sử và nguồn gốc của họ đã bị lãng quên, nhưng người ta có thể truy nguyên đến tận nguồn gốc duy nhất của nền tôn giáo và những huyền thoại của họ. Những nền tảng của tôn giáo và huyền thoại này ở đâu cũng giống như nhau, tuy rằng những hình thức sắc tướng rất là khác biệt, và có những điểm dị đồng rất lớn…

Đến đây, Dật Sĩ nói y không muốn làm nhàm tai chúng tôi, vì phần đông các bạn tôi đã ngủ mê. Chúng tôi bèn nhìn về phía bọn cướp. Họ cũng đã ngủ mê, và cũng như chúng tôi, họ đã quên mất cơn giông bão tuy rằng cơn giông vẫn tiếp tục hoành hành dữ dội. Chúng tôi bước vào lều để nghỉ ngơi sau khi đã một lần nữa, tỏ sự biết ơn của chúng tôi đối với các vị chân sư cao cả.

Sáng hôm sau, chúng tôi thức dậy, mặt trời chiếu tỏ

rạng, cả trại đều rộn rịp. Chúng tôi hối hả thay quần áo và thấy rằng tất cả mọi người, luôn cả bọn cướp, đều sắp sửa chuẩn bị ăn sáng. Trong khi ăn, chúng tôi được thông báo chương trình ngày hôm ấy là lên đường hộ tống bọn cướp trở về trại của họ. Thật vậy, người ta dễ tìm đường khi đi chung với nhau từng đoàn, hơn là đi lẻ tẻ. Điều này làm cho bọn cướp hài lòng, nhưng không làm cho chúng tôi vui, vì chúng tôi được biết rằng ở trại của họ, bọn cướp có đến 150 người. Khi chúng tôi điểm tâm xong, thì mọi vết tích của cơn bão đã biến mất. Chúng tôi bèn dỡ trại và cùng đi với bọn cướp, cả người lẫn ngựa, để tìm đường về trại họ.

Trại của bọn cướp ở cách đó dưới hai mươi cây số. Tuy vậy, chúng tôi chỉ đến nơi vào lúc xế chiều, và lấy làm sung sướng mà có thể nghỉ chân tại đó. Chúng tôi nhận thấy trại ấy rất tiện nghi, có đủ chỗ rộng rãi để chứa tất cả phái đoàn. Sau bữa ăn chiều, chúng tôi nhận thấy rằng nên ở lại đó một hai ngày để chờ cho tuyết ém chặt lại. Thật vậy, qua ngày hôm sau chúng tôi phải vượt một truông núi cao gần năm nghìn thước. Vì thời tiết không tạnh ráo trở lại như chúng tôi mong, chúng tôi

phải kéo dài thời gian lưu trú tại đây trong bốn ngày. Dân làng đối xử với chúng tôi một cách tôn kính và cố gắng làm cho chúng tôi được vui lòng.

Khi chúng tôi lên đường, có hai người đến xin nhập bọn với phái đoàn. Chúng tôi vui vẻ nhận lời, vì dầu sao chúng tôi cũng phải tuyển mộ một số lao công phụ giúp khi đến làng sắp tới, cách đó độ một trăm cây số. Hai người này tháp tùng đi theo chúng tôi cho đến bận về, vào mùa thu.

Khi chúng tôi rời khỏi làng, gần hết phân nửa dân làng tiễn đưa chúng tôi đến tận đỉnh của truông núi để giúp chúng tôi tìm ra con đường mòn bị tuyết dầy đặc lấp mất cả dấu vết. Chúng tôi rất cám ơn sự cố gắng khả ái của họ, vì công việc leo núi thật rất khó khăn. Lên đến đỉnh truông núi, chúng tôi từ biệt các người anh em lục lâm cường đạo và trực chỉ đi đến chỗ hẹn. Chúng tôi đến đây ngày 28 tháng 5, tức là ba ngày sau những toán đoàn viên bạn, như họ đã hẹn gặp chúng tôi tại đây hồi mùa thu năm trước.

III

Sau một tuần lễ nghỉ ngơi, chúng tôi tom góp đồ hành trang và toàn thể phái đoàn đều lên đường đi đến chỗ địa điểm tọa lạc của thủ đô đế quốc Uigour thời tiền sử. Chúng tôi đến đây vào ngày 30 tháng 6, và bắt đầu ngay công việc đào xới. Giếng đào đầu tiên của chúng tôi chưa sâu tới hai chục thước, thì chúng tôi gặp phải vách tường của một dinh thự cũ. Chúng tôi đào sâu độ ba chục thước để có thể lọt vào một gian phòng lớn, tại đây chúng tôi tìm thấy những xác ướp còn nguyên vẹn ở tư thế ngồi xếp bằng, gương mặt bao phủ bởi một cái mặt nạ bằng vàng. Tại đó có nhiều pho tượng bằng vàng, bạc, đồng, và đất sét, tất cả đều chạm trổ rất đẹp. Chúng tôi đã chụp ảnh tất cả. Khi công việc đào xới đã tiến hành đến một mức độ đủ chứng minh một cách thỏa đáng rằng đó thật là những di tích cổ xưa của một thành phố rất lớn, chúng tôi bèn đi đến địa điểm thứ nhì, mà chúng tôi tìm thấy ngay nhờ bởi những bút tích diễn tả trên những tấm bia đá cổ đã nói ở trên. Tại đây chúng tôi đào sâu chừng mười hai thước trước khi tìm thấy những di tích chắc chắn của một nền văn minh cổ. Chúng tôi đã làm một công việc khá đầy đủ để chứng minh lại một lần nữa và một cách chắc chắn rằng đó thật

là những di tích điêu tàn của một thành phố cổ. Kế đó chúng tôi đi đến địa điểm thứ ba, tại đây chúng tôi định khám phá những tàn tích chứng minh sự hiện diện của một thành phố còn cổ xưa hơn và rộng lớn hơn nữa.

Để tiết kiệm thời giờ và tài nguyên, chúng tôi tổ chức thành bốn toán, trong số đó có ba toán gồm một trưởng toán và sáu người phụ tá, tức là mỗi toán có bảy người. Công việc đào xới và bảo tồn các giống đào được giao phó cho ba toán đó, mỗi toán thay phiên nhau làm việc tám giờ mỗi ngày. Còn toán thứ tư gồm hết tất cả số người còn lại. Toán này có phận sự canh chừng chung quanh trại và lo việc chu cấp lương thực cho cả phái đoàn. Tôi thuộc về toán đặt dưới sự chỉ huy của vị trưởng nhóm Tô Mặc. Toán của tôi làm việc từ nửa đêm đến tám giờ sáng.

Sau khi đã đào xong giếng đầu tiên, chúng tôi lọt vào bốn gian phòng dưới lòng đất, mà chúng tôi lo quét dọn lại. Sau đó, chúng tôi đã có thể chứng minh rằng đó là di tích của thành phố lớn nhất trong ba thành phố, và nó chứa đựng rất nhiều kho tàng.

Một buổi sáng, toán công nhân đến thay phiên toán của tôi báo động rằng có nhiều người kỵ mã đang tiến đến gần trại từ hướng bắc. Chúng tôi ngoi lên mặt đất và thấy họ đang tiến về phía chúng tôi. Đó chắc lại là một đoàn lục lâm cường đạo, vì rõ ràng là họ noi theo con đường mòn đã đưa chúng tôi đến đây. Trong khi chúng tôi còn đang nhìn, thì Dật Sĩ bước tới và nói:

-Đó là một bọn cướp định đến đánh phá trại chúng ta, nhưng chúng ta không cần phải sợ hãi.

Chúng tôi để cho bọn cướp đến gần. Khi họ đến gần trại còn cách chừng năm trăm thước thì họ ngừng lại. Sau đó một lát, có hai tên cướp tế ngựa lại trại chúng tôi, cất tiếng chào xong rồi liền hỏi chúng tôi đang làm gì ở đây. Chúng tôi nói rằng chúng tôi đang thử tìm kiếm những tàn tích của một thành phố cổ. Họ đáp rằng họ không tin như vậy, và nghi rằng chúng tôi là những kẻ đi tìm vàng. Họ toan tính với nhau để đánh cướp những đồ khí cụ trang bị và lương thực của chúng tôi.

Chúng tôi hỏi họ có phải là binh lính của chính phủ không? Họ đáp rằng họ không thừa nhận một chính phủ

nào cả vì ở xứ này chỉ có sức mạnh là đáng kể. Nhìn thấy chúng tôi không có vẻ gì lo sợ và cũng không có khí giới, có lẽ họ cho rằng chắc là chúng tôi còn đông người hơn chứ không phải chỉ có bấy nhiêu. Họ bèn quay trở về bọn cướp để thảo luận kế hoạch. Được một lát, hai tên ấy đã trở lại và nói rằng nếu chúng tôi chịu khuất phục một cách êm thấm, thì họ sẽ không làm hại ai cả. Nếu không, họ sẽ tiến đến và giết chết tất cả những người nào dám chống cự họ. Họ cho chúng tôi mười phút để quyết định, sau mười phút đó họ sẽ tấn công mà không cần báo trước. Dật Sĩ đáp rằng chúng tôi không chống cự mà cũng không đầu hàng ai cả; điều này có vẻ làm cho họ nổi nóng. Họ quày ngựa trở về với bọn cướp, và rút súng ra sẵn sàng. Tất cả bọn cướp bèn cho ngựa phóng nước đại tấn công vào trại chúng tôi.

Tôi thú thật là đã sợ hoảng vía. Nhưng ngay khi đó, bỗng thấy xuất hiện nhiều hình bóng giống như những người kỵ mã tế ngựa xung quanh chúng tôi. Những hình bóng này càng hiện rõ, trở nên linh động và đông đảo hơn. Bọn cướp cũng đã nhìn thấy điều ấy. Vài tên cướp mau tay giật giây cương quay đầu trở lại. Những con

ngựa của vài tên khác sợ hoảng nhảy chồm lên, ngã quỵ xuống đất và thoát ra khỏi sự điều khiển của chủ chúng nó. Chỉ trong khoảnh khắc, một cơn náo loạn kinh khủng đã diễn ra trong hàng ngũ của bọn cướp gồm độ 75 người. Bầy ngựa bắt đầu hí vang và ngã quỵ, quăng bọn cướp té ngã lổng chổng. Cơn náo loạn kết thúc bằng một cuộc chạy trốn xiểng liểng, trong khi đó những người kỵ mã vừa xuất hiện phi ngựa đuổi theo bén gót.

Khi cơn loạn động đã êm, vị trưởng nhóm, một đoàn viên và tôi, cùng đi tới chỗ mà bọn cướp bị chặn lại để nhìn xem nhưng không thấy có dấu vết nào ngoài ra những dấu chân ngựa lộn xộn của bọn cướp. Điều này có vẻ là một điều bí hiểm, vì những người cứu trợ chúng tôi đã xuất hiện rõ ràng thật sự cũng như bọn cướp, và chúng tôi đã nhìn thấy họ đến từ bốn phía. Bởi vậy chúng tôi chắc sẽ tìm thấy trên bãi cát những dấu chân ngựa của họ xen lẫn với những dấu vết của bọn cướp.

Khi chúng tôi quay trở lại, Dật Sĩ nói:

-Những người kỵ mã ấy chỉ là những hình bóng mà chúng tôi đã làm cho y xuất hiện y như thật đến nỗi các

bạn và cả bọn cướp đã có thể nhìn thấy. Đó là những hình ảnh của quá khứ mà chúng tôi có thể phóng ra một cách linh động đến nỗi nhìn thấy không khác gì sự thật. Chúng tôi có thể phóng những hình ảnh đó để tự vệ và để bảo vệ kẻ khác, mà kết quả là không làm hại ai cả. Khi một mục đích nhất định đã được đặt ra, thì kết quả là không gây thương tổn. Một sự nghi ngờ đã nẩy sinh ra trong óc của bọn cướp. Họ nghĩ rằng không có lý nào một phái bộ như chúng ta lại mạo hiểm đi đến chỗ xa xôi như vậy mà không có phòng vệ. Chúng tôi lợi dụng sự nghi ngờ đó để nhát họ. Họ rất mê tín và luôn luôn nghi ngờ những cạm bẫy. Bọn cướp là một bọn người rất nhát gan. Họ sợ thứ gì thì họ sẽ gặp thứ đó. Nếu chúng tôi không dùng phương pháp đó, thì có lẽ chúng tôi bắt buộc phải tiêu diệt một số đông bọn cướp trước khi kẻ sống sót chịu để cho chúng ta yên. Nhưng bây giờ thì chúng ta sẽ không còn nghe ai nói đến bọn cướp ấy nữa. Thật vậy, chúng ta không còn sợ bị họ quấy phá.

Khi những cuộc đào xới đã có những bằng chứng để làm cho chúng tôi tin tưởng sự hiện hữu của ba thành phố cổ, chúng tôi có ý nghĩ lấp những giếng đào để che

mắt những đoàn người du mục vì họ có thể tìm ra dấu vết của những cuộc khảo cổ này. Thật vậy, sự khám phá ra các giếng này chắc sẽ gây nên một sự cướp bóc toàn diện do bởi sự hấp dẫn của các kho tàng, vì những huyền thoại được lưu truyền khắp nơi về sự hiện hữu của những thành phố cổ và những kho vàng bạc châu báu chôn dấu trong đó. Bởi vậy, sau khi hoàn tất công việc khảo cổ, chúng tôi lấp giếng và cố gắng che đậy các dấu vết chỉ còn để lại đến mức tối thiểu, và trông cậy nơi cơn bão đầu tiên để xóa bỏ mọi di tích còn sót lại về sự có mặt của chúng tôi. Những cồn cát ở xứ này luôn luôn di chuyển, cũng đủ làm một chướng ngại cho việc truy tầm các tàn tích cổ. Nếu không có sự giúp đỡ của các bậc siêu nhân, chúng tôi không bao giờ có thể tìm ra những nơi cổ tích này.

Chúng tôi được cho biết rằng những di tích cổ xưa tương tự còn ở rải rác trong vùng sa mạc đến tận phía nam xứ Tây Bá Lợi Á. Hiển nhiên là có một số dân cư đông đảo xưa kia đã từng sống thịnh vượng ở vùng này và đã đạt tới một trình độ văn minh rất cao. Có những bằng chứng xác thực không thể phủ nhận rằng giống

dân này đã từng thực hành khoa nông nghiệp, canh tác, cùng những khoa kỹ nghệ hầm mỏ, dệt cửi và những ngành sinh hoạt liên hệ. Họ đã từng biết đọc, viết chữ và biết cả những ngành khoa học khác. Thật rõ ràng là lịch sử của giống dân Aryen (tức giống dân thứ năm, thủy tổ của các dân tộc văn minh Âu Mỹ hiện nay).

Trước ngày chúng tôi lên đường, trong bữa ăn có một bạn tôi hỏi đức Tuệ Minh rằng lịch sử của giống dân vĩ đại này có thể nào viết lại được chăng? Đức Tuệ Minh đáp rằng có thể được, vì thành phố cổ chôn vùi ở phía dưới chỗ chúng tôi đang cắm trại, có chứa đựng những tài liệu bút tự hoàn toàn xác đáng. Người ta chỉ cần tìm lại và phiên dịch những tài liệu đó để có một sự xác nhận trực tiếp về lịch sử của giống dân này.

Câu chuyện bị gián đoạn khi có người vừa xuất hiện ở ngoài cửa trại. Người ấy xin phép bước vào lều. Đức Tuệ Minh, Dật Sĩ và Chander Sen liền vội vàng bước ra để gặp người ấy. Xét về việc các vị mừng rỡ tiếp đón chào hỏi nhau, chúng tôi hiểu rằng các vị đã từng quen biết nhau nhiều. Tô Mặc liền đứng dậy đi theo các vị. Khi y ra đến cửa, y đứng sựng lại một lúc trong cơn

ngạc nhiên, rồi bước ra ngoài lều đưa thẳng hai tay ra trước và nói:

-Đây mới thật là một sự bất ngờ!

Những tiếng kêu ngạc nhiên thốt lên cùng một lượt như một cuộc hòa tấu, trong khi những vị quý khách mới đến, cả nam lẫn nữ, trao đổi những lời chào hỏi với y và với ba vị siêu nhân. Khi đó, những người ngồi trong lều bèn đứng dậy, hối hả bước ra ngoài và thấy một nhóm gồm tất cả mười bốn người khách vừa mới đến. Trong nhóm ấy, có bà Mã Ly, thân mẫu đức Tuệ Minh, bà chủ nhà của chúng tôi ở tại căn cứ mùa đông, vị thiếu phụ đẹp tuyệt trần đã chủ tọa buổi dạ tiệc tại nhà đức Tuệ Minh, cùng với người con trai và người con gái của đức Tuệ Minh và một số người khác. Tất cả mọi người đều vui vẻ, và chúng tôi hồi tưởng lại những cuộc hội họp trong những ngày đã qua.

Chúng tôi thật là hoàn toàn ngạc nhiên, và chúng tôi không dấu diếm điều đó. Nhưng sự ngạc nhiên ấy lại còn lớn hơn nữa trong những bạn đoàn viên thuộc các toán khác của phái đoàn. Nhìn vào gương mặt họ, chúng tôi

hiểu rằng họ ngạc nhiên đến mức vô hạn không thể nào diễn tả nổi, vì họ chưa từng chứng kiến như chúng tôi về những cơn xuất hiện và biến mất một cách bất ngờ kiểu đó. Công việc khảo cổ đã làm chúng tôi quá bận rộn đến nỗi chúng tôi đã bỏ qua không kể lại cho họ nghe đầy đủ những kinh nghiệm đã qua của chúng tôi, ngoài những câu chuyện vắn tắt đứt đoạn. Sự xuất hiện của các vị quý khách dường như từ vòm trời trong sáng mà đến, đã làm cho họ hoàn toàn khựng lại và đứng trơ như tượng đá, điều này là một đầu đề để chúng tôi bỡn cợt họ một cách nhẹ nhàng.

Sau khi việc giới thiệu đã xong xuôi, người phụ trách việc nấu ăn bước tới nói riêng với đức Tuệ Minh và Tô Mặc với một vẻ mặt thất vọng:

-Làm sao đãi ăn tất cả bấy nhiêu người? lương thực của chúng ta đã cạn, và đồ tiếp tế còn chưa đến kịp. Chúng ta chỉ còn vừa tạm đủ để ăn bữa chiều nay và bữa điểm tâm sáng ngày mai. Vả lại, mọi sự đã được chuẩn bị sẵn sàng cho chúng ta lên đường.

Lê Mông, vị trưởng phái đoàn, đã lắng tai nghe rõ

câu chuyện. Y bèn bước tới, và tôi nghe y hỏi:

-Trời đất! tất cả những người này từ đâu đến đây?

Tô Mặc vừa nhìn y vừa cười và đáp:

-Lê Mông, anh có vẻ ngớ ngẩn. Các vị đến trực tiếp từ trên trời. Hãy nhìn xem, các vị không có một phương tiện di chuyển nào cả.

Lê Mông nói:

-Điều làm tôi ngạc nhiên nhất, là hình như họ không có cánh. Khi họ đáp xuống bãi cát, đáng lẽ chúng ta phải nghe tiếng động, vì họ đi rất đông. Nhưng chúng ta chẳng nghe thấy gì cả. Như vậy, tôi tạm kết luận rằng giả thuyết hoàn toàn hợp lý của anh là đúng.

Lúc ấy, đức Tuệ Minh day lại và nói rằng để trấn an tinh thần của người đầu bếp, có lẽ ngài bắt buộc sẽ phải trách các vị khách đã không chịu đem theo lương thực để tự túc vì lương thực của chúng ta xét ra không đủ. Người đầu bếp có vẻ rất lúng túng và giải thích rằng y không có ý muốn nói một cách thô lỗ như vậy, nhưng

dù sao thì sự thật cũng vẫn còn đó, là không đủ thức ăn cho tất cả mọi người. Các vị quý khách bèn đồng thinh cười vang lên một cách vui vẻ, điều này có vẻ làm cho y càng lúng túng hơn.

Bà Mã Ly nói rằng không cần phải sợ có sự bất tiện hay thiếu sót. Bà chủ nhà của chúng tôi và vị giai nhân trong buổi dạ tiệc hôm trước nói rằng hai bà vui lòng đảm đương lấy trách nhiệm về bữa ăn, vì các vị quý khách đến viếng chúng tôi với ý định rõ rệt là sẽ cùng chia sẻ bữa ăn đó với chúng tôi. Người đầu bếp có vẻ yên lòng và liền chấp nhận ngay lời đề nghị đó.

Lúc ấy trời đã xế chiều. Đó là một trong những ngày mà ngọn gió mát thổi nhẹ dường như vuốt ve đồng cát Gobi, dẫu rằng có khi chỉ một lát sau nó có thể biến thành một cơn bão tố gầm thét thịnh nộ với một tốc lực kinh khủng. Chúng tôi lấy tất cả thứ gì có thể dùng làm khăn trải bàn và trải lên bãi cát, ngay ở phía ngoài trại. Đối với người ngoài đó có vẻ giống như một cuộc đi chơi cắm trại.

Những người đoàn viên thuộc các toán đến sau

chúng tôi vẫn còn tỏ vẻ ngạc nhiên và do dự. Lê Mông nhìn vào các nồi đựng thức ăn và nói:

-Nếu tôi nhìn thấy rõ, và nếu người ta có thể chia sớt có bấy nhiêu thức ăn cho tất cả số người đông đảo như vậy thì tôi xin mở lớn đôi mắt để nhìn xem một phép lạ được thực hiện!

Một người trong nhóm chúng tôi nói:

-Thật vậy, anh hãy chống mắt cho thật lớn; vì anh sắp sửa nhìn thấy điều mà anh vừa nói.

Tô Mặc nói:

-Anh Lê Mông, đây là lần thứ nhì trong ngày hôm nay mà anh đã đoán đúng!

Kế đó, hai bà nữ khách bắt đầu múc thức ăn trong nồi để chia cho tất cả mọi người. Khi một dĩa đã được múc đầy, nó được chuyền qua tay người khác và lại được thay thế bằng một cái dĩa mới, và cứ tiếp tục như thế cho đến khi tất cả mọi người đều được cung cấp thức ăn một cách dồi dào thừa thãi.

Khi những đĩa được múc đầy thức ăn mỗi lúc càng tiếp tục thêm, chúng tôi thấy gương mặt Lê Mông càng tỏ vẻ lo ngại. Khi người ta đưa một đĩa cho y, y chuyền qua người bên cạnh rồi nói rằng y có thể bằng lòng với một đĩa ít hơn như thế nhiều. Bà chủ nhà chúng tôi nói rằng không phải lo ngại gì cả, vì có đủ thức ăn cho tất cả mọi người.

Sau khi mỗi người đã được cung cấp thức ăn một cách rộng rãi, Lê Mông lại nhìn vào các nồi niêu một lần nữa và thấy rằng thức ăn vẫn còn đầy, không giảm bớt chút nào. Y bèn đứng dậy và nói:

-Nếu quý bà không cho tôi là một kẻ vô phép, mất dạy và thô bỉ, thì tôi xin phép được đến ngồi gần các bà. Tôi xin nhìn nhận rằng sự tò mò ngự trị trong mọi tư tưởng của tôi đến mức làm cho tôi không thể nuốt trôi một miếng nào.

Các bà nữ khách đáp rằng nếu y muốn đến ngồi gần các bà, thì các bà sẽ coi đó như một cử chỉ lịch sự. Khi đó, y bèn đi vòng quanh sau lưng nhóm thực khách và đến ngồi cạnh chiếc khăn trải dưới đất, giữa bà Mã Ly và

vị giai nhân tuyệt sắc.

Khi y đã ngồi xuống, có người xin bánh mì. Trong giỏ bánh mì chỉ còn có một miếng. Vị giai nhân đưa hai bàn tay ra, thì ngay đó một ổ bánh lớn liền xuất hiện trên tay bà. Bà đưa ổ bánh cho bà chủ nhà chúng tôi, bà này sửa soạn đem cắt ra từng khoanh trước khi chia cho mỗi người thực khách. Lê Mông bèn đứng dậy và xin phép quan sát ổ bánh mì còn nguyên vẹn. Người ta đưa ổ bánh cho y, y quan sát trong một lúc với cặp mắt dò xét rồi đưa trả lại với sự băn khoăn hiện rõ trên nét mặt. Y bước đi vài bước, rồi quay trở lại và nói thẳng với người thiếu phụ:

-Thưa bà, tôi không muốn có vẻ xấc láo, nhưng đầu óc tôi bị đảo lộn đến mức làm cho tôi không khỏi đưa ra vài câu hỏi.

Vị giai nhân khẽ nghiêng mình, và nói rằng y được tự do hỏi bất cứ điều gì y muốn. Y nói:

-Phải chăng bà có ý muốn nói rằng bà có thể bất chấp tất cả mọi định luật thiên nhiên, ít nhất là những

định luật mà chúng ta đã biết, và không cần làm một cố gắng nào? Rằng bà có thể làm cho bánh mì xuất hiện từ một kho dự trữ vô hình?

Người thiếu phụ đáp:

-Đối với chúng tôi, kho dự trữ không phải là vô hình, mà nó lúc nào cũng hữu hình.

Khi bà chủ nhà chúng tôi cắt ổ bánh mì và phân phát các khoanh bánh mì, chúng tôi nhận thấy rằng ổ bánh không hề giảm bớt. Lê Mông đã bình tĩnh lại, trở về chỗ ngồi, và vị giai nhân nói tiếp:

-Ước gì các bạn có thể hiểu rằng tấn thảm kịch về cuộc đời của Đức Jesus đã chấm dứt trên cây Thánh Giá, còn niềm phúc lạc của cuộc sống nơi Đấng Christ đã bắt đầu với sự phục sinh của Ngài! Mọi đời sống phải nhắm mục đích phục sinh thay vì mục đích tử Đạo trên Thánh Giá. Bằng cách đó, mỗi người có thể theo gương Đức Jesus trong cuộc đời tràn đầy tâm thức Bồ Đề, tức tràn đầy sức sống của Chân Ngã. Người ta có thể nào tưởng tượng một cuộc đời phúc lạc hơn và phong phú

hơn sự hòa đồng với quyền năng của Chân Ngã trong nội tâm? Với cuộc sống tâm linh đó, các bạn có thể biết rằng mình được sáng tạo để chế ngự mọi hình thể, mọi tư tưởng, mọi lời nói, và mọi hoàn cảnh.

Bằng cách sống cuộc đời thỏa mãn mọi nhu cầu, các bạn sẽ nhận thấy rằng đó là một cuộc đời đúng đắn và khoa học. Đức Jesus đã làm cho vài ổ bánh mì và vài con cá của đứa trẻ nhỏ tăng lên gấp bội để cho đám quần chúng được ăn uống thừa thãi. Các bạn nhớ rằng Ngài yêu cầu đám quần chúng hãy ngồi trong vòng trật tự, trong một thái độ trông chờ, sẵn sàng nhận lãnh thức ăn được tăng thêm do bởi định luật sáng tạo. Muốn tìm thấy sự an vui và thỏa mãn trong đời sống của Đức Jesus, người ta phải thực hiện định luật của đời Ngài bằng cách hành động thuận theo những lý tưởng của Ngài. Người ta không nên ngồi yên bất động và tự hỏi rằng làm sao có đủ thức ăn để sống. Nếu Đức Jesus làm như vậy, thì đám quần chúng đã không bao giờ được ăn uống no đủ. Thay vì làm như thế, Ngài ban ân huệ trong âm thầm, Ngài cám ơn Chúa về những gì mà Ngài đang có, và những phần ăn được tăng thêm đủ cung cấp cho

tất cả mọi người.

Cuộc đời chỉ trở nên một bài toán khó khăn khi con người bắt đầu từ chối không chịu nghe theo tiếng nói của nội tâm. Khi nào y biết hối hận và tập nghe tiếng nói ấy, y sẽ không còn làm việc để mưu sinh. Y chỉ làm việc vì niềm vui sáng tạo mà thôi. Y sẽ bước vào niềm phúc lạc sáng tạo, một lãnh vực được cai quản bởi luật Trời hay tiếng nói của Thượng Đế…

Kế đó, vị giai nhân day qua Lê Mông và nói:

-Đức Jesus đã dạy những luật Đạo nhằm mục đích thiết lập cõi Trời ở dưới thế gian. Bạn đã nhìn thấy những luật đó được áp dụng trong một phạm vi khiêm tốn. Những luật đó vốn đúng đắn và rất khoa học. Con người, vốn là con của Chúa Trời, và thật sự cùng một bản chất như Ngài, nên y vốn chứa đựng ở tự nơi mình cái tinh thần bất diệt của Chúa Trời. Y có thể phân biệt những định luật của đấng đã sinh ra y, sử dụng những luật ấy, để đem lại một năng xuất dồi dào toàn vẹn trong lãnh vực sinh hoạt hằng ngày của y. Y chỉ cần muốn là được.

Kế đó, giai nhân nói rằng bà sẽ rất vui lòng trả lời tất cả mọi câu hỏi của Lê Mông. Vị trưởng phái đoàn đáp rằng y đã quá xúc động để có thể hỏi bất cứ một câu nào nữa. Y cần phải có một lúc yên lặng để suy nghĩ. Y có nhiều điều muốn nói và hy vọng rằng y sẽ không làm phật ý một người nào, vì y không hề có ý muốn chỉ trích ai cả. Y còn nói:

Khi đi đến xứ này, chúng tôi tưởng rằng mình sẽ tìm thấy những tàn tích của những thổ dân đã suy vong và biệt tích từ lâu. Trái lại, chúng tôi lại thấy những người mà chúng tôi không thể tưởng tượng rằng họ có cuộc đời hoạt động một cách cao quý vô cùng. Nếu những điều mà chúng tôi vừa thấy có thể được công bố bên các nước Âu Mỹ, thì toàn thể thế giới sẽ nằm mọp dưới chân quý vị!

Ba vị phu nhân đáp rằng các bà không hề có ý muốn thấy toàn thể thế giới nằm mọp dưới chân các bà. Các bà giải thích rằng nhân loại đã có quá nhiều thần tượng, nhưng thiếu lý tưởng.

Khi đó, tất cả các vị quý khách, trừ ra người đầu tiên

đã đến trước cửa lều, đều đứng dậy và nói rằng đã đến lúc các vị phải ra đi. Các vị bắt tay từ giã chúng tôi và mời chúng tôi đến viếng các vị khi nào có dịp thuận tiện. Kế đó các vị biến mất một cách đột ngột cũng như khi mới đến, làm cho Lê Mông và toán đoàn viên của y trố mắt thật lớn và đứng sững ngay trước chỗ mà các vị vừa hội họp lúc nãy.

Sau một lúc, Lê Mông day lại nói chuyện với người khách còn ở lại, và yêu cầu người ấy cho biết danh tánh. Người này đáp rằng y tên Bạch Lãng. Khi đó Lê Mông nói:

-Phải chăng quý vị có thể đi lại tự do đó đây tùy ý muốn mà không cần dùng một phương tiện di chuyển hữu hình nào như chúng tôi vừa thấy, và khinh miệt tất cả những định luật vật lý học mà người ta được biết từ trước đến nay?

Bạch Lãng đáp:

-Chúng tôi không khinh miệt một định luật nào, chúng tôi cũng không vi phạm một định luật nào dù là

luật Trời hay luật thế gian. Chúng tôi chỉ hợp tác. Chúng tôi hành động theo những định luật thiên nhiên và luật Trời. Những phương tiện di chuyển mà chúng tôi sử dụng thật là vô hình đối với các bạn, nhưng hoàn toàn hữu hình đối với chúng tôi. Điều khó khăn, chính là bởi vì không nhìn thấy những phương tiện đó nên các bạn không tin. Chúng tôi nhìn thấy, tin tưởng, biết rõ, và có thể sử dụng những phương tiện đó. Các bạn hãy làm như chúng tôi, hãy để tâm trí mở rộng, rồi các bạn sẽ nhận thấy rằng những định luật đó vốn hoàn toàn đúng đắn và có thể vô cùng hữu ích cho nhân loại hơn là những định luật có giới hạn mà người ta đã từng quen thuộc. Từ trước đến giờ, người ta chỉ mới phớt qua chứ chưa tận dụng đúng mức những tiềm năng của con người. Chúng tôi luôn luôn vui lòng giúp đỡ các bạn với tất cả mọi phương tiện sẵn có.

Chander Sen giải thích rằng Bạch Lãng đến đây để mời chúng tôi ghé qua làng của y khi chúng tôi trở về địa điểm khởi hành. Chúng tôi sẵn lòng nhận lời mời và Bạch Lãng cho biết y sẽ cùng đi với chúng tôi. Về sau chúng tôi được biết rằng y thuộc giòng giõi những dân tộc phú

cường của đế quốc Uigour thuở xưa, ngày nay đã biệt tích và biến thành vùng sa mạc Gobi.

Chương 7

Một cuộc cứu chữa nhiệm mầu – Cái nhà huyền diệu – Phái đoàn trở về căn cứ mùa đông – Bọn cướp hăm dọa tấn công –Cuộc điều đình với bọn cướp bị thất bại.

I

Chúng tôi thức dậy thật sớm vào sáng ngày hôm sau, và lên đường trước khi mặt trời mọc, để đi đến chỗ làng quê của Bạch Lãng. Chúng tôi đến làng ấy mười hai ngày sau đó. Khi đến nơi chúng tôi được đón tiếp bởi những vị siêu nhân đã đến viếng chúng tôi vào ngày cuối cùng trên sa mạc, và lấy làm sung sướng nhận lời khi các vị mời chúng tôi hãy nghỉ ngơi tại nhà các vị trong vài ngày.

Chúng tôi được đưa vào những gian phòng rất sang trọng so với những lều trại của chúng tôi trên sa mạc.

Buổi cơm tối đã sẵn sàng nửa giờ sau đó. Chúng tôi thay đổi y phục chỉnh tề và bước vào gian phòng khách bên cạnh, tại đây chúng tôi gặp nhiều vị chân sư mà chúng tôi đã từng được quen biết trong những chuyến du hành đã qua xuống miền Nam. Các vị vui mừng tiếp đón, nói rằng vùng này là chỗ đất lành của chúng tôi, và sẵn sàng mở rộng cửa để tiếp đón tất cả mọi người.

Vị thống đốc của vùng này tiếp đón chúng tôi bằng một bài diễn từ khả ái xuyên qua một thông dịch viên. Người còn cho biết rằng buổi cơm tối được sắp đặt tại tư dinh và chúng tôi sẽ đến đó ngay lập tức. Chúng tôi rời khỏi phòng khách, do vị thống đốc đi trước dẫn đường, có hai người vệ sĩ đi kèm hai bên theo lễ nghi bổn xứ. Kế đó là Lê Mông với bà chủ nhà trọ của chúng tôi khi trước, rồi đến Tô Mặc với người thiếu phụ tuyệt sắc, và sau cùng là đức Tuệ Minh, đức bà Mã Ly, mẫu thân của ngài, và tôi, kỳ dư đều tháp tùng đi theo sau.

Chúng tôi vừa mới đi được một đoạn chưa được bao xa thì một đứa bé gái ăn mặc rách rưới tách ra từ trong đám đông người đang nhìn chúng tôi từ bên lề đường, và hỏi bằng tiếng bổn xứ để xin nói chuyện với đức bà Mã

Ly. Bà Mã Ly nắm tay tôi và tay đức Tuệ Minh rồi cả ba chúng tôi đều bước ra khỏi hàng ngũ để nghe xem em bé ấy muốn hỏi điều gì. Thấy vậy, bà chủ nhà chúng tôi do dự một lúc, rồi nói rằng bà muốn ngừng lại. Trong khi bà bước ra khỏi hàng ngũ quan khách, tất cà đoàn đều dừng chân lại. Bà Mã Ly giải thích cho viên thống đốc biết rằng bà muốn tất cả mọi người hãy cứ tiếp tục lộ trình và ngồi vào bàn ăn trước, sau đó, bà sẽ đến sau để nhập tiệc chung với tất cả.

Trong khi đó, bà nằm hai bàn tay của đứa bé gái trong lòng bàn tay bà. Sau khi viên thống đốc và đoàn tùy tùng đã đi qua, bà quỳ xuống thấp để áp gương mặt bà vào gò má của đứa bé, choàng hai tay vòng quanh cổ nó, và nói:

-Con hỡi, con muốn ta giúp con điều gì?

Sau đó, bà Mã Ly được biết rằng em trai của đứa bé này đã bị té ngã vào lúc xế trưa và có lẽ đã bị gãy xương sống. Đứa bé khẩn cầu bà Mã Ly đi theo nó để xem bà có thể cứu chữa cho em trai nó, vì đứa em này đang đau đớn rên xiết rất khổ sở.

Bà Mã Ly đứng dậy, giải thích tình hình cho chúng tôi nghe và yêu cầu chúng tôi hãy đi về tư dinh viên thống đốc, còn bà đi theo đứa bé gái và sẽ gặp lại chúng tôi sau. Lê Mông xin phép đi với bà. Bà nói rằng tất cả chúng tôi có thể đi theo bà nếu chúng tôi muốn. Chúng tôi bèn đi theo bà. Bà vừa đi vừa nắm tay đứa bé gái, em bé này nhảy nhót vì vui mừng. Bà chủ nhà chúng tôi thông dịch lại những lời em nói. Nó nói nó biết rằng đứa em trai của nó sẽ được đức bà chữa khỏi.

Khi đi đến gần nhà, đứa bé gái chạy vọt tới trước để báo tin có chúng tôi đến. Chúng tôi thấy em ở một cái chòi lá vách đất nghèo nàn. Bà Mã Ly có lẽ đọc được tư tưởng chúng tôi vì bà nói:

-Căn nhà nghèo nàn này chứa đựng những quả tim ấm áp.

Khi đó, cánh cửa đột nhiên mở. Chúng tôi nghe một giọng đàn ông và chúng tôi bước vào. Chòi lá này bên trong rất nheo nhóc. Nó chỉ vừa đủ khoảng trống để chứa tất cả chúng tôi, và trần nhà thấp đến nỗi chúng tôi không thể đứng thẳng người. Một ngọn đèn dầu leo lét

chiếu ánh sáng lập lòe lên gương mặt của cha mẹ đứa bé ngồi ở một góc, áo quần dơ bẩn. Trong góc ở xa nhất, nằm trên một đống rơm rạ và giẻ rách cũ hôi hám ẩm thấp, là một đứa bé trai độ chừng năm tuổi đang rên xiết, gương mặt tái ngắt như sáp và nhăn nhó như có vẻ rất đau đớn.

Đứa bé gái ngồi xuống bên cạnh và đặt hai bàn tay lên hai gò má đứa em trai. Em nói với đứa bé trai rằng nó sẽ được hoàn toàn chữa khỏi vì đức bà đã có mặt tại đó. Em rút hai bàn tay ra và xích qua một bên để cho em trai ấy nhìn thấy đức bà. Đến khi đó em mới nhìn thấy lần đầu tiên những vị khách lạ, và nét mặt em liền biến đổi ngay, dường như em đang trải qua một cơn sợ hãi. Em lấy hai tay che mặt, và thân hình em run rẩy hòa nhịp với những tiếng khóc thổn thức:

-Ồ! Con tưởng rằng đức bà chỉ đến có một mình.

Bà Mã Ly ngồi xuống bên cạnh em và ôm em vào lòng trong một lúc. Khi em đã bình tĩnh, bà nói rằng bà sẽ cho chúng tôi về nếu em muốn. Em đáp rằng em chỉ ngạc nhiên và sợ hãi, thế thôi, vì em chỉ nghĩ đến đứa

em trai đang đau ốm. Bà Mã Ly nói:

-Con thương yêu em con nhiều lắm phải không?

Đứa bé gái, tuy chưa chín tuổi, đáp:

-Dạ, nhưng con thương yêu tất cả mọi người.

Đức Tuệ Minh thông dịch lại cho chúng tôi, vì chúng tôi không hiểu một tiếng nào. Bà Mã Ly nói:

-Nếu con thương em con nhiều như vậy, con có thể giúp sức một phần vào sự cứu chữa cho nó.

Kế đó, bà bảo em bé ấy ngồi trở lại tư thế lúc nãy, với hai bàn tay ôm lấy hai gò má của em nó, rồi bà xoay mình lại để đặt một bàn tay bà trên trán đứa bé. Ngay tức khắc, những tiếng rên xiết liền ngưng bặt, gương mặt đứa trẻ sáng lên, thân mình nó duỗi thẳng giữa một cơn yên tĩnh hoàn toàn của bầu không khí chung quanh, và đứa trẻ ngủ yên trong một giấc ngủ tự nhiên.

Bà Mã Ly và đứa bé gái ngồi yên trong tư thế đó trong một lúc, rồi bà gạt nhẹ hai bàn tay đứa bé gái ra và

nói:

-Em bé trai này thật khôi ngô, mạnh giỏi và tráng kiện thay.

Kế đó bà rút bàn tay ra một cách thật nhẹ nhàng.

Lúc đó tình cờ tôi lại đứng gần bên bà trong khi bà đưa cánh tay trái ra trước. Tôi đưa bàn tay tôi ra để đỡ bà đứng dậy, nhưng khi bàn tay tôi chạm vào bàn tay trái của bà thì tôi cảm thấy bị va chạm như điện giựt, nó làm cho tay tôi bị tê liệt. Bà nhẹ nhàng đứng dậy và nói:

-Tôi đã quên đi mất. Đáng lẽ tôi không nên nắm lấy bạn như tôi đã làm, vì tôi cảm thấy trong một lúc sức mạnh kinh khủng của luồng từ điển chạy xuyên qua thân mình tôi.

Khi bà vừa nói dứt lời, thì tay tôi đã lành mạnh trở lại như thường. Tôi tin rằng không ai đã nhận thấy việc ấy xảy ra, vì họ còn đang chú trọng vào những gì diễn ra ở chung quanh.

Đứa bé gái đã thụp xuống chân bà Mã Ly, và hôn lấy

hôn để gấu áo của bà. Bà Mã Ly cúi xuống, lấy tay đỡ gương mặt ứa lệ của đứa bé, rồi quỳ xuống ôm nó vào lòng và hôn lên mắt và miệng nó. Đứa bé quàng tay ôm cổ bà Mã Ly, và cả hai đều yên lặng như thế trong một lúc.

Kế đó, ánh sáng lạ lùng mà chúng tôi đã diễn tả trước đây bắt đầu tràn vào gian phòng. Ánh sáng ấy mỗi lúc càng trở nên sáng rỡ, và sau cùng tất cả mọi vật đều có vẻ trong suốt, dạ quang. Không có vật gì phát ra một cái bóng, và dường như gian phòng mỗi lúc càng trở nên to lớn hơn.

Từ lúc đầu, cha mẹ những đứa bé vẫn ngồi yên trên nền đất, có vẻ im lặng vì sợ hãi. Nhưng đến lúc đó, thì cả hai đều biến sắc, gương mặt họ trở nên trắng bệch vì kinh hoàng; người cha sợ hãi đến nỗi y chạy phóng ra cửa và đụng vào mình Lê Mông trong cơn hấp tấp vội vàng. Người mẹ thì thụp xuống chân bà Mã Ly, vừa cúi lạy vừa khóc mướt. Bà Mã Ly đặt một bàn tay lên trán người đàn bà ấy và kề tai nói thì thầm. Tức thì người đàn bà kia hết khóc, y bèn ngồi nhổm dậy và nhìn thấy sự biến dổi đang diễn ra trong gian nhà. Gương mặt y lại

lộ vẻ kinh hoàng, y bèn hối hả đứng dậy và toan chạy trốn. Đức Tuệ Minh nắm lấy một tay y trong khi vị giai nhân tuyệt sắc nắm cánh tay kia. Hai vị giữ y lại tư thế trong một lúc, rồi thay vì là cái chòi lá bẩn thỉu khi chúng tôi mới bước vào, thì lúc ấy chúng tôi đang ở trong một gian phòng đầy đủ tiện nghi với những giường ghế bàn tủ tươm tất.

Đức Tuệ Minh bước qua gian phòng, ẵm lấy đứa nhỏ đang nằm ngủ trên đống rạ mốc meo, và nhẹ nhàng đặt nó lên một cái giường có trải nệm trắng và chăn mền sạch sẽ. Ngài cúi xuống đặt một chiếc hôn lên trán đứa bé một cách âu yếm như một người hiền mẫu. Bà Mã Ly và đứa bé gái đã đứng dậy và bước tới gần người mẹ các đứa nhỏ. Chúng tôi cũng tựu lại chung quanh y. Người mẹ quỳ thụp xuống hôn lấy hai bàn chân của bà Mã Ly và khẩn cầu bà đừng tách rời khỏi y.

Đức Tuệ Minh bước tới nắm hai bàn tay người đàn bà kia, đỡ y đứng dậy, rồi nói chuyện với y bằng tiếng thổ ngữ bản xứ. Khi người mẹ đã đứng dậy, những áo quần lấm lem nhơ nhuốc của y đã biến thành những áo quần mới. Y thị im lặng trong một lúc dường như không còn

hiểu biết chuyện gì nữa, và lao mình vào trong vòng tay mở rộng của bà Mã Ly. Hai người đàn bà đó giữ tư thế đó một lúc trong im lặng, rồi đức Tuệ Minh bước lại gỡ người ấy ra.

Kế đó, đứa bé gái chạy tới đưa hai tay ra trước và nói:

-Bà hãy nhìn xem quần áo mới của con.

Nó day lại bà Mã Ly, bà cúi xuống đỡ nó lên; trong khi đó nó choàng tay ôm cổ và áp mặt vào vai bà. Lê Mông đang đứng phía sau, đứa bé gái liền đưa hai tay ngang qua vai bà Mã Ly, ngẩng đầu lên và mỉm cười với y. Lê Mông bước tới và đưa hai tay ra, đứa bé nắm lấy và nói rằng nó yêu thương tất cả chúng tôi, nhưng nó yêu mến bà Mã Ly nhiều nhất.

Đức Tuệ Minh nói để Ngài đi tìm người cha các đứa bé. Một lúc sau Ngài đưa y về nhà, với dáng điệu sợ sệt và còn lầm bầm. Bà Mã Ly bước tới và đặt đứa bé gái xuống gần bên y. Dưới cái vẻ mặt khó chịu của người đàn ông này, chúng tôi có thể nhận thấy ẩn tàng một

lòng biết ơn sâu xa. Chúng tôi bèn bước ra khỏi căn nhà. Trước khi chúng tôi ra về, người mẹ các đứa bé yêu cầu chúng tôi hãy trở lại khi có dịp. Chúng tôi cho biết là sẽ trở lại vào ngày hôm sau.

Chúng tôi bèn hối hả đi đến tư dinh thống đốc vì sợ rằng đi trễ làm cho mọi người phải đợi chờ. Chúng tôi có cảm giác như đã trải qua nhiều giờ trong cái chòi lá, nhưng thật ra chỉ có nửa giờ đã trôi qua từ lúc chúng tôi tách rời khỏi đoàn người đến khi chúng tôi gặp họ trở lại. Tất cả mọi sự đã diễn ra trong một lúc còn ngắn ngủi hơn là cái thời giờ cần thiết để ghi chép lại câu chuyện. Chúng tôi đến tư dinh viên thống đốc đúng vào lúc mọi người đang ngồi vào bàn ăn. Lê Mông xin phép ngồi gần bên Tô Mặc. Y lộ vẻ vô cùng khích động. Về sau Tô Mặc cho chúng tôi biết rằng Lê Mông bị xúc động mạnh về những gì y đã nhìn thấy, đến nỗi y không thể nào giữ được sự bình tĩnh.

Qua ngày hôm sau, Lê Mông thức dậy trước hết mọi người. Trong bữa ăn sáng, y ngồi giữa đức Tuệ Minh và Dật Sĩ và luôn luôn đặt câu hỏi trong suốt bữa ăn. Khi chúng tôi vừa ăn xong, y đã đứng dậy và muốn chạy ra

ngoài để nhìn xem cái nhà "đã mọc lên trong một khắc đồng hồ". Quàng một tay lên vai Dật Sĩ, y nói rằng nếu y có được hai vị cứu trợ như đức Tuệ Minh và bà Mã Ly, y sẽ đi chu du khắp chốn và làm cho nhà cửa mọc lên để giúp đỡ những kẻ nghèo khổ không nhà. Y nói thêm:

-Nhưng tôi chắc là những tay chủ phố và nhà đất ở Nữu Ước sẽ nổi giận, và họ sẽ không để tôi yên.

Về sau, Lê Mông cho chúng tôi biết rằng y bị xúc động và ngạc nhiên đến nỗi y không thể nào ngồi yên mà không đặt câu hỏi. Y nói chuyến đi này thật là chuyến xuất hành sôi nổi hào hứng nhất trong đời y, tuy rằng y đã từng đi du lịch ở nhiều nơi xa lạ. Khi đó y có ý định giúp chúng tôi tổ chức một chuyến hành trình thứ nhì để tiếp tục những cuộc đào xới khảo cổ theo chỉ thị của các vị siêu nhân. Nhưng bất hạnh thay, dự án này không được thực hiện vì Lê Mông đã đột ngột từ trần vào năm sau.

Chúng tôi phải vất vả khó nhọc lắm mới ngăn cản được y đến ngay ngôi nhà nhỏ mới dựng lên. Điều này được giải quyết ổn thỏa, theo đó y sẽ cùng với Dật Sĩ và

một người nữa đến một nơi mà từ đó y có thể nhìn thấy ngôi nhà ấy từ đằng xa. Sau độ nửa giờ, họ đã trở về. Lê Mông mừng rỡ lộ ra mặt vì y đã nhìn thấy ngôi nhà nhỏ thật sự. Ngôi nhà ấy làm cho y hồi tưởng lại một trong những giấc mơ hồi thơ ấu, trong khi đó y mơ thấy vừa đi dạo chơi với các vị tiên nữ vừa xây nhà cho những kẻ nghèo và làm cho họ được sung sướng.

Đức Tuệ Minh cho chúng tôi biết rằng chiều hôm đó sẽ có một cuộc hội họp giống như phiên họp hồi năm ngoái tại làng quê của Ngài. Ngài mời tất cả chúng tôi cùng đến dự, chúng tôi sung sướng nhận lời.

Chúng tôi quá đông người để có thể cùng đi một lượt đến xem ngôi nhà nhỏ. Bởi đó, chúng tôi chia ra để đi từng nhóm nhỏ độ năm hay sáu người. Nhóm đầu tiên gồm có đức Tuệ Minh, Lê Mông, một hay hai vị phu nhân, và tôi. Chúng tôi đi ngang qua nhà trọ của bà Mã Ly, bà cùng nhập bọn với chúng tôi. Khi chúng tôi gần đến ngôi nhà nhỏ, đứa bé gái chạy ra đón, rồi nhảy vào nằm gọn trong vòng tay của bà Mã Ly, và nói rằng em trai nó nay đã khỏe mạnh.

Khi chúng tôi đến nhà, người mẹ các đứa bé chạy ra quỳ thụp xuống chân bà Mã Ly và thốt vài lời tạ ân bà. Bà Mã Ly đưa tay ra đỡ người đàn bà ấy và nói:

-Bà đừng quá khiêm cung. Tôi có thể làm cho bất cứ ai những gì tôi đã làm cho bà Cái ân huệ thiêng liêng mà bà đã nhận được, không phải do tôi ban ra, mà là do Trời.

Đứa bé trai ra mở cửa, và mẹ nó mời chúng tôi về nhà. Chúng tôi đi theo sau các bà, và bà chủ nhà trọ tình nguyện làm thông ngôn. Không còn nghi ngờ gì nữa, cái nhà vẫn còn đó, với bốn phòng đầy đủ tiện nghi. Ba phía chung quanh nhà là những chòi tranh rất lụp xụp nghèo nàn. Chúng tôi được biết rằng các chủ nhân của những chòi tranh này đang lo chuẩn bị dọn đi nơi khác vì họ tin rằng ma quỷ đã dựng lên ngôi nhà mới này và sẽ làm cho họ chết nếu họ tiếp tục sống ở chung quanh.

Chúng tôi vừa được tin của vị thống đốc. Sáng hôm ấy, ông ta gởi một toán quân hầu và một viên đại úy đến mời chúng tôi đến dự bữa cơm trưa tại tư dinh. Chúng tôi nhận lời, và đến giờ hẹn, một vệ sĩ đến để hộ tống

chúng tôi đến tư dinh viên thống đốc.

Đến tư dinh viên thống đốc, chúng tôi thấy một số đông những vị Lạt Ma của tu viện Lạt Ma giáo gần bên đã có mặt tại đó cùng với vị Sư Trưởng của họ. Chúng tôi được biết rằng tu viện này rất quan trọng và có độ 1,500 đến 1,800 sư sãi. Viên thống đốc cũng có chân trong đại Hội Đồng sư sãi của tu viện này. Khi đó chúng tôi được biết bữa tiệc này có mục đích tạo nên một dịp tiếp xúc giữa các vị Lạt Ma và các đoàn viên trong phái đoàn chúng tôi. Các vị Chân Sư đã từng biết vị Sư Trưởng này từ lâu, vì các ngài thường hay gặp gỡ và đã từng làm việc chung với vị Sư Trưởng ấy. Cho đến sáng ngày hôm ấy, viên thống đốc dường như vẫn chưa biết sự liên hệ trên. Thật vậy, vị Sư Trưởng đã vắng mặt ở tu viện trong ba năm nay và mới trở về chỉ có một ngày trước khi chúng tôi đến.

Trong bữa ăn, chúng tôi nhận thấy rằng các vị Lạt Ma là những người có học thức, có những quan điểm rộng rãi về cuộc đời, đã từng du lịch nhiều và có hai vị trong số đó đã từng sống một năm bên Anh Quốc và bên Hoa Kỳ.

Trước khi chia tay, vị Sư Trưởng mời chúng tôi ngày hôm sau đến viếng tu viện Lạt Ma giáo và làm thượng khách của các vị Lạt Ma trong một ngày. Đức Tuệ Minh khuyên chúng tôi nên nhận lời, và chúng tôi đã trải qua một ngày rất tốt đẹp và hữu ích tại tu viện. Vị Sư Trưởng là một người đạo hạnh uyên thâm. Ngày đó, ông ta đã cùng với Tô Mặc kết tình thân hữu, tình thân hữu này về sau đã trở nên một sự cảm thông đậm đà nồng hậu và kéo dài đến suốt đời của hai người. Vị Sư Trưởng đã đem đến cho chúng tôi một sự trợ giúp vô cùng quý báu trong những chuyến du hành về sau của chúng tôi ở tại vùng này.

II

Theo chương trình được sắp đặt, phái đoàn chúng tôi sẽ lên đường vào trưa ngày hôm sau. Dật Sĩ và Chander Sen sẽ cùng đi với chúng tôi đến một địa điểm trao đổi hàng hóa để chúng tôi mua sắm thêm lương thực dự trữ, và đức Tuệ Minh cũng sẽ đến đó sau với chúng tôi. Kế đó, ba vị siêu nhân sẽ cùng với chúng tôi trở lại địa điểm căn cứ mùa đông.

Khi chúng tôi đến căn cứ, phái đoàn thám hiểm giải tán, và mọi việc được sắp đặt để cho những người nào muốn về nhà, có thể đi đến chỗ khởi điểm của họ do con đường mòn của khách thương buôn. Ngày hôm sau đức Tuệ Minh đến với chúng tôi. Chúng tôi từ giã các bạn đoàn viên và cùng với Ngài đi về hướng căn cứ mùa đông.

Chúng tôi nghỉ hai ngày tại trại bọn cướp. Hai người bổn xứ đi theo chúng tôi từ trước bèn từ giã chúng tôi tại đây, và toán chúng tôi chỉ còn lại có bảy người. Hai tên cướp thuật lại cho bọn chúng nghe về chuyến du hành kỳ lạ vừa rồi và những điều nhiệm mầu mà chúng đã nhìn thấy. Chúng tôi được đối xử một cách vô cùng chu đáo. Ba vị siêu nhân được chúng dành cho những sự ưu đãi danh dự đặc biệt. Viên đầu đảng bọn cướp cho ba vị biết rằng để đáp lại thịnh tình mà các vị Chân Sư đã tỏ ra đối với họ, họ sẽ coi địa điểm chôn dấu của ba thành phố cổ như một vùng cấm địa tuyệt đối thiêng liêng và bất khả xâm phạm. vả lại, cũng không có sự e sợ rằng bọn cướp rời khỏi căn cứ họ để toan đánh cướp một nơi xa xôi như thế.

Thật vậy, những bọn cướp sa mạc không bao giờ xâm phạm vào miền núi, và trái lại bọn cướp núi không hề xâm chiếm vùng đồng bằng, vì họ luôn luôn chiến tranh với nhau. Theo chỗ chúng tôi biết, thì cho đến nay họ vẫn giữ vẹn lời hứa phân chia khu vực hoạt động, và không lấn ranh lãnh thổ của nhau.

Sáng ngày chúng tôi lên đường, viên đầu đảng đến tặng cho Tô Mặc một huy chương bạc nhỏ bằng một đồng tiền Shilling, trên đó có khắc chữ rất lạ. Y cho Tô Mặc biết rằng nếu chúng tôi bị bọn cướp đánh trong vùng này, chúng tôi chỉ cần đưa ra cái huy chương này là chúng tôi sẽ được trả tự do lập tức. Gia đình y đã giữ chiếc huy chương ấy từ nhiều thế hệ và coi nó như một vật quý vô giá, nhưng y muốn tặng cho Tô Mặc để chứng tỏ sự ngưỡng mộ của y đối với chàng.

Sau khi xem xét kỹ lưỡng chiếc huy chương, đức Tuệ Minh nói cho chúng tôi biết rằng đó là một bổn sao rất đúng đắn của một đồng tiền đã từng được lưu hành ở phía Bắc vùng Gibi từ nhiều ngàn năm nay. Riêng chiếc huy chương này đã có đến trên bảy trăm năm. Những đồng tiền loại này thường được các thổ dân bản xứ dùng

như những linh vật hộ phù, và họ cho rằng đồng tiền càng cổ xưa thì nó lại càng quý và càng có hiệu lực nhiều hơn. Viên đầu đảng và cả bọn cướp hẳn là đánh giá món quà của họ một giá trị rất lớn.

Chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình một cách êm thấm và đến căn cứ mùa đông vào thời giờ đã định trước. Tại đây chúng tôi được sự tiếp đón nồng nhiệt của các vị siêu nhân đã đến viếng chúng tôi trên vùng sa mạc và đã từ biệt chúng tôi tại nơi làng nọ khi chúng tôi gặp vị Sư Trưởng của tu viện Lạt Ma giáo. Một lần nữa chúng tôi lại được mời đến ở nhà của bà chủ trọ hồi năm trước, và chúng tôi liền vui vẻ nhận lời.

Lần này chúng tôi chỉ còn lại có bốn người, vì bảy người đoàn viên đã trở về Ấn Độ và Mông Cổ để thực hiện những cuộc sưu tầm khác nữa. Việc sắp đặt ấy giúp cho chúng tôi có nhiều thời giờ hơn để phiên dịch các tài liệu cổ. Làng nhỏ này rất êm tịnh. Chander Sen và chủ nhà luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ chúng tôi dịch các đoạn văn khó và bí hiểm.

Công việc này tiếp tục cho đến cuối tháng mười hai.

Khi đó chúng tôi nhận thấy một đám khá đông dân chúng lại tựu họp trở lại trong phiên hội hằng năm. Phần đông đều là những người đã tham dự cuộc lễ năm ngoái, nhưng địa điểm hội họp lại khác. Lần này cuộc lễ sẽ diễn ra tại ngôi đền đục trong vách núi, trong gian phòng trung ương dùng làm tòa đại sảnh. Chiều ngày đầu năm dương lịch, chúng tôi bước lên tòa sảnh đường khi còn sớm để nói chuyện với những người đã hội họp tại đó. Họ đến từ nhiều vùng khác nhau và cho chúng tôi biết tin tức của thế giới bên ngoài, cái thế giới mà chúng tôi thật sự cảm thấy rằng đã mất hẳn liên lạc từ lâu. Tuy nhiên công việc của chúng tôi làm cho chúng tôi bận rộn quên mất cả ngoại cảnh, và thời gian đã trôi qua rất mau.

Ngày hôm sau, Tô mặc đề nghị với cả bọn cùng xuống phòng tài liệu để tiếp tục công việc phiên dịch. Chúng tôi mảng lo chăm chú vào công việc đến nỗi không ý thức được sự hiện diện của những người khác trong phòng. Thình lình, Tô Mặc đứng dậy và bước tới đón chào những người mới đến. Chúng tôi ngước mắt nhìn lên thì thấy Đức Jesus, bà Mã Ly, bà chủ nhà trọ và Chander Sen. Vị sau cùng này vốn là người mà trước kia

chúng tôi vẫn gọi là “Ông già giữ kho tài liệu,” nhưng bây giờ thì chúng tôi gọi y là “người thanh niên”. Ngoài ra còn có Bạch Lãng, và một người lạ mặt được giới thiệu với chúng tôi dưới cái tên là Bút Già.

Lúc ấy đã quá trưa, chúng tôi dọn bàn và chuẩn bị bữa ăn. Xong rồi chúng tôi ngồi vào bàn, và sau một lúc im lặng, Đức jesus cất tiếng nói:

-Chúng ta hãy chiêm ngưỡng đức Chúa Cha và toàn năng, Nguyên Lý đại đồng thấm nhuần tất cả vạn vật, Ngài là ánh sáng, tình thương và mỹ lệ mà chúng ta được ban những ảnh hưởng tốt lành. Chúng ta có thể vĩnh viễn được thấm nhuần những ân huệ tốt lành ấy nếu chúng ta muốn. Chúng ta nghiêng mình trước bàn thờ trên đó chiếu diệu ngọn lửa thiêng liêng trường cửu của tình bác ái đại đồng, sự điều hòa, minh triết chân chính, sự sùng kính vô tận, và sự khiêm tốn chân thật. Ngọn lửa thiêng ấy chiếu sáng không bao giờ lu mờ. Nó xuất hiện từ đáy lòng của những người đang tựu họp vào giờ phút này nhân danh đấng Cha Lành và Tình Bác Ái. Xuất xứ từ những người thân cận và mến yêu của chúng ta, ngọn lửa thiêng ấy lan tràn trong không gian, soi sáng

những vùng xa xôi nhất trên Trái Đất để cho mỗi người có thể nhìn thấy ánh sáng của nó và nhận được những ân huệ tốt lành do tình thương khiết bạch và vô tận của nó ban rải ra.

Những tia sáng rung động của ánh sáng đó, của cái mỹ lệ đó và của sự tinh khiết đó đi xuyên qua những tâm hồn thụ cảm của những người tựu họp chung quanh bàn thờ của Ngài. Bây giờ chúng ta đã có ý thức về tình bác ái mà sức ấm áp đang lan tràn khắp vũ trụ. Chúng ta gởi những tia bác ái đó đi khắp nơi để biến đổi thế gian, cải tạo và hòa hợp tất cả nhân loại. Chúng ta nghiêng mình trước Tinh Thần của Chúa Trời vốn sống động bên trong mỗi người. Chúng ta đứng đối diện với Chúa Trời, ngang hàng với Ngài, hợp nhất với Ngài. Một lần nữa, chúng ta kính cẩn chào đức Chúa Trời vốn sống động nơi chỗ thâm sâu bí ẩn nhất trong lòng chúng ta.

Khi Đức jesus nói xong, có người đề nghị rằng cả bọn trở lại gian phòng mà chúng tôi đã chứng kiến sự phục sinh của Chander Sen.

Khi chúng tôi đến nơi, gian phòng được thắp sáng

một cách lộng lẫy cũng như khi chúng tôi ra đi. Gian phòng này đối với chúng tôi là một linh điện, một nơi mà chúng tôi có cái đặc ân thực hiện trên đường tâm linh một giai đoạn mà trước đó người ta không thể nào quan niệm rằng nó có thể có được đối với những người phàm tục như chúng tôi. Kể từ ngày đó cho đến ngày 15 tháng 4 là ngày chúng tôi lên đường,không có ngày nào hoặc đêm nào mà chúng tôi không tựu họp tại đó với tất cà các Chân Sư trong khoảng ít nhất là một tiếng đồng hồ. Trong những cuộc hội họp đó, gian phòng không bao giờ còn có cái hình dáng đục trong vách đá nữa. Dường như chúng tôi luôn luôn có thể nhìn thấy xuyên qua các vách tường vào khoảng không gian vô tận. Chính trong gian phòng này mà những bức rào giới hạn tâm thức của chúng tôi đã bị xóa bỏ. Chính ở đây là nơi đã mở rộng trước mắt chúng tôi một viễn ảnh rộng lớn về tương lai.

Khi chúng tôi đứng dậy kiếu từ, các vị siêu nhân chúc chúng tôi yên giấc và rút lui. Chúng tôi còn ở nán lại trong giây lát để bình luận về những kinh nghiệm vừa qua trước khi trở về nhà trọ. Khi đứng dậy ra về, chúng tôi liền tự đặt câu hỏi:

-Làm sao tìm thấy đường về mà không có đèn lửa chi cả?

Mỗi người trong chúng tôi đều nghĩ như vậy, chỉ có một mình Tô Mặc không đồng ý, vì y nói:

-Các bạn thấy chăng chúng ta chỉ luôn luôn bám víu lấy những thói quen cũ của mình và luôn luôn bị trói buộc bởi những ý tưởng thủ cựu. Ở đây chúng ta hoàn toàn được thấm nhuần trong một vầng ánh sáng không hề sút giảm sau khi các vị siêu nhân quý mến của chúng ta đã ra đi. Phải chăng đây là một dịp để chúng ta tiến tới và tỏ rằng chúng ta tự tin nơi sức mình, tự tin nơi quyền năng của mình là có thể thực hiện những công trình giống như các ngài? Ít nhất chúng ta hãy thử làm xem sao và hãy có can đảm tiến một bước đầu tiên đến chỗ thực hiện. Chúng ta quá nương tựa vào các vị Chân Sư đến nỗi chúng ta cảm thấy như một vết thương khi cần phải xa cách các ngài trong một lúc. Nếu chúng ta không thể tự lực tự cường trong sự thực hiện những việc nhỏ, chúng ta sẽ không bao giờ thành công trong những việc lớn. Tôi chắc rằng các vị đã từ giã chúng ta để cho chúng ta có một cơ hội chứng tỏ khả năng của

mình. Vậy chúng ta hãy vượt qua sự khó khăn để thành công.

Trước khi ra đi, một bạn tôi đề nghị là tốt hơn hãy nên suy nghĩ trước về cách hành động. Nhưng Tô Mặc đáp bằng một giọng cứng rắn:

-Không. Nếu chúng ta định đi, ta phải đi ngay tức khắc. Sau những dấu hiệu mà chúng ta đã thấy và những diễn biến mà ta đã tham dự, chúng ta phải hành động một cách quả quyết, nếu không, chúng ta không còn xứng đáng được một sự trọng vọng nào cả!

Chúng tôi liền đi xuống các cầu thang, đi ngang qua nhiều gian phòng, vượt qua con đường hầm, đi xuống thung lũng và trở về làng. Trong khi chúng tôi đi, thì đường đi hoàn toàn được chiếu ánh sáng. Thân thể chúng tôi dường như mất cả sức nặng, chúng tôi di chuyển một cách rất dễ dàng không hề mệt nhọc, và trở về nhà trọ mà trong lòng như điên lên vì sung sướng do bởi sự thành công này. Kể từ lúc đó cho đến khi chúng tôi rời khỏi làng, chúng tôi có thể đi đêm ở khắp nơi tùy ý mà không cần có đèn đuốc chi cả. Những phòng ngủ

của chúng tôi tự nhiên thắp sáng lên khi chúng tôi bước vào và tỏa ra một sự ấm cúng và đẹp đẽ khó tả.

Chúng tôi ngủ yên giấc ngay sau đó và khi thức dậy rất trễ vào sáng ngày hôm sau.

III

Ngày 1 tháng 4 đến rất mau chóng. Chúng tôi đã hoàn tất công việc phiên dịch và các tài liệu và sắp sửa vẽ họa đồ những bức tượng cổ xưa tạc trong núi đá. Công việc này được thực hiện một cách mau chóng vì sự hứng thú và hăng say của chúng tôi khi bắt tay vào việc.

Một buổi xế trưa, một người sứ giả đem tin đến làng. Nhìn thấy cách mà các dân làng tựu họp chung quanh người ấy, chúng tôi hiểu rằng đó là một biến cố khác thường. Chúng tôi bỏ dở công việc và đi xuống làng. Tại đó chúng tôi gặp bà chủ nhà trọ cho chúng tôi biết rằng một toán quân cướp khá đông đang có mặt ở dưới thung lũng cách đó không xa. Điều này gây cho dân làng một sự lo ngại rất lớn, vì từ nhiều năm nay, quân cướp

thường đánh cướp làng này. Người ta đồn rằng ngôi đền đục trong hang núi có chứa đựng một kho tàng khổng lồ. Những mưu toan đánh cướp làng này từ trước đến nay vẫn thất bại, và những toán quân cướp cho rằng phần lớn sự thất bại này là do bởi sức chống cự mãnh liệt của những nông dân sống ở miền thung lũng.

Hôm nay, nhiều toán quân cướp đã tập hợp nhau lại để tăng cường lực lượng. Chẳng khác nào một đạo binh nhỏ, độ bốn ngàn quân khinh kỵ có võ trang khí giới đầy đủ đang tấn công miền thung lũng để đánh tan sự chống cự của những người nông dân sống chung quanh làng. Bọn cướp hy vọng rằng chiến lược tấn công lần này sẽ có hiệu quả hơn những lần trước.

Người sứ giả cũng kêu gọi cứu trợ giúp cho dân làng vì nhiều người đã bị giết, và những người khác đã sắp sửa từ bỏ mọi sự chống cự. Bà chủ nhà chúng tôi đáp rằng trong làng không còn sẵn người nào để đi xuống thung lũng. Bà nói y có thể trở về và sẽ không có gì xảy ra cho những người chung quanh y. Chúng tôi lại tiếp tục làm việc mặc dầu cũng ý thức được sự lo ngại của dân làng, và chia sẻ phần nào sự lo ngại của họ.

Sáng ngày hôm sau, chúng tôi lại tiếp tục vẽ họa đồ và bổ túc công việc thu góp tài liệu để có thể tìm thấy lịch sử của nền văn minh cổ xưa và của một dân tộc đã từng sống trên phần đất bao la này của thế giới, nay đã trở thành bãi sa mạc hoang vu. Viễn ảnh bị mất đi những kết quả sưu tầm của chúng tôi trong một trận đánh thư hùng với bọn cướp làm cho chúng tôi rất đỗi lo âu. Chúng tôi bèn góp nhặt tất cả các giấy tờ đem vào trong phòng dự trữ tài liệu của ngôi đền, đền này đã từng thoát khỏi một loạt tấn công tương tự của bọn cướp.

Tối hôm đó, chúng tôi cùng với bà chủ nhà mưu toan kế hoạch trợ giúp dân làng. Chúng tôi bày tỏ sự ngạc nhiên mà không thấy các vị Chân Sư. Bà chủ nhà nói rằng sau khi có sự cầu cứu của người đem tin, bọn cướp có lẽ sẽ bị bắt buộc phải gián đoạn cuộc tấn công, nếu không họ sẽ tự diệt lấy họ. Đêm đó, chúng tôi đi ngủ với ý niệm rõ rệt là nỗi lo ngại về sự an toàn của chúng tôi thật là quá đáng.

Ngày hôm sau, chúng tôi thức dậy sớm và sắp sửa bắt tay vào việc, thì người đem tin ngày hôm qua lại xuất hiện. Y báo tin rằng những cuộc tấn công đám nông dân

đã dứt và bọn cướp đã tập trung lực lượng ở cách đó độ ba mươi lăm cây số, có lẽ để chuẩn bị đánh vào làng chúng ta.

Trong khi bà chủ nhà nói chuyện với người sứ giả đem tin, với một nhóm dân làng tựu họp ở chung quanh, một người kỵ mã phóng ngựa vào làng và chạy ngay đến chúng tôi. Trên đường y chạy vào làng, những nhóm dân làng có vẻ nhận ra y và liền giải tán dường như vì sợ hãi. Trong khi người kỵ mã sắp đến gần, người sứ giả bất giác thốt ra tên y và liền chạy trốn cùng với những dân làng khác, hiển nhiên là vì sợ rằng bọn cướp sẽ đến nơi sau người kỵ mã.

Chúng tôi còn ở lại với bà chủ nhà để đợi y đến. Y gò cương ngựa và hất hàm nói với Tô Mặc một cách hiên ngang, rằng bọn cướp biết rõ chúng tôi là người ngoại quốc và chúng tôi đến đây với mục đích gì. Y nói chuyện bằng tiếng bổn xứ mà chúng tôi không hiểu gì cả. Nhìn thấy chúng tôi đang ngơ ngác, y hỏi có ai thông ngôn được không. Bà chủ nhà trọ day lại đối diện với người kỵ mã lúc ấy hãy còn ngồi trên lưng ngựa, và hỏi y rằng bà có thể làm việc ấy giúp y được không? Khi

y vừa thấy bà, y có vẻ như bị điện giật. Tuy nhiên, y trấn tĩnh lại ngay để nhẩy xuống ngựa một cách gọn gàng và vừa chạy lại vừa đưa hai tay ra trước, y kêu lên:

-Vậy ra bà ở đây?

Kế đó, y đưa hai bàn tay lên trán, quỳ xuống trước mặt bà và xin lỗi bà.

Bà chủ nhà chúng tôi ra lệnh cho y hãy đứng dậy và bày tỏ ý muốn của y. Chúng tôi nhìn thấy bà đứng thẳng người, và trong một lúc gương mặt bà đổi sắc vì nổi cơn thịnh nộ. Bà tỏ ra một cơn xúc động mãnh liệt đến nỗi người kỵ mã phải kinh hoảng. Chúng tôi cũng sợ hãi đến độ mất cả sự bình tĩnh. Những danh từ "hèn nhát, đồ sát nhân, hãy bước tới và nói rõ mi muốn gì " xuất hiện trên môi của bà với một sức mạnh kinh khủng đến nỗi người kia phải quỳ mọp sát đất. Một lần nữa, bà lại mắng mỏ y thậm tệ:

-Đứng lên, mi quá hèn mạt đến nỗi không dám đứng dậy chăng?

Chúng tôi không ngạc nhiên vì sự sợ hãi bi lụy của người kỵ mã, vì cũng như y, chúng tôi hoàn toàn đứng sững như trời trồng, không dám cựa quậy. Tôi chắc rằng nếu y có thể làm được với sức mình, thì y đã chạy vắt giò lên cổ. Nhưng lúc ấy, cũng như chúng tôi, y không thể làm một cử động hay thốt lên một lời. Y rơi mình xuống đất như một cái xác không hồn, hai mắt giương lên và miệng mồm há hốc.

Trong sự tiếp xúc với các vị Chân Sư có những quyền năng siêu phàm, đây là lần đầu tiên mà chúng tôi có dịp nhìn thấy một vị bày tỏ một cơn xúc động mạnh. Chúng tôi cũng hoảng sợ giống như tên cướp. Những rung động trong giọng nói của bà chủ nhà làm cho chúng tôi bị chạm mạnh như sức va chạm của một tiếng nổ dữ dội kèm theo với một cú điện giật, làm tê liệt không những giọng nói mà luôn cả các bắp thịt của chúng tôi. Tôi không tìm thấy danh từ nào khác để diễn tả những cảm giác của chúng tôi lúc ấy.

Có lẽ quý độc giả sẽ ngạc nhiên mà thấy những rung động xuất phát từ một thân hình nhỏ thó, mảnh mai, nhẹ nhàng của bà chủ nhà lại có thể làm cho chúng tôi bị đè

bẹp và trở nên yếu đuối bất lực, nhưng sự thật là như vậy. Tuy tình trạng đó chỉ kéo dài có một lúc, nhưng nó dường như lâu đến hằng giờ trước khi trở lại bình thường. Chúng tôi đứng trân mình như những pho tượng và lấy làm động lòng trắc ẩn đối với tên cướp. Chúng tôi cảm thấy sự mong ước mãnh liệt là muốn trợ giúp y bằng mọi cách. Đó là sự phản ứng chung của tất cả chúng tôi, nhưng ngược lại chúng tôi chỉ có thể đứng sững nhìn bà chủ nhà trân trối.

Thình lình, mọi sự đều thay đổi. Gương mặt bà biểu lộ trước hết một sự cứng rắn, kế đó nét mặt bà biến đổi và trở lại dịu dàng như lúc bình thường. Chúng tôi cảm thấy có lòng trắc ẩn sâu xa đến nỗi chúng tôi tất cả đều chạy lại đỡ cái thân hình nằm mọp dưới đất. Bà chủ nhà cũng cúi xuống và đưa một tay cho tên cướp. Người này giây lát đã tỉnh lại. Chúng tôi đỡ y đứng dậy và đặt y ngồi thoải mái trên một chiếc ghế dài gần đó. Y nhất định từ chối không bước vào bất cứ nhà nào. Bà chủ nhà khi đó mới nhận thấy cái ảnh hưởng mà bà đã gây cho chúng tôi, bèn tỏ lời hối tiếc về cơn thịnh nộ quyết liệt của bà. Chúng tôi vẫn còn run rẩy khắp thân mình, và

một chập sau đó mới trấn tĩnh tinh thần lại được.

Bà giải thích rằng người kỵ mã là tên đầu đảng của một bọn cướp khét tiếng trong vùng này của đồng sa mạc Gobi. Một vài người rất hiếm biết được tên y, gọi là tên "Cướp Đen", chỉ dám thốt ra tên ấy một cách sợ hãi vì mọi người đều biết y là một kẻ cướp rất bạo tàn, không biết thương xót ai cả.

Bà chủ nhà chúng tôi đã có dịp tiếp xúc với người này trong hai lần tấn công bị thất bại của bọn cướp. Mỗi lần như vậy, y đã tỏ ra một sự thù hận sâu xa đối với bà và đối với các vị Chân Sư nói chung. Thỉnh thoảng y đã gởi đến các Ngài những bức thông điệp với lời lẽ đầy căm hờn mà các Ngài không hề để ý đến. Sự xuất hiện thình lình của y đã nhắc nhở cho bà chủ nhà những hành động bất hảo trong quá khứ của y một cách rõ rệt đến nỗi bà đã mất bình tĩnh trong một lúc. Nhưng bà liền trấn tĩnh lại và bước đến gần người ấy.

Khi bà đến gần, y toan đứng dậy nhưng không thể làm gì khác hơn là thu hình để ngồi ngay ngắn hơn một chút, với một vẻ mặt kinh khiếp sợ hãi đến cực độ. Sự

căm hận toát ra từ mọi cử chỉ của y, thân mình y run rẩy lập cập như người bị chứng liệt bại. Bà chủ nhà chúng tôi tỏ ra một dáng điệu trái ngược hẳn với y, vì bà đã lấy lại được sự bình tĩnh và không còn tỏ ra một dấu hiệu xúc động nào.

Chúng tôi có ý nghĩ đem người kia đi. Trước khi chúng tôi có thể thốt ra lời, bà chủ nhà đã đọc được tư tưởng chúng tôi và đưa tay lên để yêu cầu chúng tôi giữ im lặng. Tô Mặc hiểu rằng bà đảm đương trách nhiệm của tình hình lúc ấy, và những gì mà chúng tôi làm chỉ đưa đến việc đặt bà trong một tình thế khó xử. Chúng tôi bèn rút lui cách đó một quãng xa. Bà nói chuyện với người ấy bằng một giọng thấp nhỏ và êm đềm trong một lúc khá lâu trước khi nhận được sự trả lời.

Khi người ấy bắt đầu trả lời, bà chủ nhà bèn ra dấu cho chúng tôi bước lại gần. Chúng tôi ngồi xuống đất trước mặt hai người và lấy làm sung sướng mà có thể làm một cử chỉ khả dĩ đưa đến sự bớt căng thẳng. Tên cướp giải thích rằng y được các tên chúa đảng đề cử y đến với tư cách một sứ giả hòa bình để thương thuyết việc giao nạp kho tàng của cải mà họ nghi rằng đang

được chôn dấu trong ngôi đền khoét trong hang núi. Nếu dân làng chịu đem nạp cái kho tàng ấy, bọn cướp hứa sẽ không đánh phá họ nữa và sẽ thả hết các dân làng bị cầm tù mà theo y cho biết thì có đến trên ba ngàn người. Họ cũng hứa sẽ rời khỏi xứ này và không bao giờ còn làm hại những người dân sống ở miền thung lũng.

Bà chủ nhà chúng tôi giải thích cho y biết rằng trong đền không có một kho tàng nào có một giá trị gì đối với bọn cướp. Bà cho y biết nhiều chi tiết và đề nghị đưa y đi xem tất cả các gian phòng trong đền hoặc bất cứ nơi nào y muốn. Y từ chối hẳn, vì sợ rằng bị giữ lại làm con tin. Không một lời đảm bảo nào của chúng tôi có thể thuyết phục được y. Bà chủ nhà xác nhận với y sự thành thật của chúng tôi, và y liền tin ngay.

Nhưng khi đó y đang ở vào một tình thế khó xử vì y là kẻ chủ mưu vụ đánh cướp này. Chính y đã khêu gợi óc tưởng tượng của bọn cướp và làm cho chúng có nhiệt hứng để đánh cướp kho tàng. Y đã diễn tả một cách linh động và hấp dẫn những kho của cải dồi dào bất tận nó sẽ về tay chúng nếu chúng thành công. Thật vậy, chính sự hứa hẹn kho tàng đã làm cho cha y và y có thể

duy trì sự đoàn kết trong bọn cướp. Y là tên đầu đảng của một trong năm toán cướp đang tập trung lực lượng để phát động cuộc tấn công.

Tình hình đã đi đến chỗ bí lối. Nếu y trở về toán cướp của y với cái tin tức không có kho tàng, chúng sẽ lên án y ngay như một kẻ phản bội và sẽ đối xử với y một cách tương xứng. Như vậy, y sẽ không thể ngăn cấm bọn cướp mở cuộc tấn công, vì sau tất cả những cố gắng mà y đã làm để đưa cuộc chuẩn bị đến giai đoạn hiện tại, người ta sẽ không còn tin tưởng nơi y nữa. Y thật là bị lâm vào một tình thế rất khó khăn.

Trước sự vô cùng ngạc nhiên của chúng tôi, bà chủ nhà tình nguyện đưa y về trại. Bất chấp những lời can gián của chúng tôi, bà muốn đi ngay lập tức. Bà trấn an chúng tôi rằng không có gì nguy hiểm nếu bà đi một mình, nhưng nếu có chúng tôi đi theo, thì bọn cướp sẽ nghi kỵ và tất cả chúng tôi sẽ bị lâm nguy. Chúng tôi bèn lẳng lặng tuân theo vì không thể làm gì khác hơn.

Tên tướng cướp bèn lên ngựa, và chúng tôi đỡ bà chủ nhà lên ngồi trên yên ngựa phía sau tên cướp, trên

một tấm yên thứ nhì đã sắp đặt sẵn. Hai người ra khỏi làng, bày trước mắt chúng tôi một cảnh tượng khó quên nó sẽ luôn luôn sống động trong ký ức chúng tôi đến tận muôn đời: tên cướp với những nét mặt tỏ vẻ nghi ngờ, còn bà chủ nhà quay lại mỉm cười và thản nhiên nói với chúng tôi rằng bà sẽ trở về vào lúc chiều tối.

Suốt những giờ còn lại trong ngày hôm đó, chúng tôi không còn hứng thú để làm việc, và đi thẩn thơ vô định chung quanh làng cho đến lúc xế chiều. Sau đó chúng tôi trở về nhà trọ để đợi bà chủ nhà. Về đến nơi chúng tôi thấy trên bàn đã có bày những thức ăn ngon lành. Quý vị độc giả thử tưởng tượng sự ngạc nhiên của chúng tôi đến bực nào khi chúng tôi thấy bà chủ nhà ngồi nơi đầu bàn với nét mặt tươi cười hồn nhiên như mọi ngày. Chúng tôi đứng sững sờ trong im lặng. Bà lấy dáng trang trọng và nói với một giọng hơi chế diễu:

-Các bạn hỡi, người ta thường chào hỏi nhau khi bước chân vào nhà.

Khi đó, chúng tôi mới nghiêng mình và tìm thấy lại giọng nói để thốt ra tiếng chào bà.

Bà nói tiếp:

-Tôi đã hoàn toàn thất bại trong mưu toan thuyết phục bọn cướp, nhưng bọn họ đồng ý với nhau là hứa sẽ trả lời tôi trong vòng ba ngày. Bây giờ tôi biết rằng sự trả lời của họ sẽ là khởi một cuộc tấn công, vì không gì có thể ngăn cản bọn chúng được nữa.

Tôi nghĩ rằng mỗi người trong chúng ta chắc phải có lúc nghĩ đến sự công bình thiêng liêng để tìm thấy đức tin vững chắc hầu có vượt qua những lúc khó khăn nguy hiểm trong đời.

Chương 8

Một đêm yên tịnh với Đức Jesus - Luồng bạch quang tinh anh - Bốn ngàn kỵ mã tấn công vào làng _Bức tường rào mầu nhiệm _ Trung tâm huyền bí Shamballa - Yết kiến Đức Đạt-Lai-Lạt-Ma -Các Tu Sĩ Ta Bà - Vị Đệ Tử cười - Ngôi đền Pora-tat-Sanga - Chuyến đi trở về.

I

Sau bữa cơm, chúng tôi đứng dậy và bà chủ nhà đưa chúng tôi ra vườn. Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên mà thấy Đức Jesus, đức Tuệ Minh, Dật Sĩ và Bút Già đã ngồi sẵn tại đó. Chúng tôi bèn ngồi xuống bên cạnh các vị và liền cảm thấy một sự thoải mái bằng an khôn tả nó cho chúng tôi hiểu rằng từ đây cuộc đời chúng tôi còn phải nương tựa vào các Chân Sư biết là bao nhiêu. Chúng tôi đã ràng buộc chặt chẽ với các Ngài dường như bởi những sợi dây sắt. Tôi nhận thấy rằng đó không

phải là một điều tốt. Mỗi người trong chúng ta cần phải thực hiện cái vai trò nhất định của mình trên sân khấu lớn của cuộc đời, để cho không ai trở nên một con người bù nhìn, thụ động. Tôi hiểu rằng nếu chúng tôi không thể đứng vững mà không cần ai trợ giúp, hay không thể trông cậy ở tự nơi mình, thì các Ngài sẽ bắt buộc phải cắt đứt mọi sự liên lạc. Sau đó, Tô Mặc đã có dịp nêu ra vấn đề này một cách hoàn toàn thành thực và cởi mở.

Mặt trời vừa khuất bóng, ánh tà dương còn tô màu lên cảnh vật lúc trời chiều, bày ra một sự phong phú màu sắc và một vẻ đẹp khôn tả. Không một ngọn gió thổi, không một tiếng động làm gián đoạn sự yên tĩnh chung quanh chúng tôi. Sự sợ sệt về bọn cướp cho đến lúc ấy vẫn đè nặng trong lòng chúng tôi, cũng đã hoàn toàn biến mất. Cảnh vật chung quanh thật là yên tĩnh, và chúng tôi ý thức một cảm giác hoàn toàn thoải mái lạ thường. Chúng tôi dường như tự thả trôi theo giòng thời gian một cách vô tư, không màng gì đến ngày mai.

Thình lình, dường như chúng tôi cảm thấy mình nghe giọng nói của Đức Jesus, nhưng không thốt ra bằng lời. Một loại ảnh hưởng rung động nhịp nhàng đến

với chúng tôi thay vì những lời nói. Tôi không biết dùng danh từ nào khác để diễn tả điều ấy. Ảnh hưởng này còn sâu đậm và rõ rệt hơn nhiều so với ảnh hưởng của lời nói. Nhịp độ của nó thật là không thể tả nổi. Đó thật là một kinh nghiệm hoàn toàn mới lạ đối với chúng tôi. Những ý tưởng dường như tràn ngập chung quanh và tồn tại trong trí chúng tôi. Khi những ý nghĩ vừa đến, chúng tôi bèn chép ra bằng tốc ký, rồi sau đó diễn dịch ra thành từng lời, từng câu. Sau cùng, chúng tôi đem trình lên cho các vị Chân Sư duyệt xét.

Những tư tưởng đó được ghi chép lại như sau:

-Khi tôi nói: "Đây là Đấng Christ của Chúa Trời," tôi thấy xuất hiện ra Người của Chúa Trời. Tôi thấy thể xác tôi như cái linh điện của Chúa Trời, cái khí cụ, cái vận hà toàn hảo xuyên qua đó cái Nguyên Lý Sáng Tạo vĩ đại được biểu lộ tự do. Khi tôi nhận định rằng tôi là trời, trong trạng thái đó, tôi làm chủ của mọi tình hình và tôi biểu lộ điều mà tôi sùng kính. Tôi không bao giờ có thể biểu lộ Chúa Trời nếu cái Chân Ngã của tôi không thể hiện được Chúa Trời cho toàn thể nhân loại. Trong cái thái độ tích cực đó, người ta chế ngự tất cả mọi hoàn

cảnh. Chân Ngã đã toàn thắng. Chúa Trời và con người cùng là một.

Một bạn trong chúng tôi suy nghĩ một lúc rồi hỏi:

-Làm sao chúng tôi có thể biểu lộ cái Nguyên Lý đó và sử dụng nó trên thực tế?

-Hãy để cho thể xác của bạn trở nên một cái động cơ xuyên qua đó luân chuyển cái Nguyên Lý Sáng Tạo vĩ đại, nó là sự phát huy của mọi quyền năng. Khi đó, thể xác của bạn sẽ tác động như một cái máy phát điện. Nó sẽ thu thập và tăng trưởng luồng tinh lực, và bạn sẽ xuất phát nó ra dưới hình thức những tia bạch quang tinh anh sáng suốt không gì có thể cưỡng lại nổi. Trong tình trạng đó, không một hành động thù nghịch nào của đối phương có thể làm hại bạn. Bạn cũng có thể phóng dọc theo những tia sáng đó những luồng điện lực mãnh liệt đến nỗi nó sẽ tiêu diệt cái thể xác của kẻ nào muốn làm hại bạn. Kẻ nào cưỡng lại luồng tinh lực đó, càng làm tăng gia mãnh lực của nó. Người nào dùng ý muốn ích kỷ của mình mà chống lại nó, sẽ tự diệt lấy họ. Nếu không ai cưỡng lại cái sức mạnh đó, nó sẽ toát ra một

ảnh hưởng tốt lành xuyên qua người xuất phát và người thọ lãnh lấy nó.

Đó là cái tia sáng tinh khiết của Thượng Đế. Sự rung động của nó diễn ra trên một nhịp độ cao nhất, tất cả những người nào chấp nhận nó sẽ cùng có một rung động điều hòa và hoàn toàn đồng nhịp. Không một tai họa nào có thể xảy đến cho họ, vì họ rung động cùng một nhịp với Thượng Đế. Không có gì có thể làm hại được người nào thọ lãnh sự rung động của Thượng Đế. Rung động, tức là sống. Bây giờ bạn thấy bằng cách nào bạn vẫn luôn luôn sống với Thượng Đế chăng? Trong trạng thái đó, không còn có thể nào có sự chia rẽ cách biệt. Sự cách biệt duy nhất là sự cưỡng nghịch lại, nguyên nhân của sự bất điều hòa.

Không có sự gì xấu xa có thể đến gần bạn khi bạn hợp nhất với Thượng Đế. Đó không còn phải là một đặc ân cho một số ít người, mà là một triển vọng cho tất cả. Chừng đó, tất cả đều sống theo Luật Trời, theo giòng tư tưởng rung động với một nhịp độ cao nhất. Không một rung động xấu xa nào có thể đạt tới nhịp độ đó, hoặc xâm nhập vào cái cõi giới mà tất cả mọi người đều sống

yên lành, đó tức là Cõi Trời của họ.

Người ta cũng có thể dùng cái quyền năng đó để xua đuổi những tư tưởng xấu và những ác ý của thiên hạ nhắm vào mình. Nếu bạn muốn, bạn cũng có thể tăng cường cái tia bạch quang thiêng liêng đó, gán cho nó cái quyền năng của Thượng Đế, nới rộng và biến đổi tinh lực của cái tư tưởng xấu nhắm vào mình bạn, rồi đặt nó trong tấm gương phản chiếu của bạn và gởi trả lại cho đối phương với tốc lực của ánh sáng. Những tư tưởng nhắm vào mình bạn với một nhịp độ rung động hạ thấp, bị trả lại dưới hình thức một tia bạch quang tinh anh. Mãnh lực của các tia sáng này mạnh mẽ đến nỗi, khi nó trở về nguyên quán, nó có thể tiêu diệt thể xác của người đã phóng ra cái tư tưởng xấu xa nói trên. Dầu bạn có biết hay không biết cái nguồn gốc hay địa điểm xuất phát luồng tư tưởng đó, nó vẫn quay trở về nguyên quán một cách chắc chắn.

Người ta có thể biến đổi cái quyền năng của Thượng Đế và phóng nó ra ngoài với một cường độ mãnh liệt không thể cưỡng nổi. Đó là những tia bạch quang mà các bạn thấy toát ra từ thân mình tôi. Thân thể các bạn

cũng toát ra những tia sáng đó, ngưng không mạnh bằng. Khi các bạn tiếp tục sử dụng cái quyền năng đó và kết hợp nó với cái Nguyên Lý Sáng Tạo, các bạn sẽ tăng thêm cường độ ánh sáng của mình và có thể dùng nó để thực hiện mọi điều ước vọng, tốt lành tùy ý muốn.

Bây giờ, bạn hãy tăng cường tia bạch quang đó, và hãy gởi đến nó cái sức mạnh của Thượng Đế. Hãy truyền vào nó một mãnh lực mạnh gấp mười ngàn lần hay mười triệu lần cái sức mạnh của tư tưởng mà người ta nhắm vào bạn. Kế đó, hãy để cho tia bạch quang ấy quay trở về nguyên quán của nó. Khi người muốn hại bạn nhận tia sáng ấy trở về và chấp nhận nó như một vật của Thượng Đế, thì mọi ác ý sẽ được xóa bỏ, tha thứ và quên lãng. Không gì có thể làm hại bạn hay làm hại kẻ đã phóng ra luồng tư tưởng xấu. Bạn và người ấy, cả hai đều bình đẳng trước Thượng Đế. Cả hai đều là một, và một sự điều hòa tuyệt đối đã thay thế cho sự bất hòa.

Trái lại, nếu người phóng ra luồng tư tưởng xấu không nhận tia bạch quang mà bạn đã gởi trả về nguyên quán với một cường độ tăng lên gấp bội phần, thì thể xác y sẽ bị tiêu diệt. Nếu người ta để cho tia bạch quang

ấy hoàn tất công việc của nó, nó sẽ hủy diệt tất cả mọi sự rung động trái ngược. Nếu cưỡng lại nó, thì đương sự chắc chắn sẽ bị tiêu diệt. Y tự chuốc vào mình sự chống đối của toàn thể sức mạnh sáng tạo.

Dưới khía cạnh đó, bạn tiêu biểu cho Thượng Đế bằng cách ban rải sức mạnh thiêng liêng, theo định luật dĩ đức báo oán. Nhưng dẫu cho với thái độ đó, bạn hãy thành thật, nhỏ nhoi, khiêm tốn, và đừng xét đoán ai cả. Hãy đặt trọn hết tình thương trên luồng bạch quang đó và coi nó như tình thương của Thượng Đế. Khi bạn làm như thế, thì hằng muôn nghìn Thiên Thần sẽ tùng phục theo ý muốn của bạn. Bạn cứ giữ một mực hiền lành, khiêm tốn, tuân theo Luật Trời và ánh sáng của Thượng Đế, tức là sự sống, tình thương, sự tinh khiết và mỹ lệ thiêng liêng trường cửu muôn đời.

Thể xác con người chứa đựng bảy trung tâm bí yếu (tiếng Phạn gọi là Chakra =luân xa), có thể sử dụng như những tấm gương phản chiếu. Người ta có thể làm cho chúng chiếu một ánh sáng rực rỡ hơn gấp bội phần bất cứ một loại ánh sáng giả tạo nào. Khi người ta muốn phát ra ánh sáng đó, nó sẽ chiếu sáng với một cường độ

mạnh mẽ hơn và có tác dụng lớn lao hơn cả những ngọn đèn điện 100 watts. Nếu người ta làm cho tất cả bảy trung tâm đều chiếu sáng cùng một lượt, thì người ta được hoàn toàn bao phủ bởi một tấm giáp sắt không thể chọc thủng. Thể xác người ấy sẽ chiếu bằng một thứ ánh sáng mạnh hơn gấp bội ánh sáng của ngôi mặt trời giữa trưa. Người ấy đứng trước đấng Thiêng Liêng, Sáng Tạo ra muôn loài...

Trong khi những tư tưởng đó đến với chúng tôi bằng những âm ba rung động, ánh hào quang toát ra từ Đức Jesus và các vị siêu nhân trở nên chói lòa. Những làn sóng tư tưởng ấy lại tiếp tục:

-Nếu bọn cướp này vẫn ngoan cố trong ý định đánh phá thôn ấp, rốt cuộc chúng sẽ tự diệt lấy nhau. Cơ hội đã được đưa đến cho họ để rời khỏi làng mà không làm hại đến dân chúng. Nếu họ không đón nhận cơ hội ấy, họ sẽ quay trở lại để giết nhau. Người ta không thể mưu toan tiêu diệt kẻ đồng loại mà không chuốc lấy điều tai họa tương tự vào mình. Chúng ta chỉ gởi đến cho bọn cướp ấy luồng bạch quang tinh khiết của tình bác ái thiêng liêng. Nếu họ đáp lại tình thương bằng sự hận thù,

sự phản bội, hay sự báo oán, thì họ sẽ tự mình biến đổi luồng bạch quang tinh anh đó thành một ngọn lửa nó sẽ tiêu diệt lấy họ. Các bạn đừng sợ sệt gì cả. Chúng ta chỉ ban rải tình thương, nhưng chúng ta không thể ép buộc họ chấp nhận. Nếu bọn cướp đến đây với tình thương, thì sẽ không có sự xung đột. Dầu sao, thì chánh nghĩa của chúng ta đã thắng.

Đến đây, chúng tôi được thông báo rằng một người đem tin đã đến gần làng. Chúng tôi bước ra đón tiếp y và được cho biết rằng bọn cướp đã chấm dứt cuộc đánh phá và cắm trại một cách yên ổn ở cách đó độ ba mươi lăm cây số. Từ khi có sự kêu gọi cứu trợ của dân làng, họ đã ngưng mọi sự cướp bóc và đánh phá, nhưng họ còn giữ các tù binh làm con tin trong trường hợp có sự kháng cự bằng võ lực. Theo người sứ giả đem tin tức, thì có tin đồn rằng bọn cướp sẽ tấn công vào làng ngày hôm sau hay hôm sau nữa, nếu của cải kho tàng không được đem nạp cho họ. Y cũng chuyển đạt lời chào hỏi của các tù binh. Tất cả dân làng đều tình nguyện hy sinh tánh mạng để bảo vệ làng, nhưng người sứ giả được cho biết rằng sự hy sinh đó sẽ không cần thiết. Y được mời

hãy trở về nhà với những lời cám ơn và sự biết ơn sâu xa của dân làng về những cố gắng của y vì mục đích bảo vệ chung cho tất cả mọi người.

II

Sáng ngày hôm sau, chúng tôi đã tìm thấy lại sự hứng khởi trong việc làm, và mọi tư tưởng sợ sệt đều đã biến mất. Ngày kế đó, chúng tôi đang nghiên cứu một vài hình tượng khắc trên những tảng đá của hang núi, thì chúng tôi bèn lưu ý đến người canh tuần của làng. Người này đứng ở phía bên kia hang núi trên một vị thế cao hơn chỗ chúng tôi đứng, và như vậy y có thể quan sát cùng khắp trên một vùng rộng lớn hơn nhiều. Nhìn xuyên qua ống dòm, chúng tôi thấy người ấy đang làm dấu báo động cho làng. Không bao lâu, chúng tôi thấy dân làng chạy náo động tứ phía và hiển nhiên là họ tìm nơi trú ẩn trong những hang động sâu thẳm của vùng núi non hẻo lánh này. Tất cả đều tỏ vẻ vô cùng xao xuyến và náo động.

Chúng tôi lắng tai và nghe thấy tiếng ồn ào như sấm động từ đằng xa vọng lại của bọn cướp đang tiến tới.

Một người trong chúng tôi trèo lên cao hơn một chút nữa để quan sát tình hình. Y kêu gọi chúng tôi và nói y nhìn thấy đám mây bụi bay lấp đầu dậy lên bởi đoàn kỵ mã đang phi nước đại tiến về phía hang núi.

Chúng tôi đem cất dấu đồ dụng cụ của mình trong một khe đá ở gần bên, và tìm nơi trú ẩn trong những khe núi chớn chở, từ đó chúng tôi có thể quan sát những động tịnh của bọn cướp. Đoàn kỵ mã ngừng lại ở chỗ cửa vào hang núi. Năm chục tên cướp đi tiên phong phi ngựa tiến lên phía trước, kế đó tất cả bọn đều quất ngựa phóng nước đại chạy vào hang. Tiếng vó ngựa chạy dồn dập cùng với những tiếng hò hét vang rân hợp thành một khúc hòa tấu rùng rợn khôn tả.

Chúng tôi chiếm một vị thế rất thuận lợi, vì những vách núi đều hầu như dựng đứng như vách thành. Chúng tôi có thể nhìn xuống dưới hang núi và xem thấy bọn cướp tiến tới như nước vỡ bờ, không có gì ngăn cản nổi. Đoàn quân tiên phong đã vượt khỏi chỗ vị trí của chúng tôi, và những người kỵ mã đi đầu của đoàn trung quân đã tiến lên rất mau. Chúng tôi lấy ống dòm nhìn trở về làng thì thấy dân làng đã bị náo loạn trong cơn khủng

khiếp.

Chúng tôi cũng thấy một đoàn viên trong bọn chúng tôi đứng trên bao lơn của ngôi đền. Y ngưng làm việc để nhìn xem bọn cướp đang tiến tới. Kế đó y quay lại và nhìn về phía cửa vào sảnh đường chính của ngôi đền. Đức jesus xuất hiện từ trong cửa đó và bước ra. Ngài đi thẳng đến bao lơn và đứng yên trong một lúc, trong một tư thế oai nghiêm như một pho tượng.

Tất cả những ống dòm của chúng tôi lẽ tự nhiên là nhắm tập trung về Ngài. Bao lơn cách xa chỗ chúng tôi trú ẩn đến năm cây số và ở độ ba trăm thước cao hơn. Chúng tôi nhận thấy Ngài đang nói chuyện và lời nói của Ngài vọng đến chúng tôi thật rõ ràng. Người đoàn viên đứng trên bao lơn bèn ngồi xuống để ghi chép lời Ngài bằng tốc ký. Tôi cũng làm như vậy. Một sự phối kiểm về sau đó cho chúng tôi biết rằng lời nói của Đức Jesus đã lấn át hẳn tiếng động ồn ào của bọn cướp đang phi ngựa tiến tới. Tuy nhiên, chúng tôi được biết rằng Ngài không hề nói lớn hơn lúc bình thường, cũng không hề thay đổi âm điệu thường nhật của Ngài.

Khi Đức Jesus vừa cất tiếng nói, tất cả dân làng đều hoàn toàn im lặng. Dưới đây là những lời Ngài nói mà về sau chúng tôi có đưa cho Ngài duyệt xét lại. Tôi chỉ có một ước vọng sâu xa nhất, là đừng bao giờ quên những lời nói ấy, dẫu cho tôi phải sống đến mười ngàn năm.

ÁNH SÁNG

"Trong khi tôi đứng một mình trong cơn im lặng vĩ đại của Chúa Trời, một ánh sáng tinh anh chiếu diệu trong lòng tôi và thấm nhuần mỗi nguyên tử của thân thể tôi. Sự Sống, Tình Thương, Sức Mạnh, Sự Tinh Khiết, Sự Mỹ Lệ và Toàn Thiện ngự trị nơi tôi một cách tuyệt đối. Trong khi tôi nhìn vào trung tâm của ánh sáng đó, tôi thấy một ánh sáng khác, lỏng, dịu, trắng vàng, và tinh anh sáng suốt một cách tuyệt diệu, nó nuôi dưỡng và phát huy ánh lửa mơn trớn của luồng ánh sáng vĩ đại nói trên. Bây giờ tôi biết rằng tôi là một với Chúa Trời, và hợp nhất với toàn thể vũ trụ của Ngài...

Khi đức Jesus vừa nói xong, một tia bạch quang sáng rỡ chói lòa từ nơi bí huyệt của quả tim Ngài phóng ra xa đến tận hang núi và chấm dứt ở chỗ khúc quanh về bên

trái, ngay trước mặt đoàn quân tiên phong của bọn cướp. Một bức tường rào lớn trong giây lát đã dựng lên như vách thành ở ngay chỗ ấy, với những mũi nhọn chơm chởm túa ra như những mũi tên. Những con ngựa ở hàng đầu đang phóng nước đại như bay tới trước, hốt nhiên nhảy dựng lại thình lình làm cho một số lớn những kỵ mã tiên phong bị hất văng xuống đất. Nhiều con ngựa nhảy dựng và đứng sững trên hai chân sau trong một lúc, rồi quay đầu chạy trở lại cửa hang, đi ngược chiều với toàn thể bọn cướp ở đạo trung quân. Khi chúng đến gần đạo quân này, những kỵ mã còn chưa bị té ngựa cố gắng kềm hãm ngựa của họ, nhưng vô ích. Cùng với những con ngựa vô chủ phóng tới như điên, họ chạm trán với bọn cướp đi trung quân, làm cho những hàng đầu của đạo quân này bị lỡ trớn và đứng khựng lại. Những hàng kế đó, không biết có sự hiểm nguy, vẫn phóng nước đại tiến vào đám người hỗn độn nói trên, và trong hang núi lúc ấy hiện ra cái cảnh tượng của một đám người ngựa lộn xộn và mất trật tự, không còn hàng ngũ kỷ cương gì cả.

Trong một lúc, có một sự im lặng của nhà mồ, chỉ

gián đoạn bởi những tiếng thét rú lên của những người kỵ mã trong cơn khủng khiếp và tiếng ngựa hí thất thanh. Kế đó diễn ra một cảnh tượng rùng rợn ở ngay tại chỗ khi mà đoàn quân tiền phong hoảng kinh quay đầu trở lại, bị chạm trán với những hàng quân đầu tiên của bọn cướp ở đạo trung quân. Những con ngựa không người cỡi, trong cơn hoảng hốt, đã phóng vào đám rừng người, làm cho một số lớn những người kỵ mã bị trật yên và hất văng xuống đất. Những con ngựa của họ lại trở thành vô chủ, không người kềm chế, và càng làm tăng thêm sự hỗn loạn. Chúng nó bắt đầu hí vang, nhảy vọt bên tả bên hữu, và thét rú lên từng hồi trong cơn hãi hùng và khủng khiếp tột độ. Kế đó, cơn hỗn loạn lan tràn khắp cả bọn cướp đang bị lúng túng và bế tắc lưu thông trong hang núi ở phía dưới chúng tôi.

Thình lình chúng tôi thấy những người kỵ mã tuốt gươm trần ra khỏi vỏ và chém loạn xạ tứ phía. Những người khác rút súng bắn vào đám người ngựa với ý định khai đàng huyết lộ để thoát thân. Không bao lâu, cảnh tượng đó đã biến thành một trận giặc thư hùng, chỉ có những kẻ mạnh nhất được sống sót. Trận giặc chấm dứt

bằng sự đổ xô nhau để chiếm những khoảng trống, giữa những kẻ có cái may mắn thoát khỏi cơn chém giết vừa qua. Họ rời khỏi hang núi và để lại những đống xác người ngựa đã chết hoặc bị thương.

Chúng tôi hối hả đi xuống để tìm cách trợ giúp tối đa cho những kẻ bị thương. Tất cả dân làng và các vị siêu nhân đều tiếp tay với chúng tôi. Những sứ giả được gởi đi khắp bốn phía để cầu sự trợ giúp. Chúng tôi làm việc ráo riết suốt đêm và cho đến sáng ngày hôm sau. Đức Jesus và các Chân Sư bổn thân săn sóc những kẻ bị thương khi chúng tôi vừa đem họ ra khỏi đống thịt người ngựa hỗn tạp, có kẻ sống lẫn người chết. Khi chúng tôi đã cứu trợ tất cả cho đến người cuối cùng, chúng tôi trở về quán trọ để ăn sáng. Vừa bước vào nhà trọ, chúng tôi vô cùng ngạc nhiên mà thấy tên Cướp Đen đang ngồi nói chuyện với đức Tuệ Minh. Cho đến khi đó, chúng tôi không hề hay biết gì về sự có mặt của đức Tuệ Minh. Ngài nhận thấy cái nhìn ngạc nhiên của chúng tôi và nói:

-Chúng ta sẽ nói chuyện lại sau.

Sau bữa ăn sáng, chúng tôi bèn ra ngoài cùng với Tô

Mặc. Tô Mặc cho biết rằng đức Tuệ Minh và y đã tìm thấy tên Cướp Đen bị thương nặng và không thể cử động được nữa, vì tên cướp bị ngựa đè lên mình. hai vị đã kéo tên cướp ra và chở y đến một nơi tạm trú, tại đây y được dành cho tất cả mọi tiện nghi có thể tìm được. Kế đó hai vị kêu gọi đến sự giúp đỡ của bà chủ nhà trọ chúng tôi và giao tên cướp cho bà chăm sóc. Khi những vết thương của y được băng bó xong, y yêu cầu bà chủ nhà cầu xin với đức Chúa Trời cho y biết y phải làm gì để được cứu rỗi. Y cũng xin bà hãy dạy cho y biết đọc kinh cầu nguyện.

Bà hỏi y có muốn bình phục sức khỏe chăng. Y đáp:

-Có, tôi muốn được hoàn toàn lành mạnh cũng như bà.

Bà chủ nhà nói:

-Bây giờ anh cầu xin được có sức khỏe, lời cầu xin của anh đã được đáp ứng. Anh sẽ được hoàn toàn lành mạnh.

Kế đó, tên cướp nằm thiếp đi trong một cơn ngủ mê li bì. Đến nửa đêm, những vết thương của y đã hoàn toàn khép kín và không để lại một cái thẹo nhỏ nào. Tô Mặc đã nhận thấy điều này khi y đi canh tuần lúc ban đêm. Tên cướp bèn đứng dậy, mặc y phục vào, và tình nguyện giúp một tay cứu trợ cho những kẻ thoát nạn.

Chúng tôi cũng thấy một số đông bọn cướp được hoàn toàn bình phục mà trước đó chúng tôi nghĩ rằng họ không sao qua khỏi. Khi công việc cứu trợ kết thúc, tên Cướp Đen len lỏi trong đám đồng bọn bị thương và cố gắng hết sức để an ủi và trấn tĩnh tinh thần họ. Nhiều người giống như những con thú bị gài bẫy, họ lo sợ bị tra tấn đến chết, vì đó là cách đàn áp những kẻ cướp bị sa lưới theo phong tục bổn xứ. Ý nghĩ đó ăn sâu vào trí óc họ đến nỗi họ không có một sự phản ứng tốt lành nào đối với những cách đối xử nhân đạo mà người ta dành cho họ.Họ sợ rằng những cố gắng của chúng tôi để giúp họ mau bình phục sức khỏe, chỉ có mục đích là để cho chúng tôi có thể tra tấn họ lâu dài hơn. Sau cùng, tất cả đều đã khỏi bịnh, tuy rằng một số ít đã kéo dài bịnh tật dây dưa trong nhiều tháng với niềm hy vọng rõ rệt

không dấu diếm rằng nhờ đó họ có thể đình hoãn lại ngày tra tấn của họ.

Ít lâu sau đó, tên Cướp Đen quy tựu tất cả những tên "cựu thương binh" nào tình nguyện theo y để thành lập một toán quân bảo vệ làng mạc chống lại những cuộc tấn công của bọn cướp về sau này. Y cũng chiêu mộ được nhiều dân làng gia nhập vào toán quân đó. Về sau chúng tôi được biết rằng kể từ ngày đó, những bọn cướp không còn đánh phá vùng này nữa. Hai toán đoàn viên của phái đoàn chúng tôi rốt cuộc đã vượt qua vùng lãnh thổ này trên lộ trình của họ đi đến vùng sa mạc Gobi. Tên Cướp Đen và đồng bọn đã hộ tống và bảo vệ an ninh cho phái đoàn trong vùng địa phận của họ và vùng lân cận, ít nhất trên bảy trăm cây số đường trường, và không một người nào muốn nhận tiền thù lao về công việc đó.

Chúng tôi còn thường nghe nói về tên Cướp Đen. Y đã phát triển nhiều công việc từ thiện và cứu trợ trong toàn thể vùng này và dành trọn cuộc đời để giúp đỡ cho dân chúng được sống yên lành hạnh phúc mà không hề nhận tiền bạc của ai.

III

Ngày thứ hai sau khi bọn cướp đã bị tiêu diệt, vào lúc trưa, chúng tôi đã săn sóc hết tất cả những kẻ bị thương và đã đi quan sát một lần cuối cùng để biết chắc rằng không một người nào còn bị bỏ sót lại trong hang núi giữa đống xác người ngựa nằm ngổn ngang la liệt như bãi chiến trường. Trong khi chúng tôi trở về quán trọ để ăn điểm tâm và nghỉ ngơi, một người trong bọn cất tiếng nói lên cái ý nghĩ nó vẫn ám ảnh chúng tôi từ nhiều giờ:

-Tại sao có sự giết chóc rùng rợn và hủy hoại sinh mạng khủng khiếp như thế?

Chúng tôi đã mệt đừ, và cơn xúc động đã làm cho chúng tôi bị hoàn toàn kiệt sức. Vì bọn cướp gây cho dân làng một sự sợ hãi kinh hoàng tột độ, nên tất cả mọi cố gắng cứu trợ đều đổ dồn lên vai chúng tôi, nhất là trong những giờ phút đầu tiên. Dẫu cho sau khi chúng tôi đã lôi hết những kẻ bị thương ra khỏi đống xác người ngựa nằm ngổn ngang chồng chất lên nhau, chúng tôi cũng gặp nhiều khó khăn để thuyết phục dân làng ra tay trợ giúp những kẻ bị thương. Họ tuyệt đối không thấy có

lý do nào để giúp đỡ chúng tôi cứu mạng những kẻ đã toan giết hại đến sinh mạng của họ. Nhiều người cảm thấy vô cùng ghê tởm khi phải sờ mó vào một xác chết. Nếu họ không có một sự kính trọng đặc biệt đối với các vị Chân Sư, thì họ đã rời khỏi vùng này ngay lập tức mà không hẹn ngày trở lại.

Dầu sao, chúng tôi đã quá mệt mỏi và rất đau lòng, vì đó là cái kinh nghiệm khủng khiếp nhất trong đời chúng tôi. Khi cơn xúc động của những ngày đầu tiên đã lắng dịu, chúng tôi lại bắt tay vào việc một cách hào hứng hăng say. Mùa lễ Phục Sinh đã sắp đến và chúng tôi định kết thúc công việc sưu tầm ở làng này trước khi trở về Ấn Độ. Công việc được hoàn thành rất mau chóng. Cuộc chuẩn bị cuối cùng để trở về được hoàn tất trước ngày lễ Phục Sinh, và chúng tôi định dành trọn ngày Chúa Nhật để nghỉ ngơi dưỡng sức.

Khi bước ra cửa để đi tới đền trước lúc bình minh, chúng tôi gặp Chender Sen ngồi trong sân quán trọ. Y đứng dậy để đi theo chúng tôi, và nói Tô Mặc sẽ gặp chúng tôi tại chánh điện. Y đề nghị rằng chúng tôi nên trở về Ấn Độ qua ngã Lhassa, thủ đô Tây Tạng, kế đó

qua Mouktinath do truông núi Kandernath trên dãy Tuyết Sơn rồi từ đó, chúng tôi sẽ đi tới Darjeeling.

Về đến làng, chúng tôi thấy mọi việc đều chuẩn bị sẵn sàng chờ chúng tôi lên đường. Một số khá đông dân làng đã đi trước để vạch đường trên các truông núi bị bao phủ dưới một lớp tuyết dày đến ba bốn thước tây. Truông núi mà chúng tôi sẽ vượt qua ở cách xa đến tám mươi cây số và trên một chiều cao độ bốn ngàn thước. Phần lớn vùng này núi non chớn chở và rất khó vượt qua. dân làng có thói quen vạch một con đường mòn và nện tuyết ém xuống cho chặt một ngày trước khi lên đường. Tuyết được ép chặt trên đường lộ sẽ đông đặc lại khi ban đêm và người ngựa sẽ dễ đi hơn.

Chúng tôi thức dậy rất sớm trước khi trời sáng và nhận thấy rằng mọi chi tiết đã được săn sóc chu đáo. Dật Sĩ và một người hướng đạo bổn xứ sẽ đi theo chúng tôi. Tất cả dân làng đều tề tựu đông đủ để tiễn đưa chúng tôi lên đường. Chúng tôi lấy làm tiếc mà phải rời khỏi làng, tại dây chúng tôi đã trải qua hai mùa đông tốt đẹp. Dân làng là những người hồn nhiên chất phác và dễ thương. Để tỏ lòng ưu ái, nhiều người trong bọn họ đã

tiễn đưa chúng tôi trên bảy tám cây số rồi mới trở về. Khi đó chúng tôi mới từ giã họ một lần cuối cùng và tiếp tục lộ trình trên con đường trở về Ấn Độ. Nhưng chúng tôi còn phải trải qua nhiều tháng trên đường về trước khi nhìn thấy lại những ngọn núi đầu tiên của dãy Tuyết Sơn.

Theo lộ trình đã định, chúng tôi đi xuống thung lũng Gia ma nu chu, đi dọc theo một con sông đến truông Tonjnor Jung, rồi đi vòng theo con sông Brahmapoutre để đến Lhassa, thủ đô Tây Tạng.

Khi chúng tôi đến gần Lhassa, thì đã thấy nóc điện Potala, tức cung điện của vị Đạt Lai Lạt Ma, chúa tể xứ Tây Tạng, nhô lên từ đằng xa như một viên ngọc quý duy nhất của thành phố này. Lhassa là thủ phủ chính trị của Tây Tạng, nhưng còn vị lãnh đạo tinh thần tối cao là vị Phật Sống, tức vị chủ tể cầm quyền cai trị về mặt đạo đức tâm linh từ một trung tâm huyền bí ẩn dấu gọi là Shamballa, hay Bạch Ngọc Cung. Chúng tôi rất mong ước được viếng thăm trung tâm huyền bí và linh thiêng này, mà người ta nói rằng được ẩn dấu rất sâu dưới lòng đất ở vùng sa mạc Gobi.

Chúng tôi vào thành phố Lhassa cùng với đoàn người hộ tống. Người ta đưa chúng tôi đến những nhà trọ có chuẩn bị sẵn đủ mọi thứ tiện nghi có thể tìm được. Một đám đông kéo đến trước cửa nhà trọ, đứng hằng giờ để nhìn xem chúng tôi, vì sự hiện diện của người da trắng ở tại đây là một cảnh tượng lạ và hiếm có. Chúng tôi được mời đến viếng tu viện Lạt Ma Giáo vào ngày hôm sau lúc mười giờ. Chúng tôi được yêu cầu bày tỏ những điều ước muốn của mình, và mọi người sẽ vui lòng giúp đỡ chúng tôi về mọi mặt.

Bất cứ chúng tôi đi đâu, đều có một nhóm người đi theo sau lưng. Một lính canh được đặt trước cửa nhà trọ để đuổi những kẻ tò mò, vì dân chúng thủ đô Lhassa có thói quen bước vào nhà người lạ mà không báo trước. Sự có mặt của chúng tôi là một điều mới lạ duy nhất trong đời họ,và chúng tôi không thể trách họ về sự tò mò nói trên. Khi một người trong chúng tôi đi ra ngoài một mình, những kẻ tò mò bao vây chung quanh với ý định rõ ràng là để nhìn xem cho tận mắt, sờ mó tận tay để biết chắc rằng y quả là một người thật, và đôi khi sự quan sát ấy tỏ ra quá đỗi sỗ sàng đối với nạn nhân!

Ngày hôm sau chúng tôi thức dậy sớm và sửa soạn đi đến tu viện để gặp vị sư trưởng. Khi chúng tôi đi gần đến tu viện, vị sư trưởng bước ra tiếp đón chúng tôi. Chúng tôi lấy làm ngạc nhiên mà thấy: cùng đi với sư trưởng, lại có cả đức Tuệ Minh và đức bà Mã Ly. Đó là một sự tao ngộ lý thú. Chúng tôi bước vào tu viện và nghỉ tại đó.

Sau những cuộc đàm luận lý thú về Đạo Lý với vị sư trưởng, chúng tôi bàn về việc lên đường đi Shamballa. Vị sư trưởng hỏi rằng người cùng đi với chúng tôi được chăng. Một trong các vị siêu nhân đáp lại rằng người có thể đi không khó nếu người có thể rời khỏi xác phàm và trở về nhập xác tùy ý muốn. Dầu sao, nhóm các vị Chân Sư sẽ đi Shamballa ngay tối hôm ấy. Chúng tôi đồng ý rằng các Ngài sẽ tựu họp tại nhà trọ của chúng tôi vào lúc xế chiều và Tô Mặc sẽ cùng đi với các Ngài. Thật vậy, các Ngài đã tựu họp tại đó sau khi chúng tôi trở về nhà trọ. Sau một cuộc nói chuyện ngắn, các Ngài bước ra cửa và chúng tôi không còn gặp lại các Ngài trong nhiều ngày.

IV

Trưa ngày hôm sau, chúng tôi được thông báo cho biết rằng đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ tiếp kiến chúng tôi tại biệt điện. Vị sư trưởng đến nhà trọ ngay chiều hôm đó để đưa cho chúng tôi những chỉ thị về cuộc yết kiến này. Chúng tôi có cái hân hạnh được dành cho cuộc yết kiến này mà chúng tôi phải chờ đợi một thời gian theo thủ tục thông thường. Chúng tôi được dành cho cái đặc ân này ngay sau khi một sứ giả đem tin tức trở về cho đức Thái Tuế (một danh hiệu của đức Đạt Lai Lạt Ma) biết rằng cuộc thăm viếng tại Bạch Ngọc Cung (Shamballa) đã diễn ra một cách tốt đẹp. Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng đã được thông báo về những sự diễn biến đã xảy ra trước đây tại một làng, khi mà một ngôi nhà nhỏ tự nhiên mọc lên một cách mầu nhiệm.

Chúng tôi cố gắng gây cho Ngài một ấn tượng tốt đẹp đến mức tối đa, vì chúng tôi đã có xin phép để theo dõi cuộc sưu tầm khắp nơi trong xứ. Chúng tôi được cho biết rằng vị thống đốc của tỉnh sẽ đến trước giờ trưa và đã thông báo cho biết, do một viên sứ giả đem tin, rằng ngài sẽ giúp đỡ chúng tôi với tất cả quyền hạn của ngài. Đó thật là một sự ngạc nhiên bất ngờ. Chúng tôi

thức dậy sớm và đi cùng với một nhóm tùy tùng đến yết kiến xã giao vị thống đốc. Người tỏ vẻ rất hài lòng về cử chỉ này và mời chúng tôi cùng đi với người. Khi chúng tôi và vị thống đốc đến nơi, chúng tôi được đưa vào các gian phòng dành cho quan khách tại biệt điện. Từ đó, chúng tôi đi thẳng đến một phòng riêng để làm những cuộc lễ đầu tiên chuẩn bị cho cuộc yết kiến với đức Đạt Lai Lạt Ma.

Khi chúng tôi đến nơi, ba vị Lạt Ma cao cấp đã ngồi trên những chiếc ghế cao có lót nệm dày, trong khi những vị Lạt Ma cấp dưới ngồi dưới đất trong tư thế nhập thiền (Samadhi). Hai vị Lạt Ma mặc áo đỏ đứng trên những chiếc ghế đẩu cao và điều khiển những khúc thánh ca hợp tấu. Vị sư trưởng bạn chúng tôi thì ngồi trên một chiếc ngai có che lọng theo nghi lễ và chờ viên thống đốc đến.

Sân ngoài của tu viện được trang hoàng lịch sự trong dịp này. Những bức tranh tuyệt đẹp trình bày những cảnh tượng lịch sử diễn ra từ năm 1417 khi đức Tsong Kappa thành lập môn phái Phật Giáo Thống Nhứt ở Tây Tạng, mà Lhassa là trung tâm chính yếu.

Vài lúc sau đó, vị thống đốc cùng đoàn tùy tùng bước vào và đi thẳng đến chỗ ngồi của vị sư trưởng, vị này cũng đã từ trên ngai bước xuống. Cả hai vị đều đứng chung một chỗ để tiếp đón chúng tôi và đưa chúng tôi đến phòng khách của đức Đạt Lai Lạt Ma. Tòa sảnh đường được trang hoàng với những tấm thảm bằng lụa treo trên vách rất lộng lẫy, và với những bàn ghế bằng gỗ quý đánh bóng rất đẹp.

Sau khi được đưa vào phòng khách, chúng tôi quỳ xuống một lúc trước đức Thái Tuế rồi mới đứng dậy, và chúng tôi được mời ngồi. Vị sư trưởng thay mặt chúng tôi để chúc mừng Thái Tuế và trình bày mục đích cuộc viếng thăm của chúng tôi. Đức Thái Tuế đứng dậy và mời chúng tôi bước lại gần. Một vị Lạt Ma hầu cận đưa chúng tôi đến chỗ của mỗi người. Vị sư trưởng và viên thống đốc ở hai góc cùng một hàng với chúng tôi. Khi đó, đức Đạt Lai Lạt Ma bước xuống ngai vàng và đứng trước mặt chúng tôi. Ngài cầm lấy một cây quyền trượng (sceptre) do vị quan hầu cận đưa cho Ngài, rồi từ từ đi dọc theo hàng của chúng tôi đứng và điểm nhẹ cây quyền trượng lên trán của mỗi người. Kế đó, do vị sư

trưởng làm thông ngôn, Ngài chúc mừng chúng tôi đến xứ Tây Tạng. Ngài nói rằng Ngài có hân hạnh tiếp đón chúng tôi như những vị thượng khách trong thời gian chúng tôi lưu lại thành phố này. Ngài yêu cầu chúng tôi hãy tự coi mình như những vị khách danh dự của quốc gia và dân chúng Tây Tạng trong thời gian lưu trú hiện tại và bất cứ lúc nào trong tương lai nếu chúng tôi có ý định sẽ trở lại xứ này.

Chúng tôi đưa cho Ngài nhiều câu hỏi và được cho biết rằng Ngài sẽ trả lời vào ngày hôm sau. Ngài mời chúng tôi đến xem những tài liệu và bia đá cổ được lưu trữ dưới hầm biệt điện. Ngài gọi một viên quan hầu cận và truyền khẩu lịnh mà vị quan ấy thông dịch lại, nhưng chúng tôi hiểu rằng chúng tôi được tự do đi lại khắp nơi trong biệt điện mà không có giới hạn. Kế đó, đức Thái Tuế ban ân huệ cho chúng tôi, bắt tay chúng tôi một cách thân mật, và cho người đưa chúng tôi cùng với vị sư trưởng và viên thống đốc về nơi dịch xá an nghỉ. Hai vị này xin phép vào phòng chúng tôi vì họ muốn duyệt xét lại nhiều vấn đề.

Vị sư trưởng nói:

-Có nhiều chuyện lý thú đã xảy ra kể từ khi các bạn đến lưu trú trong làng nhỏ cùng với chúng tôi. Chúng tôi đã xem xét nhiều tấm bia đá cổ trong tu viện và nhận thấy rằng tất cả đều có đề cập đến nền văn minh cổ của xứ Gibi. Chúng tôi tin chắc chắn rằng tất cả các nền văn minh và tín ngưỡng tôn giáo đều xuất xừ từ một nguồn gốc duy nhất. Chúng tôi không biết rõ căn nguyên và thời đại nào đã sáng tạo nên các bia đá cổ, nhưng chúng tôi cả quyết rằng những bia đá ấy đã ghi lại những tư tưởng của một dân tộc đã từng sống cách đây nhiều ngàn năm. Chúng tôi đã có xem phần tóm lược của một bản dịch do một vị Lạt Ma xứ Kisou-Abou dịch lại cho chúng tôi. Chính nhờ nó mà tôi đã đạt tới khúc quanh quan trọng của đời tôi vậy.

Sáng ngày hôm sau, khi chúng tôi đang đợi vị sư trưởng, một sứ giả đem tin đến cho hay rằng đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ tiếp kiến chúng tôi vào lúc hai giờ trưa. Chúng tôi bèn đi tìm vị sư trưởng và gặp người ở ngoài cửa tòa sảnh đường, vẻ mặt hân hoan và cầm nơi tay một tờ công lệnh cho phép chúng tôi được tự do lưu thông khắp nơi trong xứ. Sau khi đọc tờ thông điệp mà

người sứ giả đã đem đến cho chúng tôi, vị sư trưởng nói:

-Đây là một thư mời với mục đích chánh thức trao tặng tờ giấy thông hành cho các ông.

Khi chúng tôi đã tựu họp lại, có người đề nghị với chúng tôi hãy nên đi ngay lại phòng lưu trữ các tài liệu văn khố. Chúng tôi liền đi tới đó từng nhóm và khi đến nơi, một sự bất ngờ làm chúng tôi rất ngạc nhiên. Tại đó chúng tôi thấy có hằng nghìn những pho tài liệu cổ khắc trên những tấm bảng bằng đồng và bằng gang, và trên những tấm bia bằng đá cẩm thạch trắng chạm trổ rất đẹp. Đó là lần đầu tiên mà chúng tôi có dịp quan sát tận mắt loại tài liệu cổ đó.

Vị sư trưởng cho chúng tôi biết rằng ông không được biết rõ về những bia đá cổ đó, nhưng người ta có nói cho ông biết rằng nguồn gốc của chúng là ở xứ Ba Tư. Ông mới tình nguyện đi tìm một vị Lạt Ma biết rõ tường tận về những bia đá cổ này. Ông ta bèn bước ra ngoài, và chúng tôi bắt đầu cuộc quan sát. Không một đoàn viên nào trong nhóm chúng tôi biết đọc những chữ cổ tự khắc trên các bia đá. Chung quanh những bia đá này đều

chừa một cái lề, bề rộng chừng năm phân tây, trên lề có khắc hình nổi. Nhiều hình nổi này được khắc bằng vàng ròng cẩn trên đá cẩm thạch, còn những chữ cổ tự cũng cẩn vàng nhưng không khắc cho nổi lên. Những bia đá đều sắp thành từng loạt rất có ngăn nắp quy củ, và mỗi loạt đều có mang một số thứ tự.

Trong khi chúng tôi đang đắm chìm trong cơn mơ tưởng mông lung, thì vị sư trưởng đã về đến nơi cùng với một vị Lạt Ma cao niên, có phận sự coi sóc các kho văn khố tài liệu. Vị Lạt ma thuật cho chúng tôi nghe lịch sử của các bản văn và tài liệu cổ, và câu chuyện làm cho chúng tôi thích thú say mê, đến nỗi vị sư trưởng phải nhắc nhở chúng tôi về cuộc hội kiến với đức Đạt Lai Lạt Ma.

Giờ yết kiến đức Đạt Lai Lạt Ma đã đến gần và chúng tôi phải mặc áo tràng dự lễ trong dịp này. Khi chúng tôi đến nơi sảnh đường, thì thấy đức Đạt Lai Lạt Ma vừa đi qua dãy hành lang cùng với toán ngự lâm quân theo hộ vệ để bước vào sảnh đường do một cửa lớn. Cánh cửa hông vừa mở, chúng tôi lại được đưa vào phòng khách trang hoàng lộng lẫy như đã nói ở trên.

Ở giữa phòng khách, đức Đạt Lai Lạt Ma ngồi trên một sàn cao có trải nệm thêu chỉ vàng. Ngài mặc áo rộng thêu vàng, với một khăn choàng đỏ. Vị sư trưởng đưa chúng tôi đến trước mặt Ngài và lại đứng cùng một hàng với chúng tôi như trước. Sau vài lời chào hỏi chúc mừng, đức Đạt Lai Lạt Ma từ trên sàn bước xuống và đứng trước mặt chúng tôi với hai bàn tay đưa lên. Chúng tôi bèn quỳ xuống để cho Ngài ban ân huệ.

Khi chúng tôi đứng lên, Ngài bước tới trước vị trưởng đoàn của chúng tôi, ghim một cái xiên (broche) trên ngực y và nói những lời này do một viên thông ngôn dịch lại:

-Cái xiên này sẽ bảo đảm cho túc hạ và cả phái đoàn, quyền tự do lưu thông khắp nơi trong xứ tùy ý muốn. Do tờ văn bằng này, quả nhân cũng ban cho túc hạ tư cách công dân danh dự của xứ Tây Tạng, và tước hàm quận công vùng sa mạc Gobi.

Kế đó Ngài từ từ đi dọc theo hàng ngũ chúng tôi và ghim một cái xiên tương tự nhưng nhỏ hơn trên ngực của mỗi người và nói:

-Quý vị hãy đeo cái xiên này, nó tượng trung cho lòng ái mộ của quả nhân. Nó sẽ mở rộng cửa cho quý vị khắp nơi trong xứ Tây Tạng, và có giá trị như một giấy thông hành ở bất cứ nơi nào quý vị muốn đi đến.

Kế đó, Ngài cầm lấy cái hộp ống dài đựng tờ văn bằng từ trên tay vị sư trưởng và trao cho vị trưởng phái đoàn. Những cái xiên đều rất đẹp, làm bằng vàng y có cẩn một viên ngọc bích ở giữa. Trên viên ngọc có khắc bằng hình nổi bức chân dung vô cùng linh động và xem rất giống của đức Đạt Lai Lạt Ma. Đức Thái Tuế và các vị Lạt ma cận thần đều là hiện thân của sự khả ái và lịch sự, và chúng tôi không biết nói gì khác hơn là thốt ra hai tiếng "cám ơn".

Kế đó, vị Lạt Ma hầu cận cho biết chúng tôi được mời dự dạ tiệc với đức Đạt Lai Lạt Ma ngay tối hôm đó tại biệt điện.

Sau bữa dạ tiệc, câu chuyện lại xoay chiều về vấn đề những tấm bia đá cổ lạ kỳ. Đức Đạt Lai Lạt Ma và viên lão thần đảm trách kho tài liệu cổ, do sự trung gian của một viên thông ngôn, thuật lại cho chúng tôi nghe lịch

sử của những bia đá cổ mà chúng tôi đã ghi chép lại cẩn thận và kể lại sau đây.

Những bia đá này là do một vị sư Phật Giáo tìm ra được trong một cái hầm ở dưới nền đất của một ngôi đền cổ đã điêu tàn ở xứ Ba Tư. Vị sư thuật lại rằng y được hướng dẫn đến nơi chôn dấu những bia đá cổ do bởi những tiếng hát dịu dàng êm ái vọng ra từ ngôi đền cổ, mà y nghe văng vẳng bên tai trong khi tọa thiền. Bài hát rất du dương và giọng hát rất trong trẻo đến nỗi làm cho nhà sư phải chú ý và tò mò. Nhà sư bèn đi về hướng từ đó vọng ra tiếng ca và bước vào bên trong các hầm đá của một ngôi đền cổ đã đổ nát. Giọng hát dường như xuất phát ra từ phía dưới hầm. Sau khi xem xét kỹ lưỡng, và không thấy có một lối nào đi xuống phía dưới hầm, nhà sư bèn quyết định tìm ra nguồn gốc xuất phát ra giọng hát.

Nhà sư mới tìm những đồ khí cụ thô sơ và bắt đầu đào xới trong những đống gạch ngói đổ nát. Không bao lâu, y tìm thấy một phiến đá lớn dường như là để lót sàn đá dưới hầm. Y cảm thấy thất vọng vì trong một lúc y tưởng rằng đã đi lạc hướng vì tiếng gió rít lên từng hồi

trong những tường xiêu vách đổ của ngôi đền.

Trước khi rời khỏi chỗ ấy, nhà sư bèn ngồi tọa thiền trong một lúc. Trong khi y đang nhập định, thì tiếng hát trở nên trong trẻo hơn và rõ ràng hơn trước, và ra lịnh cho y phải tiếp tục cuộc thăm dò, tìm kiếm. Một sự cố gắng hầu như phi phàm giúp cho y chuyển động tấm phiến đá lật qua một bên và khám phá ra một con đường hầm. Khi y chui lọt qua cửa hầm này, thì đường đi được soi sáng dường như bởi một mãnh lực vô hình. Trước mặt nhà sư, chiếu một vầng ánh sáng rực rỡ chói lòa. Nhà sư bèn đi theo, ánh sáng đó dìu dắt y đến cửa vào một hang động lớn, khép chặt bằng những cánh cửa bằng đá rất kiên cố. Trong khi y đang ngắm nhìn những cánh cửa đá này, thì chốt cửa rít lên, một phiến đá lớn từ từ chuyển động và xoay ngang, để lộ ra một cửa vào, y chui xuyên qua đó. Trong khi y bước qua cửa này, thì giọng hát lại xuất hiện, trong trẻo và êm ái dường như người hát đang ngồi ở phía trong. Ánh sáng dừng lại ở chỗ ngoài cửa từ lúc nãy, bấy giờ lại di chuyển vào bên trong động và chiếu sáng khắp nơi. Những tấm bia đá cổ đều dựng đứng nơi đây, trong những khoảng trống đục

khoét trên vách tường đá, phủ đầy cát bụi đắp lên đó tự muôn đời.

Nhà sư bèn quan sát vài tấm bia cổ, và liền hiểu ngay sự mỹ lệ và giá trị của các tấm bia này. Y bèn quyết định chờ dịp thổ lộ sự bí mật này với vài ba người tâm phúc tin cậy, để cùng với họ tìm cách di chuyển những bia đá ra ngoài và đem cất dấu ở một nơi an toàn. Y bèn rời khỏi hầm, đặt phiến đá lớn lại nguyên chỗ cũ, lấy gạch ngói vụn nát phủ lên trên như trước, rồi đi tìm những người bạn tâm phúc sẵn lòng tin tưởng câu chuyện do y tường thuật và có đủ can đảm cùng phương tiện để cùng y thực hiện kế hoạch.

Sự tìm kiếm này kéo dài đến hơn ba năm. hầu hết những người mà y thuật chuyện cho nghe đều tưởng rằng y đã loạn trí, hay điên khùng. Sau cùng, trong một chuyến hành hương, y gặp ba vị tăng lữ mà y đã quen biết trong cuộc đi hành hương tự trước đây, và thuật chuyện mình cho họ nghe. Họ tỏ ra rất hoài nghi.Nhưng một buổi tối đúng vào lúc chín giờ, trong khi họ đang ngồi quây quần chung quanh một ánh lửa trại, thì giọng hát lại bắt đầu một bài ca nói về đề tài những bia đá cổ.

Ngày hôm sau, họ chấm dứt cuộc hành hương và bắt đầu cuộc hành trình đi đến ngôi đền cổ. Kể từ khi đó, giọng kia lại hát mỗi ngày đúng vào lúc chín giờ tối. Giọng hát ấy càng nhẹ khi bốn người du khách đi đường mệt mỏi.

Họ đi gần đến ngôi đến cổ điêu tàn, và chuyến hành trình đã sắp kết thúc, thì hình ảnh mảnh mai thanh tú của một đứa trẻ thiếu niên xuất hiện vào lúc một giờ trước lúc giữa trưa và bắt đầu vừa hát vừa hướng dẫn họ đến chỗ ngôi đền. Khi họ đến nơi, thì phiến đá lớn đã bị cậy bật lên. Họ liền đi theo đường hầm đưa đến chỗ động đá. Những cánh cửa tự nhiên mở rộng khi họ đến gần, và họ bước vào động. Chỉ một lúc ngắn ngủi cũng đủ cho các vị tăng lữ nhận biết giá trị của đồ bảo vật này. Họ bèn đi đến một làng cách đó độ một trăm cây số để tìm mua lạc đà và đồ lương thực tiếp tế, để chuẩn bị đem các bia đá cổ đến chỗ an toàn.

Họ mua được mười hai con lạc đà và trở lại ngôi đền cổ và gói ghém cẩn thận các tấm bia đá cổ lại chắc chắn cho khỏi bị hư hỏng dọc đường. Kế đó họ mua thêm ba con lạc đà nữa, và bắt đầu một cuộc hành trình lâu dài

đến Peshawar, xuyên qua các nước Ba Tư và A Phú Hãn.

Gần đến Peshawar, các vị tăng lữ mới đem cất dấu đồ bảo vật quý giá này trong một hang núi hẻo lánh; và để đồ bảo vật nằm yên tại đó trong năm năm. Để giữ gìn các bia đá cổ, một trong các vị tăng lữ luôn luôn thay phiên nhau ngồi tọa thiền nhập định trước cửa hang núi. Từ Peshawar, họ chở các bia đá đến Lahnda, trong tỉnh Punjab, và lưu trữ tại đó trong mười năm. Kế đó, xuyên qua nhiều giai đoạn từ từ và chậm chạp, đồ bảo vật được chở đến đây và lưu trữ trong biệt điện của đức Đạt Lai Lạt Ma. Như thế tất cả là bốn chục năm đã trôi qua kể từ khi các bia đá được đem đi từ nơi chôn dấu đầu tiên. Từ biệt điện, người ta còn phải chở đồ bảo vật này tới Bạch Ngọc Cung (Shamballa), tức là hiện thời nó vẫn còn đang di chuyển trên lộ trình, chứ chưa thực sự đến nơi chỗ an toàn chỉ định.

Đến chỗ này của câu chuyện lịch sử, một người trợ tá đem bốn tấm bia đá cổ vào phòng, và cẩn thận đặt lên một bàn gỗ giống như cái bàn mà chúng tôi đang ngồi chung quanh, thành thử chúng tôi có thể nhìn thấy các

bia đá tận mắt. Khi kim đồng hồ chỉ đúng chín giờ, một giọng hát lại trổi lên với những âm điệu nhịp nhàng du dương. Giọng hát vô cùng êm dịu, và trong lanh lảnh như của một đứa trẻ thiếu niên, đại ý nói về Nguồn Gốc Thiêng Liêng của muôn loài, sự tạo lập nên vũ trụ và các bầu thế giới do một Ý Chí Thiêng Liêng thấm nhuần tất cả vạn vật, cái Nguyên Lý vô biên và vô cùng minh triết cai quản tất cả mọi hình thức sinh hoạt trong Vũ Trụ càn khôn, và sự thực hiện Chân Ngã để giúp cho con người có thể thấu đạt cái Nguyên Lý vô biên và hỗn hợp với Thượng Đế.

Những cuộc sưu tầm ráo riết và công phu hơn có lẽ sẽ chứng minh rằng những bia đá cổ này chỉ là những bổn sao được tạo nên để bảo tồn những tài liệu cổ tren các bổn chánh nay đã bị thất lạc. Nếu giả thuyết này đúng, thì các bia đá này có lẽ đã được khắc vào thời kỳ sơ khai của nến văn minh cổ Ấn Độ. Dầu sao, theo chỗ chúng tôi biết, thì thế giới văn minh hiện đại không có một tài liệu cổ nào giống như thế. Những bia đá cổ với những tài liệu khắc trên đó vốn xuất phát từ đâu mà ra, nếu không là từ cái Nguồn Gốc duy nhất?

Bốn tấm bia đá cổ vẫn còn đó, đang được dựng lên ở trước mặt chúng tôi, và mỗi tấm bia đáng giá cả một kho tàng của cải của một ông vua.

V

Câu chuyện tường thuật trên đây có vẻ hơi đi ra ngoài đề mục chính yếu, nhưng chúng tôi thấy cần phải trình bày một cách vắn tắt tối đa, những chuyện xảy ra ở nhiều nơi cách biệt nhau rất xa, mà người ta đã tìm thấy những tài liệu có liên hệ trực tiếp đến những nến văn minh cổ xưa nhất thế giới. Chúng tôi cũng sẽ nói sơ qua về những nền nghệ thuật và văn hóa của họ, cùng những tư tưởng và động lức nào đã giúp cho những nền văn minh ấy duy trì được sự sinh tồn của họ ở một trình độ rất cao.

Vài nhóm người rất hiếm vẫn tiếp tục thực hành đời sống tâm linh cao cả. Những nhóm người đó đã một phần nào trở nên những ngọn đuốc soi đường cho nhân loại đang tiến hóa đến một cao điểm mới của lịch sử văn minh thế giới. Hãy còn chờ xem phải chăng những thiếu sót lỗi lầm của một thiểu số, được tăng cường bởi đa số

nhân loại, có thể nào lại một lần nữa nhận chìm thế giới và lôi cuốn phần đông loài người vào trong quên lãng trong một thời gian lâu dài.

Tầm mức quan sát của chúng tôi cho thấy rằng hiện tại có tiềm lực chứa đựng tất cả tương lai. Chỉ có những công trình của hiện tại mới tạo nên tương lai. Nếu hiện tại được toàn hảo, thì tương lai cũng không khỏi được toàn hảo. Không phải là sự toàn hảo của hiện tại được nối tiếp theo trong tương lai. Chính cái ý thức về sự toàn hảo hiện tại nó đưa đến cái ý thức của một tương lai toàn vẹn.

Dù cho chúng tôi đi đến đâu, chúng tôi cũng khám phá những dấu tích của một dân tộc, ở một thời kỳ nhất định nào đó, đã hoàn toàn sống trong hiện tại. Trọn cái tương lai của dân tộc ấy hoàn toàn phù hợp đúng đắn với những công trình hiện tại của họ, đến nỗi tương lai của họ không thể nào cách biệt xa con đường toàn hảo, toàn vẹn. Đó tức là cái nguồn gốc của lời răn "Các ngươi chớ có băn khoăn lo lắng gì về tương lai." Họ áp dụng giáo điều này: "Hãy sống với hiện tại một cách thành thật, rồi tương lai cũng sẽ được tốt đẹp, an toàn."

Tư tưởng ấy luôn luôn tái xuất hiện trong những phong tục, tập quán, những bài dân ca, và những kinh cầu nguyện của họ.

Chúng tôi cũng nghiên cứu những chuyện huyền thoại về những âm binh của vùng "Biển Cát", theo như danh từ của người Trung Hoa thường gọi vùng sa mạc Gobi. Ở nhiều nơi trên sa mạc, người ta nghe có những tiếng nói dị kỳ. Nhiều khi chúng tôi nghe trong khoảng không, có tiếng người kêu gọi đúng tên họ chúng tôi. Có khi chúng tôi nghe thấy tiếng động ồn ào huyên náo của một đám đông người dường như ở rất gần. Chúng tôi cũng thường nhe tiếng đàn do nhiều loại nhạc khí khác nhau, kèm theo với những giọng hát rất dịu dàng thánh thót. Chúng tôi đã từng nhìn thấy nhiều ảo ảnh và nghe tiếng động của những cồn cát di chuyển.

Chúng tôi chắc rằng những tầng lớp không khí ở một chiều cao nhất định nào đó bên trên bãi sa mạc đã trở nên trong suốt đến nỗi vào những lúc mà tất cả những điều kiện bên ngoài đều hoàn toàn hợp với nhau đến mức tối đa, thì những lớp không khí ấy có tác dụng giống như những "phòng âm thanh", nó phản chiếu lại những

âm ba rung động đã được phát ra trong thời quá khứ. Chúng tôi tin rằng những diễn biến xảy ra từ thời Trung Cổ đã được tái diễn lại cũng bằng cách đó.

Chúng tôi mắc bận rộn về công việc đến nỗi mất cả ý thức về ngoại cảnh, và thời gian trôi qua mau như bay. Dưới sự chỉ dẫn của vị Lạt Ma cao niên, chúng tôi sao chép lại các tài liệu cổ trên các bia đá cùng những tài liệu khác nữa.

Buổi sáng ngày chúng tôi lên đường, thời tiết rất sáng sủa, quang đãng và mọi việc đã sắp đặt sẵn sàng cho chuyến đi bận về của chúng tôi đến Shigatzé. Chúng tôi đã từ giã tất cả những nhân vật hầu cận đức Đạt Lai Lạt Ma. Một đám đông dân chúng cũng tề tựu trên các đường phố để tiễn đưa chúng tôi. Họ vẫy tay khắp nơi để ra dấu từ giã, hoặc chắp tay cầu nguyện cho chúng tôi được an toàn vô sự. Một phái đoàn đại diện dân chúng đã đi trước chúng tôi trên nhiều cây số đường trường, và năm chục người tiễn đưa chúng tôi đến tận Shigatzé, trên vùng thượng lưu sông Brahmapoutre.

Trong khi chúng tôi đi gần đến thành phố này, tức là

thành phố quan trọng thứ nhì của xứ Tây Tạng sau thủ đô Lhassa, chúng tôi nhìn thấy tu viện Tashi Lumpo rất lớn, ở cách hai cây số ngoài thành phố. Một phái đoàn sư sãi của tu viện này đã đi bộ trên năm cây số để tiếp đón chúng tôi và mời chúng tôi an nghỉ tại tu viện trong thời gian lưu trú tại đây.

Khi bước vào tu viện, chúng tôi cảm thấy một niềm an tĩnh thấm nhuần các gian phòng như một sự hiện diện cao cả và vô hình. Thật vậy, đó là một nơi nghỉ ngơi lý tưởng trước khi bước chân lên đoạn đường sẽ đưa chúng tôi đến hồ Dolma và đến thị trấn Sansrawar.

Sau khi dùng bữa cơm chiều với các vị Lạt Ma, chúng tôi bàn luận về những ngôi đền rất đẹp và rải rác khắp nơi trong thành phố. Kế đó câu chuyện xoay qua vấn đề khác biệt giữa các tín ngưỡng tôn giáo. Một vị Lạt Ma rất cao niên nói:

Các vị Lạt Ma và đạo sĩ Yogi không cùng chia sẻ những tin tưởng giống nhau. Người Yogi không thể chấp nhận rằng giáo lý của bất cứ một người nào đề xướng ra là có giá trị quyết định độc đáo. Tất cả mọi người phải

đạt tới sự thông suốt tự trong nội tâm của họ. Còn những tu sĩ Lạt Ma giáo thì tuân theo một cách chặt chẽ giáo lý của Đức Phật. Họ nhĩ rằng mỗi người đều đang tiến hóa và cứu cánh sẽ đạt tới quả vị tối cao của Phật. Một người Gia tô sẽ đạt tới trình độ tâm thức của đấng Christ. Ngưới Phật tử sẽ đắc quả vị của Phật Thích Ca…

Chúng tôi thấy sáu vị Lạt Ma cầm đầu một nhóm tu sĩ gọi là các Tu Sĩ đi Ta Bà. Nhóm sư sãi Ta Bà này đi châu du khắp nơi, không tiền bạc chi cả, cũng không bao giờ khất thực. Họ không nhận lãnh đồ vật thực hay tiền bạc của ai cả. Họ luôn luôn giao tiếp với nhau và với sáu vị Lạt Ma trưởng ở tại tu viện. Nhóm tu sĩ Ta bà này chia làm ba toán, mỗi toán có một vị Lạt Ma cầm đầu, tức là gồm một cơ cấu chỉ huy có chín vị Lạt Ma. Ba vị toán trưởng có thể ở ba xứ khác nhau. Mỗi vị sư sãi đi ta bà luôn luôn tiếp xúc với với vị trưởng toán của mình, và vị trưởng toán này giao tiếp thường xuyên với sáu vị Lạt Ma Trưởng ở tu viện. Các vị này giao tiếp với nhau bằng một phương pháp mà chúng tôi tạm gọi là chuyển di tư tưởng vì thiếu một danh từ chính xác hơn, nhưng chúng

tôi biết rằng đó là một thứ mãnh lực tinh tế hơn và chính xác hơn nhiều. Người ta gọi nó là atma, tức là sự giao cảm trực tiếp giữa linh hồn với linh hồn mà không có một vật gì làm trung gian. Chúng tôi đã gặp sáu vị Lạt Ma này và dùng buổi ăn sáng chung với các vị trong ngày hôm sau.

Vị Lạt Ma già cho chúng tôi biết rằng người sẽ đi theo chúng tôi đến tận đền Pora tat Sanga khi chúng tôi hoàn thành mọi công việc. Chúng tôi nhận lời, vì vị Lạt Ma này là bạn thiết của vị hướng đạo vừa dẫn đường vừa làm thông ngôn cho chúng tôi. Cả hai người sẽ giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong việc nghiên cứu các tài liệu cổ.

Trong khi nói chuyện, vị Lạt Ma già nói một cách tự nhiên:

-Hai người đoàn viên đã từ giã các ông ngày thứ hai vừa rồi, sẽ đến Calcutta ngày hôm nay lúc 11 giờ 30. Nếu các ông muốn tiếp xúc với họ, thì có thể được.

Vị trưởng phái đoàn chúng tôi viết một bức thông điệp giọ hai đoàn viên ấy hãy đến thẳng Darjeeling để lo

thu xếp về một công việc cần phải làm, và đợi chúng tôi đến vào ngày 24 tháng 8. Y đề ngày trên bức thông điệp, chép một bổn sao để lại, và đưa bổn chánh cho vị Lạt Ma. Vị này đọc xong, xếp tờ giấy lại cẩn thận và để qua một bên. Sau đó, hai đoàn viên đã gặp lại chúng tôi tại Darjeeling ngày 24 tháng 8. Họ đưa cho chúng tôi xem một bức thông điệp viết tay được chuyển giao đến tận tay họ sau khi họ đến Calcutta không đầy hai chục phút. Họ đã nghĩ rằng người đem thơ chắc là một thư tín viên được gởi đi từ trước với những chỉ thị rõ rệt. Bây giờ chúng tôi đã có bằng chứng cụ thể về những quyền năng thần giao cách cảm của các vị Lạt Ma Tây Tạng. Nếu họ đã chứng tỏ quyền năng trên địa hạt này, chắc hẳn là họ cũng có thể nới rộng quyền năng trên những lãnh vực khác nữa?

Chúng tôi hối hả lên đường đến Pota tat Sanga, vì một số đông khách hành hương sẽ tựu họp tại đó vào mùa này là mùa thuận tiện cho một cuộc hội họp như vậy. Chúng tôi đi ngang qua thị trấn Gyantzé, tại đây chúng tôi được cho biết là sẽ gặp một vị đệ tử rất đặc biệt, mà người ta gọi là vị “đệ tử cười”. Những giọng hát

tiếng cười của y làm cho người nghe dứt hết mọi cơn sầu khổ, và giúp đỡ khách hành hương vượt qua những đoạn đường gay go khó khăn nhất trên lộ trình của họ.

Khi chúng tôi bước vào sân tu viện, một người thanh niên lực lưỡng bước đến gần chúng tôi với những lời chào mừng nghinh tiếp. Y cho chúng tôi biết rằng các vị Lạt Ma muốn mời chúng tôi ở lại tu viện trong thời gian lưu trú tại làng này. Chúng tôi nói rằng chúng tôi sẽ lên đường ngay ngày hôm sau, vì chúng tôi phải đi gấp lên truông Phari. Y đáp:

-Chúng tôi biết rằng các bạn đi tới Pora ta Sanga. Tôi cũng trở về đó vào sáng ngày mai và rất sung sướng mà được cùng đi với các bạn nếu các bạn cho phép!

Chúng tôi nhận lời. Với một chuỗi cười dài cởi mở, y đưa chúng tôi đến chỗ ngủ, trong gian phòng lớn của tu viện. Sau khi đã xếp đặt cho chúng tôi được có đủ tiện nghi, y chúc chúng tôi nghỉ yên giấc, xin kiếu từ và nói y sẽ gặp lại chúng tôi rất sớm vào sáng ngày hôm sau. Y vừa bước đi vừa hát bằng một giọng rất trong. Đó là vị "Đệ Tử Cười". Sáng ngày hôm sau, y đánh thức chúng

tôi dậy bằng một giọng hát vang lừng và loan báo rằng bữa ăn điểm tâm đã sẵn sàng.

Chúng tôi từ biệt các vị Lạt Ma, được các vị ban ân huệ trước khi lên đường, và thấy rằng mọi việc đã được chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi của chúng tôi đến truông núi Phari. Truông này đưa du khách qua khỏi các đỉnh núi Phari và Kang La. Nói chung, đường đi rất cheo leo, nhưng ở những đoạn đường khó đi, thì người đệ tử đi trước dẫn đường vừa hát và vừa cười. Trong những đoạn đường gồ ghề lồi lõm nhất, giọng hát của y vang rền và dường như đưa chúng tôi đi một cách dễ dàng êm ái.

Chúng tôi lên tới đỉnh truông núi vào lúc ba giờ chiều. Trạm nghỉ chân sắp tới của chúng tôi là thị trấn Maha Muni với một ngôi đền rất to lớn như một pháo đài. Cũng như ở các nơi khác, tại đây chúng tôi được tiếp đón nồng hậu. Chúng tôi được cho biết rằng người ta không cần giữ chúng tôi ở lại, vì Chân Sư Pouridji đã đi trước chúng tôi đến đền Pora tat Sanga là nơi có rất nhiều đạo sĩ Yogi và tu sĩ các môn phái khác đã tề tựu rất đông tại đây. Ngày hôm sau, đám người hành hương

tụ họp rất sớm vì họ muốn đi sớm để được gặp Chân Sư Pouridji. Họ cũng muốn chiêm ngưỡng ngôi đền Pora tat Sanga là một ngôi đền cao nhất thế giới, một tòa kiến trúc mỹ lệ dựng trên một đỉnh núi cao. Tất cả đoàn người hành hương và chúng tôi đều lên đường. Ngọn núi Everest hùng vĩ nhô lên trước mặt chúng tôi dưới lớp áo tuyết trắng như pha lê và chiếu ánh sáng dịu của mặt trời lúc bình minh. Nó dường như mời mọc chúng tôi hãy cố gắng tiến thêm vài bước, chỉ vài bước nữa thôi, rồi đưa tay ra trước để nắm lấy manh áo tuyết của nó. Nhưng mỗi khi chúng tôi tiến thêm vài bước, thì khối đá khổng lồ vẫn lọt ra ngoài tầm tay của chúng tôi. Chúng tôi đã vượt qua khỏi núi Chomolhari, một ngọn núi láng giềng cao đến 8,000 thước, nhưng ngọn núi này có vẻ như một chú lùn so với ngọn Everest khổng lồ dựng đứng ở trước mặt. Trước đây, chúng tôi vẫn cho rằng con đường mòn dọc theo sườn núi Chomolhari thật là cheo leo hiểm trở, nhưng bây giờ chúng tôi đi một cách vô cùng vất vả trên một con đường mà thường khi chúng tôi phải bò trên bốn cẳng! Tuy nhiên, những giọng hát tiếng cười của người đệ tử vẫn đưa chúng tôi đi nhẹ nhàng thoải mái như lướt trên hai cánh. Trong cơn hứng

khởi, chúng tôi quên cả sự hiểm nguy, và dường như chúng tôi vượt qua những đoạn đường khó khăn một cách dễ dàng nhanh chóng. Chuyến đi ngày hôm ấy không có vẻ gì là lâu lắc hay mệt nhọc đối với chúng tôi, mà dường như chỉ kéo dài trong chốc lát. Những âm ba rung động của thần lực, của sự an tĩnh và điều hòa toát ra từ các ngôi đền luôn luôn hấp dẫn người du khách đến những ngọn núi này. Thật không lạ gì mà thấy rằng dãy núi Tuyết Sơn vẫn gây nguồn cảm hứng tâm linh cho khách lữ hành, và các thi nhân vẫn luôn luôn ca tụng sự huy hoàng hùng vĩ của nó.

Sau cùng, đến chiều tối, chúng tôi đã vượt qua tất cả mọi nỗi khó khăn trên đường mòn và dừng chân trên một khoảnh đá bằng phẳng rộng lớn, ai nấy mệt nhoài và thở dốc. Nhiều ngôi đền rải rác ở xa xa, nhưng đền Pora tat Sanga đẹp như viên ngọc, nhô lên ở một chiều cao bảy trăm thước trên đầu chúng tôi, và chiếu một vầng ánh sáng rực rỡ, soi sáng tất cả các núi đá và đền miếu ở vùng chung quanh.

Đám người hành hương và chúng tôi cùng ngồi quây quần trong một hang đá rộng lớn. Chúng tôi ngạc nhiên

mà nhận thấy rằng có cả phụ nữ trong đám hành hương. Không có sự kỳ thị hay phân biệt nam nữ trong các chuyến hành hương, ai muốn đi đều có thể xin gia nhập. Các vị Chân Sư đã từng sống ở tại đây. Chân Sư Niri cũng đã từng đi qua các con đường mòn của chúng tôi vừa đi. Hôm nay, nhà đạo sĩ Santi cao cả, khiết bạch và khiêm tốn, đã ngồi tọa thiền tại hang đá này và đang đắm chìm trong cơn đại định.

Chúng tôi hỏi làm sao tìm được nơi ăn chốn ở cho tất cả những người hành hương này? Vị Đệ tử cười cất tiếng hát:

-Đừng lo chi vấn đề và ở. Tại đây có đầy đủ thức ăn, chỗ ngủ và áo quần cho tất cả mọi người.

Kế đó, người đệ tử lại hát bằng một giọng du dương:

-Xin mời tất cả mọi người hãy an tọa.

Khi chúng tôi vừa ngồi xuống thì những chén thức ăn nóng và bổ dưỡng xuất hiện. Vị đạo sĩ Santi cũng đã xả thiền đứng dậy và bắt đầu chuyền thức ăn cho các du

khách, với sự trợ giúp của người đệ tử và các người hành hương khác.

Khi ai nấy đều đã ăn uống no lòng, tất cả khách hành hương đều đứng dậy và người ta đưa họ đi từng nhóm nhỏ đến các ngôi đền kế cận để nghỉ lại trong đêm đó.

Vị đệ tử đưa chúng tôi đến một ngôi đền tọa lạc trên một khối đá, ngăn cách chỗ của chúng tôi bởi một vách đá dốc đứng chừng hai mươi lăm thước bề cao. Khi đến gần, chúng tôi nhận thấy một cây cột trụ dài, chân trụ chấm đất, còn ngọn thì đỡ lấy cái mõm đá de ra phía dưới ngôi đền. Vì cây cột trụ này dường như là phương tiện duy nhất để lên tới ngôi đền, nhóm chúng tôi trụ lại dưới chân trụ để tìm cách trèo lên. Trong một lúc, cái hy vọng duy nhất để có chỗ ngủ ban đêm dường như tùy thuộc nơi khả năng của chúng tôi để trèo lên cây trụ ấy. Nhưng người đệ tử nói:

-Các bạn chớ nên hấp tấp vội vàng.

Kế đó, y cất giọng hát lớn:

-Hỡi Thượng Đế mến yêu, chúng con sở cậy nơi Ngài để có chỗ trú trong đêm nay.

Ngay khi ấy, tất cả mọi người ở chung quanh chúng tôi đều giữ im lặng trong một lúc, rồi bằng một giọng đồng thanh hòa tấu rất mãnh liệt, họ thốt lên những lời này:

-Đó là quyền năng của Thượng Đế, AUM…

Trong khoảnh khắc, tất cả chúng tôi đã thấy mình đứng trên mõm đá, và cùng đi với những người hành hương khác đến các ngôi đền rải rác chung quanh, được chỉ định cho từng nhóm. Khi đến nơi, chúng tôi không còn giữ lại một dấu vết nào của sự mệt nhọc. Đêm đó chúng tôi ngủ yên giấc như trẻ con. Chúng tôi thầm nghĩ rằng nều những rung động của thần lực toát ra từ nhóm người đó được sử dụng để san bằng núi non thành bình địa, thì ắt là điều ấy vẫn có thể làm được!

VI

Sáng ngày hôm sau, lúc bốn giờ, giọng hát mạnh mẽ

rõ ràng của người đệ tử đánh thức chúng tôi dậy. Y hát:

-Cõi thiên nhiên đã thức dậy. Những người con của thiên nhiên cũng phải thức giấc. Bình minh của một ngày mới đã xuất hiện. Sự tự do của ngày này đang chờ đón các bạn. AUM!

Chúng tôi bước đến gần chỗ mõm đá gie ra ngoài và gác lên đỉnh cột trụ trong ngày hôm trước. Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên mà thấy rằng cột trụ đã được thay thế bằng một cầu thang rất chắc chắn. Khi xuống cầu thang, chúng tôi tự hỏi không biết có phải là chúng tôi đã mơ hay chăng? Người đệ tử đón chúng tôi tự hỏi không biết có phải là chúng tôi đã mơ hay chăng? Người đệ tử đón chúng tôi dưới chân cầu thang và nói:

-Không, các bạn không mơ đâu. Chính Chân Sư Pouridji đã mơ thưởng cái cầu thang trong đêm qua và đã đặt nó tại đây vì sự ích lợi công cộng. Đó là một giấc mơ trở thành sự thật đấy.

Trong khoảng mười lăm ngày mà chúng tôi đã trải qua trong vùng này, mỗi ngày chúng tôi đều được ăn

những thức ăn nóng và bổ dưỡng mà không hề thấy có ai làm bếp hoặc nấu nướng gì, và được cung cấp thức ăn rất đầy đủ.

Người đệ tử và một bạn đồng hành bắt đầu trèo lên ngọn núi Pora tat Sanga. Đường đi khởi đầu bằng những nấc thang tam cấp đục trong khối đá. Kế đó, người ta phải đi trên những tấm sàn gỗ bắc ngang để nối liền các khe hở giữa hai vách núi, tạo nên những vực thẳm dưới chân người lữ hành. Có những chỗ khác, người ta phải leo dây, mà một đầu dây được cột chặt với những mô đá đưa ra ở phía trên. Sau hai giờ đồng hồ, những người leo núi vẫn chưa có thể vượt qua mõm đá thứ nhì chiều cao ở một trăm bảy mươi lăm thước cao hơn điểm khởi hành. Khi đó, họ mới nhận thấy rằng họ bắt buộc phải bỏ dở chuyến trèo núi này.

Nhìn thấy họ lưỡng lự và biết rõ vị trí khó khăn của họ, đạo sĩ Santi kêu to:

-Tại sao các anh không xuống đi?

Người đệ tử đáp:

-Chúng tôi thử đi xuống, nhưng đá trơn lắm không xuống được.

Y đã trải qua cái kinh nghiệm thông thường là trèo lên một vách đá hầu như trơn láng còn dễ hơn là xuống!

Khi đó, người đạo sĩ nói đùa:

-Nếu vậy, tại sao các anh không ở nguyên tại chỗ? Chúng tôi sẽ trở lại sáng ngày mai với đồ lương thực, và chắc các anh sẽ có thể trèo lên tới đỉnh!

Kế đó, đạo sĩ yêu cầu hai người leo núi hãy hoàn toàn bình tĩnh, và hướng dẫn họ một cách cẩn thận trong ba tiếng đồng hồ để cho họ đi xuống được an toàn. Khi họ đã xuống tới đất và gặp lại chúng tôi, người Yogi mỉm cười và nói:

-Như thế là sự hứng khởi nhiệt thành của tuổi trẻ tàn lụi dần.

Hai người thanh niên bèn ngước nhìn lên đỉnh núi với những cặp mắt đầy mong ước. Họ nói:

-Nếu Chân Sư Pouridji đang ở trên đó, chúng tôi thật là không may mà không gặp được Ngài. Cuộc trèo núi này thật quá khó khăn đối với chúng tôi.

Người Yogi đáp:

-Các anh đừng lo ngại gì. Một vị cao cả hơn chúng tôi sẽ lo việc ấy. Bây giờ các anh hãy nghỉ ngơi, các anh đã khởi sự một cách tốt đẹp đó.

Chúng tôi bèn tự hỏi trong sự ngạc nhiên, bằng cách nào người ta có thể xây cất một ngôi đền trên chót núi như ngôi đền Pora tat Sanga.

Nhiều giọng nói thốt lên hỏi rằng bao giờ chúng tôi mới có thể gặp được Chân Sư. Người Yogi đáp:

-Chiều nay.

Thật vậy, Chân Sư Pouridji đã đến gặp chúng tôi trong buổi cơm chiều. Chúng tôi có nhắc đến việc trèo núi của hai người thanh niên bị thất bại. Chân Sư nói rằng hai người ấy đã thành công trong việc trèo núi nhờ bởi mưu toan lần thứ hai mà họ đã làm trong tư tưởng.

Bốn giờ chiều ngày hôm sau, tất cả chúng tôi đều tựu họp trong hang đá ở phía dưới ngôi đền. Đạo sĩ Santi đang ngồi nhập định. Ba người trong nhóm bèn đi tới một tảng đá bằng phẳng và ngồi lên đó trong tư thế tọa thiền. Trong giây lát, tảng đá bay bổng lên trên không và chở ba người lên tới ngôi đền trên đỉnh núi.

Khi đó đạo sĩ Santi nói với người đệ tử và hai người nữa:

-Các anh sẵn sàng chưa?

Họ đáp là sẵn sàng và liền ngồi xuống một bên đạo sĩ trên tảng đá.Tảng đá này liền bắt đầu tự cất mình nhẹ bổng lên và chở cả ba người đến trước sân đền. Kế đó, người ta mời chúng tôi đứng chung lại thành một nhóm. Tất cả mọi người đều đứng dậy. Những người đã lên tới đền từ trước bèn đứng ra sân và bắt đầu hát thánh ngữ AUM. Trong khoảnh khắc, chúng tôi thấy mình không còn ở dưới đất nữa mà đã có mặt tại sân đền ở trên chót núi. Chỉ trong giây lát, tất cả chúng tôi đã tề tựu đông đủ tại ngôi đền cao nhất thế giới.

Khi chúng tôi đã ngồi an tọa, Chân Sư Pouridji cất tiếng nói:

-Nhiều người trong các bạn chưa hề nhìn thấy hiện tượng khinh thân và cho rằng đó là một phép lạ nhiệm mầu. Thật ra, đó không có gì là phép lạ cả. Đó chỉ là kết quả của một quyền năng tự nhiên của con người. Chúng tôi được truyền thụ phép ấy do bởi pháp môn Yoga cổ truyền. Trong quá khứ, nhiều người đã từng sử dụng quyền năng đó mà không ai cho là nhiệm mầu hết cả. Đức Phật cũng đã từng viếng thăm nhiều nơi xa xôi hẻo lánh bằng phương tiện khinh thân. Tôi từng thấy hằng nghìn người đã đạt tới kết quả tương tự. Ngoài ra còn có những cách biểu lộ quyền năng cao hơn nhiều so với những gì mà các bạn sẽ được nhìn thấy. Những sự biểu lộ đó chứng minh sự hiện hữu của một sức mạnh vạn năng. Khi người ta hoàn toàn làm chủ được cái sức mạnh vạn năng đó, người ta có thể sử dụng nó để lấp biển dời non.

Các bạn ca tụng sự tự do, các bạn tuyên dương đức vô úy. Nhưng thay vì các bạn quên mất sự nô lệ, và không còn nhắc đến nó nữa, các bạn vẫn còn nhớ đến

nó một cách quá rõ, và chính là sự tự do mà các bạn đã quên. Một pháp môn Yoga thuần túy là một thông điệp tự do cho toàn thể thế giới.

Kế đó, Chân Sư Pouridji thuyết giảng về ý nghĩa thần bí của thánh ngữ AUM. Sau khi dứt lời, Ngài mời chúng tôi cùng đi theo Ngài đến một động đá rất lớn ở dưới lòng đất, tại đây, nhiều vị đạo sĩ Yogi đang ngồi tọa thiền nhập định. Chúng tôi ở lại ngôi đền và trong động đá này trong chín ngày. Nhiều vị Yoga đã từng sống tại động đá trong nhiều năm, và khi họ rời khỏi nơi vắng vẻ cô liêu ấy, họ thực hiện những công trình tốt đẹp về đạo đức tâm linh giữa những người của dân tộc họ.

Chúng tôi được cho biết rằng sau cuộc hội họp này, nhiều vị Chân Sư sẽ trở về Ấn Độ do con đường đi đến hồ Sansrawar và Mouktinath. Từ Mouktinath chúng tôi có thể đi dễ dàng đến Darjeeling. Đó là một tin lành, và triển vọng được đi chung với các đấng cao cả làm cho chúng tôi rất hãnh diện.

Chúng tôi đi từ động này đến động khác và nói chuyện với nhiều tu sĩ và đạo sĩ Yogi. Chúng tôi lấy làm

ngạc nhiên mà thấy nhiều vị trong số đó sống tại đây mùa đông cũng như mùa hè. Chúng tôi hỏi họ có bị lạnh vì tuyết xuống nhiều vào mùa đông hay không. Họ đáp rằng tuyết không rơi xuống vùng chung quanh chỗ họ ở, và vùng này không hề có sương mù hay bão tố.

Thời gian qua mau như thoi đưa, và bây giờ chúng tôi đã sắp đến ngày lên đường.

VII

Sáng ngày chúng tôi lên đường, tất cả đoàn người đều thức dậy vào lúc ba giờ sáng do bởi tiếng hát vang của người "Đệ tử cười". Chúng tôi nghĩ là chắc có xảy ra chuyện gì khác thường, vì y mời tất cả chúng tôi hội họp lại trong một lúc. Trong khi chúng tôi bước ra ngoài, ánh sáng từ đền Pora tat Sanga toát ra với một ánh hào quang rực rỡ đến nỗi tất cả vùng chung quanh đều chiếu sáng. Người đệ tử đứng ở một góc đền và yêu cầu chúng tôi chiêm ngưỡng cảnh tượng ấy trong im lặng. Chúng tôi thấy hằng trăm bóng người đứng yên, hai tay đưa lên. Cơn im lặng bị gián đoạn bởi những lời kêu gọi:

-Xin chào tất cả các bạn, Chân Sư Pouridji sắp sửa ngâm thánh ca.

Hằng nghìn giọng cất lên phụ họa với giọng ngâm của Ngài, và tiếng vang dội lại gây cho người nghe cái cảm giác là còn có hằng nghìn giọng hát khác nữa. Mỗi chữ vang lên rõ ràng trong cơn im lặng của buổi bình minh. Chân Sư nói:

-Có thể nào có một vị Thượng Đế cho người Ấn Độ, một Thượng Đế cho người Trung Hoa, một Thượng Đế cho người Do Thái, và một Thượng Đế cho người Gia Tô chăng? Chỉ có một Nguyên Lý duy nhất, đại đồng và thiêng liêng cai quản tất cả muôn loại vạn vật. Cái ánh sáng trung ương của Nguyên Lý ấy gọi là Thượng Đế. Thượng Đế phải là bao gồm hết tất cả. Tất cả đều thấm nhuần sự sống của Thượng Đế. Điều ấy, chắc hẳn không có nghĩa là có một vị Thượng Đế cá nhân, riêng biệt cho một nhóm người nào.

Khi chúng ta nói về Thượng Đế, chúng ta chỉ nói có một đấng Duy Nhất, Ngài là của tất cả, cho tất cả, trong tất cả và xuyên qua tất cả. Nếu người Ấn Độ đặt một tên

cho Thượng Đế của họ, và nói rằng ngoài ra không có đấng nào khác nữa, thì tư tưởng của họ đã có sự phân cách. Nếu người Trung Hoa đặt một tên cho Thượng Đế của họ và nói không có đấng nào khác nữa, tư tưởng của họ đã bị phân chia. Nếu người Do Thái đặt một tên cho Thượng Đế của họ, và nói không có đấng nào khác nữa, tư tưởng của họ đã có sự cách biệt. Nếu người Gia Tô đặt một tên cho Thượng Đế của họ, và nói không có đấng nào khác nữa, tư tưởng của họ cũng đã bị phân chia. Một cái nhà mà tự nó đã chia rẽ cách biệt, thì đã bị tiêu diệt ngay từ trước, và nó phải sụp đổ. Nếu nó hợp nhất, nó sẽ sống trường cửu. Các bạn hãy chọn lựa xem nên theo đằng nào. Chia rẽ, cách biệt có nghĩa là phá sản và diệt vong. Hợp nhất trong cái Nguyên Lý Âm Dương có nghĩa là tiến bộ, danh dự và quyền năng. AUM, AUM, AUM.

Tiếng thánh ngữ AUM này dường như vang dội đến chỗ tận cùng của thế giới. Chúng tôi có thể nghe tiếng ngân của nó vang dội lại trong ít nhất là mười phút, dường như tiếng cồng của ngôi đền điểm giờ khắc trôi qua. Có những lúc, dường như các tảng đá cũng thốt ra

tiếng ngân đó. Trong khi những âm hưởng vang dội lại đã tan dần, tất cả những người hành hương đều tề tựu trong hang đá ở phía dưới ngôi đền, và chúng tôi cũng đến họp chung với họ.

Khi nhóm chúng tôi đã ngồi xuống, đạo sĩ Santi đưa tay lên khỏi đầu, và tất cả mọi người đều đồng thanh cất tiếng ngâm thánh ngữ AUM như trước. Lại một lần nữa, những vách đá phản ảnh lại tiếng vang. Tiếng dội kéo dài cho đến khi chúng tôi đứng dậy, và tất cả đều giữ một lúc im lặng. Kế đó, người đệ tử cất tiếng hát:

-Chúng tôi sẽ từ giã các bạn. Chúng tôi gởi cho các bạn những lời chúc lành sâu đậm nhất, khi chúng tôi phải cách biệt với sự hiện diện khả ái của các bạn. Chúng tôi yêu cầu các bạn hãy dành cho chúng tôi cái danh dự được tiếp đón các bạn một lần nữa. Chúng tôi rất do dự phải chia tay với các bạn. Chúng tôi mong ước các bạn sẽ trở lại và có ngày sẽ tái ngộ với chúng tôi. Cầu xin cho các bạn hãy nhận được những ân huệ tốt đẹp của các đấng thiêng liêng.

Câu trả lời đến ngay dường như chỉ thốt ra bởi một

người:

-Các bạn thân mến, chúng ta không bao giờ cách biệt nhau dầu các bạn tưởng rằng không gian đào một vực thẳm giữa chúng ta. Không, không gian không thể nào chia rẽ chúng ta, vì Thượng Đế thấm nhuần tất cả không gian và nối liền các bạn với chúng tôi. Chúng tôi cũng không cảm thấy cần thốt ra lời từ giã các bạn, vì chúng tôi luôn luôn vẫn nhìn thấy các bạn ở trước mặt. Những sự di chuyển của các bạn không phải là những chuyến đi và đến. Các bạn luôn luôn vẫn ở đây. Biệt ly, thời gian, quên lãng, không hề có. Hiện tại là ở đây, và tương lai cũng là ở đây. Chúng ta có thể ở tại nơi đâu, nếu không phải là tất cả cùng ở nơi Thượng Đế?

Chúng tôi đã đi được một quãng đường dài khi những lời sau này vọng đến tai chúng tôi. Những bước chân dong ruổi trên đường lộ đưa chúng tôi đi xa, nhưng lòng chúng tôi vẫn còn ở Pora tat Sanga. Thật quả là không có sự biệt ly, và chúng tôi không hề cảm thấy rằng đã rời khỏi nơi thánh điện tôn nghiêm đó.

Trên đường về, người đệ tử đưa đường cho chúng tôi

vẫn luôn luôn cất tiếng hát vang và cười rất vui vẻ. Cũng như lần trước, giọng hát tiếng cười của y dường như giúp chúng tôi vượt qua dễ dàng tất cả những đoạn đường khó khăn gập ghềnh. Vào lúc hai giờ trưa, chúng tôi đi qua thị trấn Maha Muni, nhưng thay vì dừng chân tại đây để nghỉ ngơi, chúng tôi vẫn tiếp tục đi thêm mười sáu giờ đồng hồ, và vượt qua trên một trăm hai chục cây số. Tuy vậy, chúng tôi không hề cảm thấy mệt nhọc chút nào, và cuộc hành trình vẫn tiếp tục như thế cho đến bờ hồ Sansrawar.

Tại đây, người ta đưa chúng tôi đến nghỉ tại một ngôi đền rất mỹ lệ ở gần bên bờ hồ. Chúng tôi nghỉ ngơi suốt hai ngày trước khi tiếp tục lộ trình đi qua truông núi trên dãy Tuyết Sơn. Địa điểm này phong cảnh u nhã và có vẻ rất thần tiên. Hồ nước phẳng lặng và xanh biếc như viên ngọc nằm giữa một khung cảnh núi non hùng vĩ bao bọc chung quanh. Các loài chim ca hát líu lo trên các cây cổ thụ tỏa bóng mát quanh hồ. Nhiều vị Chân Sư cùng đi với chúng tôi cư ngụ tại đây.

Chúng tôi tiếp tục lộ trình đến Mouktinath cùng với đạo sĩ Santi. Chúng tôi thường nghe nói về sự cheo leo

hiểm trở của truông núi trên dãy Tuyết Sơn. Chuyến du hành kéo dài suốt nhiều ngày, nhưng chúng tôi đi đường một cách dễ dàng suông sẻ và đến Mouktinath đúng ngày giờ đã định. Tại đây, chúng tôi được sự tiếp đón nồng nhiệt của đức Tuệ Minh và nhiều vị siêu nhân khác. Những lời nói không thể nào diễn tả được sự vui mừng vô hạn của chúng tôi trong dịp tái ngộ này. Chúng tôi đã từng đi đến tận những vùng xa xôi cách trở, và đã được dành cho một sự tiếp đãi trọng hậu và khả ái nhất đời. Tuy nhiên, chính tại đây mà chúng tôi mới cảm thấy mình đã thật sự "trở về nhà".

HẾT